

Phương danh ấn tống
Kinh Niệm Phật Ba La Mật Giảng Giải tập 2

Thầy Thích Phước Nhơn (<i>Mỹ Quốc</i>)	500 USD
Diệu Tuyết (<i>Mỹ Quốc</i>)	300 USD
Diệu Giác (<i>Mỹ Quốc</i>)	200 USD
Diệu Ngộ (<i>Mỹ Quốc</i>)	500 USD
Nguyệt Đoan (<i>Mỹ Quốc</i>)	200 USD
Bác sĩ Phạm Phúc Nhân	500
Tâm Sở	900
Thanh Phạm	600
Ấn danh	400
Chúc Kinh và Như Đạt	600
Tâm Sở	900
Thanh Phạm	600
Thuận Lễ	50
Tâm Thể	100
Tín Chánh	50
Thị Đạt	100
Chân Hiền Đạo	25
Quảng Lộc	25
Chơn Thọ	50
Nhân Chí	50
Thiện Hỷ	50
Viên Hiền	50
Viên Hảo	50
Diệu Bạch	50
Tâm Tiên	50
Minh Quang & Diệu Huệ	100
Thúy Phượng và gia đình	1000
- Hồi hướng cầu siêu hương linh Thùy Hoàn Mai Thị Ngo	
Chúc Bảo Hiện	815
- Hồi hướng cầu siêu hương linh Quảng Thanh & Quảng Trân	
Gia đình Huỳnh Ngọc Diễm Thúy	500
- Hồi hướng cầu siêu hương linh Huỳnh Ngọc Ân	

KINH NIỆM PHẬT BA LA MẬT GIẢNG GIẢI TẬP 2

Phẩm Thứ Ba

NIỆM PHẬT CÔNG ĐỨC

Kinh văn:

Lúc bấy giờ, Ngài Phổ Hiền Bồ Tát liền nhập Nhất Thiết Phật Độ Thể Tánh Tam Muội, tất cả Bồ Tát và đại chúng đều thấy thân mình ở trong thân của Phổ Hiền Bồ Tát.

Phẩm này có tên là Niệm Phật Công Đức. Bốn chữ: "Niệm Phật Công Đức" ý nghĩa rất quan trọng. Thiết nghĩ, chúng ta cũng nên tìm hiểu sơ qua về danh đề của phẩm này. Trước hết, chúng ta nên tìm hiểu niệm Phật như thế nào mới có được công đức? Và công đức là gì? Sự khác biệt giữa công đức và phước đức ra sao? Có hiểu rõ hai chữ công đức thì chúng ta mới có thể hiểu được phẩm này. Như chúng ta đã biết, hai chữ "Niệm Phật" như kinh này nói, thì nó không mang ý nghĩa tầm thường là chỉ có miệng niệm Phật suông thôi. Nếu niệm Phật như thế thì làm sao được công đức? Muốn có được công đức tất nhiên, là chúng ta phải dùng tâm mà niệm. Nghĩa là phải thành tâm hết lòng chí thành tha thiết mà niệm. Chữ "**Niệm**" này nghĩa là không bị dính kẹt vào hai đầu: "quá khứ và tương lai". Chỉ có một niệm hiện tiền, nói cách khác chỉ có cái "**Biết**" hiện tiền, không có một niệm nào khác.

Còn nói về công đức, thì theo Kinh Pháp Bảo Đàn, đức Lục Tổ Huệ Năng có giải thích như sau:

"Công đức là ở trong pháp thân, không phải do tu phước mà được. Tổ lại nói: "Thấy tánh ấy là công, bình đẳng ấy là đức. Mỗi niệm không ngưng trệ, thường thấy bản tánh, chân thật diệu dụng gọi là công đức... Mỗi niệm không có gián đoạn ấy là công, tâm hành ngay thẳng ấy là đức..."

Tổ lại nói rõ sự khác biệt giữa công đức và phước đức: "*Công đức phải là nơi tự tánh mà thấy, không phải do bố thí cúng dường mà cầu được. Ấy là phước đức cùng với công đức khác nhau*". Như vậy công đức có ra là do hành giả niệm Phật tương tục, tức tịnh niệm nối liền và chỉ có một tâm thể vắng lặng sáng suốt hiện tiền đó mới thực là "Niệm Phật Công Đức".

Mở đầu của Phẩm này là nêu lên ngài Phổ Hiền Bồ tát nhập: "***Nhất Thiết Phật Độ Thể tánh Tam Muội***", nói gọn là nhập vào chánh định, bởi tất cả cõi Phật không ngoài bản tâm, khi tâm được chánh định rồi thì không có vật nào ngoài tâm cả. Vì thế nên nói: "***Tất cả Bồ tát và đại chúng đều thấy thân mình ở trong thân của Phổ Hiền Bồ Tát***". Đây là ý nghĩa: "**một là tất cả, mà tất cả là một**", theo lý "Tương tức, Tương nhập" của Kinh Hoa Nghiêm. Tương tức là cái này cũng chính là cái kia. mà cái kia thì đi vào trong cái này. Theo David Bohm, một nhà vật lý học hiện đại, khi nhìn các sự vật trong thế giới, chúng ta thấy mọi sự mọi vật tồn tại ngoài nhau; nhưng

Mục Lục

- Phẩm thứ ba: Niệm Phật Công Đức	1
- Phẩm thứ tư: Xưng Tán Danh Hiệu	45
- Phẩm thứ năm: Quán Thế Âm Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông	94
- Phẩm thứ sáu: Năng Lực Bất Tư Nghị Của Danh Hiệu Phật	137
- Phẩm thứ bảy: Khuyến Phát Niệm Phật Và Đọc tụng Chân Ngôn	260

Đây là đoạn văn kinh cuối cùng của Kinh Niệm Phật Ba La Mật. Đức Phật cho biết rằng, từ vô lượng vô số kiếp như vi trần, Đức Phật phân thân khắp tất cả quốc độ trong mười phương để giảng nói kinh này. Bất cứ nơi đâu, Đức Phật cũng đều khuyến phát chúng sinh nên siêng năng niệm Phật. Và những Đức Phật phân thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đều phóng đại quang minh nhiếp thọ và thủ hộ những chúng sinh niệm Phật, chưa hề rời bỏ bất cứ một chúng sinh nào.

Khi Phật giảng Kinh Niệm Phật Ba La Mật xong, thì các vị đại Bồ tát ở mười phương cùng các hàng Thanh Văn như các Ngài: Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp v.v... cùng Thiên long Bát bộ và tất cả đại chúng đều rất hoan hỷ vâng giữ phụng hành lời Phật dạy, và ân cần đánh lễ lui ra. Đây là thông lệ của tất cả những thời thuyết giảng kinh của Đức Phật. Khi thính chúng nghe giảng xong, tất cả đều hết lòng hoan hỷ phụng hành. Điều quan trọng là phải phụng hành. Có vâng giữ làm theo thì người nghe pháp mới có được lợi ích thiết thực. Bằng không, thì cũng chỉ nghe hoặc đọc tụng suông cho có lệ mà thôi.

Soạn xong ngày 3/10/ 2021

Nhằm ngày 27 tháng 8 năm Tân Sửu

Pháp Lạc Thất

Tỳ kheo Thích Phước Thái

nhìn kỹ thì chúng ta có thể đi vào một thế giới mà trong đó tất cả mọi cái nằm trong một cái.

"David Bohm (1917 - 1992) gọi thế giới mà trong đó sự vật tồn tại riêng rẽ **The explicate order**. Thế giới mà "cái một" chứa đựng tất cả những cái khác, David Bohm gọi là **The implicate order**. Đây là ngôn ngữ Hoa Nghiêm. Các nhà khoa học vật lý lượng tử khi đi sâu vào thế giới của những chất điểm (particles) đã buông bỏ được rất nhiều những ý niệm trong ngoài; tự tha. Chính các nhà bác học này đã nói: "Một nguyên tử được làm bằng những nguyên tử khác, một điện tử được làm tất cả điện tử khác". Khi học Phật chúng ta thấy rất rõ về yếu lý này. Trong ta có chứa đựng tất cả vạn hữu vũ trụ : trong tôi có anh, trong anh có tôi. Tôi không ngoài anh, anh cũng không ngoài tôi. "Cái này có vì cái kia có, cái này không vì cái kia không". Giáo lý duyên khởi khi phát triển đến độ cùng cực thì ta thấy trùng trùng duyên khởi: **"một là tất cả, tất cả là một"** (Duy Biểu Học - Thích Nhất Hạnh).

*Ta có mặt ta trong đám mây
Trái dài hoa lá khắp rừng cây
Nơi nào cũng có ta trong ấy
Cùng dựng mùa xuân để đắp xây*

*Tôi thấy hạt mưa rất thân quen
Hạt mưa không nói sự sang hèn
Sang hèn là tại ta phân biệt
Đã chết lâu rồi trong đảo điên*

*Không có thứ gì chẳng phải ta
Sống chết là hai mặt khác là
Ai còn làm nhận phân chia ấy
Thế giới điên cuồng khổ tại ta*

*Cực lạc đâu xa tại Ta bà
Có gì chẳng phải ở tâm ta
Muôn pháp thấy đều quy một chữ
Một là tất cả khắp hằng sa.*
(Thích Phước Thái)

Kinh văn:

Lại thấy rõ cõi nước Cực lạc vô lượng vô biên sự trang nghiêm, và tự nhiên thấy mình đang trụ trong cảnh giới vi diệu thù thắng ấy. Thấy Đức A Di Đà đang ngự trước mặt mình. Thân tướng của Đức A Di Đà cao lớn khôn cùng, hình dáng ngời sáng chói sắc vàng diêm phù đàn. Lòng trắng chạng giữa chân mày thì uyển chuyển xoay tròn về bên hữu, như năm ngọn núi Tu di. Đôi mắt trắng và xanh biếc như bốn biển lớn. Các lỗ chân lông nơi thân đều phóng hào quang sáng sạch, chiếu soi muôn nghìn cõi nước ở khắp mười phương. Mỗi mỗi hào quang thường che chở, và nhiếp thọ những chúng sinh niệm Phật.

Cái thấy của chúng sinh là cái thấy trong vòng nghiệp thức, vọng động, chướng ngại sai biệt. Bởi do sống trong vọng tưởng điên đảo, nên mới thấy mọi vật đều không đúng tự thể của nó. Đó là cái thấy của Tỷ lượng (lượng là cái biết do so sánh vật này với vật kia, so sánh thì không

quý kính và hết lòng tùy hỷ tán dương. Tuyệt đối không được khởi tâm đố kỵ ganh tỵ tìm cách nói xấu chê bai phôi bày lỗi lầm của người đó. Đó là điều tối kỵ của người niệm Phật nói riêng và người tu hành nói chung.

Kinh văn:

Này đại chúng, nên biết rằng, vô lượng vô biên muôn ức na do tha vi trần số Hóa thân và Ta khắp tất cả quốc độ trong mười phương, cũng đều giảng nói Kinh Niệm Phật Ba La Mật, cũng đều khuyến phát chúng sinh siêng năng niệm Phật. Tất cả chư Phật phân thân của Ta luôn luôn phóng đại quang minh nhiếp thọ và thủ hộ những chúng sinh niệm Phật, không bỏ rời.

Lúc Phật dạy kinh này xong rồi, chư vị đại Bồ tát ở mười phương, chư vị Trưởng lão Thanh văn, như các Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp ... cùng các trời, rồng, dạ xoa, nhân, phi nhân... tất cả đại chúng đều rất hoan hỷ, thọ trì lời Phật dạy, ân cần đánh lễ mà lui ra.

Phật thuyết Niệm Phật Ba La Mật Kinh

Phật lịch 2540

DÒNG PHÁP LIÊN HOA

Này đại chúng, nếu các người thấy người nào thọ trì kinh này, và thường xuyên niệm Phật, thì phải khởi lòng tôn trọng y như kính ngưỡng chư Phật vậy. Chớ nên móng tâm ngăn trở người thọ trì kinh này, chằng được phôi bày lỗi lầm, sai trái của người niệm Phật.

Phật bảo nếu có người nào tin nhận, ghi nhớ rõ ràng nghĩa thú của kinh này rồi nương theo đó mà xưng niệm danh hiệu Phật. Ta cần chú ý hai chữ "TIN NHẬN". Tin ở đây là phải tin sâu vào danh hiệu Phật. Niềm tin này không gì có thể làm lay chuyển được. Dù có phải bỏ thân mạng cũng phải cương quyết giữ vững niềm tin không hề thay đổi. Đó mới thật là tin sâu. Niềm tin này có lập trường vững chắc. Chớ không phải nghe đâu tin đó, tin đùa, tin đại, tin dại, tin càng. Tin là một chuyện nhưng cần phải nhận rõ. Nhận rõ ở nơi nhân quả. Nhân là niệm Phật, quả là thành Phật. Có nhận rõ thì niềm tin mới vững chắc. Nhận là bổ túc cho đức tin của ta ngày càng thâm sâu vững chắc hơn. Sau khi tin nhận và ghi nhớ nghĩa thú của kinh này rõ ràng rồi, thì không còn gì phải e ngại nghi ngờ nữa. Chỉ một bề niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật thôi, không nghĩ tưởng bất cứ điều gì khác. Được vậy, thì hành giả sẽ được Đức Phật thọ ký, hiển phát năng lực của tánh không và tỏ ngộ tri kiến Phật. Đó là hành giả đã bước thẳng vào cảnh giới tự chứng Thánh Trí vậy. Điều này chỉ có người tự chứng tự biết thôi. Khác nào như người uống nước lạnh nóng thì tự mình biết đó thôi.

Tự mình đã được như thế, khi thấy người khác thọ trì kinh này và thường xuyên niệm Phật, thì mình nên tôn trọng

thật) và phi lượng (cái biết rất sai lầm không đúng với thực tại). Từ đó, sinh ra bao nhiêu thứ tranh chấp thị phi nhân ngã bỉ thử. Đó là cái thấy phát xuất từ cội gốc vô minh. Ngược lại, cái thấy của người đạt ngộ chân lý thì có khác. Cái thấy vượt ngoài đôi đũa vọng chấp nhị nguyên. Cái thấy bằng con mắt tuệ giác không bị hạn cuộc vào cảnh giới hạn hẹp. Bởi pháp giới là "Nhứt Chơn", là "Bất Nhị". Chánh báo và y báo trang nghiêm ở cõi Cực lạc cũng không ngoài bản tâm thanh tịnh sáng suốt của chúng ta. Khi tâm ta thanh tịnh thì cảnh giới Cực lạc hiện tiền. Đây là nói lên cái Lý Tịnh độ siêu việt vậy. Nói siêu việt nhưng không có gì là siêu việt cả. Vì: "*Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh, dục tịnh Phật độ, tiên tịnh kỳ tâm*" (Kinh Duy Ma Cát). Lý Tịnh độ rõ ràng là như thế. Thế thì hành giả Tịnh độ còn gì phải nghi ngờ! Ta nên nhớ cái thấy mà kinh nói ở đây, tất nhiên là không phải cái thấy bằng con mắt thịt của phàm phu, mà cái thấy bằng chánh tâm an định. "***Trụ trong cảnh giới vi diệu thù thắng***" cũng có nghĩa là an trụ trong cảnh giới bất khả tư nghì giải thoát.

Về thân tướng của đức Phật A Di Đà, thì Đức Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni, đã từng giới thiệu trong các kinh: A Di Đà, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ. Đoạn kinh văn trên đã diễn tả rất tỉ mỉ về sắc tướng quang minh của Đức Phật A Di Đà. Nói chung, thân tướng của Đức Phật có tám muôn bốn nghìn tướng tốt, mỗi tướng có tám muôn bốn nghìn tùy hình hảo. Mỗi hình hảo có tám muôn bốn nghìn tia sáng. Mỗi tia sáng chiếu khắp thập phương thế giới, nhiếp hóa tất cả chúng sinh.

Kinh văn:

Lại thấy toàn cõi Cực lạc hiện ra trong thân mình, mặt đất bằng lưu ly trong suốt, rạng rỡ. Bảo thọ, bảo đài, liên trì, bảo lâu, bảo tòa... mỗi mỗi nghiêm sức bằng vàng, bạc lưu ly, pha lê, xa cừ, trân châu, mã não.

Đoạn văn kinh trên diễn tả về chánh báo mà biểu trưng là thân tướng tuyệt mỹ của đức Phật A Di Đà. Tiếp theo đoạn văn kinh này là diễn tả phần y báo đẹp đẽ trang nghiêm. Tiêu biểu cho phần y báo này đại khái nêu ra gồm có:

Bảo địa (đất báu): Ở cõi Cực lạc, đất toàn bằng lưu ly (thuộc loại ngọc xanh) trong suốt sáng ngời. Ngược lại, đất ở cõi này, thì như ướ, đủ loại: đất sét, đất phèn, đất chay, đất đỏ, đất cát, đất nẻ v.v...

Bảo thọ (cây báu): cây tự nhiên không do ai trồng. Có nhiều loại cây tên gọi khác nhau. Tất cả đều ngay hàng thẳng lối. Cây chiên đàn hương, cây kiết tường quả v.v... nhánh lá bông trái đều đặn chỉnh tề. Thân lá bông trái đều kết tụ bằng thất bảo.

Bảo đài (đài báu): cũng giống như bảo tòa, nhưng đặc biệt là cao hơn bảo tòa.

Liên trì (ao sen báu): đáy ao và chung quanh ao, đều kết hợp bằng bảy thứ báu tạo thành, tượng trưng cho thất thánh tài (thất thánh tài gồm có: Tín, tấn, giới, tâm quý, văn, xả, định huệ). Dưới đáy ao toàn bằng cát vàng, khác hẳn với ao ở cõi trần toàn là bùn lầy như ướ. Ao sâu và rất

chắc thật, chẳng kinh nghi thì các người phải biết người ấy ở trong vô lượng vô biên bất khả tư nghị kiếp lâu xa từng dùng mãnh phát Bồ đề tâm, tu Bồ tát hạnh, không mỗi nhọc, và nơi chư Phật từng gieo trồng Giải Thoát Đức, Bát Nhã Đức, Pháp Thân Đức chẳng thể tính đếm thí dụ được.

Đoạn kinh văn trên, Đức Phật nhấn mạnh về việc đọc tụng, suy gẫm, biên chép kinh này. Đến đoạn này, Đức Phật lại đề cập đến vấn đề chỉ thoáng nghe qua kinh này thôi, rồi phát khởi lòng tin vững chắc, không có niệm nghi ngờ, thì phải biết người đó đã từng phát tâm Bồ đề và cũng đã từng thật hành hạnh Bồ tát trong vô số kiếp lâu xa về trước rồi. Nên nay mới có được đầy đủ căn lành phước duyên như thế. Đồng thời, ở nơi chư Phật cũng đã gieo trồng ba đức lớn: Giải thoát, Bát nhã và Pháp thân. Nhờ có trí tuệ tu hành mới được giải thoát và chúng nhập được pháp thân thường trụ.

Kinh văn:

Này đại chúng! nơi thời kỳ Chính pháp cuối cùng, hoặc về sau nữa, nếu có người nào tin nhận, ghi nhớ rõ ràng nghĩa thú của Kinh Niệm Phật Ba La Mật này, rồi nương theo đó mà xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Dẫu một niệm, hai niệm, cho tới mười niệm hoặc nhiều lần của mười niệm thì các người phải biết người ấy chắc chắn được Phật thọ ký, hiển phát năng lực của tánh không, tỏ ngộ tri kiến Như lai, và bước thẳng vào cảnh giới Thánh Trí tự chứng.

các người phải biết người ấy trong vô lượng vô biên bất khả tư nghị kiếp lâu xa đã từng gặp gỡ, thân cận, cúng dường tôn trọng chư Phật. Người ấy vốn thật sự từ Bát Nhã Trí sinh ra, đời đời thực hành giáo pháp Như Lai vô tận tạng.

Qua lời Phật dạy đây, ta lại càng cảm thấy phần khởi thích thú hơn nữa. Vì sao? Vì ta đã có được chút ít căn lành phước báo nên hôm nay mới được trì tụng, học hỏi, suy gẫm kinh này. Phật nói rằng, nếu người nào đã có được những điều kiện vừa nói trên, thì phải biết người đó trong vô lượng kiếp lâu xa không thể nghĩ bàn, đã từng gặp gỡ, thân cận, cúng dường tôn trọng chư Phật. Nghe Phật nói lên điều này, hẳn chúng ta cảm thấy tự an ủi ấm áp cõi lòng, vì tự biết mình trong quá khứ trải qua nhiều đời kiếp lâu xa, ít ra mình cũng đã từng gieo căn lành phước đức nhân duyên gần gũi cúng dường chư Phật. Nhất là mình cũng đã từng có nhân duyên học hỏi kinh này, và cũng có nhân duyên với pháp môn Tịnh Độ - niệm Phật. Phật nói thêm, người ấy vốn thật sự từ Bát Nhã Trí sinh ra, đời đời thực hành giáo pháp Như Lai vô tận tạng. Vì có trí tuệ bát nhã nên mới thấy được vạn pháp giai không, duyên sinh như huyễn. Do đó, mà đời đời thực hành giáo pháp Như Lai vô tận tạng. Như Lai vô tận tạng, là chỉ cho pháp thân thường trụ mà tất cả chúng sinh đều sẵn có.

Kinh văn:

Này đại chúng, nơi thời kỳ Chính pháp cuối cùng, hoặc về sau nữa, nếu có người nào thoáng nghe qua Kinh Niệm Phật Ba La Mật này, mà phát khởi tín tâm

rộng. Nước thì có 8 thứ công đức (bát công đức thủy): 1. vắng lặng. 2. mát mẻ. 3. ngon ngọt. 4. nhẹ nhàng. 5. bóng lộng. 6. ôn hòa. 7. uống vào khỏi đói. 8. uống vào nuôi lớn các thiện căn. Nước trong ao khi uống vào mát mẻ và khỏe khoắn lạ thường. Nước thuần một vị trong mát, không có mặn lạt hay nhơ bẩn như nước cõi này.

Bảo lâu (lâu báu): các tòa lâu đài cũng do các thứ báu tạo thành. Những cung điện có rất nhiều tầng. Dĩ nhiên là sang trọng cao quý hơn ở cõi này nhiều. So với những cung điện, lâu các của các cõi trời ở Dục giới, thì lâu đài cung điện ở cõi Cực lạc sang trọng đẹp đẽ hơn nhiều. Ngược lại, ở cõi này cũng có các thứ lâu đài, cung điện nhiều tầng, nhưng tất cả đều do nhơn tạo. Những vật liệu xây dựng, trang trí, không phải là các thứ báu, mà toàn là những thứ ô uế.

Bảo tòa (tòa báu): màu sắc rực rỡ đẹp lạ thường. Màu nào phát ra ánh sáng màu nấy. Phật, Bồ tát và các người dân ở cõi Cực lạc đều ngồi trên tòa sen báu cả. Tòa sen có nhiều cỡ loại lớn, nhỏ, cao, thấp khác nhau. Sự khác biệt này, tất cả đều do công đức niệm Phật tu hành sâu cạn của người ở cõi này mà có những tòa sen khác nhau. Ngược lại, cõi này cũng có các thứ tòa ngồi, nhưng không phải bằng sen báu mà là những loại gỗ, nệm v.v...

Tất cả đều nghiêm sức bằng bảy thứ báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, trân châu và mã não.

Kinh văn:

Chư thượng thiện nhân đều do hoa sen hóa sinh, ai nấy đầy đủ ba mươi hai tướng hảo, thọ dụng y thực tự nhiên thuần pháp hỷ thực và thiền duyệt thực. Tất cả đều ngồi trên tòa báu lắng nghe Đức Phật cùng Bồ tát thuyết pháp. Những sự việc trang nghiêm bất khả tư nghị như vậy, dầu đến ức kiếp kể cũng không cùng tận.

Hiện thân lực như thế rồi, ngài Phổ Hiền bèn ra khỏi Nhất Thiết Phật Độ Thể Tánh Tam Muội, làm cho đại chúng trở lại như cũ.

Phần trên là diễn tả về quốc độ tức y báo trang nghiêm. Đến đây là nói về đời sống của người dân ở cõi Cực lạc, tức nói về phần chánh báo. Đoạn kinh văn trên, đọc qua ta thấy rất là thích thú hỷ lạc vô cùng.

Trước tiên, là nói về những người sinh ở cõi Cực lạc. Những người này được gọi là các bậc thượng thiện nhân. Thiện nhân là người lành, người tốt, là những người có những đức tánh hiền hòa cao đức tốt đẹp thật dễ thương mến. Dĩ nhiên là hoàn toàn khác hơn người ở cõi Ta bà uế trước này. Người ở cõi này đại đa số là tánh tình hung dữ, độc ác hay gây ra nhiều cảnh bạo động sát hại lẫn nhau. Còn người ở cõi Cực lạc thì hòa ái nhân hậu, họ yêu thương giúp nhau mau thẳng tiến trên bước đường tu tập. Tất cả đều là những bậc thiện hữu tri thức. Hoàn toàn không có ác tri thức như ở cõi này.

người niệm Phật, khiến những kẻ chống trái và các ác ma không thể làm nhiều loạn bức hại được.

Đoạn văn kinh này, như là lời cảnh báo của Đức Phật. Phật bảo rằng: "*Trong thời đại mạt pháp, các kinh điển Đại thừa đều diệt tận*". Tuy nhiên, Đức Phật không nói rõ ở thời điểm nào của thời mạt pháp. Đây là điều thật đáng lo ngại cho người tu học Phật. Nhất là đối với các hành giả Đại thừa. Đức Phật lại nói thêm: "*Nơi cõi Nam Diêm Phù Đề này chỉ có kinh này tồn tại, Đức Phật A Di Đà cùng Ta, đều rộng mở đại từ bi mà lưu trụ kinh này thêm mười năm nữa*". Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Đức Phật nói, sau khi các kinh Đại thừa bị diệt tận; Đức Phật lưu lại Kinh Vô Lượng Thọ một trăm năm. Khi giảng kinh này, Đức Phật lại nói lưu lại kinh này tăng thêm mười năm. Phật nói rất rõ, hai vị Đại Bồ Tát Quán Thế Âm và Phổ Hiền đồng phát nguyện thủ hộ kinh này và che chở những người niệm Phật, khiến những kẻ chống trái và các ác ma không thể làm nhiều loạn bức hại được. Điều Phật nói đây làm cho chúng ta lại càng phấn khởi thêm và gây cho chúng ta có một niềm tin vững chắc hơn trong khi hành trì niệm Phật.

Kinh văn:

Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn nhìn chúng hội đạo tràng, mà bảo rằng:

Này đại chúng, nơi thời kỳ Chính pháp cuối cùng, hoặc về sau nữa, nếu có người nào thọ trì, đọc tụng, suy gẫm, biên chép Kinh Niệm Phật Ba La Mật này thì

có tên là NIỆM PHẬT BÁT NHÃ TAM MUỘI KINH.
Các người y theo đó mà thọ trì.

Do lời thưa hỏi của Trưởng giả Diệu Nguyệt, mà Đức Phật đã nói rõ tên Kinh gồm có những tên gọi như trên. **Niệm Phật Ba La Mật** mang ý nghĩa cao thượng là "**Niệm Phật thành Phật**". Đây là lời xác quyết không có gì phải nghi ngờ. Đó là tên Kinh thứ nhất. Tên Kinh thứ hai, **Xưng Tán Hồng Danh Công Đức Kinh**, tức kinh xưng tán công đức hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật mà hai vị Đại Bồ Tát Phổ Hiền và Quán Thế Âm đã trình bày rất rõ. Thứ ba, tên là **Kinh Niệm Phật Bát Nhã Tam Muội**, Bát nhã được dịch là trí tuệ hoặc là chơn trí diệu tuệ và tam muội là chánh định. Người tu Phật muốn đạt được quả vị Phật, tất nhiên là phải đầy đủ Định và Huệ. Chư Tổ Liên Tông thường thức nhắc chúng ta rằng, thời mạt pháp chỉ có pháp môn Niệm Phật mới có thể giúp cho người tu niệm Phật chóng được thành Phật. Vì thế mà tên kinh này đầu tiên, Đức Phật đặt cho cái tên Niệm Phật Ba La Mật. Nói đúng hơn, tên nào của kinh này cũng nhằm giúp cho hành giả Tịnh Độ niệm Phật chóng mau thành Phật cả.

Kinh văn:

Này Diệu Nguyệt, trong thời mạt pháp, các kinh điển Đại thừa đều diệt tận. Nơi cõi Nam Diêm Phù Đề này chỉ có kinh này tồn tại, Đức Phật A Di Đà cùng Ta, đều rộng mở đại từ bi mà lưu trụ kinh này thêm mười năm nữa. Hai vị đại Bồ Tát Quán Thế Âm và Phổ Hiền đồng phát nguyện thủ hộ kinh này, và che chở những

Họ sinh ra là do từ hoa sen hóa sinh. Hoàn toàn khác hơn người sinh ra ở cõi này. Người ở cõi này sinh ra từ bào thai của mẹ. Do đó, mà cái chủng nhân đầu tiên đã là bất tịnh rồi. Thân người ở cõi Cực lạc gọi là thân kim cang bất hoại. Do đó, nên họ không có cái cảnh già, bệnh, chết. Người nào cũng có đầy đủ 32 tướng tốt giống hệt nhau. Do vậy, nên không có ai phân bì đẹp xấu để rồi đố kỵ ganh ghét hại nhau. Thậm chí họ còn tạt acit để hủy hoại thân thể người khác. Vì ai cũng có đầy đủ thân hình tốt đẹp đoan nghiêm, nên không cần phải đi sửa sắc đẹp như ở cõi này. Cõi đó làm gì có thẩm mỹ viện và lại càng không có các tiệm nails.

Người sinh về Cực lạc là do thần thức gá vào hoa sen thành thai, nên gọi là thai sen hay liên hoa hóa sinh. Lấy hoa sen làm cha mẹ. (cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu). Khác hơn cõi này, thân người có ra là do nam nữ giao hợp và thần thức gá vào, đủ duyên kết hợp lại tạo thành thai bào, rồi đủ ngày tháng sinh ra. Nên gọi nam nữ là cha mẹ. Người sinh ra ở cõi Ta bà là do nghiệp lực từ trong quá khứ dẫn họ thọ sinh. Có nghĩa là tùy theo nghiệp báo xấu tốt, lành dữ mà sinh ra. Tô Quy Sơn nói: "*Phù nghiệp hệ thọ thân vị miễn hình lụy, bảm phụ mẫu chi di thể giả chúng duyên nhi cộng thành*". Nghĩa là, do nghiệp trôi buộc đời trước lôi cuốn, nên chúng ta phải thọ nhận cái thân này. Khi đã thọ nhận cái thân này rồi, thì không sao tránh khỏi những điều hệ lụy khổ đau. Nhờ có tinh cha và huyết mẹ cùng các duyên chung hợp lại tạo thành, gọi là bào thai. Cùng với ý này, Lão Tử cũng nói: "*Ngô hữu đại hoạn vị ngô hữu thân, ngô nhược vô thân hà hoạn chi*

hữu?". Sở dĩ ta có hoạn họa lớn là vì ta có thân này, nếu như không có thân này thì những sự hoạn họa khổ đau làm gì mà có? Vì có thân nên phải chịu biết bao nỗi thống khổ đau đớn dồn dập xảy đến. Nỗi thống khổ của con người thật không có bút mực nào tả hết.

Đến vấn đề thọ dụng y thực cũng khác hơn cõi này rất nhiều. Ở cõi này chung quy lại cũng chỉ vì cơm áo gạo tiền. Đầu tắt mắt tối, quanh đi quẩn lại, từ sáng tới tối, từ sinh đến chết, tất cả ai ai cũng chỉ lo ba vấn đề hệ trọng: "ăn, mặc, ở". Ăn ngon, mặc đẹp, ở sang, đó là những điều mà ai cũng ham muốn. Ngược lại, ở cõi Cực lạc thì ăn mặc tùy ý thích. Tất nhiên là không phải khổ cực như ở cõi này rồi. Mọi cảnh vật ở cõi Cực lạc do tự nhiên mà thành, tuyệt đối không do ai tạo tác. Ăn mặc hưởng dụng tự nhiên, muốn như thế nào thì hiện ra như thế nấy. Về thức ăn họ không có những nhu cầu đòi hỏi phải tiêu thụ vật chất như ở cõi này. Họ chỉ có hai loại thức ăn cơ bản là "Thiền duyệt thực" (ăn vui vẻ trong lúc thiền định) và "Pháp hỷ thực" (ăn trong lúc hỷ lạc nghe pháp). Ở cõi này cũng có nhiều loại thực phẩm. Ngoài đoàn thực ra, còn có xúc thực (ăn qua sự tiếp xúc của các giác quan) tư niệm thực (ăn qua cách suy nghĩ) thức thực (là ăn qua của 8 thức phân biệt v.v...)

Đến nghe pháp, **tất cả đều ngồi trên tòa báu và lắng nghe Đức Phật cùng Bồ tát thuyết pháp**. Ở đây, diễn tả chỗ ngồi nghe pháp chỉ có một loại là tòa báu mà thôi. Ta nên chú ý đến hai chữ "**Lắng nghe**". Nghe thì dễ mà lắng nghe thì thật không phải dễ. Hai chữ lắng nghe trong chữ

Nguyện đem hồi hướng khắp chúng sinh Mong cầu hết thảy cùng niệm Phật

Hồng danh là danh hiệu Phật rộng lớn hiển phát khắp cả hư không, ngay nơi danh hiệu Phật rộng khắp này mà trực nhập vào tánh Viên Giác. Hôm nay đây con (Diệu Nguyệt) trân kính hết lòng xưng tán đấng Đại Đạo Sư. Đại Đạo Sư là chỉ cho Đức Phật. Vì Đức Phật như là một ông Thầy dẫn dắt chỉ đường cho chúng sinh hiểu rõ đường đi nước bước. Nếu chúng sinh nào đi đúng hướng theo sự chỉ dẫn của ông Thầy chỉ đường này, thì chúng sinh đó nhất định sẽ đạt được mục đích nhắm tới. Bằng đi sai đường lạc lối theo sự chỉ dẫn, thì đó là lỗi của người đi đường, chớ không phải lỗi của người hướng dẫn chỉ đường. Bồ tát Diệu Nguyệt khen ngợi hồng danh Phật có một năng lực và uy lực phi thường không thể suy lường được. Vì thế nên ngài nguyện đem công đức này hồi hướng khắp chúng sinh và đồng thời ngài cũng mong cầu hết thảy chúng sinh cùng nhau chí thành niệm Phật.

Lúc bấy giờ, Trưởng giả Diệu Nguyệt ở trước Đức Thế Tôn, đọc bài kệ khen ngợi Phật, rồi thành khẩn thưa hỏi như thế này:

Kính bạch Đức Thế Tôn Toàn Giác, Toàn Trí, kinh này tên gọi là gì? Chúng con phải thọ trì như thế nào?

Phật bảo ông Diệu Nguyệt trưởng giả rằng:

Kinh này gọi là NIỆM PHẬT BA LA MẬT, còn gọi là XUNG TÁN HỒNG DANH CÔNG ĐỨC KINH, cũng

***Niệm Phật an trụ nơi bản giác
Tùy nghi hòa hợp với tánh không
Nhân đây Bồ tát sơ phát tâm
Trang nghiêm tự thân bằng niệm Phật.***

Như đã nói, niệm Phật chính là niệm giác mà niệm giác thì an trụ nơi bản giác. Khi đã an trụ nơi bản giác rồi, thì tùy duyên hóa độ chúng sinh mà không rời tánh không. Sơ Tô Trúc Lâm có nói:

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền

Tạm dịch:

Ở đời vui đạo cứ tùy duyên
Đối đến thì ăn mệt ngủ liền
Trong nhà của báu thôi tìm kiếm
Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền

Bồ tát sơ phát tâm nhân đây mà được trang nghiêm tự thân bằng niệm Phật. Nói cách khác là Bồ tát hằng niệm Phật thì đã tự trang nghiêm thân tâm mình rồi.

***Hồng danh hiển phát Hư Không Tạng
Tức thời thẳng vào Viên Giác tánh
Con nay xưng tán Đại Đạo Sư
Khen ngợi hồng danh vô lượng lực***

Tàu gọi là "đề thính". Đề thính là phải lắng nghe một cách sâu xa vững chắc chân thật. Chữ đề là chắc thật. Lắng là một trạng thái của nội tâm thật yên lặng. Nghĩa là không có một cái bọt phiền não nào dấy khởi cả. Có lắng lòng như vậy, thì mới có thể dễ thu thập thời pháp thoại. Còn nghe pháp mà trong tâm loạn động suy nghĩ tính toán lung tung thì chỉ lãng phí thời gian vô ích, chẳng thu thập được gì. Cho nên, khi nghe pháp hay tụng niệm v.v... ta cần phải tập trung tâm ý vào những lời pháp thoại mà ta đang nghe, hoặc là ta đang tụng niệm ... Điều quan trọng hơn cả là được nghe từ kim khẩu của Đức Phật nói ra và bên cạnh đó cũng được nghe các vị đại Bồ tát thuyết pháp. Bồ tát Quán Thế Âm và Bồ tát Đại Thế Chí là hai vị được coi như là trợ tuyên giáo hóa của Đức Phật A Di Đà.

Kết lại, Phật nói: "***Những sự việc trang nghiêm bất khả tư nghị*** (không thể nghĩ bàn) ***như vậy, dẫn đến ức kiếp kể cũng không cùng tận***".

Kinh văn:

Hiện thân lực như thế rồi, ngài Phổ Hiền bèn ra khỏi Nhất Thiết Phật Độ Thế Tánh Tam Muội, làm cho đại chúng trở lại như cũ.

Bấy giờ đại chúng được thấy sự chưa từng có, cho là rất đặc biệt lạ lùng, ngồi yên lặng nhất tâm chiêm ngưỡng. Lúc ấy, quốc mẫu Vi Đề Hy hoàng Thái Hậu chấp tay bạch rằng: Thưa Đại Sĩ, nay Tam muội này thật vô cùng hy hữu, có uy lực lớn, có công năng bất tư nghị, vậy tên gọi của Tam muội ấy là gì?

Câu nói: "**Hiện thân lực như thể rồi, ngài Phổ Hiền bèn ra khỏi Nhất Thiết Phật Độ Thể Tánh Tam Muội, làm cho đại chúng trở lại như cũ**". Như vậy, từ trước tới đây là đại chúng đều nương nơi thân lực của Bồ tát Phổ Hiền mà thấy những sự việc hy hữu nêu trên. Đến đây, Bồ Tát Phổ Hiền không còn ở trong chánh định: "Nhất Thiết Phật Độ Thể Tánh" (thể tánh của tất cả cõi Phật). Chữ Tam muội có nghĩa là "Chánh thọ hay Chánh định". Chánh thọ có nghĩa là không thọ tất cả pháp. Sau khi Bồ tát xuất định, thì tất cả đại chúng trở lại như cũ. Nghĩa là đại chúng không còn thấy những cảnh giới hiện bày như trước.

Khi trở lại như cũ rồi, đại chúng cảm thấy một sự lạ lùng mà từ trước tới giờ mình chưa từng thấy. Đại chúng cho đó là một điều lành rất đặc biệt. Tất cả đều ngồi yên lặng để chiêm ngưỡng những điều hy hữu đó. Bấy giờ bà hoàng thái hậu Vi Đề Hy mới chấp tay thành kính bạch rằng:

Thưa Đại Sĩ, nay Tam muội này thật vô cùng hy hữu, có uy lực lớn, có công năng bất tư nghị, vậy tên gọi của Tam muội ấy là gì?

Đại sĩ là chỉ cho Bồ tát Phổ Hiền. Sau khi chứng kiến những sự việc xảy ra như thế, bà cảm thấy trên đời này thật hiếm có một thứ Tam muội nào mà có đủ cái uy lực lớn lao như vậy. Cho nên bà muốn biết tên gọi của Tam muội này là gì? Để đáp lại điều thắc mắc thưa hỏi của bà, Bồ tát Phổ Hiền nói:

thành niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, thì hành giả đó khi lâm chung sẽ được vãng sanh về cõi Cực lạc và an nhiên chứng đắc Vô Sinh Nhẫn. Nói đủ là vô sinh pháp nhẫn nghĩa là an trụ ở nơi pháp vô sinh bất diệt.

**Nhân đây Bồ Tát sơ phát tâm
Gìn giữ thân tâm bằng Phật hiệu
Hồng danh tử ngộ Chân như tánh
Dẫn dắt chúng sinh vào tam muội.**

Bồ Tát sơ phát tâm nào hằng gìn giữ Phật hiệu không rời thân tâm, thì chắc chắn vị đó sẽ tử ngộ được thể tánh chân như. Nhờ nương vào hồng danh niệm Phật tương tục không gián đoạn nên mới được tử ngộ như thế. Sau khi đã được tử ngộ rồi thì dẫn dắt chỉ dạy chúng sinh an trụ vào chánh định.

**Đức Phật Như Lai đấng Bất Động
Chẳng đến, chẳng đi chẳng đoạn thường
Xa lìa chấp hữu hoặc chấp vô
Tự tại chỉ bày phương tiện lực.**

Bốn câu kệ này Bồ tát Diệu Nguyệt chỉ rõ thể Chơn như diệu tánh. Đức Phật Như Lai đấng Bất Động, đây là chỉ cho pháp thân Phật. Vì pháp thân nên không có những tướng trạng đến, đi hay đoạn, thường. Đoạn thường đây là chỉ cho hai lối chấp Thường kiến và Đoạn kiến của ngoại đạo. Vì xa lìa chấp có hoặc chấp không, nên mới được tự tại thông dong chỉ bày phương tiện giáo hóa chúng sinh mà không bị mắc kẹt vào pháp nào cả.

được lợi lạc rất nhiều. Nói chi đến đạt được tự tánh và hằng sống với tự tánh thì sự lợi lạc không còn gì nữa phải nói.

Hai câu kệ là Trương giả Diệu Nguyệt ca ngợi Đức Phật là đấng Vô Thượng và tri kiến giác ngộ thấy đều quang minh. Đức Phật là đấng toàn giác và sự thị hiện ra đời của Ngài là cốt để khai thị chỉ bày tri kiến Phật cho tất cả chúng sinh. Chính vì thế nên gọi Ngài là đấng Vô Thượng. Vô Thượng nghĩa là không có ai trên Ngài nhưng lại bằng Ngài. Nếu chúng sinh y theo lời dạy của Ngài mà tu hành đúng theo chơn lý thì cũng sẽ đạt thành quả vị Vô Thượng Bồ Đề như Ngài.

***Rắc rắc tuệ nhật khắp mười phương
Rưới trận mưa pháp như Cam lộ
Niệm Phật vắng sinh cõi Cực lạc
An nhiên chứng đắc Vô Sinh Nhân.***

Tuệ nhật là mặt trời trí tuệ của Phật chiếu khắp cả mười phương và mưa pháp Cam lộ cho tất cả chúng sinh được thừa hưởng. Trong Kinh Pháp Hoa ở Phẩm Dược Thảo Dụ Thứ Năm, Phật nói, giáo pháp của Ngài giống như một trận mưa lớn thấm nhuần các loại cỏ cây. Tùy theo cỏ cây lớn nhỏ mà có sự hấp thụ khác nhau. Cỏ cây là dụ cho căn tánh chủng loại của mỗi chúng sinh. Mưa lớn là dụ cho giáo pháp của Phật chỉ có một. Đó là pháp giải thoát. Giáo pháp như là những giọt nước cam lộ ngọt ngào mát dịu làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh. Trương giả Diệu Nguyệt lại xác quyết rằng, nếu hành giả Tịnh độ nào nhất tâm chí

Kinh văn:

"Tam muội này gọi là "Nhất Thiết Phật Độ Thể Tánh" còn gọi là Niệm Phật Tam muội. Do công đức xung niệm danh hiệu Phật tạo thành, hoặc là kết quả tự nhiên của mười tâm thù thắng".

Qua sự trả lời của Bồ tát Phổ Hiền có những điểm khá quan trọng mà chúng ta cần chú ý. Bồ tát trả lời tên của Tam muội này là: Nhất Thiết Phật Độ Thể Tánh hay còn gọi là Niệm Phật Tam muội. Thế nào gọi là Niệm Phật Tam muội? "*Người niệm Phật khi đi đến chỗ tuyệt đỉnh tận cùng duy có một định thể gọi là Niệm Phật Tam muội. Đây là cảnh hư linh sáng lặng, vọng giác tiêu tan, hành giả duy còn trụ tâm nơi tướng hảo hoặc hồng danh của Phật. Nhưng tuy nói trụ mà thật ra vô trụ. Vì âm thanh sắc tướng đương thể như huyễn, chính đó là không. Tướng Tam muội ấy như thế nào? Theo Liễu Dư Đại sư thì khi hành giả chuyên nhất niệm Phật, quên hết thân tâm ngoại cảnh, tuyệt cả thời gian không gian. Đến lúc sức cực công thuần, ngay nơi đương niệm tràn vọng bỗng thoát tiêu tan, tâm thể bừng sáng, chứng vào cảnh giới vô niệm vô bất niệm".* Phải thành thật mà nói, đối với hành giả niệm Phật thời nay, khó mà đạt được Niệm Phật Tam muội lắm. Tuy nhiên, nếu hành giả nào quyết tâm chuyên cần niệm Phật, niệm một cách tương tục miên mật, gọi là lão thật niệm Phật, thì lâu ngày cũng có thể đạt được nhất tâm bất loạn. Được thế, cũng nhờ công đức xung niệm danh hiệu Phật tạo thành. Hoặc là kết quả của mười tâm thù thắng. Nếu hành giả nào kiên trì áp dụng mười tâm thù thắng như phẩm trước đã nói. Từ Tín Tâm cho đến

Phổ Hiền Tâm, đó là mười Tâm vi diệu thù thắng (xin xem lại 10 tâm ở trong Phẩm Thứ Hai của kinh này).

Kinh văn:

Này Phật tử, nay tôi nương thân lực và lòng đại bi vô hạn lượng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà tuyên thuyết Công Đức Bất Khả Xung Tán của sự chấp trì danh hiệu.

Nói thế sợ e rằng, có người bán tín bán nghi về việc xưng niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà. Nghĩ rằng, không biết mình niệm như thế có đạt được cái kết quả "Niệm Phật Tam muội" hay không? Và có thành tựu được Phật quả không? Vì để phá mỗi nghi ngờ này, cho nên Bồ Tát Phổ Hiền đã nói một cách khẳng quyết rằng: "Ngài nương thân lực và lòng đại bi vô hạn lượng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà tuyên thuyết công đức bất khả xung tán của sự chấp trì danh hiệu".

Chấp trì danh hiệu là một phương pháp hành trì có thể nói là phổ thông nhất hiện nay. Từ Phật cho đến chư Tổ bên Liên Tông đều khuyến tấn các hành giả Tịnh độ nên tinh chuyên chấp trì danh hiệu Phật. Nhưng chấp trì danh hiệu Phật như thế nào mới đúng ý nghĩa? Vấn đề này đã có nhiều kinh sách diễn giảng, ở đây, chúng tôi chỉ tạm nêu ra một ví dụ đơn giản để chúng ta dễ nhận hiểu mà thôi. Chữ Chấp (Hán Việt) có nghĩa là cầm nắm một vật gì đó cho thật chặt, dù bất cứ trong trường hợp nào xảy ra, cũng không được buông bỏ. Đó là nghĩa của chữ Chấp. Còn chữ Trì (Hán Việt) nghĩa là gìn giữ mãi không rời ra. Nắm

Vì pháp thân hay thật tướng vốn bất sinh bất diệt nên mới nói là không thể nghĩ bàn. Cho nên câu này ta phải hiểu về lý tánh chứ không phải về sự tướng. Niệm Phật cũng chính là niệm Giác. Chính vì niệm Giác cho nên mới thể nhập pháp thân. Pháp thân thì không có hình tướng nên lấy đâu mà suy lường nghĩ đến được. Tuy nhiên, đối với hàng Bồ tát sơ phát tâm khi chưa được như vậy, thì phải quyết định một lòng xưng niệm Phật.

***Hồng danh chứa nhóm vô lượng nghĩa
Lợi lạc muôn ức chúng hữu tình
Đức Phật Thế Tôn đáng Vô Thượng
Tri kiến, giác ngộ đều quang minh.***

Vô lượng nghĩa là nghĩa không thể suy lường được. Hồng danh hiệu Phật không phải là hồng danh thường. Nếu là hồng danh bằng văn tự chữ nghĩa thì làm sao không suy lường được. Bởi đó là danh ngôn sắc tướng thì đương nhiên còn có thể suy lường được. Còn hồng danh mà trường giả Diệu Nguyệt nói ở đây, chắc chắn là không phải hồng danh sắc tướng rồi. Chính vì không phải sắc tướng mới gọi là vô lượng nghĩa. Ta có bộ Kinh Vô Lượng Nghĩa. Kinh này Phật nói trước khi Phật nói Kinh Pháp Hoa.

Chính vì hồng danh chứa nhóm vô lượng nghĩa cho nên mới làm lợi lạc muôn ức chúng hữu tình. Danh hiệu Phật về tướng cũng như về tánh cả hai cũng đều làm lợi ích cho hữu tình cả. Dù chưa đạt được tánh thể, nhưng dựa vào danh hiệu Phật mà niệm một cách chân thành thì cũng

Tôn là Chính Biến Tri. Cả hai tên gọi này đều nằm trong mười danh hiệu của Phật. Thế Tôn là bậc xứng đáng được người đời tôn kính. Không riêng gì người đời thôi mà cả trời thần cũng đều cung kính. Chính Biến Tri là bậc thấu suốt biết rõ nguồn gốc của vạn pháp. Ca ngợi tướng hảo đoan nghiêm của Phật đều đầy đủ. Và lòng đại từ bi của Phật thương tưởng cứu độ chúng sinh cũng vô lượng vô biên không ngần mé. Mở bày giáo pháp Đại thừa đưa chúng sinh đến chỗ cứu cánh viên mãn thành Phật.

*Niệm Phật hiện tiền đắc Phật tướng
Thâm nhập cảnh giới bất tư nghị
Nhân đây Bồ tát sơ phát tâm
Quyết định một lòng xưng niệm Phật*

Niệm Phật hiện tiền được Phật tướng. Phật tướng nói ở đây, không phải là cái tướng Phật ứng thân ra đời ở Ấn Độ. Hay là tướng Phật A Di Đà ở cảnh giới Tây phương Cực lạc. Thường khi nói đến Phật tướng ta liền nghĩ ngay đến thân tướng Đức Phật có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Nhưng tướng nói ở đây không phải là cái thân tướng ở bên ngoài, mà chính là chỉ cho pháp thân Phật. Trong Chứng Đạo Ca có câu: "Chúng "Thật Tướng" vô nhơn pháp, sát na diệt khước A tỳ nghiệp..." Trong Kinh Pháp Hoa cũng có câu nói: "Chư pháp tùng bản lai, thường tự Tịch Diệt Tướng". Nghĩa là các pháp từ xưa đến nay, tướng của nó thường vắng lặng. Trong Kinh Bát Nhã thì gọi là "Thật Tướng" của các pháp. Thật tướng là vô tướng. Vì vô tướng cho nên mới thực là tướng thật. Vì vậy, cho nên câu dưới mới nói: "Thâm nhập cảnh giới bất tư nghị".

chặt nhưng phải gìn giữ không được buông ra. Như tôi đang cầm cái ly, thì tôi phải nắm thật chặt cái ly và phải gìn giữ duy trì cái ly mãi không buông ra. Vì hễ buông ra là cái ly sẽ rớt xuống đất và bị bể nát. Thế là, tôi không nắm chặt và gìn giữ cái ly rồi. Cái bàn tay tôi (nắm chặt cái ly) là dụ cho cái tâm của tôi. Còn cái ly là dụ cho danh hiệu Phật, (tức 6 hoặc 4 chữ Di Đà). Tay tôi nắm thật chặt vào cái ly là dụ cho tâm tôi chỉ duyên chuyên chú vào danh hiệu Phật thôi. Nghĩa là khi đó tâm tôi không suy nghĩ tính toán lo âu điều gì khác, chỉ tập trung tâm ý vào một câu hiệu Phật. Cũng như bàn tay nắm chặt vào cái ly vậy. Khi nắm cái ly thì không còn nắm bất cứ thứ gì khác. Gìn giữ không buông ra là ý nghĩa tịnh niệm nói luôn. Còn giữ gìn câu hiệu Phật thật chặt đó là ý nghĩa trì danh. Hành giả nào chuyên tâm hành trì xưng danh hiệu Phật tương tục miên mật như thế, thì được Đức Phật Thích Ca khen ngợi là công đức thật vô cùng to lớn. Đó là ý nghĩa "**chấp trì danh hiệu**" Phật.

*Một câu A Di Đà
Tâm nguyện lòng thiết tha
Việc đời thôi buông bỏ
Yếm ly cõi Ta bà*

*Một câu A Di Đà
Tín nguyện phải sâu xa
Chuyên tâm luôn trì niệm
Đi đứng chẳng rời ra*

*Một câu A Di Đà
Hành thiện hạnh vị tha
Rộng lòng thương muôn loại
Huynh đệ chỉ một nhà*

Một câu A Di Đà
Tiêu nghiệp chướng trần sa
Hướng tâm về Cực lạc
Vui sống cảnh an hòa
(Thích Phước Thái)

Kinh văn:

Mười thứ tâm thù thắng ấy, thật ra vừa là nhân vừa là quả. Nhân cùng quả thì không bao giờ rời nhau. Người tu môn niệm Phật thì phải đề khởi mười thứ tâm thù thắng, mới nhanh chóng thâm nhập Niệm Phật Tam Muội, hiện bày cảnh Cực lạc. Hoặc ngược lại, người đặt trọn tâm nơi Bản Nguyên và cả đời chuyên nhất xưng niệm danh hiệu Phật, thì dần dần đi vào Niệm Phật Tam Muội, tự nhiên thành tựu mười thứ tâm thù thắng nói trên.

Qua đoạn kinh văn này, cho thấy Ngài Phổ Hiền đã nhắc đi nhắc lại mười thứ tâm thù thắng. Vì sao mà Ngài phải thức nhắc đôi lần như thế? Bởi vì nó rất là quan trọng trong việc chuyên hành trì niệm Phật. Ngài nói rõ nhân và quả không rời nhau. Nhân đâu thì quả đó. Nhân và quả như hình với bóng. Hình đâu thì bóng đó. Hình và bóng không sai chạy một hào ly. Do đó, niệm Phật là chắc chắn thành Phật. Tuy nhiên, chúng ta phải niệm Phật cho đúng cách. Nếu niệm Phật không đúng cách thì kết quả cũng sai lệch. Cho nên là một hành giả Tịnh độ, chúng ta cần phải cố gắng tìm hiểu học hỏi về phương pháp trì danh niệm Phật cho rành rẽ rõ ràng. Chúng ta nên tìm hiểu trong các kinh sách Tịnh Độ, mà Phật Tổ hoặc các bậc Tôn Đức,

nghĩa gì? Đây là nói lên thâm nghĩa và uy lực của thần chú Vô Lượng Thọ Như Lai không thể suy lường. Ngay như cái tên gọi của thần chú này, ta thấy có một uy lực không lường rồi. Bởi "Vô Lượng Thọ Như Lai" là nói lên mạng sống bất sinh bất diệt không thể suy lường. Vì mạng sống này nó vượt ngoài thời gian. Đây là chỉ cho tự tánh Di Đà hay Viên Giác diệu tâm mà mỗi chúng sinh đều sẵn có. Bởi cái uy lực của thần chú có một năng lực phi thường đó, cho nên mới có thể chiếu sáng khắp cả mười phương. Vì không nơi nào là không có pháp thân thường trú. Vì thế mà Đức Bồ Đề Sư Thích Ca Mâu Ni cùng mười phương chư Phật đồng tán dương khen ngợi: Lành thay! lành thay!

Từ trước tới đây, trưởng giả Diêu Nguyệt đều có mặt trong pháp hội, cho nên đến lúc này ngài mới tỏ thái độ biểu lộ nổi hớn hờ vui mừng vô hạn. Đồng thời, ngài bày tỏ nghi thức lễ nghi cung kính Đức Phật rồi chấp tay quỳ gối hướng về Đức Phật mà thổ lộ tuyên đọc bài kệ khen ngợi. Ý nghĩa của toàn bài kệ rất là thâm sâu uyên áo. Ở đây, chúng tôi chỉ xin được tạm lược bày đôi chút về ý nghĩa của bài kệ, theo sự hiểu biết nông cạn của chúng tôi.

Đức Phật Thế Tôn, Chính Biến Tri
Trưởng hảo đoan nghiêm đều viên mãn
Rủ lòng đại từ bi vô hạn
Mở bày đại pháp cứu quần mê.

Bốn câu kệ mở đầu này, Trưởng giả Diêu Nguyệt cung kính khen ngợi Đức Phật ứng thân. Ngài gọi Phật là Thế

**Hồng danh chứa nhóm vô lượng nghĩa
Lợi lạc muôn ức chúng hữu tình
Đức Phật Thế Tôn, đấng Vô Thượng
Tri kiến, giác ngộ đều quang minh
Rắc rỏi tuệ nhật khắp mười phương
Rưới trận mưa pháp như Cam lộ
Niệm Phật vãng sanh cõi Cực lạc
An nhiên chứng đắc Vô Sinh Nhân
Nhân đây Bồ tát sơ phát tâm
Gìn giữ thân tâm bằng Phật hiệu
Hồng danh tổ ngộ Chân như tánh
Dẫn dắt chúng sinh vào tam muội
Đức Phật Như Lai đấng Bất Động
Chẳng đến, chẳng đi, chẳng đoạn thường
Xa lìa chấp hữu hoặc chấp vô
Tự tại chỉ bày phương tiện lực
Niệm Phật an trụ nơi bản giác
Tùy nghi hòa hợp với tánh Không
Nhân đây Bồ tát sơ phát tâm
Trang nghiêm tự thân bằng niệm Phật
Hồng danh hiển phát Hư Không Tạng
Tức thời thẳng vào Viên Giác tánh
Con nay xưng tán Đại Đạo Sư
Khen ngợi hồng danh vô lượng lực
Nguyện đem hồi hướng khắp chúng sinh
Mong cầu hết thấy cùng niệm Phật.**

Bồ Tát Quán Thế Âm vừa đọc xong bài thần chú, bỗng vô biên vô số thế giới đều chấn động sáu cách và hào quang chiếu sáng rực rỡ cả mười phương. Điều này nói lên ý

Thiện tri thức chuyên tu trải nghiệm sâu sắc uyên thâm về pháp môn Tịnh độ hướng dẫn chỉ giáo cho ta. Có thể, thì việc hành trì của chúng ta mới không bị sai lệch. Điều này rất là quan trọng. Dám mong các hành giả Tịnh độ nên lưu tâm về vấn đề này. Nói trì danh hiệu Phật, nghe thì thật đơn giản, nhưng hành trì cho đúng cách thì cũng không phải dễ dàng. Xin chớ có quan niệm coi thường. Thông thường cái gì dễ nhất lại dễ bị người ta coi thường nhiều nhất. Như khi đi mình thấy rất dễ nên không chú ý cẩn thận, đến khi vấp ngã bị té đau, lúc đó mới biết mình là kẻ vô ý thức. Cho nên tốt nhất là ta cần phải ý thức nghiên cứu kỹ càng. Điều gì chưa rõ, chưa hiểu thì nên tìm các bậc cao minh có nhiều kinh nghiệm thâm đạt về giáo lý Tịnh độ để thưa hỏi. Nhờ vị đó hướng dẫn cho ta đi đúng đường hướng mà Phật Tổ đã chỉ dạy.

Tại sao Ngài Phổ Hiền khuyên chúng ta khi tu môn niệm Phật thì phải đề khởi mười thứ tâm thù thắng, mới nhanh chóng thâm nhập niệm Phật Tam muội, hiện bày cảnh giới Cực lạc? Bởi vì trong mười tâm, tâm nào cũng rất là quan yếu. Hẳn chúng ta còn nhớ, tâm đầu tiên của mười tâm là "Tín Tâm". Tín tâm là cái tâm tin sâu vững chắc vào việc niệm Phật. Niệm Phật là chánh nhân mà thành Phật là chánh quả. Ta phải tin ta có chánh nhân Phật tánh. Tin đây không có nghĩa là tin suông trên mặt văn tự chữ nghĩa. Mà tin nói ở đây là phải tin sâu vào pháp môn ta đang tu. Nhân ta đang tu là chuyên sâu niệm Phật. Và tin chắc vào lý nhân quả. Ngoài ra, ta không tin bất cứ thứ gì khác có tánh cách mơ hồ huyền hoặc hoang đường. Trong Kinh Pháp Hoa có nguyên một phẩm với danh đề là "Tín Giải".

Đó là Phạm Thứ Tư nói về sự tin nhận của các Thầy khất sĩ theo Phật tu học. Khi các ngài nhận tin mình sẵn có tánh Phật, và chắc chắn sẽ thành Phật. Vì trước kia các ngài không tự tin mình có khả năng thành Phật, nên cứ mãi tìm kiếm cái Niết bàn tạm thời mà ngỡ rằng là rốt ráo. Cho nên các ngài tự nói lên cái thân phận của các ngài như một gã cùng tử đi lang thang làm thuê ở mướn. Khi tin nhận được rồi thì các ngài trở thành kẻ giàu to và chấm dứt con đường sinh tử nghèo cùng khôn khổ. Tin ở đây là phải tin chắc như vậy.

Muốn thành tựu mười thứ tâm thù thắng nói trên, thì hành giả Tịnh độ cần phải đặt trọn vẹn niềm tin nơi bản nguyện của Đức Phật A Di Đà và bản nguyện của mình, đồng thời cả đời chuyên nhất xưng niệm danh hiệu Phật, thì dần dần đi vào niệm Phật Tam muội. Bản nguyện của Đức Phật A Di Đà thì chúng ta đã biết. Trong lúc tu nhân Ngài có phát ra 48 điều đại nguyện. Nguyện nào cũng tha thiết tiếp độ chúng sinh về cõi nước của Ngài. Nếu không được vậy thì Ngài sẽ không thành ngôi Chánh Giác. Ta tin chắc vào bản nguyện lớn lao của Ngài. Đồng thời ta cũng tin vào bản nguyện của chính mình. Bản nguyện của mình là chí thành niệm danh hiệu Ngài để cầu sinh về quốc độ của Ngài. Niệm Phật mà không cầu vãng sinh về Cực lạc, thì đó chưa phải là tôn chỉ của pháp môn Tịnh độ. Ta phải có lập trường và giữ vững bản nguyện của ta. Ta phải một lòng tin chắc và tin sâu, không ai có thể làm lay động chuyển đổi được bản nguyện của ta cả. Tin cái gì? Tức tin vào danh hiệu Phật A Di Đà mà mình đang thành tâm hết lòng ngày đêm chuyên niệm. Muốn đạt được niệm Phật

- Tụng hai mươi một biến tiêu diệt các tội: tứ trọng, ngũ nghịch, thập ác và tất cả chướng ngại trên bước đường tu hành đều trừ sạch.
- Tụng một muôn biến, tâm Bồ đề hiển hiện nơi thân không quên mất.
- Thấy Đức Phật phóng quang tụ trên đỉnh đầu v.v...

Sau khi nói những lời đó xong, Bồ tát liền tuyên đọc thân chú Vô Lượng Thọ Như Lai chân ngôn...

Kinh văn:

Ngài Quán Thế Âm vừa đọc xong bài chân ngôn ấy, bỗng vô lượng vô biên vô số thế giới đều chấn động sáu cách, quang minh chiếu rọi cả mười phương. Đức Thích Ca cùng chư Phật khắp thế giới hư không giới, đồng thanh khen ngợi: "Lành thay! lành thay!"

Lúc bấy giờ, Diệu Nguyệt trưởng giả vui mừng vô hạn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vén áo phơi bày vai hữu, đi nhiễu quanh Đức Phật Thích Ca ba vòng. Rồi chấp tay quỳ gối, hướng lên Đức Phật mà đọc bài kệ khen ngợi:

**Đức Phật Thế Tôn, Chính Biến Tri
Tướng hảo đoan nghiêm đều viên mãn
Rủ lòng đại từ bi vô hạn
Mở bày đại pháp cứu quần mê.
Niệm Phật hiện tiền đắc Phật tướng
Thâm nhập cảnh giới bất tư nghị.
Nhân đây Bồ tát sơ phát tâm
Quyết định một lòng xưng niệm Phật**

Đến đây, Đại Bồ Tát Quán Thế Âm liền từ chỗ ngồi bước ra thi lễ bạch Phật: Ngài thưa với Đức Phật rằng, chính Ngài nương oai thần của Đức Phật A Di Đà mà ban cho chúng sinh trong thời mạt pháp một chân ngôn có tên là "Vô Lượng Thọ Như Lai Chân Ngôn". Không phải tự Ngài phát ra chân ngôn này, mà Ngài chỉ nương nơi oai thần lực của Phật A Di Đà để nói ra thôi. Đó là tạo thêm niềm tin cho chúng sinh chí thành tin tưởng hướng về Đức Phật A Di Đà. Đó là biểu hiện đức tánh khiêm nhường của Ngài. Điều này chúng ta cũng cần nên học hỏi. Nhiều khi vì háo danh tự đề cao tôn mình lên, để mọi người kính nể, nên lấy cái hay cái đẹp tài đức song toàn của người khác nổi tiếng làm cái sở đắc cho riêng mình. Quả thật đây là hạng người háo danh không có chút liêm sỉ. Ngài nêu ra chân ngôn này là tặng pháp bí mật của Phật A Di Đà, ẩn chứa thần lực không thể nghĩ bàn. Nếu như người xuất gia dù Tăng hay Ni đã thọ Đại giới (Tỳ kheo) hoặc nam nữ cư sĩ đã lỡ phạm giới căn bản liền phát tâm trì tụng chân ngôn này thời các tội trọng, nghịch cho đến mười điều tội ác tất cả đều được tiêu trừ.

Tùy theo hành giả phát nguyện trì tụng ít hoặc nhiều biến, mà có được những kết quả lợi lạc khác nhau. Tụng càng nhiều bằng cái tâm thành kính chuyên chú vào thần chú, tất nhiên sẽ có những kết quả như lỡ phạm giới căn bản thì:

- Tụng xong bảy biến liền trở lại được giới phẩm thanh tịnh.

Tam muội, điều quan trọng là mình phải chuyên nhất và bền lâu không tạp niệm. Chư Tổ thường dạy: "**Niệm Phật không khó, mà khó ở bền lâu. Bền lâu không khó, mà khó ở nhất tâm**". Đó là điều mà chúng ta cần phải hết sức cẩn trọng và lưu ý.

Kinh văn:

Tại sao vậy?

Này Phật tử hãy chăm chú lắng nghe, tôi sẽ giải thích tường tận.

Danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật vốn đầy đủ vô lượng vô biên hằng hà sa công đức, vô lượng vô biên hằng hà sa ý nghĩa, vô lượng vô biên hằng hà sa lực dụng, cứu cánh, cảnh giới giác tánh... dẫu trăm ngàn muôn ức na do tha vi trần đại kiếp, cũng không thể diễn nói hết được. Nay vì chúng sinh nơi thời kỳ chánh pháp cuối cùng, mà tôi sẽ lược nói, để chúng sinh thu hoạch nhiều lợi ích.

Nêu câu hỏi để rồi Bồ tát Phổ Hiền sẽ giải thích tường tận kỹ càng hơn cho chúng ta hiểu. Nhưng muốn hiểu rõ, thì chúng ta phải hết sức bình tâm chăm chú lắng nghe. Danh hiệu Nam mô A Di Đà Phật vốn đầy đủ vô lượng hằng sa công đức. Bởi A Di Đà Phật có nghĩa là Vô lượng thọ: mạng sống không lường (vượt ngoài thời gian) Vô lượng quang: ánh sáng vô tận (vượt ngoài không gian) và Vô lượng công đức v.v... Ta thấy danh hiệu của Phật A Di Đà có nhiều nghĩa mà trong số đó có một nghĩa là Vô lượng công đức. Nếu như ta chí thành niệm danh hiệu của Ngài thì ta cũng được vô lượng công đức. Nhưng với điều kiện

là phải niệm cho đúng pháp. Đúng pháp là phải chánh niệm. Câu hiệu Phật luôn khẩn khít trong tâm mình. Ngoài công đức ra, còn có hăng sa ý nghĩa. Ý nghĩa đây cũng đồng với vô lượng nghĩa. Không phải ý nghĩa thông thường mà chúng ta đã hiểu. Trước khi giảng Kinh Pháp Hoa, Đức Phật có thuyết một bài kinh gọi là Kinh Vô Lượng Nghĩa. Vô lượng nghĩa là nghĩa không có suy lường được. Nói cách khác là đồng với "Bản môn" Bản giác, hay "Chơn đế" hoặc Đệ nhất nghĩa đế vậy. Đức Phật nào cũng có hăng sa diệu dụng. Nếu không có diệu dụng hay lực dụng thì làm sao có thể ra độ chúng sinh được? Cho nên sau khi chúng được Căn bản trí rồi thì sẽ có Hậu đắc trí, Sai biệt trí và Phương tiện trí. Và có hăng sa lực dụng khác như Tứ vô sở úy, Thập bát bất cộng, Bát giải thoát v.v... để tùy theo cơ cảm căn duyên của chúng sinh mà Phật hay Bồ tát tùy nghi hóa độ. Diệu lực độ sinh của chư Phật và Bồ tát là như thế.

Một thực thể bất sinh, bất diệt, vô hình, vô tướng, bất khả phá hoại, vô thủy vô chung không hề biến đổi, phi vật thể như thế thì làm sao diễn tả nói đến được. Không nói đến được mà thể tánh đó vẫn hiện hữu tồn tại mãi với thời gian và không gian. Cho nên ở đây mới nói: Cứu cánh, cảnh giới giác tánh ... dầu trăm ngàn muôn ức na do tha vi trần đại kiếp, cũng không thể diễn nói hết được. Trong Kinh Pháp Hoa Phật nói cái thực thể đó, dù cho trăm ngàn trí tuệ như Ngài Xá Lợi Phất cùng chung suy lường cũng không thể hiểu được. Tại sao? Tại vì cái không hình tướng mà suy lường làm sao được. Cái lỗi là ở chỗ suy lường.

chân ngôn gọi là: Vô Lượng Thọ Như Lai Chân Ngôn. Đây là tạng pháp bí mật của Phật A Di Đà, ẩn chứa vô biên thần lực tự tại bất tư nghị. Nếu hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, hoặc Ưu bà tắc, Ưu bà di lỡ phạm giới căn bản, tụng xong bảy biến liền trở lại được giới phẩm thanh tịnh. Tụng hai mươi một biến, tiêu diệt các tội: tứ trọng, ngũ nghịch, thập ác và tất cả chướng ngại trên bước đường tu hành đều trừ sạch. Hiện đời an lạc, thuận lợi, được sự nhiếp thọ của vô lượng Như Lai. Tụng một muôn biến, tâm Bồ đề hiển hiện nơi thân không quên mất. Thấy Đức Phật phóng quang tự trên đỉnh đầu. Người niệm Phật lần lần thể nhập tịnh tâm tròn sáng, mát mẻ, tiêu tan tất cả phiền não. Khi lâm chung, hành giả niệm Phật liền thấy Phật A Di Đà cùng vô lượng muôn ức Bồ Tát vây quanh, an ủi, tiếp dẫn. Người niệm Phật tức khắc được sinh về Thượng Phẩm ở Cực lạc. Sau đây con xin tuyên đọc Vô Lượng Thọ Như Lai chân ngôn:

Na mô rát na tờ gia gia gia, na mắc a ry gia, a mi ta pha gia, ta tha ga ta gia, a rờ ha tê, sam giác sam bút đa gia, ta đi gia tha: om a mờ rật tê, a mờ rật tô đờ pha vê, a mờ rật ta sam pha vê, a mờ rật ta ga ri phê, a mờ rật ta sít đê, a mờ rật ta tê rê, a mờ rật ta vi hờ rim tê, a mờ rật ta vi hờ rim ta, ga mi nê, a mờ rật ta ga ga na, ki ti ka rê, a mờ rật ta đun đa phi sờ va rê, sặc va rờ tha sa đa nê, sặc va kác ma, ka lê sa, ka sa, giam ka lê sờ va ha.

thương tích ở nơi Phật (dù là Phật tượng) giết A la hán. Người phạm tội này sẽ bị đọa địa ngục, không thể sám hối được. Thập ác gồm có mười điều gọi là thân tam, khẩu tứ, ý tam. Về thân nghiệp gồm có 3 tội: sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Về khẩu nghiệp gồm có 4 tội: nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi đôi chiều và nói lời hung ác. Về ý nghiệp thì có 3: Tham, sân, si. Trái với 10 điều ác là 10 điều lành. Tội hủy báng Chính pháp là tội nặng nhất. Đây là tội khinh chê Tam bảo.

Người nào nhất tâm niệm Phật đúng như lời dạy cách thức niệm Phật trong đây, thì người đó thường được Đức Phật A Di Đà hiện trên đỉnh đầu. Niệm Phật miên mật tương tục tịnh niệm nối liền, tất nhiên là vọng niệm không có, mà vọng niệm không có thì tự tánh Di Đà hiển lộ. Thế thì, hành giả lúc nào cũng được Đức Phật Di Đà ngoại tại gia hộ và Đức Phật Di Đà tự tánh cũng thường hộ trì. Điều này là một chứng nghiệm thực tế, đối với hành giả niệm Phật nào đạt được "bất niệm tự niệm". Được thế, thời hiện đời sẽ được an ổn, đầy đủ phước lạc, đến khi trút hơi thở cuối cùng, thời bảo đảm hành giả sẽ được vãng sanh. Và nếu như hành giả nào tụng thần chú này đến ba chục muôn biến, thì theo Ngài Phổ Hiền cho rằng, hành giả đó liền thấy Phật ngay trước mặt mình.

Kinh văn:

Bảy giờ, Ngài Quán Thế Âm Đại Bồ Tát bước ra trước Phật bạch rằng:

Nay con nương uy thần của Đức A Di Đà, mà ban cho chúng sinh quyết chí niệm Phật thời mạng pháp, một

Bồ tát Phổ Hiền vì thương xót chúng sinh ở vào thời kỳ Chính pháp cuối cùng, mà Ngài lược nói để cho chúng sinh nhận hiểu và thu thập được nhiều lợi ích.

Kinh văn:

Này Phật tử, Nam Mô A Di Đà Phật nghĩa là gì?

Nam Mô là thủy giác, A Di Đà là tương tục giác, Phật là bản giác.

Nam Mô là năng niệm, A Di Đà là tương tục niệm, Phật là sở niệm.

Nam Mô là giới luật, A Di Đà là thiên định, Phật là trí tuệ.

Nam Mô là thế gian giới, A Di Đà là pháp giới, Phật là vô sai biệt giới, vô sở hữu cảnh giới, vô trụ xứ cảnh giới.

Nam Mô là thường, A Di Đà là tịch, Phật là quang.

Nam Mô là diệu quan sát trí, A Di Đà là bình đẳng tánh trí, Phật là đại viên cảnh trí, vô tận sở hữu trí.

Nam Mô là phi hữu, A Di Đà là phi vô, Phật là không tánh, phi hữu phi vô định tánh.

Nam Mô là như thực hữu, A Di Đà là như thực không, Phật là như thực bất không.

Nam Mô là sai biệt trí, A Di Đà là vô sai biệt trí, và Phật là pháp hải tuệ công đức vô tận tạng viên mãn trí.

Nam Mô là phương tiện lực, A Di Đà là cứu cánh lực, và Phật là dùng thông phương tiện siêu việt cứu cánh lực.

Nam Mô là ly trần, A Di Đà là ly căn, Phật là ly thức.

Nam Mô là chuyển y tạng, A Di Đà là vô tận thiện căn tạng, Phật là quyết định chính giác tạng.

Nam Mô là ly cần tạng, A Di Đà là Niết bàn tạng, Phật là như huyền giải thoát tạng.

Nam Mô là trang nghiêm Phật quốc độ, A Di Đà là thành tựu vô biên Phật quốc độ, Phật là như huyền thập phương Hoa Tạng Thế Giới Hải.

Nam Mô là gia trì lực, A Di Đà là tiếp dẫn lực, Phật là tự tánh tương ưng nhiếp thọ lực.

Nam Mô là khai thị vô lượng trí, A Di Đà là thâm nhập chính giác trí, Phật là quang minh phổ chiếu trí.

Nam Mô là thế gian giải, A Di Đà là giác ngộ giải, Phật là nhất thiết trí biến chiếu thập phương viên mãn giải.

Ngài tự đặt câu hỏi rồi tự giải thích. Câu hỏi được đặt ra là: Nam mô A Di Đà Phật nghĩa là gì? Cách giải thích của Ngài Phổ Hiền ta thấy có khác hơn ý nghĩa thông thường mà chúng ta đã hiểu. Những gì mà Ngài giải thích về danh hiệu Phật A Di Đà ý nghĩa rất cao siêu không phải dễ hiểu. Ở đây, chúng tôi chỉ tạm giải thích sơ lược đại khái qua sự hiểu biết nông cạn giới hạn của chúng tôi mà thôi. Chúng ta tạm đánh số theo thứ tự để tiện nêu bày giải thích:

1. Ngài nói: "**Nam mô là thủy giác. A Di Đà là tương tục giác. Phật là bản giác**". Cách giải thích này gần giống như trong Khởi Tín Luận của Ngài Mã Minh đã nói. Trong Khởi Tín Luận nói về nghĩa giác có nêu ra trình tự năm thứ giác: "Bản giác, bất giác, thủy giác, phần giác và cứu cánh giác". **Nam mô là thủy giác**. Nghĩa là hồi đầu giác ngộ quay về bản giác. Bản giác là tánh giác sẵn có của tất cả chúng sinh. Nhưng vì bất giác theo dòng vô minh tạo nghiệp thọ khổ, nay nghe theo lời Phật dạy mà

hành. Nghĩa là, người Niệm Phật trước tiên là cần phải giữ giới nghiêm túc. Tùy theo giới luật mà mình đã lãnh thọ nên cần trọng gìn giữ. Như tam quy, ngũ giới, bát quan trai giới, Bồ tát giới v.v... đây là những giới luật của người Phật tử tại gia. Còn người xuất gia thì gồm có: Sa di tăng, Sa di ni, thức xoa ma na, Tỳ kheo giới, Bồ tát giới. Ngoài giữ giới ra, người Phật tử còn phải tập ăn chay để nuôi dưỡng lòng từ bi đối với muôn loài chúng sinh. Người Phật tử tại gia, thì không bắt buộc là phải trường chay. Tuy nhiên tùy theo sự phát nguyện của mỗi người mà ăn chay trường hoặc ăn chay kỳ đều tốt cả. Ăn chay chưa phải là một pháp tu, chẳng qua là để trường dưỡng lòng từ bi, tôn trọng mạng sống và tránh được quả báo oán thù vay trả, trả vay. Có người miệng thì ăn chay, mà lòng thì không có chay tịnh chút nào. Cho nên ăn chay cần nhất là tâm ta phải thanh tịnh tinh khiết. Nói chung, là phải gìn giữ ba nghiệp thân, khẩu, ý đều phải thanh tịnh. Giữ ba nghiệp này được trong sạch thời là quý lắm rồi. Cổ nhân có câu: "Tam nghiệp hằng thanh tịnh, đồng Phật vãng Tây phương". Chỉ cần giữ ba nghiệp cho thanh tịnh, thì đồng với tánh giác của mình về cõi an lạc tự tâm rồi.

Đối với thần chú Vãng Sanh, thì Bồ Tát Phổ Hiền dạy chúng ta phải trì tụng 21 biến (21 lần) như vậy diệt được các tội: tứ trọng (sát sanh, trộm cắp, dâm dục, vọng ngữ) đây là 4 tội trọng thuộc tội Ba la di của Tỳ kheo. Người phạm tội này như bị bệnh ung thư thời kỳ cuối hết phương cứu chữa. Và cũng không thể nào sám hối hết tội được. Ngũ nghịch tội, tội này nặng hơn tội trọng nói trên. Người phạm tội nghịch: giết cha, giết mẹ, phá hòa hợp tăng, gây

Còn người giả tu thì nhiều lắm. Điều này xảy ra hằng ngày nhan nhãn trước mắt mọi người không cần phải luận bàn nhiều.

Ngài Phổ Hiền nói tiếp là Ngài sẽ ban cho người Niệm Phật thần chú Đà ra ni (Dhàrani) Đà ra ni là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là tổng trì. Tổng trì có nghĩa là gồm nhiếp tất cả và giữ gìn những pháp lành không cho sót mất. Thần lực của bài thần chú chân ngôn này, có công năng là thủ hộ thân tâm và nhổ tận gốc rễ nghiệp chướng trừ sạch phiền não, được mau chóng sinh về Cực lạc. Thần chú này, hầu hết người Phật tử xuất gia, tại gia đều có trì tụng hằng ngày.

Kinh văn:

Người niệm Phật phải giữ giới, ăn chay, thân khẩu ý đều phải thanh khiết. Ngày đêm sáu thời, mỗi thời tụng hai mươi một biến. Như vậy, diệt được các tội: tứ trọng, ngũ nghịch, thập ác, và hủy báng Chính pháp. Thường được Đức Phật A Di Đà hiện trên đỉnh đầu. Hiện đời an ổn, phước lạc. Hơi thở cuối cùng, được tùy nguyện mà vãng sinh Cực lạc. Hoặc tụng đến ba chục muôn biến, liền thấy Phật ngay trước mặt mình.

Đây là những lời khuyên tấn của Bồ Tát Phổ Hiền. Bởi Phổ Hiền là hạnh nguyện rộng lớn cùng khắp, cho nên Ngài khuyên tất cả chúng sinh nói chung, nói riêng là các hành giả Tịnh độ, cần nên tu tập những pháp lành như là: phải giữ giới, ăn chay, thân khẩu ý đều thanh khiết. Lời khuyên dạy tuy đơn giản nhưng cũng không phải dễ thật

thức tỉnh hồi đầu (thủy giác) trở về lại cố hương (bản tâm thanh tịnh sáng suốt). Khác gì gã cùng tử bỏ cha trốn đi xứ khác làm thuê ở mướn nay trở về nhận lại cái gia tài quý báu kết sù của cha. Bỏ cha trốn đi là bất giác. Nay thức tỉnh (thủy giác) trở về nhận lại cái gia tài to lớn toàn là của báu (bản giác) của chính mình.

Nói cho dễ hiểu hơn là, ai cũng sẵn có cái tánh thể thanh tịnh sáng suốt (bản giác), nhưng vì bị vô minh che mờ tánh giác nên mới tạo nghiệp thọ khổ lặn hụp trôi lăn trong biển sinh tử luân hồi. Nay nhờ nghe lời Phật dạy, thiện hữu tri thức nhắc nhở mới biết đường lối tu hành (thủy giác) để thoát khổ. Khi đã hết khổ là thể nhập hay nhận lại cái thể tánh thanh tịnh sáng suốt của chính mình. Đó là nhận lại cái tâm thể mà ở đây gọi là **bản giác**. Khi nhận lại tánh giác là không còn mê lầm nữa đó gọi là **tương tục giác**. Tức là cái giác không bị gián đoạn vậy. Như vậy, khi niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà cũng chính là niệm danh hiệu A Di Đà tự tánh mình. Hiểu như vậy, thì ta không còn bị sự tương bên ngoài lôi kéo chúng ta. Đó là niệm Phật "Sự" và "Lý" phải viên dung với nhau. Khi chúng ta nắm vững được ý nghĩa này thì những câu sau đây chẳng qua là giải thích theo một cách khác đó thôi.

2. Nam mô là năng niệm, A di Đà là tương tục niệm, Phật là sở niệm. Năng là chủ thể hay niệm (biết) A Di Đà là tương tục niệm không gián đoạn, Phật là sở niệm. Câu này nếu hiểu theo nghĩa thông thường thì ta là người niệm và Phật là đối tượng để ta niệm và tịnh niệm nói luôn

không xen hở, gọi là tương tục niệm. Nếu hiểu sâu hơn, thì chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức không rời cái "Biết" hằng hữu (bản thể). Nói rõ hơn là tánh giác không lúc nào vắng mặt. Như vậy, người niệm Phật là phải tịnh niệm nối liền và không còn thấy có năng và sở, tức năng sở câu vong. Bảy giờ tụng Di Đà sẽ hiện bày.

3. Nam mô là giới luật, A Di Đà là thiên định, Phật là trí tuệ. Giới Định, Huệ là ba môn học tối ưu quan trọng trong Phật giáo. Thuật ngữ chuyên môn gọi là "Tam vô lậu học". Ba môn học này có công năng đưa hành giả giải thoát những ràng buộc khổ đau trong ba cõi (dục, sắc và vô sắc giới). Một câu hiệu Phật có đầy đủ "**Giới, Định, Huệ**". Giới luật nghiêm minh gọi là Nam mô. Nghĩa là thu nhiếp được ba nghiệp "**thân, khẩu, ý**" không gây tạo tội lỗi. A Di Đà gọi là thiên định (tâm không dao động tán loạn) Niệm A Di Đà là hằng tinh thức, chánh niệm, tức tâm an định. Phật là giác không có mê lầm vô minh dứt sạch. Thể tánh chơn thật hiện bày.

4. Nam mô là thế gian giới, A Di Đà là pháp giới, Phật là vô sai biệt giới, vô sở hữu cảnh giới, vô trụ xứ cảnh giới. Nam mô là thế gian giới hay còn gọi là Thế tục đế hoặc Tích môn. A Di Đà là pháp giới, Nhứt chơn pháp giới, hoặc Bản môn. Phật nói gọn là cảnh giới Nhất như hay Nhất chơn pháp giới (chỉ cho tâm thể mỗi người chúng ta sẵn có). Nguyên câu này nghĩa lý rất thâm sâu, nhưng ta có thể hiểu một cách đơn sơ là: giữa Tục đế và Chơn đế là không có gì sai khác (Nhị đề dung thông Tam muội ấn). Về tướng thì có sai khác nhưng về thể tánh thì không

đức kém thiếu, loạn trước tăng nhiều, kẻ chân thật tu hành thì rất ít. Những vấn đề mà Ngài nêu ra đây, chiêm nghiệm kỹ ta thấy quả đúng như những gì Ngài nói. Hiện chúng ta đang sống trong thời đại kiếp giảm. Kinh nói: tuổi thọ của con người theo thời gian mà có kiếp tăng và kiếp giảm. Kiếp tăng, con người bắt đầu từ 10 tuổi, cứ một trăm năm tăng thêm một tuổi, tăng cho đến khi nào con người sống được tám mươi bốn ngàn tuổi là hết kiếp tăng. Từ đó, cứ mỗi trăm năm, con người lại giảm xuống một tuổi, giảm dần cho đến khi nào con người chỉ còn mười tuổi là hết kiếp giảm và bắt đầu kiếp tăng trở lại. Cứ thế mà tăng giảm. Hiện nay tuổi thọ con người ở mức độ trung bình là khoảng bảy hoặc tám mươi tuổi thọ. Tuy nhiên, cũng có người sống hơn trăm tuổi, nhưng đây là con số rất ít. Chính vì thế mà người xưa nói: Nhon sinh thất thập cổ lai hy. Nghĩa là, con người sống được bảy mươi tuổi, xưa nay thật là hiếm có. Đó là nói lượng định tuổi thọ của con người trung bình thôi, chớ còn không có gì bảo đảm tuổi thọ của con người sống lâu hay chết mau cả. Đó là còn tùy thuộc vào phước báo biệt nghiệp của mỗi người mà có yếu thọ hoặc trường thọ khác nhau. Cho nên tuổi thọ của con người không có nhất định. Kiếp sống của con người thật là ngắn ngủi, như con phù du sớm sinh chiều chết. Chỉ cần một nháy mắt là đã chuyển qua đời khác rồi. Thế mà người ta vẫn chưa chịu thức tỉnh, vẫn còn tranh chấp hơn thua đấu đá quyết liệt sống chết với nhau. Tạo nên một thế giới chiến tranh hỗn loạn không giây phút nào yên ổn cả. Đó là thực trạng của xã hội loài người chúng ta hiện nay. Quả đúng là loạn trước bất an mỗi ngày mỗi gia tăng. Thời nay, người chơn tu thì rất ít.

Phẩm Thứ Bảy

KHUYẾN PHÁT NIỆM PHẬT VÀ ĐỌC TỤNG CHÂN NGÔN

Kinh văn:

Lúc bấy giờ, Ngài Phổ Hiền Đại Bồ Tát bạch Phật rằng:

Thưa Thế Tôn, con nay vì thương tưởng chúng sinh nơi thời mạt pháp, khi ấy kiếp giảm, thọ mạng ngắn ngủi, phước đức kém thiếu, loạn trược tăng nhiều, kẻ chân thật tu hành rất ít. Con sẽ ban cho người niệm Phật thân chú đà ra ni này, để thủ hộ thân tâm, nhổ tận gốc rễ nghiệp chướng trừ sạch phiền não, được mau chóng sinh về Cực lạc. Gọi là **Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ** đà ra ni. Liên nói thần chú:

Nam mô a di đa bà dạ, đá tha dà đá dạ, đá địa dạ tha, a di lị đô bà tỳ, a di lị đá tất đam bà tỳ, a di lị đá tỳ ca lan đế, a di lị đá, tỳ ca lan đá, già di nhị, già già na, chỉ đá ca lệ sa bà ha.

Đến đây, Bồ tát Phổ Hiền, thay mặt cho đại chúng đương hội, thành kính bạch cùng Đức Phật. Ngài nói rằng, là vì Ngài thương tưởng chúng sinh nơi thời mạt pháp. Ngài nêu ra những hiện tượng của con người sống trong thời kỳ mạt pháp như là: kiếp giảm, mạng sống ngắn ngủi, phước

hai. Vì tất cả cùng chung một bản thể mà ra (vạn vật đồng nhứt thể). Ví như sóng và nước tuy có sai khác, nhưng cả hai đều từ trong biển cả mà ra (biển cả là dụ cho thể tánh chơn như).

5. Nam mô là thường, A Di Đà là tịch, Phật là quang. Trong các cõi Tịnh độ có một cõi gọi là "Thường tịch quang Tịnh độ". Cõi Tịnh độ này không phải là sự tướng bên ngoài, mà hoàn toàn thuộc về lý tánh. Thường có nghĩa là luôn luôn có mặt. Tịch là vắng lặng. Phật là rỗng rang thanh tịnh sáng suốt. **Niệm Nam mô A Di Đà Phật** có nghĩa là trở về với thể tánh vắng lặng sáng suốt hằng hữu. Đó là cõi Thường Tịch quang Tịnh độ. Đây là cõi Tịnh độ trong tâm thức của chúng ta. "Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh, dục tịnh Phật độ, tiên tịnh kỳ tâm" (Kinh Duy Ma Cật). Nghĩa là khi tâm mình an tịnh, thì cõi Phật an tịnh. Muốn cho cõi Phật được tịnh, thì trước tiên phải tịnh tâm mình.

6. Nam mô là diệu quan sát trí, A Di Đà là bình đẳng tánh trí, Phật là đại viên cảnh trí, vô tận sở hữu trí. Theo Duy Biểu Học cho chúng ta biết, khi lên Thánh vị thì hành giả sẽ chuyển "Bát thức" thành "Tứ trí". Ở đây, nói diệu quan sát trí tức là nói đến thức thứ sáu, thức này còn gọi là ý thức. Khi còn phàm phu thì gọi là ý thức, nhưng khi lên Thánh vị thì gọi là "Diệu quan sát trí". Khi còn là phàm phu, thì ý thức cũng rất là lạnh lợi. Nhà Duy Thức gọi nó là: "công vi thủ, tội vi khôi". Nghĩa là xét về công lao tạo ra mọi thứ hữu dụng kỳ tích trên thế gian, thì nó đứng đầu, nhưng xét về gây ra nhiều tội lỗi làm cho thế gian

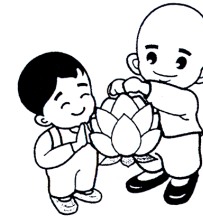
điên đảo thác loạn, thì nó cũng có tội rất to lớn. Cho nên khi chuyển thành trí, thì nó được mang tên là Diệu quan sát trí. Nghĩa là cái trí quán sát tinh tế để làm lợi ích cho chúng sinh. Còn thức thứ bảy tức Mạt na chuyển thành "Bình đẳng tánh trí". Thức thứ tám là Tàng thức, tức thức A lại da chuyển thành "Đại viên cảnh trí". Nghĩa là cái trí tròn sáng như tấm gương. Như vậy niệm một câu Phật hiệu A Di Đà là có đầy đủ ba thứ trí này (còn Thành sở tác trí là do chuyển tiền ngũ thức, tuy nhiên ở đây không có nói đến)

7. Nam mô là phi hữu, A Di Đà là phi vô, Phật là không tánh, phi hữu phi vô định tánh. Phi hữu là chẳng phải có, phi vô là chẳng phải không. Phật là không tánh... Thường chúng ta hay bị những ý niệm có, không, sinh, diệt, chẳng có, chẳng không, chẳng sinh, chẳng diệt v.v... nó trói buộc vào hai đầu đối đãi. Khi bị mắc kẹt vào ý niệm này là chúng ta có cái nhìn méo mó sai lệch không đúng sự thật. Đó là chúng ta bị dính mắc vào cái nhìn "hữu tướng". Vì thế nên mới thấy có hai đầu đối nghịch nhau. Nếu chúng ta có cái nhìn "vô tướng", là chúng ta sẽ không còn bị dính kẹt nữa. Đó là chúng ta thấy được tánh "Không" (Sunyata - Empties) của vạn pháp. Thấy được tánh không thì đó là giải thoát.

8. Nam mô là như thực hữu, A Di Đà là như thực không, Phật là như thực bất không. Thực hữu, thực không cũng chỉ là những ý niệm về hữu, về vô, tức có và không. Thiên Sư Từ Đạo Hạnh đời Lý, Ngài có sáng tác 4 câu kệ:

ấy, sẽ được chư Phật hộ trì và nhiếp thọ, quyết định thành Phật.

Đó là những lời khen ngợi và chứng minh của mười phương chư Phật đối với việc làm của Bồ Tát Quán Thế Âm. Đồng thời cũng nói lên cái năng lực siêu việt của danh hiệu Phật và nếu có chúng sinh nào niệm danh hiệu Đức Phật Di Đà thì sẽ được thập phương chư Phật hộ trì và nhiếp thọ. Và câu kết luận cuối cùng là chúng sinh đó quyết định thành Phật.



chuyên thuyết minh về Tịnh Độ nói riêng, từ xưa tới nay, bất luận kinh điển Đại thừa nào cũng đều đề cao pháp môn Tịnh Độ. Nhất là khi đề cập đến cảnh giới Tây phương Cực lạc cũng như công đức thù thắng của Đức Phật A Di Đà, thời đa số các vị Bồ tát như: Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Di Lặc, cũng như chư vị Tổ Sư Mã Minh, Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân v.v... các Ngài đều là những bậc Đại Bồ Tát, đều một lòng tán thán quy ngưỡng Đức Phật A Di Đà và cầu sinh Cực lạc. Như Kinh Hoa Nghiêm, hai vị Đại Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện: "Con nguyện khi lâm chung thấy được Phật A Di Đà, liền dứt trừ bao nhiêu nghiệp chướng, được sinh về cõi Cực lạc". Đối với các Ngài là những bậc Đại Bồ Tát mà còn phát nguyện sinh về cõi Cực lạc, còn chúng ta thì sao? tu hành đến bậc nào mà lại dám coi thường việc vãng sinh Cực lạc. Thậm chí có người còn dám đại ngôn bác bỏ kinh điển Đại thừa, khinh chê pháp môn Tịnh Độ. Đúng là hạng người điếc không biết sợ sủng. Thật là đáng thương xót cho họ lắm thay!

Khi Bồ Tát Quán Thế Âm xưng dương tán thán danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật thù thắng vi diệu đệ nhất, Ngài vừa dứt lời, bấy giờ mười phương chư Phật đồng hiện ra khen rằng:

Lành thay! lành thay! Phật tử Quán Thế Âm thực hiện việc làm hy hữu. Khéo vì chúng sinh thời mạt pháp mà xưng tán, tuyên dương năng lực bất tư nghị của danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Ai nhất tâm xưng niệm danh hiệu

Tác hữu trần sa hữu
Vi không nhất thiết không
Hữu không như thủy nguyệt
Vật trước hữu không không

Tạm dịch:

*Có thì muôn sự có
Không thì tất cả không
Có, không trắng đáy nước
Đừng mắc có cùng không.*

Đại ý bài kệ nói rằng, nếu chúng ta thấy có thì tất cả cái gì cũng có. Ngược lại, nếu nói không thì tất cả đều không. Có và không như trăng dưới nước. Ánh trăng dưới nước làm gì có thật, nhưng bảo không có ánh trăng dưới nước thì cũng không được. Như vậy, ánh trăng dưới nước có mà giả có chứ không phải thực có. Mọi hiện tượng phô bày trước mắt ta, không ai dám phủ nhận là không có. Nhưng cái có đó chỉ là hư giả mà thôi. Bởi mọi vật thể đều do nhân duyên giả hợp hình thành. Giả hợp thì tạm có nhưng thực thể thì không. Vượt lên trên ý niệm có và không này, thì ta mới nhận ra được cái thể tánh Chơn thường, đó là "như thật bất không". Nghĩa là cái không như thật mà trong Kinh Bát Nhã gọi là "Chơn Không" hay "Thật tướng". Thể tánh chơn không này cũng chính là tánh giác, nên nói Phật là "Như thực bất không".

9. Nam mô là sai biệt trí, A Di Đà là vô sai biệt trí, và Phật là pháp hải tuệ công đức vô tận tạng viên mãn trí.

Nam mô là trí sai biệt. Trí sai biệt còn gọi là trí hậu đắc. Là cái trí có, sau khi chứng được trí căn bản. Chư Phật, Bồ tát nhờ cái trí hậu đắc hay trí sai biệt này mới có thể tùy duyên hóa độ chúng sinh được. A Di Đà là vô sai biệt trí, tức căn bản trí hay còn gọi là chơn trí. Là cái trí mà mỗi chúng sinh đều sẵn có. Nhờ có cái trí căn bản (Phật tánh) này nên tu mới thành Phật được. Phật là pháp hải tuệ công đức vô tận tạng viên mãn trí. Nghĩa là, Phật có cái trí huệ rộng lớn không cùng và công đức vô tận, nói nôm na Phật là người có trí huệ hoàn toàn viên mãn.

10. Nam mô là phương tiện lực, A Di Đà là cứu cánh lực và Phật là dung thông phương tiện siêu việt cứu cánh lực. Nam mô là nghĩa có năng lực sử dụng phương tiện thiện xảo để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. A Di Đà là có năng lực đạt được cứu cánh viên mãn. Nhờ có xảo thuật phương tiện mới có thể đạt được viên mãn cứu cánh. Phật là nghĩa dung thông vượt lên trên hai phạm trù phương tiện và cứu cánh, tức tâm thể tròn sáng vậy.

11. Nam mô là ly trần, A Di Đà là ly căn, Phật là ly thức. Ý nghĩa của câu này cũng rất là lý thú. Căn và trần đối đãi nhau. Căn là chỉ cho 5 giác quan của ta: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, còn ý căn thì ở bên trong ta không thể thấy được. Cho nên chỉ nói năm căn thôi. Trần thì có 6 trần, nhưng ở đây cũng chỉ nói năm trần thôi. Vì pháp trần chỉ có ý thức mới duyên với nó. Năm trần đó là: sắc, thanh, hương, vị, xúc. Mắt đối với sắc, tai đối với thanh (tiếng) v.v... Nhưng nếu muốn cho sáu căn không tiếp xúc với sáu trần thì phải ly tất cả. Khi căn và trần tiếp xúc với nhau

Nay ta tạm tuyên thuyết ít phần trong vô lượng vô biên bất khả thuyết, bất khả thuyết, năng lực bất tư nghị của danh hiệu thù thắng, vi diệu đệ nhất ấy. Người hãy tín thọ, ghi nhớ, suy gẫm và nhất tâm phụng trì.

Ngài Quán Thế Âm vừa dứt lời, bấy giờ mười phương chư Phật đồng hiện ra khen rằng:

Lành thay! lành thay! Phật tử Quán Thế Âm thực hiện việc làm hy hữu, khéo vì chúng sinh thời mạt pháp mà xưng tán, tuyên dương năng lực bất tư nghị của danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Ai nhất tâm xưng niệm danh hiệu ấy, sẽ được chư Phật hộ trì và nhiếp thọ, quyết định thành Phật.

Đoạn văn kinh này là phần kết lại của Phẩm thứ sáu. Bồ Tát Quán Thế Âm nhắc bảo cho bà Vi Đề Hy biết về năng lực danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn. Năng lực uy danh hiệu Phật siêu việt đó, không gì có thể so sánh suy nghĩ luận bàn hết được. Chỉ có thể ngầm hiểu cảm nhận mà thôi. Đồng thời Bồ tát cũng nói thêm, Ngài nói những gì mà Ngài đã trình bày, chẳng qua đó chỉ là tạm tuyên thuyết ít phần trong vô lượng vô biên bất khả thuyết, bất khả thuyết. Đó là vì năng lực bất tư nghị của danh hiệu thù thắng, vi diệu đệ nhất ấy. Nói thế rồi, Ngài khuyên chúng ta hãy tín thọ, ghi nhớ, suy gẫm và nhất tâm phụng trì. Đây là lời thức nhắc vô cùng bi thiết của Ngài. Qua lời dạy thiết tha của Bồ Tát Quán Thế Âm, chúng ta thấy rằng, kinh điển Đại thừa nói chung và các kinh điển

lý, có đâu mình lại tỏ thái độ khinh thường chê trách họ. Có người ý vào sở học Phật pháp của mình mà coi thường nói xấu phê bình chỉ trích Tăng, Ni đủ điều. Nếu là người Phật tử chơn chánh, thì mình nên xây dựng hơn là đả phá. Tội khinh chê Tam bảo là tội rất nặng. Người Phật tử nên dè dặt cẩn trọng để ý điểm này. Nếu nói với tinh thần xây dựng đạo pháp và không muốn người ngoài chê cười, thì nên tìm cách khéo léo để trình bày lỗi lầm cho chư Tăng, Ni biết. Con người nhơn vô thập toàn, chưa phải Phật, Bồ tát thứ thiệt, thì đương nhiên là còn có những lỗi lầm sai trái. Cho nên cần được điều chỉnh sửa lỗi cho nhau. Điều đó, không có gì là tội lỗi cả. Chẳng những không mắc phải tội lỗi, mà còn được tán thán tinh thần xây dựng thật đáng kính. Cho nên, khiêm cung, chất trực, nhu hòa là những đức tánh của một con người rất cần thiết phải có. Trong khi hành xử nên tránh hiềm khích chê bai miệt thị khinh khi người khác, đó là điều mà một hành giả Phật giáo nói chung đều phải ghi nhớ. Nên noi gương sáng của Ngài Thường bát Khinh Bồ Tát mà trong Kinh Pháp Hoa đã diễn tả. Có thế, thì mới xứng đáng là một người Phật tử tu học theo chánh pháp Phật dạy vậy.

Kinh văn:

XV. Nay Vi Đề Hy, giả sử đem muôn ức na do tha hằng hà sa quốc độ mà nghiền thành vi trần, cứ mỗi mỗi vi trần là một đại kiếp. Dùng khoảng thời gian vô cùng dài lâu ấy, để diễn nói tất cả năng lực bất tư nghị của danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, thì cũng không thể nào diễn nói cho đầy đủ hết được.

mà không bị dính mắc vào thì ngay đó là đã ly rồi. Ly thì không có khổ. Còn dính mắc vào thì khổ. Bất cứ dính kẹt vào trần nào cũng đều khổ cả. Muốn thoát khổ thì chỉ có cách là phải ly thôi. Cho nên Phật là ly thức. Thức là phân biệt. Mà không có phân biệt tốt, xấu, hay, dở, phải trái v.v... thì là giải thoát rồi. Cho nên Kinh Lăng Nghiêm gọi là "Bất tùy phân biệt". Hay "Nhược năng chuyển vật tức đồng Như Lai". Nếu người nào nhìn một sự vật mà không có phân biệt tốt xấu hay dở... thì gọi đó vô tâm hay là chuyển vật. Còn ai bị dính mắc vào bất cứ trần cảnh nào cũng đều bị vật chuyển cả. Như vậy, tự quán chiếu lại mình, xem hằng ngày mình chuyển vật hay là vật chuyển mình. Chắc là mình bị vật nó chuyển luôn luôn không lúc nào ngừng nghĩ.

12. Nam mô là chuyển y tạng, A Di Đà là vô tận thiện căn tạng, Phật là quyết định chánh giác tạng. Chuyển nghĩa là chuyển xả, chuyển đắc. Y tạng là nơi mà các pháp nhiệm tịnh, mê ngộ được cất chứa. Như vậy chuyển y tức là chuyển bỏ sở y của các pháp tạp nhiễm mà chứng đắc sở y của các pháp thanh tịnh thù thắng. A Di Đà là nghĩa căn lành không cùng tận. Phật là nghĩa Chánh đẳng Chánh giác. Đó là nghĩa quyết định không còn nghi ngờ gì cả.

13. Nam mô là ly căn tạng, A Di Đà là Niết bàn tạng, Phật là như huyền giải thoát tạng. Ly là xa lìa những thứ cấu nhiễm phiền não, căn là phải cẩn trọng những hành vi tạo tác của mình. Vì có xa lìa những thứ cấu nhiễm tập khí phiền não, nên hành giả mới có được Niết bàn an lạc. Vì

biết rõ các pháp là hư giả như huyễn, không đắm nhiễm chấp trước nên mới được giác ngộ giải thoát.

14. Nam mô là trang nghiêm Phật quốc độ, A Di Đà là thành tựu vô biên Phật quốc độ, Phật là như huyễn thập phương Hoa Tạng Thế Giới Hải. Nam mô là trang nghiêm cõi nước Phật. A Di Đà là thành tựu cõi nước Phật không có giới hạn bờ mé. Phật là đối với các pháp xem như huyễn hóa không gì ngăn ngại. Cho nên Ngài đạo khắp mười phương ở biển Hoa tạng Thế giới.

15. Nam mô là gia trì lực, A Di Đà là tiếp dẫn lực, Phật là tự tánh tương ưng nhiếp thọ lực. Nam mô là sức gia trì của Phật. A Di Đà là năng lực tiếp dẫn chúng sinh về cõi Phật. Phật là tự tánh có năng lực nhiếp thọ tất cả chúng sinh.

16. Nam mô là khai thị vô lượng trí, A Di Đà là thâm nhập chánh giác trí, Phật là quang minh phổ chiếu trí. Nam mô là mở bày trí sáng không lường cho tất cả chúng sinh. A Di Đà là thâm nhập trí huệ chánh giác. Phật là trí huệ soi sáng khắp cả mười phương.

17. Nam mô là Thế gian giải, A Di Đà là giác ngộ giải, Phật là nhất thiết trí biến chiếu thập phương viên mãn giải. Nam mô là hiểu rõ thấu suốt tất cả các pháp thế gian. A Di Đà là giác ngộ nhận rõ thông suốt tất cả các pháp. Phật là trí tuệ chiếu khắp biết rõ tất cả chủng loại của các pháp ở mười phương viên mãn không ngăn ngại.

chúng sinh rơi vào tà kiến và đọa vào ba đường dữ. Bồ tát đối với tất cả chúng sinh, luôn phát khởi lòng đại bi, đưa hết thảy chúng sinh vào Như Thật Đạo. Như Thật Đạo là chỉ cho thể tánh chơn như, vô sinh bất diệt. Nói dễ hiểu hơn Như thật đạo là tên khác của Viên Giác, Niết bàn, Chơn lý tuyệt đối v.v... Khi nhận và sống được với thể tánh chơn như này rồi, thì chúng sinh sẽ không còn bị rơi vào tà kiến và đọa vào ba đường dữ (địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh) nữa. Đó là một lẽ thật không còn gì phải nghi ngờ. Điều quan trọng là cần phải gìn giữ bảo hộ giới luật tinh nghiêm, và từ đó Bồ tát phát khởi lòng đại từ bi thương xót tất cả chúng sinh. Nếu không vì cứu giúp chúng sinh, và lợi lạc cho bản thân mình, thì Bồ tát đâu cần nghiêm trì giới cấm và phát khởi lòng đại bi. Vì thương xót chúng sinh và cũng vì muốn lợi ích cho riêng mình, nên Bồ tát mới cứu hộ cho mình và người đều thể nhập vào đạo Như Thật.

10. Tùy nhạo giới, vì luôn khiêm cung, chất trực và nhu hòa. Không bao giờ rêu rao lỗi lầm của chư Tỳ kheo, chư Tỳ kheo Ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di, cũng như người sơ học. Tùy là theo, nhạo là ưa thích, giới là ngăn cấm. Tùy nhạo giới là ngăn ngừa những hành vi xấu xa theo sự ưa thích của riêng mình. Bản chất con người thích cao ngạo ngã mạn coi thường kẻ khác. Đó là thái độ tự cao tự đắc con đẻ của chấp ngã mà ra. Cho nên, người thật tu là phải khiêm cung, chất trực, không nên rêu rao bêu xấu nói lỗi tứ chúng. Nhất là đối với những người mới bước chân vào đạo. Những người này còn non kém trong sự tu học, lẽ ra mình nên hướng dẫn chỉ bảo cho họ hiểu biết thêm về đạo

nên lời khuyên bảo của Bồ tát mới thực sự có giá trị vô cùng. Mà chúng ta cần phải học hỏi và tin tưởng noi gương theo.

8. Nhất thiết nghĩa Không giới, vì thấu triệt trọn vẹn nghĩa lý mật nhiệm của không tánh, rời bỏ tất cả kiến chấp hữu lậu cũng như buông bỏ Trí tạng vô lậu. Thật nghĩa của các pháp là nghĩa Không. Bởi vì các pháp vốn không có tự tánh. Vì không có tự tánh, nên không có những kiến chấp hữu lậu. Kiến chấp hữu lậu là loại kiến chấp do vọng niệm sinh khởi. Chỉ có giả danh mà không có thật nghĩa. Loại kiến chấp này tất nhiên là phải bị sa đọa. Lìa bỏ kiến chấp hữu lậu đã đành, nhưng cả trí tạng vô lậu cũng phải lìa bỏ luôn. Tại sao? Tại vì ghét cái dơ không nắm, mà thích nắm cái sạch, thì cũng vẫn còn nắm. Bởi tất cả danh tự ngữ ngôn đều là giả lập rỗng tuếch không thật. Cho nên, nếu muốn thấu triệt trọn vẹn nghĩa lý mật nhiệm thì phải buông bỏ tất cả. Như lột bẹ chuối tới cái cốt lõi cuối cùng cũng không còn. Nghĩa không tánh là thế. Muốn đạt được nghĩa không tánh, thì phải hằng chiếu kiến ngữ uẩn giai không. Phải vận dụng trí tuệ bát nhã để nhìn vào vạn pháp. Nhìn đâu cũng thấy các pháp là do nhân duyên giả hợp. Vì nhân duyên giả hợp, nên không vọng chấp, vô thủ vô xả. Cái không còn gì để chấp trước dính mắc, chính cái không đó mới là cái "KHÔNG" chơn thật vậy. Trong nhà thiền thường gọi là chơn không diệu hữu.

9. Thủ hộ giới, vì nơi tất cả chúng sinh, luôn phát khởi lòng đại bi đưa hết thảy vào Như Thật Đạo, không để

Kinh văn:

Này Phật tử, danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật có vô lượng vô biên bất khả thuyết ý nghĩa thâm mật vi diệu như thế, dẫu ba đời mười phương chư Phật diễn nói cũng không cùng tận.

Đến đây, Bồ Tát Phổ Hiền đã tán thán khen ngợi ca tụng hết lời về danh hiệu của câu: *Nam mô A Di Đà Phật*. Cho thấy chỉ có sáu chữ Di Đà mà nghĩa lý thậm thâm vi diệu không thể nghĩ bàn. Ngài còn nêu ra thậm chí ba đời mười phương chư Phật diễn nói cũng không cùng tận. Chúng ta thử nghĩ ba đời mười phương chư Phật nói cũng không hết ý nghĩa, thế thì, chúng ta là phàm phu làm sao có thể sử dụng ngôn từ giới hạn của thế gian mà có thể diễn giải nói hết được ý nghĩa sáu chữ Di Đà. Bởi chân lý đến chỗ tuyệt đối thì không còn gì nữa để mà suy nghĩ luận bàn. Chúng ta chỉ có thể nói những gì trong phạm vi tương đối thôi, còn đến chỗ tuyệt đối thì xin để mỗi hành giả tự ngầm nhận hiểu lấy.

Kinh văn:

Lại nữa, không thể chấp trước nơi ngữ ngôn, văn tự, âm thanh, tri kiến, biện luận... mà bảo rằng danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là hữu niệm hoặc vô niệm. Vì sao vậy? Bởi vì danh hiệu ấy chính là không tánh, là vô sở đắc, là vô sở ý, vô cấu nhiễm, là vô sở tương ưng, là vô sở bội nghịch, vô công dụng hạnh, là vô sở cầu hạnh.

Đoạn văn kinh này, rõ ràng Ngài Phổ Hiền đã nêu bày rõ về nghĩa lý của danh hiệu **Nam Mô A Di Đà Phật**. Ngài bảo chúng ta không nên chấp trước nơi ngữ ngôn, bởi ngữ ngôn là những tín hiệu giả danh rỗng tuếch có gì mà phải chấp trước. Ngài dẫn ra nào là văn tự, âm thanh, tri kiến, biện luận v.v... Dựa vào những thứ danh ngôn sắc tướng này mà cho rằng danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là hữu niệm hoặc vô niệm. Ý Ngài nhắc nhở chúng ta đừng để bị dính kẹt vào "Hữu" và "Vô" rồi tranh cãi hơn thua phải trái với nhau. Về ý niệm có và không này, thường người ta hay bị dính mắc vào. Chính vì kẹt vào ý niệm có không này mà chúng sinh phải chịu trầm luân đau khổ. Trên thế gian này không có vật gì tự nó mà có thể sinh ra và cũng không có thứ gì mà mất hẳn đi. Nhà khoa học người Pháp, ông Lavoisier đã từng tuyên bố: **"không có gì được sinh ra, cũng không có gì mất đi"**. Dù ông ta chưa hiểu và cũng chưa thật hành đạo Phật, nhưng ông ta đã tự tìm ra chân lý giống như những gì mà Đức Phật đã thấy. Bản chất thực tại của chúng sinh là bản chất không sinh không diệt. Trong quyển "Không diệt không sinh đừng sợ hãi", Thiền Sư Thích Nhất Hạnh có viết: **"Bản chất thực của chúng ta là bản chất không sinh không diệt. Chỉ khi nào ta chạm được vào bản chất chân thực đó, chúng ta mới chuyển đổi được nỗi sợ hãi mình không hiện hữu, đổi được cái lo trở thành hư không"**.

Bước vào cánh cửa "Chân không"

Ngàn hoa đua nở cõi tòng hát ca

Thành thoi trong cõi Ta bà

Duyên xưa còn đó chan hòa tình thương

ích cho mọi người nên những tội lỗi kia dần dần tiêu mòn không còn nữa, vì đã hóa giải hết rồi.

7. Niếp thọ giới nơi đại nguyện viên mãn, vì luôn ngăn ngừa chúng sinh làm những việc ác mà chỉ giúp họ làm các việc lành. Nhờ nhiếp thọ giới mà nguyện lớn của Bồ tát được tròn đầy. Do đó, nên Bồ tát luôn dùng trí tuệ của mình mà ngăn ngừa chúng sinh không nên tạo những việc ác, đồng thời, khuyến tấn họ làm các việc lành. Cho thấy sự nhiếp thọ (bao gồm và gìn giữ) giới luật là điều tối ưu quan trọng. Nhờ gìn giữ giới luật nên nguyện lớn độ sinh mới được viên mãn. Thử hỏi một người sống buông thả tha hóa gây tạo nhiều tội lỗi, thì làm sao khuyến bảo người khác làm lành giúp đỡ kẻ khác? Bản thân mình còn chèn nhèm lấm lem thì làm sao dám khuyến ai? "Chun mình còn lấm lê mê, mà đi xách đuốc lại rê chun người". Khuyến người khác đừng đam mê cờ bạc, trong khi đó mình lại mê ghiền không ai sánh kịp. Khuyến người ta không nên uống rượu, mình thì lại nhậu nhẹt say sưa túy lúy như hũ chìm. Khuyến người khác ăn chay niệm Phật, còn bản thân mình thì ăn chay đụng và niệm thị phi. Thế thì thử hỏi lời khuyến bảo đó có giá trị gì không? Chắc chắn là không rồi. Chẳng những thế, mà người ta còn cười chê đánh giá người khuyến bảo đó chẳng có ra gì. Bởi họ không có đủ như cách đạo đức khuyến bảo người khác. Người như thế, chỉ làm trò hề cho thiên hạ cười chê mà thôi. Ngược lại, lời khuyến bảo khuyến khích ngăn ngừa của Bồ tát thì khác. Bởi khi khuyến nhắc người nào đó không nên làm việc bất thiện, thì bản thân của Bồ tát không bao giờ hành động việc bất thiện ác đức đó. Cho

6. Thâm mật giới nơi phương tiện thiện xảo, vì giữ gìn giới thể trong sạch như lưu ly, và khéo cứu vớt tất cả chúng sinh trót hủy phạm giới luật. Thâm mật là nghĩa sâu kín. Người giữ gìn giới thể được tròn đủ sâu kín trong sạch như lưu ly, thời phải khéo biết sử dụng phương tiện thiện xảo để cứu vớt những chúng sinh trót đã hủy phạm giới luật. Hạnh Bồ tát là lúc nào cũng phải tự độ mình trước, rồi sau mới thể hiện cứu độ làm lợi ích chúng sinh. Mình giới đức có được đầy đủ trang nghiêm, thì mới có thể cứu độ người phá giới. Vì không muốn chúng sinh phá giới ô nhiễm nhiều mặc cảm tội lỗi, nên Bồ tát tìm đủ mọi cách phương tiện khéo léo cứu giúp họ phá tan mặc cảm tội lỗi, để tái tạo hành thiện làm lại cuộc đời mới. Còn hơn cứ ngồi đó khóc than buồn rầu chán nản, ôm khối mặc cảm tuyệt vọng to tướng chẳng có lợi ích gì. Chẳng những thế, mà người đã lỡ phạm giới ngày càng chìm sâu vào trong bóng tối si mê đầy mặc cảm rằng mình là kẻ chứa đầy tội lỗi. Bồ tát không thể để cho họ chết dần mòn trong bi thảm đau thương đó. Cho nên Bồ tát phải tìm cách để an ủi xoa dịu vết thương lòng của họ, và làm cho họ cảm thấy hăng hái yêu đời, bằng cách là vừa sám hối và vừa làm mọi việc lành, để cứu đời giúp người trong hoàn cảnh khổ đau bất hạnh hơn mình. Những việc làm lợi ích cho mình và tha nhân là yếu tố chuyển hóa tốt nhất những hành vi tội lỗi của mình. Một chai thuốc độc có thể uống vào là chết ngay tức khắc, nhưng cũng chai thuốc độc đó đem đổ vào trong một hồ nước lớn, thế thì uống vào chẳng có hề hấn gì. Vì sao? Vì nước đã hóa giải hết chất độc rồi. Cũng thế, một người lỡ phá giới, nay vì làm lợi

Sắc không, không sắc bình thường
Hằng sa cõi Phật suy lường được đâu
Trăm cay ngàn đắng khổ sâu
Chân không thể nhập vạn sâu tiêu tan
Bầu trời bát nhã thanh thang
Cửa "Không" đạo khắp bình an lối về
(Thích Phước Thái)

Sau khi nêu bày như thế, Bồ tát Phổ Hiền tự hỏi: Vì sao vậy? Đặt câu hỏi này để Ngài giải thích lý do cho chúng ta hiểu thêm. Ngài nói: **"Bởi vì danh hiệu ấy chính là không tánh, là vô sở đắc, là vô sở ý, vô cấu nhiễm, là vô sở tương ưng, là vô sở bội nghịch, vô công dụng hạnh, là vô sở cầu hạnh"**. Đoạn văn này nghĩa lý rất thâm sâu vi diệu, ở đây, chúng tôi chỉ xin giải thích sơ lược đại khái thôi. Tại sao nói danh hiệu sáu chữ Di Đà là không tánh? Nếu chúng ta hiểu được "không tánh" này, thì những câu sau đây chúng ta cũng có thể hiểu được. Không tánh, nói chung, tức là tánh không của vạn pháp. Bởi vì vạn pháp là do nhân duyên sinh. Câu hiệu Phật là danh tướng. Phàm có danh, có tướng đều do nhân duyên sinh ra cả. Đã do nhân duyên sinh, thì tự tánh của nó là không. Như cái bàn, do hội tụ đủ điều kiện thì tạo thành cái bàn. Như gỗ, thợ mộc, đinh, bào, đục, cưa v.v... tất cả những thứ đó đều không phải là cái bàn. Tuy nhiên, nếu không có những thứ đó thì cũng không có cái bàn. Cái bàn chỉ là một tên gọi tổng thể giả danh thôi. Phân tích kỹ và lấy ra từng món, thì không còn là cái bàn nữa. Danh hiệu Phật cũng như thế. Như vậy, thực tánh của cái bàn hay của danh hiệu Phật là không tánh. Vì tất cả chỉ do nhân duyên hợp lại tạo

thành. Thế thì, vạn pháp giai không, duyên sinh như huyễn. Từ đó chúng ta có thể suy ra tất cả những vật thể khác cũng đều như thế. Vì vậy nên kinh nói tất cả các pháp là do nhân duyên sinh. Đủ duyên thì còn, thiếu duyên thì mất. Còn hay mất là ở nơi duyên chớ thực tánh nào có còn, có mất đi đâu. Cũng như cái bàn đủ duyên thì còn, nhưng một ngày nào đó cái bàn bị hư hoại đi, nhưng cái thực thể (tánh không) của cái bàn không bao giờ bị hủy diệt. Hiểu "Tánh Không" của vạn pháp là như thế. Còn **vô sở đắc**, là không có sự chứng đắc. Nói có chứng, có đắc chẳng qua đó chỉ là danh từ giả lập gượng nói thể thôi. Chớ không có gì gọi là chứng, là đắc cả. Tu hành mà còn nói có chứng, có đắc, thì chưa phải là người chơn thật tu hành. Nói rõ hơn đó là tu hành dầm. Bởi vì cái thể tánh chơn như đã sẵn có từ hồi nào đến giờ. Chẳng qua chúng ta vì bị vô minh phiền não che lấp phủ mờ nên chơn tánh tuy có đó mà không hiển lộ ra thôi. Giống như mặt trăng lúc nào cũng sẵn có trên nền trời, nhưng vì bị mây mù che khuất nên ánh trăng không hiện ra. Khi mây tan biến thì trăng hiện. Cũng vậy, vô minh phiền não không còn, thì toàn thể chơn tánh sẽ hiện bày. Đó là nghĩa của vô sở đắc. Cho nên người tu hành chơn chánh thì không bao giờ nói tôi chứng cái này, hay đắc cái kia. Nếu có, thì cũng chỉ là ma nói đó thôi. **Vô sở ý** nghĩa là tâm tánh ta không có chỗ sở y cố định. **Vô cấu nhiễm**: Nghĩa là bản tâm ta không hề bị cấu nhiễm. Ví như bản chất nước là trong thì dù đổ nơi đâu nước cũng vẫn trong thôi. **Vô sở tương ưng**: Một thực thể không hình không tướng thì làm gì có chỗ để tương ưng. **Vô sở bội nghịch**: Bội nghịch là chống trái nhau, mà tâm thể không hình không tướng lấy đâu mà chống trái

đoạn trừ phiền não để cho giới thể Bồ đề hiện khởi. Người tu hành phải lấy trí tuệ làm sự nghiệp. Pháp Tiểu thừa là pháp không đưa hành giả đến chỗ giác ngộ rốt ráo hoàn toàn. Vì thế mà các hành giả Đại thừa, chỉ một bề hướng về Đại thừa đặt trọn chí hướng nơi Phật tri kiến. Đó là bản nguyện duy nhất và thiết thực của các hành giả Đại thừa.

5. Ba la mật giới nơi sự nghiệp hóa độ tất cả chúng sinh, vì thực hành vô lượng Ba la mật, khéo dẫn dắt chúng sinh vào Như Lai thừa. Một người thực hành Bồ tát hạnh, thì phải dựa trên cơ sở giác ngộ. Giác ngộ đến chỗ rốt ráo cùng tột thì gọi đó là Ba la mật. Cụm từ Ba la mật (paramita) như đã giải thích qua, nói lên cái nghĩa là đến bờ bên kia. Chữ Hán Việt gọi là đáo bỉ ngạn. Bờ bên kia là bờ giác ngộ giải thoát. Bờ bên này là bờ sinh tử khổ đau. Người tu ai cũng muốn sang qua bờ bên kia, không còn mang gánh nặng khổ đau nữa. Nhưng muốn được như thế, thì khi còn ở bờ bên này hành giả phải gây tạo chủng nhân giác ngộ giải thoát. Có gieo trồng chánh nhân giải thoát, thì mới hưởng được quả báo giải thoát. Chánh nhân giải thoát đó là gì? Đó là thực hành vô lượng Ba la mật. Ba la mật cũng gọi là độ, tức ý nghĩa vượt qua. Như thực hành Lục độ của Bồ tát. Lục độ gồm có: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Bồ tát tu Lục độ vạn hạnh và đồng thời dùng mọi phương tiện khéo léo để dẫn dắt chúng sinh vào Như Lai thừa. Nói cách khác là mình và người đồng thể nhập tánh giác và tiến đến quả vị Phật vậy.

tha thiết. Tổ Sư khuyên bảo chúng ta bớt nói một câu chuyện niệm nhiều câu Phật là ý này vậy.

3. Thanh tịnh giới nơi Ý, vì xa lìa ba nghiệp xấu nơi ý, đó là tham lam, sân hận, tà kiến. Ý nghiệp là động cơ chính thúc đẩy hai nghiệp thân và miệng tạo thành tội lỗi. Ý nghiệp gồm có ba thứ: tham lam, sân hận, si mê, mà ở đây gọi là tà kiến. Vì si mê nên mới sanh ra tà kiến. Nói gọn là tham, sân, si, thường trong kinh gọi ba thứ này là "Tam độc". Trên thế gian này không có gì độc hại bằng nó. Rắn độc hay những con thú dữ như cọp, sói, beo, sư tử... nó chỉ giết hại mình trong đời này thôi, còn ba thứ độc tố tham, sân, si, này, nó có thể hại chúng ta trải qua nhiều đời, nhiều kiếp. Những hành động tàn ác sát hại lẫn nhau, đều do hiện tướng của ba thứ độc hại này. Ngày nào mà ba thứ này còn làm chủ động hoành hành tác oai tác quái, thì ngày đó hơn loại vẫn còn phải chịu đau khổ dài dài. Thế nên, muốn hết khổ thì chúng ta cần phải giữ giới cho thanh tịnh ở nơi ý nghiệp. Có thế, thì mới có thể xa lìa ba nghiệp xấu ở nơi ý (thức thứ sáu). Và chừng đó thì tham, sân, si sẽ không còn có cơ hội hoành hành nhiều loạn gây ra nhiều tội ác nữa.

4. Bồ đề tâm giới, nơi sự nghiệp tuệ giác, vì chẳng ưa thích pháp Tiểu thừa, mà đặt trọn chí hướng nơi Phật tri kiến. Bồ đề tâm là tâm giác ngộ. Giới có công năng ngăn ngừa chặn đứng những hành vi xấu ác, để giữ tròn tâm thể giác ngộ. Tuy tánh giác vốn tròn sáng, nhưng vì bị các thứ phiền não che mờ nên làm cho tánh giác không hiển lộ. Nay đây, nhờ giác ngộ nên hành giả quyết tâm

nhau. **Vô công dụng hạnh:** Khởi dụng công hạnh tự nhiên không cần phải suy nghĩ tính toán phải làm như thế này hay như thế kia. Vì công hạnh đã thuần thục rồi. Thí như bất thần có người gọi tên mình, thì mình liền tự động đứng lên. Lúc đó mình đâu có suy nghĩ phải đứng lên như thế nào. Đó là nghĩa của Vô công dụng hạnh là vậy. **Vô sở cầu hạnh:** Thể hiện cái hạnh mà không có chỗ để mong cầu. Bồ tát khi dẫn thân hành thiện cứu đời giúp người thì không có ý mong cầu người đó phải đáp trả lại cho mình thế này, thế kia. Vì còn có ý mong cầu đáp trả, thì không thể nói là vô sở cầu hạnh được. Đó là chúng tôi giải thích một cách rất là đơn giản đại khái thế thôi.

Kinh văn:

Lại nữa, không thể chấp trước nơi hình thái tu tập, chỗ dụng công, hoặc phương tiện biểu hiện, qui tắc hành trì, mà cho rằng danh hiệu ấy là hữu định tính hay vô định tính. Vì sao vậy? Bởi vì danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật chính là vô tận tạng, hư không tạng, đà ra ni tạng, giải thâm mật cù túc tạng.

Ngài Phổ Hiền lại nói tiếp: **không thể chấp nơi hình thái tu tập, chỗ dụng công, hoặc phương tiện biểu hiện, mà cho rằng danh hiệu ấy là hữu định tính hay vô định tính.** Đọc qua đoạn văn này, ta thấy rõ là Bồ tát Phổ Hiền muốn cho chúng ta biết, khi dụng công tu tập, thì chúng ta đừng có cố chấp vào pháp môn mình đang tu. Chính vì chỗ chấp này mà sinh ra lắm chuyện thị phi tranh cãi hơn thua với nhau. Người tu Thiền thì bài xích chê bai người tu Tịnh, ngược lại, người tu Tịnh thì công kích người tu

Thiền. Đó chỉ là làm trò cười cho khách bàng quang thiên hạ mà thôi. Pháp môn nào cũng do Phật nói. Thế thì tại sao mình lại tranh chấp hơn thua kích bác chi với nhau? Như thế có khác gì mình công kích ông Phật của mình rồi. Hình thái tu tập có thể mỗi người thể hiện mỗi cách tu tập hành trì không giống nhau. Tùy theo căn cơ trình độ hiểu biết và sở thích cá nhân của mỗi người, mà có thể chọn cho mình một phương pháp tu hành cho thích hợp. Như có người thì thích tụng kinh. Có người thì thích trì chú. Có người thì thích niệm Phật. Có người thì thích ngồi thiền. Có người thì thích lễ bái v.v... Nói chung, mỗi người có mỗi cá tính sở thích khác nhau. Thí như có nhiều loại thức ăn đã được bày biện dọn sẵn trên bàn, tùy sở thích của mỗi người mà chọn lựa. Chọn lựa là quyền của mỗi người. Điều quan trọng là thức ăn nào, chung quy cũng đều làm cho mình no bụng cả. Ngoại trừ những thức ăn có chất độc hại thì không nên dùng. Cũng thế, pháp môn tuy nhiều, nhưng pháp môn nào cũng giúp cho hành giả đạt được sự an lạc và giải thoát cả. Ngoại trừ pháp môn tà ngoại thì rất có hại cho thân tâm. Giống như đó là thuốc có chất độc hại. Cho nên Kinh nói: "Tùy bệnh dữ dược" là vậy. Nghĩa là tùy theo mỗi căn bệnh mà cho thuốc. Thuốc thì không luận hay dở, miễn trị hết bệnh thì đó là thuốc hay.

Chúng sinh đa bệnh, thì Phật pháp đa môn. Như ngôi nhà có nhiều cửa, ai thích cửa nào thì bước vào cửa đó. Mục đích là ai cũng vào trong nhà cả. Ngôi nhà thì chỉ có một mà cửa thì nhiều. Chả lẽ người đứng cửa này lại chê bai công kích người đứng cửa kia. Tu hành mà còn có cái tâm

làm các điều lành. Giữ tâm ý mình cho trong sạch. Đó là lời chư Phật dạy".

2. Thanh tịnh giới nơi miệng, vì xa lìa bốn nghiệp dữ vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu. Trên nói về thân nghiệp, ở đây nói về ngữ nghiệp, tức lời nói từ miệng phát ra. Lời nói phát ra thành tiếng để người khác hiểu được lời mình nói. Lời phát ngôn có bốn cách: vọng ngôn là lời nói dối: chuyện có nói không, chuyện không nói có. Ý ngữ là lời nói trau chuốt dùng lời ngon tiếng ngọt đường mật, hàm ý ru ngủ lừa đảo gạt gẫm người ta với ý đồ bất chánh. Lưỡng thiệt là lời nói hai chiều: đâm đầu này, thọc đầu kia, gây ra cho người ta xích mích rầy rà cãi vã với nhau. Thế gian gọi là đòn sóc hai đầu. Cây đòn sóc có hai đầu nhọn hoắc để nhà nông vót lúa bó. Đâm bó này rồi trở đầu nhọn đâm bó kia. Xong để lên vai gánh đi. Vì vậy nên người nói đâm thọc thì gọi người đó là kẻ đòn sóc hai đầu. Ác khẩu là lời nói nhằm trừ rửa chửi mắng miệt thị hạ nhục người khác, bằng những lời lẽ cay cú ác độc. Đây là bốn cái tội do phát xuất từ cái lỗ miệng nói ra. Con ếch chết vì cái miệng của nó. Người ta có khi mất mạng cũng chỉ vì cái miệng. Tục ngữ có câu: "Bệnh từng khẩu nhập, họa từng khẩu xuất". Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau. Câu này bây giờ người ta sửa lại có ý mỉa mai là: lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho lời tiền ra. Thật là oái oăm cho cái quái ác ngữ. Nói cho sưng cái lỗ miệng mà gây ra tác hại không nhỏ. Thế nên, muốn cho ngữ nghiệp thanh tịnh, thời người Phật tử nên nhớ niệm Phật thật nhiều bằng cái tâm chí thành

Bồ Tát Quán Thế Âm khuyến nhắc chúng ta phải luôn tinh tấn xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật tùy thời gian nhiều ít, điều quan trọng là phải niệm Phật liên tục, gìn giữ trọn đời không biết mỏi nhọc. Như thế thì mới thành tựu được mười giới pháp thanh tịnh. Khi được thanh tịnh rồi, thì mới xứng đáng để cho hàng nhân thiên tôn kính. Mười điều đó như sau:

1. Thanh tịnh giới nơi thân, vì xa lìa nghiệp sát sinh, dâm dục, trộm cắp. Điều thứ nhất, Bồ tát dạy chúng ta cần phải giữ giới nơi thân. Tức là gìn giữ ở nơi thân nghiệp. Thân nghiệp thì tạo ba nghiệp ác: sát sinh, dâm dục, trộm cắp. Người xuất gia thì Phật cấm không được dâm dục. Người tại gia thì Phật cấm không được tà dâm. Về năm giới cấm của người Phật tử tại gia, chúng tôi đã trình bày ở tập 1, nên ở đây chúng tôi không muốn lặp lại. Ở đây, Bồ tát chỉ nêu ra ba nghiệp ác ở nơi thân, tuy không nêu rõ hết các giới, nhưng chúng ta cũng nên hiểu rằng, những giới khác mà không gìn giữ, thì chắc chắn là tâm ta sẽ không bao giờ được thanh tịnh. Đơn cử như nghiệp sát sinh, người nào có nghiệp sát sinh nặng, thì tìm đủ mọi phương cách để giết hại chúng sinh. Giết người là tội nặng nhất. Khi toan tính tìm cách sát hại, thử hỏi tâm ta như thế nào? Chắc là không bao giờ được an ổn. Cho nên muốn cho tâm ta được an định thanh tịnh, thì phải giữ giới đã thọ. Bằng không thì loạn động không lúc nào yên. Từ đó tạo ra không biết bao nhiêu nghiệp ác, rồi thọ quả báo cũng không biết bao nhiêu điều khổ lụy cho thân tâm. Người Phật tử phải nên ý thức vấn đề nhân quả báo ứng. Ta nên nhớ kinh dạy: "*Các điều ác không nên làm. Vâng*

địa bài xích chê bai tranh chấp hơn thua với nhau như vậy, thì đó là bịnh chấp ngã, chấp pháp quá nặng.

Ta nên nhớ, an lạc giải thoát là mục đích nhắm tới của người tu. Còn tất cả pháp môn chỉ là phương tiện. Phương tiện nào cũng tốt cả. Cũng như no bụng là mục đích của những thực khách. Còn các món ăn trên bàn chỉ là phương tiện để giúp cho người ta ăn no bụng thôi. Thế thì, không vì lý do gì mà ta lại tranh cãi hơn thua với nhau về sự chọn lựa thức ăn. Cãi vã với nhau như vậy thật là vô ích và vô cùng phi lý.

Niệm danh hiệu Phật với mục đích là để cho tâm ta được an định. Danh hiệu Phật cũng chỉ là phương tiện. Nhờ niệm Phật mà tâm mình được an lạc. Thì đó là phương tiện tốt. Đã thế, thì tại sao mình lại chấp cho danh hiệu Phật như thế này, như thế kia. Có người cho rằng danh hiệu Phật là hữu định tính rồi có người cho là vô định tính. Hữu định tính hay vô định tính cũng chỉ là những danh từ rỗng tuếch. Thế rồi cãi nhau chí chóc trên danh từ đó mà quên đi danh hiệu Phật. Cũng như cãi nhau về thức ăn mà chẳng ai thèm ăn, rốt lại thì bụng của người nào người nấy cũng bị đói meo. Thế thì có lợi hay có hại? Thật là hết sức đại khờ! Ngẫm kỹ lại chúng ta cũng mắc phải cái bịnh đại khờ này!

Bồ tát Phổ Hiền hỏi lý do tại sao mà có sự cố chấp như vậy? Rồi Ngài trả lời khẳng quyết rằng: ***bởi vì danh hiệu Phật chính là vô tận tạng, hư không tạng, đà ra ni tạng, giải thâm mật cụ túc tạng...*** Danh hiệu sáu chữ **Nam Mô**

A Di Đà Phật là kho báu vô cùng tận, rộng lớn không ngần mé như hư không, tổng trì (đà ra ni) giữ gìn tất cả pháp lành và đầy đủ những lý giải sâu kín. Bồ tát Phổ Hiền nêu cao cái thâm nghĩa, cái mật nghĩa của sáu chữ Di Đà, khác nào như một cái kho rộng lớn trùm khắp chứa đầy của báu, mà người nào chỉ cần nhiếp tâm thành ý, niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, thì cũng như người nghèo nhận được kho báu quý giá vô cùng tận vậy.

Kinh văn:

Lại nữa, không thể chấp trước vào ý nguyện vãng sinh, tâm thái mong cầu Phật lực hoặc an trú bản nguyện lực, hay sự phát tâm Bồ đề quảng đại... mà cho rằng danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là hữu thú hướng hoặc vô thú hướng. Vì sao vậy? Bởi vì danh hiệu ấy, chính là tịch tịnh tạng, thanh tịnh vi diệu tạng, minh triết tạng, là trần tạng, là thức tạng, là cấu tạng.

Ta nên chú trọng ở hai chữ "Chấp Trước". Trong đạo Phật tối kỵ là vấn đề vọng chấp. Thông thường có hai lối chấp rất nặng đó là "chấp Ngã và chấp Pháp". Cũng vì hai cái chấp nặng nề này mà chúng sinh mãi trôi lăn trong đường sinh tử khổ đau. Ngược lại với "CHẤP" đó là "GIẢI THOÁT". Còn chấp là còn bị ràng buộc trong đau khổ. Bất cứ chấp cái gì cũng đau khổ cả. Chấp điều lành hay chấp điều dữ gì thì cũng vẫn là chấp. Kinh Kim Cang nói: **"Chánh pháp còn phải bỏ hà hướng là phi pháp"**. Thị còn chẳng có, có chi phi. Chỉ có buông xả mọi thứ vọng chấp thì mới có được Niết bàn an lạc. Vì thế nên Ngài Phổ Hiền bảo chúng ta đừng có cố chấp vào cái ý nguyện vãng

chấp hữu lậu cũng như buông bỏ ngay cả Trí tạng vô lậu.

9. Thủ hộ giới, vì nơi tất cả chúng sinh, luôn phát khởi lòng đại bi đưa hết thầy vào Như Thật Đạo, không để chúng sinh rơi vào tà kiến, và đọa vào ba đường dữ.

10. Tùy nhạo giới, vì luôn khiêm cung, chất trực và nhu hòa. Không bao giờ rêu rao lỗi lầm của chư Tỳ kheo, chư Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, cũng như những người sơ học.

Bồ Tát Quán Thế Âm lại dạy bảo bà Vi Đề Hy về mười giới pháp thanh tịnh. Ngài nói: **"Bất cứ chúng sinh nào quyết liệt đối với Bồ tát đạo, luôn tinh tấn xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật hoặc một ngày, hoặc bảy ngày, hoặc nhiều lần của bảy ngày. Liên tục như vậy, trọn đời không mỗi nhọc, thì chắc chắn thành tựu mười giới pháp thanh tịnh, xứng đáng là bậc tôn quý trong hàng nhân thiên"**.

Trong lời dạy của Bồ tát, ta nên chú ý hai chữ thanh tịnh. Thanh là trong, tịnh là sạch. Nghĩa nôm na là trong sạch. Nước đã lóng trong thì không còn nhơ đục. Nhơ đục không còn thì gọi là nước sạch. Cũng vậy, trong tâm thức của chúng ta thì các loại phiền não, chúng luôn làm cho tâm ta bị cấu bợn nhơ đục. Muốn cho tâm ta được trong sạch thì cần phải lóng lạng. Khi nào những thứ phiền não không còn thì tâm ta mới thực sự thanh tịnh. Thành ra hai chữ thanh tịnh, nói thì dễ mà làm cho nó thanh tịnh thì rất khó. Phải mất thời gian công phu tu tập già dặn lâu dài có khi trọn cả đời mà tâm ta vẫn chưa trong sạch. Cho nên

Kinh văn:

XIV. Nay Vi Đề Hy, bất cứ chúng sinh nào quyết liệt đối với Bồ tát đạo, luôn tinh tấn xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật hoặc một ngày, hoặc bảy ngày, hoặc nhiều lần của bảy ngày. Liên tục như vậy, trọn đời không mỗi nhọc, thì chắc chắn thành tựu mười giới pháp thanh tịnh, xứng đáng là bậc tôn quý trong hàng nhân thiên. Như là:

- 1. Thanh tịnh giới nơi thân, vì xa lìa nghiệp sát sinh, dâm dục, trộm cắp.**
- 2. Thanh tịnh giới nơi miệng, vì xa lìa bốn nghiệp dữ vọng ngôn, ỷ ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu.**
- 3. Thanh tịnh giới nơi ý, vì xa lìa ba nghiệp xấu nơi ý, đó là tham lam, sân hận, tà kiến.**
- 4. Bồ đề tâm giới, nơi sự nghiệp tuệ giác, vì chẳng ưa thích pháp Tiểu thừa, mà đặt trọn chí hướng nơi Phật tri kiến.**
- 5. Ba la mật giới nơi sự nghiệp hóa độ tất cả chúng sinh, vì thực hành vô lượng Ba la mật, khéo dẫn dắt chúng sinh vào Như Lai thừa.**
- 6. Thâm mật giới nơi phương tiện thiện xảo, và giữ gìn giới thể trong sạch như lưu ly, và khéo cứu vớt tất cả chúng sinh trót hủy phạm giới luật.**
- 7. Nhiếp thọ giới nơi đại nguyện viên mãn, vì luôn ngăn ngừa chúng sinh làm những việc ác mà chỉ giúp họ làm các việc lành.**
- 8. Nhất thiết nghĩa không giới, vì thấu triệt trọn vẹn nghĩa lý mật nhiệm của không tánh, rời bỏ tất cả kiến**

sinh. Bỏ cái dơ mà nắm cái sạch thì cũng vẫn là còn nắm. Ý Ngài Phổ Hiền muốn nhắc nhở hành giả Tịnh độ chúng ta, nên ý thức vấn đề chấp trước này. Vãng sinh Cực Lạc là điều tâm nguyện của bất cứ hành giả Tịnh độ nào cũng đều mong muốn cả. Mong muốn là điều tốt, nhưng cũng đừng chấp chặt vào ý nguyện mong muốn đó. Bồ Tát Phổ Hiền muốn cho chúng ta không bị dính kẹt vào bất cứ ý niệm nào, ngay cả cái ý niệm có cái tâm thái mong cầu Phật lực gia hộ hoặc an trú ở nơi nguyện lực hay sự phát tâm Bồ đề v.v... Tất cả đều không nên để tâm bị dính mắc vào. Còn dính kẹt là còn bị ràng buộc không thể giải thoát. Cho nên những câu sau Bồ tát Phổ Hiền nói rõ danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật ngầm chứa tất cả những yếu lý siêu xuất thế gian. Hiểu được thực tánh của vạn pháp, tức tánh không của mọi hiện tượng, thì đọc những câu như: "*hữu thú hướng, vô thú hướng, tịch tịnh tạng, thanh tịnh vi diệu tạng, minh triệt tạng, thức tạng, cấu tạng...*" tất cả những danh từ này đối với những người mới học Phật nghe qua thì thật là khó hiểu, nhưng như đã nói, thực tế cũng nhằm chỉ cho cái thực tánh của vạn pháp mà thôi. Để hiểu rõ thêm về những vấn đề này, chúng tôi xin dẫn bài kệ trong Trung Quán Luận của Bồ tát Long Thọ nói về Bát Bất:

Bất sanh diệt bất diệt
Bất thường diệt bất đoạn
Bất nhất diệt bất dị
Bất lai diệt bất xuất

Nghĩa là:

*Chẳng sanh cũng chẳng diệt
Chẳng thường cũng chẳng đoạn
Chẳng một cũng chẳng khác
Chẳng đến cũng chẳng đi*

"Có thể nói "Bát Bất" này là cương lĩnh toàn bộ Trung Quán Luận. Bốn vẻ đối đãi này bao trùm tất cả sự hiện khởi, vận hành của các pháp trên thế gian, suốt cả không gian lẫn thời gian. Ngài Long Thọ dùng Bát Bất này để hiển bày thực tướng (tướng không) của các pháp và là một cách trực tiếp ngăn chặn những nhận thức sai lầm của chúng ta đối với các pháp. Khi chúng ta nhìn các pháp không bị chi phối bởi các nhị biên (hai bên: có, không, phải, trái, hơn thua v.v...) do sự phân biệt, chấp trước thì chúng ta sẽ thâm nhập được thực tướng của các pháp" (Chánh Tấn Tuệ)

Qua đó, chúng ta thấy lâu nay chúng ta thường bị cái bịnh dính kẹt vào những khái niệm của ngôn từ về các pháp đối đãi nhị biên. Bồ tát Long Thọ dùng "Bát Bất" phủ định tất cả những cặp đối đãi này. Bởi tất cả các pháp hình thành đều do nhân duyên cấu tạo. Mà đã do nhân duyên giả hợp tạo thành thì thực thể của các pháp là không thật. Lâu nay vì si mê nên chúng ta lầm nhận cho vạn pháp là thực có. Nhưng thật ra tất cả các pháp chỉ là hư huyền rỗng tuếch không thật. Bồ giả thì chơn hiện. Tuy nhiên, chơn giả cũng chỉ là đối đãi phải vượt lên trên phạm trù đối đãi nhị nguyên này thì cái không đối đãi nhị nguyên (tánh không) mới hiện bày. Đến đây, thì không còn gì để diễn tả. Như trong Khởi Tín Luận đã nói: "*Sở dĩ các pháp sai khác là*

thì không có một vật nào cả. "Pháp thân giác liễu vô nhưt vật", vì "bản nguyên tự tánh thiên chơn Phật". Nhận được tự tánh thiên chơn Phật rồi, thì mới thấy thân tâm này thật là giả hợp huyền có. Không chấp vào thân tâm giả hợp, thì mới nhận được pháp thân. Như vậy, pháp thân của mình và pháp thân của Phật đâu có gì sai khác. Đứng về mặt thể tánh mà nói thì không sai khác. Nhưng đứng về phương diện giữa mê và ngộ thì sai khác một trời một vực. Pháp thân Phật thì hoàn toàn hiển lộ. Còn pháp thân mình thì bị vô minh phiền não che ngăn. Nên có mà chưa hiện bày. Ánh trăng tuy sẵn có trên nền trời, nhưng vì bị mây đen dày đặc che phủ, nên ánh trăng có đó mà không xuất hiện. Chỉ cần vệt hết mây mù thì ánh trăng hiển lộ hoàn toàn đó thôi.

10. Quyết định hóa sinh tự nơi hoa sen báu, cùng một chỗ ở với chư Phật, chư Thánh Chúng. Như trước đã có nói, người chí thành niệm Phật, khi bỏ báo thân này, thì sẽ được vãng sinh về Cực lạc, gọi là liên hoa hóa sinh. Khác hơn ở cõi này là sinh ra từ bào thai của mẹ. Cho nên, người ở cõi Cực lạc thì hoa sen là cha mẹ mình. Chính vì thế, ai cũng có được thân kim cang bất hoại. Không có cảnh sinh, già, bệnh, chết như ở cõi Ta bà này. Trong quyển Đường Về Cực Lạc, soạn giả HT Thích Trí Tịnh có nói rõ về vấn đề này. Ở đây soạn giả không tiện dẫn ra để chứng minh. Cõi Cực lạc như đã nói có 4 cõi Tịnh Độ. 1. Thường tịch quang tịnh độ. 2. Thật báo trang nghiêm độ. 3. Phương tiện hữu dư độ. 4. Phàm Thánh đồng cư độ. Cõi này người mới vãng sinh cùng ở chung với các bậc Thánh. Nên nói phàm Thánh đồng cư vậy.

chưa phát hiện toàn vẹn đó thôi. Bồ đề tánh giác đối với Bồ tát thì gọi các Ngài là phần chứng pháp thân. Khi nào vô minh phiền não của các Ngài hoàn toàn sạch hết thì mới gọi các Ngài là toàn giác đồng với chư Phật.

8. Quyết định an trụ trong bản nguyện vĩ đại của Đức Phật A Di Đà, chắc chắn được Ngài tiếp dẫn. Bản nguyện vĩ đại của Đức Phật A Di Đà, tức 48 điều đại nguyện. Nếu hành giả Tịnh Độ đã tin chắc vào bản nguyện vĩ đại của Ngài, một lòng xưng niệm danh hiệu Ngài, không một chút lãng xao, và niệm niệm tương tục như dòng nước thác, tịnh niệm nối liền không dừng, được thế, thì lo gì mà không được vãng sinh về quốc độ của Ngài. Không phải đợi đến sau khi chết mới được vãng sinh, mà hiện tại thì hành giả cũng đã vãng sinh từng niệm rồi. Vãng là qua, sinh là sinh ra. Qua là vượt qua nỗi khổ niềm đau, sinh là sinh ra niềm vui cùng cực. Đã có chánh nhân hiện tại, thì lo gì không có kết quả ở tương lai. Bởi chất liệu hiện tại, nó quyết định cho tương lai tốt đẹp. Nhất tâm niệm Phật như thế, thì chắc chắn sẽ được Ngài tiếp dẫn về cảnh giới Tây phương Cực lạc của Ngài.

9. Quyết định hòa hợp thân và tâm vào trong kim thân của chư Phật. Kim thân là thân sắc vàng của Như Lai. Kim thân nói đây không phải là hóa thân hay báo thân của Phật. Mà kim thân chính là pháp thân Phật. Thân tâm của ta cũng từ nơi pháp thân mà có. Rồi pháp thân thì không có thân tâm này. "Huyễn hóa không thân tức pháp thân" (Chứng Đạo Ca). Thân huyễn hóa hay thân ngũ uẩn này cũng chính là pháp thân. Nếu ngộ được pháp thân rồi

do vọng niệm; nếu rời vọng niệm thì không còn các cảnh tượng sai khác. Bởi thế nên tất cả pháp từ hồi nào đến giờ, không thể dùng danh tự để kêu gọi, không thể dùng lời nói luận bàn, không thể dùng tâm suy nghĩ được, không có biến đổi và cũng không có phá hoại, vì nó rất ráo bình đẳng, chỉ có một "Tâm Chơn như" mà thôi".

*Có chấp chi nhiều khổ thêm sâu
Nặng lòng chấp ngã khổ âu sâu
Buông đi cho khỏe lòng thanh thoát
Hy xả vui cười hết khổ đau*

*Dại gì có chấp khổ cho ta
Có gì bất ý cứ nói ra
Cùng nhau thảo luận trong êm đẹp
Đừng có tranh nhau phải trái mà*

*Biết rằng ai phải biết ai không
Sân si tranh cãi thật cuồng ngông
Người nào cũng muốn mình hơn cả
Kẻ thắng người thua cũng khổ đồng*

*Thử hỏi trên đời sống bao lâu?
Xuân xanh mới đó đã bạc đầu
Sớm còn tối mất nhanh như chớp
Ngắn ngủi kiếp người chẳng có lâu!*
(Thích Phước Thái)

Kinh văn:

Lại nữa, không thể chấp trước vào cách thức trì niệm, vào nghi tắc lễ bái cúng dường, vào sự khẩn thiết xưng tán, sám hối hoặc tâm chí tùy hỷ công đức của hành giả niệm Phật mà cho rằng danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là hữu sở y hay vô sở y. Vì sao vậy? Bởi vì danh hiệu ấy chính là khả ái nhạo tạt, là ly chủng chủng trần cấu tạt, là ly uẩn tạt, là vô chướng ngại tạt, là vô tận công đức tạt... vô tận thiện căn tạt, là niết bàn tạt, là như huyền tam muội vô vi tạt, là thành tựu Phật độ tạt, là quyết định vô thượng Bồ đề tạt, là Phổ Hiền bất tư nghị giải thoát tạt.

Cách thức trì niệm, nghi tắc lễ bái cúng dường, khẩn thiết xưng tán, sám hối hoặc tùy hỷ công đức. Đây là những nghi lễ hành trì thường nhật của hành giả Tịnh độ. Tuy nhiên, những điều này, tuy thấy đơn giản nhưng nghĩa lý và phương pháp hành trì cho đúng cách, thật cũng không phải là chuyện dễ dàng. Nói thì dễ mà thật hành cho đúng phương pháp thì mới khó. Như trì niệm cũng phải làm cho đúng cách thức. Nói chung là những nghi cách hành lễ này chúng ta cũng cần phải học tập để khi áp dụng thật hành thì không còn bị sai lệch. Những phương thức hành trì này, về hình thức thì thấy dễ dàng mà nội dung thì thật cũng không phải dễ hiểu. Do đó, các hành giả Tịnh độ cần phải gia công chuyên cần học hỏi thật hành cho đúng pháp. Ở đây, Ngài Phổ Hiền lại nêu ra những điều mà hành giả niệm Phật cho rằng danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật ý nghĩa thật là sâu sắc. Ta thấy những danh từ nêu ra tuy có khác nhau về mặt văn tự, nhưng thâm nghĩa chung

ngoài hư không mà có. Hư không là thể của muôn vật. Tuy nhiên, hư không thì vô tri, vô giác. Còn chơn như hay Phật tánh thì hữu tri, hữu giác. Giữa hư không và Phật tánh khác nhau ở chỗ đó. Từ bản thể duyên sinh ra hiện tượng. Hiện tượng là đủ các loại hình tướng. Tuy nhiên, tánh và tướng vẫn không rời nhau. Như sóng với nước không thể ly khai ra được. Không phải hai nhưng cũng không phải một. Nói một là sai mà nói hai thì không đúng. Nhắc lại, đây là pháp môn Bất Nhị trong Kinh Duy Ma Cật. Như Lai là thể tánh bất sinh, bất diệt. Thế thì các loại hình tướng đều xuất sinh từ thể tánh Như Lai. Như muôn ngàn đám mây đủ loại, đủ màu, đủ cỡ cũng không ngoài bầu trời mà có. Bầu trời là dụ cho thể tánh Như Lai. Các đám mây là dụ cho các loại hình tướng.

7. Quyết định an trụ trong trí tuệ siêu việt, giải thoát của Như Lai, thâm nhập Bồ đề giác tánh của chư Phật.

Trong tất cả các loại trí tuệ, chỉ có trí tuệ của Phật mới được gọi là trí tuệ siêu việt hơn cả. Siêu việt là vượt lên trên mọi thứ trí tuệ khác, kể cả trí tuệ của Bồ tát, nói chi là trí tuệ của phàm phu. Có an trụ trong trí tuệ của Phật thì mới thực sự giải thoát hoàn toàn. Đó là "Giải thoát đức" trong tam đức của Phật. Được thế, thì đã thâm nhập Bồ đề giác tánh của chư Phật rồi. Bồ đề giác tánh không phải chỉ riêng Phật mới có, mà tất cả chúng sinh đều sẵn có. Nhưng có mà không phát huy đến mức cực điểm của nó, thì cái có đó cũng không đi đến đâu. Đối với chư Phật là các Ngài tròn chứng pháp thân, tức là đã chứng nhập Bồ đề giác tánh. Còn chúng sinh vì còn sống trong mê lầm bị bao nhiêu thứ phiền não ngăn che, nên tánh thể Bồ đề

cánh giải thoát. Như vậy, các môn Ba la mật là các môn giải thoát mà tất cả chư Bồ tát cần phải tu học mới thành Phật được. Quyết định an trú trong vô số các môn Ba la mật, cũng có nghĩa là niệm Phật quyết định an trú trong cảnh giới giải thoát bất tư nghi của chư Phật vậy.

5. Quyết định tham dự trong những chúng hội đạo tràng của chư Như Lai. Câu này chúng ta có thể hiểu qua hai phần Sự và Lý. Về Sự thì tất cả thính chúng hội tụ về đạo tràng của chư Như Lai. Nói chư Như Lai ở đây, theo tôi hiểu là không riêng gì đức Phật Di Đà mà chỉ chung cho tất cả chư Phật. Cho nên nơi nào có đạo tràng của chư Phật, thì nơi đó mình quyết định tham dự. Tuy nhiên, đối với hành giả Tịnh Độ thì chắc chắn là quyết định trong chúng hội đạo tràng của đấng Từ Phụ Giáo chủ A Di Đà ở cõi Cực lạc. Về Lý, thì hai chữ đạo tràng không phải chỉ nơi hành đạo làm những pháp sự bên ngoài, mà đạo tràng chỉ cho tâm thể của mỗi chúng sinh. Trong Kinh Duy Ma Cật có câu: "**Trực tâm tức thị đạo tràng**". Trực tâm là tâm ngay thẳng, tức cái tâm không bị dính kẹt hai bên, đó là nghĩa trung đạo. Như vậy, thì bất luận nơi nào cũng là đạo tràng cả. Còn Như Lai là chỉ cho thực thể bất sinh bất diệt. Đạo tràng của chư Như Lai là chỉ cho bản tánh sẵn có của mỗi chúng sinh. Người tu là quyết định phải an trú trong bản thể Như Lai tự tánh của chính mình.

6. Quyết định đủ năng lực hiện bày thể tánh và chủng tướng của Như Lai. Thể tánh hay chơn như là bản thể của vạn hữu vũ trụ. Không có một hiện tượng nào ngoài thể tánh chơn như này. Giống như không một vật thể nào

chung cũng không có gì khác biệt lắm. Nếu chúng ta đã hiểu ý nghĩa của những đoạn văn kinh trên thì đoạn văn kinh này cũng không khác mấy. Như: hữu sở y, vô sở y. Sở y là chỗ nương về. Hữu và vô như đã giải thích ở trên. Đây là những cặp đối đãi. Mà danh hiệu sáu chữ Di Đà thì vượt ngoài đối đãi này. Nếu phải giải thích ý nghĩa từng cụm từ một, thì rất là dài dòng. Nên chúng tôi thiết nghĩ, chúng ta chỉ cần nắm ý chính là đủ.

Kinh văn:

Khi Ngài Phổ Hiền Bồ tát ở trước Đức Như lai mà tuyên thuyết ý nghĩa và công đức bất khả tư nghị của danh hiệu Phật rồi, đức Như Lai khen rằng: Lành thay! Lành thay!

Qua những điều mà Bồ tát Phổ Hiền đã trình bày về những ý nghĩa sâu xa và công đức không thể nghĩ bàn của danh hiệu Phật A Di Đà trước Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và đã được Đức Phật tán thán khen ngợi hết lời.

Kinh văn:

Vô lượng vô biên Bồ tát khắp mười phương chứng đắc niệm Phật tam muội, và quốc mẫu Vi Đà Hy cùng những vị trưởng lão trong đại chúng đều thân chứng Tín Giải Đà Ra Ni. Chư Thiên, Long, Quỷ, Thần đều thâm nhập Thiện Căn Đà Ra Ni, hớn hở vui mừng đồng chấp tay nhất tâm xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật.

Vô số Bồ tát khắp cả mười phương khi nghe Bồ tát Phổ Hiền trình bày về thâm nghĩa của danh hiệu Phật A Di Đà không thể nghĩ bàn, các Ngài nghe qua đều chứng đắc niệm Phật Tam muội. Bà quốc mẫu phu nhân Vi Đề Hy cùng những vị trưởng lão trong đại chúng đều thân chứng Tín Giải Đà ra ni. Các vị trời rồng quý thần ... cũng đều thâm nhập thiện căn Đà ra ni, hớn hở vui mừng đồng chấp tay nhất tâm xưng niệm **Nam Mô A Di Đà Phật**. Đoạn văn này diễn tả cái thông lệ sau những thời giảng pháp trong thời đại của Đức Phật. Thường là các vị thánh chúng căn lành sâu dày sau khi nghe Phật hoặc Bồ tát thuyết giảng xong, thì mỗi vị tùy theo căn cơ trình độ thâm nhập chứng đắc qua sự lãnh hội ý chỉ sâu cạn của mình. Ở đây ta thấy, qua sự trình bày của Bồ tát Phổ Hiền trong phẩm này, mà các thánh chúng không riêng gì trong hội thuyết pháp đương cơ, mà còn vô số các Bồ tát ở các phương khác, nghe xong lời giảng giải của Bồ Tát Phổ Hiền, các Ngài cũng đều thâm chứng cả. Thật là vi diệu của danh hiệu Phật A Di Đà. Chỉ cần chí tâm chí thành tha thiết niệm hồng danh **Nam Mô A Di Đà Phật** mà kết quả đạt được bản nguyện thật quá lớn lao.



sinh sang về thế giới Cực lạc của Đức Phật A Di Đà. Vì cảnh giới đó y báo và chánh báo rất thù thắng trang nghiêm.

3. Quyết định thấu triệt công hạnh, tâm nguyện của chư Bồ tát. Muốn thấu triệt công hạnh và tâm nguyện của chư Bồ tát, thì hành giả phải thực tập tu theo công hạnh Bồ tát. Công hạnh và tâm nguyện của Bồ tát rất lớn lao cao cả. Bởi Bồ tát thì đa hạnh và đa nguyện. Nhưng nguyện nào Bồ tát cũng nhằm mang đến những điều lợi lạc cho tất cả chúng sinh. Do có nguyện lực mới có công hạnh. Hạnh là thật hành theo bản nguyện. Nếu chỉ có nguyện mà không có hạnh thì chẳng làm gì lợi ích cho ai. Cho nên nguyện và hạnh phải được song hành với nhau. Như chúng ta phát nguyện sau khi xả bỏ báo thân này, nguyện sinh về Cực lạc. Đó mới chỉ là phát nguyện, nhưng nếu không thật hành niệm Phật đúng pháp, thì đó chỉ là nguyện suông thôi. Chẳng có lợi ích gì. Cho nên một hành giả Tịnh Độ cần phải hội đủ ba yếu tố quan trọng, đó là: "**Tín, Nguyện, Hạnh**". Tin phải sâu, Nguyện phải thiết, Hạnh phải chuyên. Tin sâu, nguyện thiết và hành chuyên. Đây gọi là ba món tư lương của một hành giả Tịnh Độ cần phải chuẩn bị sẵn sàng và thiết thực. Thế thì, muốn tu theo hạnh Bồ tát thì cần phải quyết định thấu triệt công hạnh và tâm nguyện của Bồ tát vậy.

4. Quyết định an trú trong vô số các môn Ba la mật. Cụm từ Ba la mật (paramita) Trung Hoa dịch nghĩa là đáo bỉ ngạn, tức đến bờ bên kia. Đó là dịch theo lối xưa. Nay dịch là hoàn hảo rốt ráo. Cũng có thể nói Ba la mật là cứu

gián đoạn, dù với bất cứ tâm thái nào, hành giả cũng phải giữ vững lập trường tâm thành thiết tha như thế. Có như thế, thì mới đạt được kết quả như ý muốn. Sau đây, Ngài nêu ra mười quyết định:

1. Quyết định đời đời thọ sinh trong dòng giống Như lai.

Tại sao Ngài khuyên bảo chúng ta phải quyết định đời đời thọ sinh trong dòng giống Như lai? Bởi vì Ngài sợ chúng ta quên tu gây tạo những nghiệp ác mà phải sa đọa vào tam ác đạo (địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh). Thời gian mà chúng ta phát nguyện thọ trì danh hiệu Phật A Di Đà, ngắn hay dài là tùy theo sức tinh tấn cần chuyên của chúng ta. Một ngày hay bảy ngày, hoặc nhiều lần của bảy ngày, cần nhất là chúng ta phải cương quyết trì niệm một cách đúng pháp và bền chí, thời quyết định là chúng ta sẽ thọ sinh trong dòng giống Như Lai. Bởi chúng ta đang gieo hạt giống Phật một cách triệt để thiết tha sâu đậm, thì không gì lẽ gì mà chúng ta lại thác sanh ở con đường khác. Đó là Bồ tát khơi nguồn và tạo được niềm tin vững chắc cho chúng ta. Bởi vì tất cả chúng ta ai ai cũng đều sẵn có hạt giống Như Lai. Đã có hạt giống Như Lai và thật hành đúng pháp những gì Phật dạy, thì chắc chắn quyết định phải thọ sinh trong dòng giống Như lai mà thôi.

2. Quyết định vĩnh viễn an trú trong cảnh giới vô lượng quang minh nghiêm túc của chư Phật.

Hành giả nào niệm danh hiệu Phật đúng theo sự chỉ dạy của Bồ Tát Quán Thế Âm như trên, thì chắc chắn hành giả đó sẽ được vĩnh viễn an trú trong cảnh giới vô lượng quang minh nghiêm túc của chư Phật. Nói rõ ra là hành giả sẽ được

Phẩm Thứ Tư

XUNG TÁN DANH HIỆU

Kinh văn:

Bấy giờ, quốc mẫu Vi Đề Hy hoàng thái hậu từ trong pháp hội bước ra, cung kính đảnh lễ Thế Tôn, rồi chấp tay hướng về Ngài Phổ Hiền đại Bồ Tát, mà thưa rằng:

Kính bạch Đại Sĩ, con thường nghe chư vị trưởng lão từng tham dự những buổi thuyết pháp đầu tiên của Đức Thế Tôn tại vườn Lộc Uyển, dạy rằng hoặc niệm Phật, hoặc niệm Pháp, hoặc niệm Tăng để được hiện tại lạc trú. Ý nghĩa ấy như thế nào? Cứu cánh của môn niệm Phật có phải chăng là để được như vậy hay không? Ngưỡng mong Đại Sĩ từ bi chỉ dạy, ngõ hầu các chúng sinh thời mạng pháp khởi rơi vào mê lầm, thác ngộ.

Phẩm này có tên là Xung Tán Danh Hiệu. Danh hiệu đây tất nhiên là danh hiệu Phật A Di Đà. Xung tán là kêu gọi khen ngợi một cách triệt để. Hầu hết người tu theo pháp môn Tịnh độ, không ai lại không niệm sáu chữ Di Đà. Tuy nhiên, người niệm Phật cũng có người chuyên về "Sự trì" và cũng có người chuyên về "Lý trì". Sự trì danh là lối tu của người chưa hiểu được lý niệm Phật là điều pháp để nhiếp vọng về chơn. Họ tin chắc có Phật A Di Đà, có cõi Tịnh độ, có người vãng sinh về cõi đó, và có tất cả những

gì mà các Kinh Tịnh Độ đã diễn tả, tiêu biểu như Kinh A Di Đà chẳng hạn. Do niềm tin đó, cho nên ngày đêm họ chuyên tâm trì danh hiệu Phật. Đó là tu theo cách Sự trì. Còn người theo Lý trì danh tin rằng: Phật A Di Đà do tâm mình tạo ra, "*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh độ*". Nghĩa là họ chủ trương Phật Di Đà cũng như cõi Tịnh độ là ở trong tâm mình. Ngoài tâm không có Phật. Họ cho rằng, ngoài tâm mà cầu Phật đó là ngoại đạo. Vì vậy, nên họ chú trọng vào nơi tâm để đoạn trừ phiền não. Khi phiền não không còn thì chơn tâm hiện bày. Tóm lại, cả hai Sự trì và Lý trì, đều có lập trường chủ trương của mỗi bên. Tuy nhiên, nếu chúng ta chưa đạt được Lý trì thì nên chú trọng ở nơi Sự trì. Vì Sự trì có lẽ thích hợp với căn cơ trình độ của chúng ta hiện nay nhiều hơn. Nhưng nếu dung thông được cả "Sự" lẫn "Lý" trì thì thật là quá tuyệt vời rồi.

Thường những buổi Phật hoặc Bồ tát thuyết pháp, thì có người đứng cơ đứng ra thưa hỏi. Người đứng ra thưa hỏi rất là quan trọng. Và những câu hỏi nêu lên rất có giá trị. Tùy theo đề tài của mỗi thời thuyết pháp, hoặc là thuyết giảng kinh bộ nhiều thời, mà Phật thuyết giảng liên tục. Vì thế nên người đứng ra thưa hỏi cũng có những điểm đặc biệt: Một, là đã thâm hiểu và lãnh hội sâu sắc những gì Phật nói, nhưng vì muốn lợi ích cho thính chúng hiện tại và chúng sinh đời sau nên đại diện trong chúng đứng ra thưa hỏi. Hai, là vì thực sự chưa hiểu mà thưa hỏi. Ba, nương theo thần lực của Phật mà thưa hỏi. Bốn, là có một duyên cơ đặc biệt nào đó có liên quan đến những điều Phật nói mà thưa hỏi, với thâm ý là để cho trong chúng hiểu sâu xa hơn. Trong trường hợp ở phẩm thứ tư của kinh

1. Quyết định đời đời thọ sinh trong dòng giống Như Lai.
2. Quyết định vĩnh viễn an trú trong cảnh giới vô lượng quang minh nghiêm sức của chư Phật.
3. Quyết định thấu triệt công hạnh, tâm nguyện của chư Bồ tát.
4. Quyết định an trụ trong vô số các môn Ba la mật.
5. Quyết định tham dự trong những chúng hội đạo tràng của chư Như Lai.
6. Quyết định đủ năng lực hiện bày thể tánh và chủng tướng của chư Như Lai.
7. Quyết định an trụ trong trí tuệ siêu việt, giải thoát của Như Lai, thâm nhập bồ đề giác tánh của chư Phật.
8. Quyết định an trụ trong bản nguyện vĩ đại của Đức Phật A Di Đà, chắc chắn được Ngài tiếp dẫn.
9. Quyết định hòa hợp thân và tâm vào trong kim thân của chư Phật.
10. Quyết định hóa sinh tự nơi hoa sen báu, cùng một chỗ ở với chư Phật, chư Thánh chúng.

Bồ Tát Quán Thế Âm lại dạy bảo bà Vi Đề Hy về mười điều Quyết Định trong khi hết lòng niệm danh hiệu Phật. Ngài dạy: "*Bất cứ chúng sinh nào thậm thâm tin hiểu, hoan hỷ thọ trì danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật hoặc một ngày, hoặc bảy ngày, cho tới nhiều lần của bảy ngày, thì sẽ đắc mười pháp quyết định bất khả tư nghị*". Chúng ta nên lưu ý lời dạy của đức Bồ Tát Quán Thế Âm từ trước tới đây và cho đến hết phẩm này, lúc nào Ngài cũng thức nhắc chúng ta phải nhất tâm niệm danh hiệu Phật bằng cách tịnh niệm nói luôn, không được xen hở

kiên nhẫn khuyến tấn cho họ phát bồ đề tâm để họ siêng tu không còn có tâm thôi chuyên nữa.

11. Trí lực Tối Thắng, vì tự nhiên tin nhận vô biên diệu dụng của hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật, mà chẳng phân vân thủ xả. Tối thắng là không gì cao hơn vượt qua được nữa. Nhờ có trí lực tối thắng mà tự nhiên tin nhận được vô biên diệu dụng của hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật. Điều này là một sự thực. Tại vì chúng ta niệm Phật chưa đạt được đến chỗ Nhất tâm bất loạn, cho nên không thấy được cái diệu dụng phi thường của danh hiệu Phật. Khi được Nhất tâm rồi, thì vấn đề thủ, xả đâu còn có ý nghĩa gì nữa. Bởi vì lúc đó đâu còn phân biệt nên giữ hay nên bỏ. Ngay cả danh hiệu Phật cũng không có niệm là nên giữ hay nên bỏ. Đối với các pháp thì không còn phân vân nên thủ hay nên xả. Thủ và xả vẫn còn là một ý niệm lấy bỏ. Đó là ý niệm phân chia rơi vào trạng huống đối đãi. Còn thấy đối đãi thì sao gọi là Nhất tâm được? Tóm lại, nhờ vào trí lực tối thắng mà ta mới thấy được cái diệu dụng phi thường của hồng danh (tên gọi lớn) Nam Mô A Di Đà Phật. Đạt được diệu dụng này rồi, thì không còn phân vân thủ xả nữa.

Kinh văn:

XIII. Nay Vi Đề Hy, bất cứ chúng sinh nào thậm thâm tin hiểu, hoan hỷ thọ trì danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật hoặc một ngày, hoặc bảy ngày, cho tới nhiều lần của bảy ngày, thì sẽ đắc mười pháp quyết định bất khả tư nghị. Như là:

này, người đứng ra thưa hỏi là bà Hoàng Thái Hậu Vi Đề Hy. Bà là vợ của vua Bình sa vương, tức vua Tần bà sa la, là mẹ ruột của Thái tử A xà thế. Nhất là trong thời gian vua Tần bà sa la bị nghịch tử A xà thế giam cầm trong ngục thất, bà là người rất đau khổ. Vì thế, nên bà khẩn cầu Đức Phật chỉ dạy cho bà một pháp tu mau chấm dứt khổ đau. Mong Phật chỉ dạy cho bà để bà tu hành và cầu mong sau khi chết được vãng sinh về cõi đó. Đó là nguyên nhân mà bà đã thỉnh vấn Đức Phật. Về câu chuyện trong gia đình của bà, chúng tôi cũng đã có trình bày khái lược trong tập 1 rồi, nên ở đây chúng tôi xin miễn lặp lại.

Đọc qua đoạn văn kinh này, chúng ta nên chú ý những điểm đặc biệt sau đây:

1. Người đương cơ đứng ra thưa hỏi Bồ tát Phổ Hiền là bà Hoàng Thái Hậu Vi Đề Hy. Trước khi thưa hỏi, bà cung kính đánh lễ Đức Phật trước. Chúng ta có thể hình dung là trong hội thuyết pháp này, Đức Phật là người chỉ ngời chứng minh để cho Bồ tát Phổ Hiền thuyết giảng. Đánh lễ xong, bà chấp tay hướng về vị giảng sư đại tài, thạc đức, mà thưa hỏi. Qua cung cách lễ nghi của bà đáng cho chúng ta lưu tâm học hỏi. Tuy là người ở một cương vị cao, có một địa vị lớn trong xã hội quân chủ phong kiến, nhưng đối với Phật, Bồ tát và chư vị thánh chúng bà tỏ ra rất khiêm cung tôn kính trước khi đặt vấn đề thưa hỏi.

2. Mở lời thưa hỏi ta thấy bà rất là khéo léo. Thay vì bà trực tiếp thưa hỏi, nhưng ở đây bà nêu ra là bà đã từng nghe các vị trưởng lão đã từng tham dự những buổi thuyết

pháp đầu tiên của Đức Phật ở trong vườn Lộc Uyển. Phật dạy phải niệm Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng) để được hiện tại lạc trú. Qua lời trình bày này của bà, ta nên chú ý cụm từ "**hiện tại lạc trú**". Trong Đạo Phật có một pháp tu tuyệt vời đó là: "hiện pháp lạc trú". Nghĩa là người tu phải có Niết bàn an lạc ngay trong hiện tại. Niết bàn có mặt ngay trong mỗi hành động việc làm của chúng ta. Chúng ta ở đâu thì có an lạc Niết bàn ở đó. Không phải chờ đến nửa tháng hay một tháng, ta mới đến chùa dự tu gọi là một ngày an lạc. Vậy thì còn những ngày kia ta không có an lạc hay sao? Nghĩa là ta đắm mình trong vũng lầy phiền não chịu nhiều đau khổ hết sao? Hay là những ngày đó ta đang ở trong cảnh giới địa ngục. Phải chờ đúng ngày, đúng giờ tới chùa rồi mới có an lạc. Có chắc gì tới chùa mình thực sự an lạc không? Điều này tự mỗi người nên quán chiếu lại mình. Chỉ có mình mới hiểu rõ được mình thôi. Tốt nhất là ta hãy tự tạo cho mình lúc nào cũng có sự an lạc cả. Đó là pháp tu phải có Niết bàn hiện thực. Giờ nào cũng an vui và giờ nào ta cũng ở cõi Cực lạc cả. Nói thế, không có nghĩa là chúng ta không tới chùa dự tu theo sự tổ chức của chư Tăng, Ni. Sở dĩ mà các chùa tổ chức thời khóa tu tập như thế, là vì quý Tăng, Ni muốn tạo cơ duyên tốt cho hàng Phật tử tại gia đồng câu hội về chùa để cùng nhau sách tấn tu học, dưới sự hướng dẫn chỉ giáo của chư Tăng, Ni. Đó là một cơ hội tốt để mọi người cùng nhau đồng hành tu tập. Bởi vì "ăn cơm có canh, tu hành có bạn". Đây là đồng hạnh thiện tri thức sách tấn tu tập lẫn nhau. Nhưng chủ yếu ở đây chúng tôi muốn nói là, mỗi người chúng ta, ngoài việc tu tập chung với đại chúng ra, chúng ta còn phải ý thức tự tạo cho mình một hòn đảo

nhau. Nói cách khác bản thể và phương tiện thấy khác mà không khác. Khác là nhìn trên hình tướng, tức phương tiện. Không khác là nhìn sâu vào bản thể, chỉ có một không hai. Đây là pháp môn Bất Nhị trong Kinh Duy Ma Cật đã nói.

9. Trí lực Thâm Thâm, vì tương ứng với đạo Nhất thiết trí. Thâm thâm là nghĩa rất sâu. Sâu đến nỗi không thể suy lường được. Thâm thâm vi diệu pháp là vậy. Nhất thiết trí là cái trí biết rõ tánh tướng của tất cả pháp. Vậy thì trí lực sâu xa không ngăn mé, tương ứng với đạo Nhất thiết trí. Trí huệ thâm thâm và Nhất thiết trí, tuy danh từ tên gọi thì có khác, nhưng thể tánh thì không hai. Cho nên mới nói là tương ứng, cả hai đều xứng hợp nhau không khác. Khi niệm Phật đạt được Nhất tâm bất loạn, thì hành giả sẽ có được trí huệ sâu xa này.

10. Trí lực Vô Ngại, vì hiểu biết tâm ý và sở hành của chúng sinh, nhẫn nại làm cho họ phát Bồ đề tâm, hoan hỷ siêng tu kiên cố, bất thoái. Vô ngại là không có gì làm ngăn ngại được cả. Tại sao không ngăn ngại? Vì biết rõ tâm ý sở hành của chúng sinh. Sở hành là những gì mà chúng sinh đã và đang làm. Câu này như để giải thích rõ của cụm từ "trí lực vô ngại". Vì biết rõ sở hành của chúng sinh nên Bồ tát nhẫn nại kiên trì làm cho chúng sinh phát tâm giác ngộ hoan hỷ nỗ lực tinh tấn tu hành giữ vững lập trường kiên quyết không thoái chuyển. Được thế do đâu? Phải chăng do nhờ niệm Phật một cách chân thành tha thiết tương tục không gián đoạn, nên được Nhất tâm phát sanh trí lực vô ngại mà biết rõ việc làm của chúng sinh và

7. Trí lực Viên Mãn, vì tuy khẩn thiết cầu sinh Cực lạc mà vẫn nguyện trở lại Ta bà cứu độ chúng sinh. Trí lực Viên Mãn là thấy các pháp không có sự phân chia bên này bên kia. Vì viên mãn là nghĩa tròn đầy không thiếu không dư. Triệt tiêu lỗi chấp hai bên. Do đó, người niệm Phật tuy có cầu sinh về Cực lạc, nhưng cũng không quên cõi Ta bà. Vì sao? Vì khi đạt được thể Nhất tâm thì đâu còn thấy Ta bà và Cực lạc khác nhau. Còn mê thì thấy có sáu nẻo luân hồi, khi tỉnh giác thì tìm không ra dấu vết. Mê thì thấy có bên này bên kia, có Cực lạc có Ta bà, nhưng khi giác ngộ viên mãn thì chỉ là Nhứt chơn pháp giới mà thôi.

8. Trí lực Thiện Xảo, vì khéo léo phân biệt ý nghĩa chân thật của các pháp và khéo léo sử dụng phương tiện để điu dắt chúng sinh. Thiện xảo là khéo biết sử dụng các phương tiện tuyệt vời để cứu độ chúng sinh. Đồng thời, vận dụng trí năng khéo phân biệt ý nghĩa chân thật của các pháp. Trong lời dạy này, ta thấy có hai ý nổi bật: Thứ nhất, dùng trí huệ khéo léo phân biệt ý nghĩa chân thật của các pháp. Nghĩa là phải thấy cho được bản thể chân thật của các pháp. Bản thể đó tức là không tánh. Vì không tánh nên các pháp mới là chân thật. Đây là đứng trên bình diện Bản môn mà nhìn sâu vào tự thể của các pháp. Thứ hai, là vận dụng trí huệ khéo léo dùng mọi phương tiện để điu dắt chúng sinh thoát khỏi khổ đau. Đây là đứng trên bình diện Tích môn hay đứng trên mặt hiện tượng của các pháp. Hiện tượng thì có sinh có diệt. Bản thể thì bất sinh bất diệt. Thế thì khéo dùng phương tiện để biện minh cho cứu cánh. Phương tiện nhằm mục đích để đạt cho được cứu cánh. Nhưng phương tiện và cứu cánh cũng không rời

an lạc trong tâm thức của mình trong từng giây phút. Dù có đến chùa tu tập thì mỗi người cũng phải giữ gìn cho mình có sự an lạc như thế. Cho nên việc tu tập chung trong một đoàn thể dĩ nhiên, nó cũng có cái lợi ích riêng của nó. Và đôi khi cũng không sao tránh khỏi gây ra những phiền phức xích mích với nhau. Nếu có, thì đó cũng là một thử thách đánh giá qua sự tu tập của chúng ta. Người tu chỉ hơn nhau là ở chỗ có sửa đổi giảm bớt tập khí phiền não hay không. Hay là tu lâu mà những tập khí phiền não tham, sân, si... vẫn còn nguyên vẹn. Như vậy thì sự tu tập của mình chưa thực sự có tiến bộ. Vì vậy, ta cần phải cố gắng thực tập nhiều hơn. Mỗi khóa tu là cơ hội tốt, là môi trường thuận lợi để chúng ta tự nỗ lực thực tập. Ta nên nhớ sống chung an lạc là điều tối ưu quan trọng trong việc tu tập. Vì thế, trong mỗi khóa tu tập thể như vậy, mỗi người cần phải thật khắc chế bản thân và thật hành nghiêm túc mới được. Khóa tu nào mở ra cũng đều có quy luật để mọi người giữ gìn noi theo. Chúng ta nên nhớ, quy luật không phải là điều kiện bắt buộc mà là điều kiện bổn phận của mỗi tu sinh.

3. Vấn đề niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, ta thấy niệm Phật, niệm Pháp thì đã có rồi, còn phương pháp niệm Tăng thì chưa có. Đây là nói về mặt hình thức. Còn nói về nội dung chiều sâu thì, như đức Lục Tổ Huệ Năng đã dạy: Niệm Phật là niệm Giác. Niệm pháp là niệm Chánh. Niệm Tăng là niệm Tịnh. Nếu nói về hình thức thì pháp môn niệm Phật và niệm Pháp đã có rồi. Còn niệm Tăng thì chưa có. Hy vọng trong tương lai sẽ có một tông phái ra đời lập ra một pháp tu chuyên niệm Tăng. Tăng đây dĩ

nhiên phải là Thánh Tăng. Ở Nhật Bản, có một tông phái gọi là Nhật Liên Tông. Tông này họ không có niệm Phật như Tông Tịnh Độ, mà họ chỉ chuyên niệm Pháp thôi. Họ niệm *Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*. Còn hiện nay niệm Tăng thì chưa có. Nhờ niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng mà có được hiện tại lạc trú. Sau khi nêu ra như vậy, bà hỏi ý nghĩa ấy như thế nào? Cứu cánh của môn niệm Phật có phải chăng để được như vậy hay không? Có nghĩa là niệm Phật chỉ cốt để được hiện tại lạc trú hay còn có gì cao siêu khác nữa không? Ý của bà nêu ra câu hỏi như vậy. Bà ngưỡng mong Bồ tát Phổ Hiền chỉ dạy để cho chúng sinh thời mạt pháp được giác ngộ khỏi rơi vào mê lầm và nhận lầm (thác ngộ).

Sau đây chúng ta sẽ nghe Bồ tát Phổ Hiền chỉ dạy:

Kinh văn:

Phổ Hiền Bồ Tát bèn quán sát tâm niệm của hết thầy đại chúng hiện tiền, mà dạy rằng:

Này Phật tử, khi Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni thị hiện thành đạo, và bắt đầu hóa độ chúng sinh cương cường, Ngài đã vì hạng tiểu căn mà khai diễn tiểu pháp kéo họ kinh nghi ... Nay đã tới thời kỳ giảng nói đại pháp. Cũng chỉ là một pháp niệm Phật nhưng kể hạ liệt, chí nhỏ, mong cầu xuất ly tam giới, thì niệm Phật chỉ là pháp Thanh Văn, Duyên Giác, Như Lai vì họ mà dạy hiện tại lạc trú.

Bồ tát Phổ Hiền chỉ dạy như thế nào? Trước tiên, Ngài quán sát tâm niệm của tất cả đại chúng hiện tiền, rồi Ngài

tâm. Ta có bộ Kinh Kim Cang (cương) Bát Nhã. Chủ đích của kinh này nhằm đả phá tất cả, mà tiêu biểu là bốn tướng: ngã, nhơn, chúng sinh và thọ giả. Chính vì chấp bốn tướng này mà chúng sinh phải chịu trầm luân đau khổ. Người niệm Phật phải đạt cho kỳ được Nhất tâm bất loạn thì mới có được cái trí lực kim cương này, phá hoại tất cả mọi vọng chấp mê lầm của chúng sinh.

6. Trí lực Tịch Tĩnh, vì trực nhận sâu xa cái bản thể vắng lặng, thường trụ thanh tịnh của các pháp. Chư pháp từng bản lai, thường tự tịch diệt tướng (Kinh Pháp Hoa). Nghĩa là các pháp từ xưa nay, tướng nó thường vắng lặng. Tự thể của các pháp là vắng lặng. Sở dĩ mình thấy có động có tịnh là vì do tâm mình vọng động phân biệt. Trong Kinh Pháp Bảo Đàn có kể câu chuyện gió động hay phướng động. Hai vị tăng cãi nhau về phướng và gió. Vị thì nói phướng động. Vị khác nói gió động. Vì có gió nên mới biết phướng động. Vì có phướng nên mới biết gió động. Vị nào cũng có lý lẽ riêng. Ai cũng bảo vệ cái lý lẽ của mình. Không ai chịu thua ai. Khi đó, Lục Tổ còn là hình thức cư sĩ, mới bảo hai vị đó rằng: Không phải phướng động, cũng không phải gió động, mà tâm của hai nhân giả động. Vì tâm động nên mới thấy gió phướng động. Các pháp xưa nay vốn không động không tịnh, tự thể của nó là thường hằng vắng lặng. Khi có được cái trí lực nhận rõ các pháp tự thể vắng lặng (tịch tịnh) rồi, thì không còn gì phải tranh cãi hơn thua với nhau nữa cả. Đó là dứt mầm mống của sự tranh chấp.

của các pháp. Từ đó sẽ không khởi tâm chấp trước dính mắc vào sự vật.

3. Trí lực Như Như, thấy rõ tất cả các pháp không đối nghịch, mâu thuẫn. Bản thể của các pháp là bình đẳng, không có hơn kém, cao thấp. Như Như cũng chính là Chơn đế, là Trung đạo, là Bản môn v.v... Pháp nhĩ như thị. Bản chất của các pháp là như thế. Đó là Đệ nhất nghĩa đế, là Niết bàn vậy. Nhờ niệm danh hiệu Phật đạt được Nhất tâm bất loạn, thì phát sinh vô số trí lực không thể nghĩ bàn. Đó là trí huệ Như Như thấy rõ các pháp không đối nghịch, mâu thuẫn nhau.

4. Trí lực Vô Úy, thấy rõ tất cả các pháp biến dịch không ngừng, sinh, trụ, di, diệt từng sát na, mà chẳng tham luyến hay sợ hãi. Trí lực Vô Úy là trí lực siêu việt đối với các pháp không còn có tâm sợ hãi. Vô úy không có nghĩa là mang tính sợ hãi thông thường như chúng ta thường nói. Mà không sợ hãi nói ở đây, là phải đầy đủ Thánh hạnh, phước trí trang nghiêm. Biết rõ các pháp là vô ngã, là vô thường, là biến dịch thay đổi từng sát na, do đó nên chẳng còn tham chấp toan tính sợ hãi nữa.

5. Trí lực Kim Cương, vì thực hành hạnh nguyện Bồ tát, lợi lạc quần mê, mà chẳng dính vào ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng. Kim cương là một thứ kim loại cứng chắc, không gì phá nổi. Nó có thể phá hoại các thứ kim loại khác, nhưng bản thân nó không hề hấn gì. Ngoài ra, nó còn là vật quý hiếm giá trị nhất trên đời. Vì thế trong kinh thường lấy nó để dụ cho bản

nhắc lại sự kiện Đức Phật thị hiện thành đạo, và sau đó Phật vân du hóa độ chúng sinh cang cường. Cụm từ "Thị hiện thành đạo", đây là cái nhìn của Phật giáo Phát triển. Theo quan niệm của Phật giáo Phát triển (Đại thừa), thì Đức Phật đã thành Phật từ vô lượng kiếp rồi. Như trong Phẩm "Vô Lượng Thọ" trong Kinh Pháp Hoa đã nói rõ. Vì vậy nên Đức Phật ra đời và thành đạo, nhập Niết bàn, nói chung, tất cả đều là thị hiện mà thôi. Thị hiện có nghĩa là làm bộ giả đò cho giống với người thường. Chớ thật ra thì không phải như vậy. Ngược lại, cái nhìn của Phật giáo Nguyên Thủy hay Phật giáo Bộ Phái thì không phải như thế. Họ quan niệm rằng, Đức Phật cũng giống như một con người thường, chỉ khác hơn người thường là Ngài đã giác ngộ, thể thôi.

Chúng sinh thời Phật cách nay hơn hai ngàn năm trăm năm mà Ngài Phổ Hiền còn nói chúng sinh cang cường. Hà tất gì chúng sinh trong thời đại mạt pháp này. Đây là thời đại của một nền văn minh tân tiến về công nghệ, kỹ thuật điện tử, nguyên tử v.v... Là thời đại 4.0 của chúng ta hiện nay. Phải công tâm thành thật mà nói, chúng sinh hiện nay thật khó hóa độ. Cang cường nói nôm na là thuộc hạng người bướng bỉnh cứng đầu, cứng cổ rất khó dạy bảo. Thời Phật mà còn có những hạng người như thế, thì nói chi ở thời đại pháp nhược ma cường này. Chúng sinh thời nay không phải dễ độ. Chính vì chỗ khó độ nên trong lời chúc của Phật tử đối với các vị Tăng, Ni, là chúc: "chúng sinh dị độ". Tuy đây là lời chúc, nhưng cũng đủ nói lên thời mạt pháp này quả thật chúng sinh cang cường không phải dễ độ.

Bồ Tát Phổ Hiền còn cho chúng ta biết thêm rằng, khi ra giáo hóa, Đức Phật vì hàng căn cơ nhỏ hẹp mà Ngài giảng dạy pháp nhỏ để thích hợp với căn cơ người nghe. Pháp nhỏ nói ở đây là ý Ngài muốn nói đến pháp Tiểu thừa. Hẳn chúng ta còn nhớ, thời thuyết pháp đầu tiên độ năm anh em Kiều Trần Như ở vườn Lộc Uyển, Đức Phật nói pháp "Tứ Diệu Đế" và "Bát chánh đạo v.v..." Đức Phật dạy về chánh niệm, trong đó dĩ nhiên, là có niệm Phật, niệm Pháp và niệm Tăng. Sau khi nghe Phật nói bài pháp Tứ Thánh Đế này, có người đã chứng được quả vị A la hán. Đây là quả vị tối cao trong tứ quả Thanh Văn. Nếu như lúc đó Phật vội nói pháp Đại thừa ngay, thì chắc chắn là họ không thể hiểu nên dễ sanh tâm nghi ngờ. Mà nghi ngờ thì sự tu hành của họ sẽ không tiến bộ và đôi khi còn phải bị thôi thất Bồ đề tâm nữa không chừng. Đó cũng là điều chướng ngại Thánh đạo trên bước đường tu tập. Cho nên, đối với Phật tử khi học đạo nghe pháp có điều gì không hiểu, chưa thông thì nên hỏi liền, chớ đừng có ôm ấp mỗi nghi ngờ trong lòng. Còn trong nhà thiền nói "đại nghi đại ngộ" "tiểu nghi tiểu ngộ", lại là một chuyện khác. Đừng nghe nói thế mà mình bắt chước ôm cái nghi to tướng trong lòng mà chẳng ngộ được điều gì. Điều đó thì không nên. Nếu thế thì chỉ có thêm sự thiệt thòi cho mình nhiều mà thôi.

Bồ tát Phổ Hiền lại nói tiếp: "*Nay đã tới thời kỳ giảng nói đại pháp*". Đại pháp tức là giáo pháp Đại thừa. Giáo pháp dạy chúng sinh niệm Phật để thành Phật. Nghĩa là khi căn cơ của chúng sinh thuần thực có thể lãnh hội được yếu chỉ Đại thừa, thì Phật sẽ giảng nói pháp Đại thừa.

1. Trí lực Quán Chiếu, thấy rõ tất cả các pháp đều do nhân duyên sinh khởi. Trí lực quán chiếu thấy rõ vạn pháp đều do nhân duyên sinh khởi. Không một pháp nào tồn tại độc lập. Mà tất cả đều do nhân do duyên kết hợp cấu tạo với nhau mà hình thành. Vì vậy, nên trong Kinh Hoa Nghiêm mới nói là: "trùng trùng duyên khởi". Cái này có là vì cái kia có. Cái này không là vì cái kia không. Không một pháp nào hình thành mà không do nhân duyên cấu hợp. Gắn nhứt là bản thân ta đều do ngũ uẩn hay nói đúng hơn là do thất đại hợp thành. Đã là nhân duyên tất nhiên, là các pháp không có tự ngã hay tự tánh. Nhìn vào sự vật không ai chỉ ra được một sự vật nào mà không phải nhân duyên hợp thành. Nhân có chánh nhân và có trợ nhân. Hạt giống cam là chánh nhân. Nhưng nếu chỉ có hạt giống cam không thôi, thì không thể sinh ra cây cam và kết thành trái cam. Thế thì hạt giống cam rất cần những trợ duyên khác như: đất, nước, không khí, người gieo hạt, chăm sóc, sương, ánh nắng mặt trời v.v... Nói chung bất cứ vật gì cũng do nhân duyên sinh cả. Người niệm Phật cũng phải đầy đủ nhân duyên. Người niệm là chánh nhân, danh hiệu Phật, tâm khởi niệm v.v... đều là những trợ duyên để đạt được nhất tâm bất loạn đủ duyên sanh ra trí lực.

2. Trí lực Như Thật, nhận biết tất cả các pháp đều chẳng thật, đều như huyễn hóa mộng mị. Trí lực "Như Thật" là năng lực của trí huệ thấy biết tự tánh của các pháp không thật như huyễn hóa như chiêm bao. Vì tự tánh không thật nên các pháp đều vô ngã. Đã vô ngã tất nhiên là vô thường. Thấy biết như vậy là thấy biết đúng như thật

5. Trí lực Kim Cương, vì thực hành hạnh nguyện Bồ tát, lợi lạc quần mê, mà chẳng dính mắc vào ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng.
6. Trí lực Tịch Tĩnh, vì trực nhận sâu xa cái bản thể vắng lặng, thường trụ thanh tịnh của các pháp.
7. Trí lực Viên Mãn, vì tuy khấn thiết cầu sinh Cực lạc mà vẫn nguyện trở lại Ta bà cứu độ chúng sinh.
8. Trí lực Thiệt Xảo, vì khéo léo phân biệt ý nghĩa chân thật của các pháp và khéo léo sử dụng phương tiện để dìu dắt chúng sinh.
9. Trí lực Thâm Thâm, vì tương ứng với đạo Nhất thiết trí.
10. Trí lực Vô Ngại, vì hiểu biết tâm ý và sở hành của chúng sinh, nhẫn nại làm cho họ phát Bồ đề tâm, hoan hỷ siêng tu kiên cố, bất thoái.
11. Trí lực Tối Thắng, vì tự nhiên tin nhận vô biên diệu dụng của hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật, mà chẳng phân vân thủ xả.

Bồ Tát Quán Thế Âm lại dạy bảo bà Vi Đề Hy về những trí lực mà một hành giả Tịnh Độ cần phải trang bị cho mình. Ngài nói: *"Bất cứ chúng sinh nào nhất tâm xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, dẫu với tâm thái nào đi nữa, thuận ý hoặc nghịch ý, ham thích hoặc chống trái, đều thâm hoạch vô số Trí Lực bất tư nghị"*. Bồ tát dạy chúng ta trước bất cứ hoàn cảnh thuận nghịch nào cũng phải nhất tâm xưng niệm danh hiệu Phật. Có thể, thì mới được những trí lực (sức trí huệ) không thể nghĩ bàn. Những Trí Lực gồm có:

Nhưng pháp Đại thừa mà Ngài Phổ Hiền nêu ra ở đây, cũng chính là "Pháp niệm Phật". Pháp môn niệm Phật tuy đơn giản, nhưng nó gồm nhiếp tất cả mọi căn cơ: Thiên, Giáo, Luật, Mật... kể cả Giáo, Lý, Hạnh, Quả cũng đều nằm gọn trong một câu Phật hiệu, tức sáu chữ Di Đà. Do đó, nên đối với những kẻ căn cơ hạ liệt, chí nhỏ, mong cầu ra khỏi ba cõi, thì Phật chỉ dạy cho họ pháp tu thích hợp nhất là: *"Hiện Pháp Lạc Trú"*. Đây là pháp mà các hàng Thanh Văn chứng đắc Niết bàn. Niết bàn không phải là một cảnh giới tương tượng hư vô mà là pháp có thể chứng nghiệm được. Niết bàn cũng có nhiều loại. Niết bàn của Tiểu thừa thì có hai loại chính: Hữu dư y niết bàn và Vô dư y niết bàn. Còn Niết bàn của Đại thừa cũng có hai loại: Vô trụ xứ Niết bàn và Tự tánh thanh tịnh Niết bàn. Niết bàn là cảnh giới an lạc giải thoát. Khi tâm ta vắng lặng không có phiền não, thì ngay giây phút đó là ta đang hưởng Niết bàn. Vậy mỗi người hãy tự tạo cho mình có được Niết bàn ngay trong đời sống hiện tại này. Đức Phật Thích Ca và các vị khất sĩ theo Phật, các Ngài đều thụ hưởng Niết bàn ngay trên quả đất này. Không phải đợi tới sau khi chết rồi, mới sinh về một cảnh giới nào đó mới có được Niết bàn. Nếu ai có quan niệm như thế, thì đó là một quan niệm sai lầm rất lớn. Không đúng với tinh thần Phật dạy. Chất liệu hiện tại không có, thì đừng mong có được tương lai tươi đẹp. Tương lai có ra xấu hay tốt đều do sự tạo tác của chúng ta trong hiện tại. Vì thế "Hiện Pháp Lạc Trú" là một pháp tu lợi lạc thực tiễn ngay trong đời sống hiện thực này vậy.

Kinh văn:

Riêng chư vị Bồ Tát Sơ phát tâm, dùng niệm Phật để thâm nhập Như Lai tạng tâm thì không dính mắc vào hiện tại.

Vì sao chư Bồ Tát Sơ phát tâm lại không được dính mắc vào hiện tại?

Nếu Bồ Tát Sơ phát tâm dính mắc vào hiện tại khắc chế, hiện tại tương ưng, hoặc hiện tại biện giải, thì bị rơi vào ảo tưởng của thọ uẩn.

Bồ tát trong Đại thừa có chia ra nhiều hạng. Hạng thấp nhất là Bồ tát sơ phát tâm. Nếu tính theo 52 ngôi vị Bồ tát, thì Bồ tát sơ phát tâm thuộc trong hàng Tam hiền (Thập Tín, Thập Trụ và Thập Hạnh) Bước đầu tiên của tam hiền là Thập tín. Thập tín nói đủ là Thập tín tâm, chỉ cho 10 tâm mà Bồ tát ở mười giai vị đầu tiên trong 52 giai vị tu hành. Mười tâm gồm có: 1. Tín tâm. 2. Niệm tâm. 3. Tinh tiến tâm. 4. Định tâm. 5. Tuệ tâm. 6. Giới tâm. 7. Hồi hướng tâm. 8. Hộ pháp tâm. 9. Xả tâm. 10. Nguyện tâm. (Kinh Bồ tát Anh Lạc). Bồ tát là gì?

Bồ Tát: dịch từ chữ Buddhisattva. Buddhi: giác ngộ; sattva: hữu tình, chúng sinh, tức một chúng sinh có thể giác ngộ thành Phật. Chữ Buddhisattva phiên âm là Bồ đề tát đỏa. Trung Hoa dịch có hai nghĩa: một là hữu tình giác, hai là giác hữu tình. Hữu tình giác ý nói Bồ tát cũng là một trong những loài hữu tình, như loài người chẳng hạn. Bất cứ người nào có giác ngộ nhận ra được cuộc đời này là vô thường giả dối không thật, không đam mê đắm nhiễm tạo nghiệp thọ khổ, đều gọi chung là Bồ tát. Đó là

bi rộng mở hỷ xả đó, ta cảm thấy rất an vui hạnh phúc và tâm ta vẫn an nhiên bất động.

Tóm lại, qua mười điều mà Bồ Tát Quán Thế Âm chỉ dạy cho bà Vi Đề Hy, mà cũng chỉ dạy cho chúng ta, là đối với mọi người, mọi giới, dù kẻ ác hay người hiền, dù kẻ xấu hay người tốt, dù thuận cảnh hay nghịch duyên... ta đều giữ vững tâm thế bất động. Muốn tâm thế bất động, theo Bồ tát, không gì hơn là phải tha thiết thành tâm xưng niệm danh hiệu Phật, niệm một cách miên mật liên tục không gián đoạn. Được vậy, thì chắc chắn tâm của hành giả luôn được an định và Cực lạc hiện tiền.

Kinh văn:

XII. Nay Vi Đề Hy, bất cứ chúng sinh nào nhất tâm xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, dẫn với tâm thái nào đi nữa, thuận ý hoặc nghịch ý, ham thích hoặc chống trái, đều thâm hoạch vô số Trí lực bất tư nghị. Như là:

- 1. Trí lực quán chiếu, thấy rõ tất cả các pháp đều do nhân duyên sinh khởi.**
- 2. Trí lực Như Thật, nhận biết tất cả các pháp đều chẳng thật, đều như huyễn hóa mộng寐.**
- 3. Trí lực Như Như, thấy rõ tất cả các pháp không đối nghịch, mâu thuẫn.**
- 4. Trí lực Vô Úy, thấy rõ tất cả các pháp biến dịch không ngừng, sinh, trụ, dị, diệt từng sát na, mà chẳng tham luyến hay sợ hãi.**

9. Nơi chỗ sở đắc, và nơi chỗ vô sở đắc, luôn luôn giữ lòng an nhiên, chẳng nao loạn. Do đó tâm được bất động. Người tu mà còn nghĩ đến sở đắc hoặc vô sở đắc, thì người đó chưa phải là bậc tu hành chơn chánh. Vì sao? Vì trong Bát Nhã Tâm Kinh mà hầu hết Phật tử chúng ta đều trì tụng, rõ ràng trong đó có nói rõ: "Vô trí diệt vô đắc, dĩ vô sở đắc cố v.v..." Trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương Đức Phật dạy: Tu vô tu tu, chứng vô chứng chứng, hành vô hành hạnh ...". Thế thì, tu mà còn thấy có chứng có đắc thì đó là tà đạo, chớ không phải chánh đạo. Nói sâu hơn, nếu còn thấy có sở đắc và vô sở đắc, thì vẫn còn thấy hai bên, tức rơi vào đối đãi nhị nguyên. Mà còn thấy có hai tất nhiên là còn vọng chấp. Còn vọng chấp là còn phiền não tạo nghiệp. Muốn không thấy có hai, thì chỉ có một lòng xưng danh hiệu Phật, tịnh niệm nối liền, không xen hở gián đoạn, tâm an nhiên tự tại, không nao loạn sẽ được tâm bất động.

10. Đối với kẻ trí nhỏ, khinh chê pháp Đại thừa, mà mình cũng không sinh lòng giận hờn, ghét bỏ. Do đó tâm được bất động. Đối với những người tâm trí hẹp hòi, công kích chê bai pháp Đại thừa, thậm chí họ còn bài bác cho rằng Kinh Đại thừa không phải do Phật nói, mà do những vị Tổ Sư đời sau nói ra. Đây là hạng người vì họ không có chứng tử Đại thừa, hoặc giả là họ chưa nghiên cứu thấu đáo các kinh điển Đại thừa, nên họ mới có lòng ngôn hàm hồ chê bai công kích như vậy. Tuy nhiên, đối với những người này, ta không oán trách hờn giận ghét bỏ họ, mà ta còn cảm thấy thương họ nhiều hơn. Với tâm từ

nghĩa thứ nhất gọi là Hữu tình giác. Thứ hai là Giác hữu tình. Nghĩa là sau khi tỉnh thức giác ngộ, có áp dụng tu hành lợi ích thiết thực, rồi đem ra chỉ dạy cho người khác ứng dụng tu hành và cũng được giác ngộ lợi ích như mình, thì gọi đó là Giác hữu tình.

"Riêng chư vị Bồ tát sơ phát tâm dùng niệm Phật để thâm nhập Như Lai tạng tâm thì không dính mắc vào hiện tại". Trong câu này ta nên chú ý cụm từ "Như Lai tạng tâm". Như Lai ở đây có nghĩa là bất sanh, bất diệt. Nói Như Lai tạng tâm là tâm dung chứa tất cả pháp, không pháp nào ngoài Như Lai tạng tâm. Nói cách khác Như Lai tạng tâm cũng chính là cái tâm chơn như, bản thể của muôn pháp. Bản thể chơn như này trùm khắp tất cả vạn vật không một pháp nào ngoài nó. Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, sau khi đại ngộ, đức Lục Tổ Huệ Năng liền thốt lên năm cái đầu ngò:

- * Đầu ngò tự tánh vốn tự thanh tịnh.
- * Đầu ngò tự tánh vốn không sinh diệt
- * Đầu ngò tự tánh vốn không dao động
- * Đầu ngò tự tánh vốn tự đầy đủ
- * Đầu ngò tự tánh hay sinh muôn pháp.

Như vậy Như Lai tạng tâm này là không dính mắc vào bất cứ thứ gì. Lý do tại sao? Bởi vì tâm thể này vốn không hình tướng. Đã không hình tướng thì thử hỏi dính mắc vào chỗ nào? Cũng như hư không, hư không làm gì có dính mắc? Tâm thể này không bị kẹt vào không gian và thời gian. Về thời gian thì không bị dính mắc vào ba thời: quá

khứ, hiện tại và vị lai. Tam thời bất khả đắc (Kinh Kim Cang). Như vậy, người niệm Phật thâm nhập pháp thân thường trú thì còn dính mắc vào chỗ nào nữa chớ? Cho nên đoạn kinh văn dưới đây mới nói:

Kinh văn:

Nếu Bồ Tát Sơ phát tâm dính mắc vào hiện tại khắc chế, hiện tại tương ưng, hoặc hiện tại biện giải, thì bị rơi vào ảo tưởng của thọ uẩn.

Nếu Bồ Tát Sơ phát tâm dính mắc vào hiện tại tỉnh chỉ, hoặc hiện tại luân chuyển, hoặc hiện tại nương gá, tức thì đang bị chi phối bởi ảo tưởng của tướng uẩn.

Nếu Bồ Tát Sơ phát tâm dính mắc vào hiện tại sinh khởi, hiện tại tương tục, hoặc hiện tại đoạn diệt, hoặc hiện tại bất động, tức thì đang bị trôi lăn theo ảo tưởng của hành uẩn.

Nếu Bồ Tát Sơ phát tâm dính mắc vào hiện tại phỉ lặc, hoặc hiện tại vong ưu, hoặc hiện tại mê muội, tức thì đang bị triển chuyển bởi ảo tưởng của thức uẩn.

Qua đoạn kinh văn này, ta thấy Bồ Tát Phổ Hiền nêu rõ và xoáy mạnh vào việc dính mắc năm uẩn. Chủ yếu của Ngài là nhằm thức nhắc khuyến giáo các Bồ tát Sơ phát tâm không nên để tâm dính kẹt vào hiện tại, bởi hiện tại đều do ảo giác của năm uẩn mà ra. Vậy năm uẩn là gì? Năm uẩn gồm có hai phần: sắc và tâm hợp lại. Sắc chất thuộc về tứ đại, tức vật thể: đất (chất cứng), nước (thể lỏng), gió

phải thứ giáo pháp mơ hồ viễn vông nói chuyện trên trời dưới đất. Ai đã từng học hỏi nghiên cứu pháp Đại thừa thì sẽ hiểu được điều thực tế này. Vì pháp Đại thừa chỉ thẳng vào bản tâm. Sở dĩ chúng sinh không tin nổi pháp Đại thừa là vì chúng sinh bị nhiều lớp mê bao phủ che mờ tánh giác. Bản tâm của mỗi chúng sinh thì hiện sờ sờ trước mắt, hằng lưu lộ qua sáu căn, không lúc nào vắng mặt. Thế nhưng, vì chúng sinh mãi say sưa mê làm theo cảnh theo duyên mà quên mất đi bản tánh chơn thật của chính mình. Khi nhận được bản tâm rồi thì mới biết tâm mình vốn không dao động. Nói theo Lục Tổ là tâm mình vốn không sinh diệt và vốn không dao động. Dao động là tại mình mê làm vọng nhận phân biệt điên đảo đó thôi. Đối với người niệm Phật, nhờ tịnh niệm nói luôn không gián đoạn, nên trí tuệ khai thông không ngăn ngại, không lo sợ nên tâm được như như bất động.

8. Dẫu sống trong thế pháp nhiễm ô, mà vẫn tu tập phạm hạnh, hộ trì tịnh giới. Do đó tâm được bất động. Mặc dù sống trong cõi đời cấu trược ô nhiễm, nhưng vẫn tu tập phạm hạnh (hạnh trong sạch), không chạy theo dòng đời ô nhiễm. Người được như thế là do đâu? Do vì nghiêm trì tịnh giới và ý thức được cuộc đời này chỉ là ảo mộng phù du tạm bợ, sống chết như trở bàn tay, nên họ luôn giữ vững tâm trong sạch. Đồng thời họ quyết tâm xưng niệm danh hiệu Phật liên tục không gián đoạn. Do đó nên tâm họ được an định, dù sống trong cảnh động, nhưng nhờ niệm Phật miên mật nên tâm họ luôn an nhiên bất động.

cụm từ này có nhiều kinh đã nói đến. Ngũ trược là năm thứ ô uế đơ bẩn. Năm thứ đó là: kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sinh trược, mạng trược. Ác thế là một thuộc từ của ngũ trược. Chính vì năm thứ ô trược này mà cõi đời này đầy dẫy nghiệp ác. Những nghiệp ác này đều do chúng sinh gây ra. Dù biết cõi đời ngũ trược ác thế, nhưng chúng sinh vẫn mãi say sưa đắm chìm đùa vui, như trong Kinh Pháp Hoa đã diễn tả ngôi nhà lửa. Câu nói: "Tam giới vô an, du như hỏa trạch". Nghĩa là ba cõi không an, dường như nhà lửa. Nhà cửa thì mục nát, lửa cháy bốn bề, thế mà chúng sinh chẳng hay chẳng biết, cứ mãi vui chơi thỏa thích trong ngôi nhà lửa. Hiện chúng sinh sống trong đời ngũ trược ác thế này, cũng như đang sống trong ngôi nhà lửa vậy. Bao nhiêu ngọn lửa vô thường, tham dục, si mê... hằng ngày nó đốt cháy mà chúng sinh không hề hay biết. Đã vậy, còn tranh chấp đấu đá hơn thua với nhau quyết liệt từng lời nói và hành động. Mãi say sưa nô đùa với tám món điên đảo (bát tà đảo ngược lại với bát chánh đạo), mà không hề chán ghét, lia bỏ khinh chê coi thường. Do vì không bị lôi cuốn dính mắc vào những thứ tà đảo này, nên tâm hành giả được an nhiên bất động vậy.

7. Nghe những pháp khó tin, khó hiểu của Đại thừa mà ghi nhớ không quên. Do đó tâm được bất động. Pháp Đại thừa thật khó tin khó hiểu, nhưng nếu ta tin và hiểu được thì căn lành chủng duyên với pháp Đại thừa không phải nhỏ. Có nhiều người nghe đến giáo pháp Đại thừa, họ cảm thấy sao quá xa xôi dường như không thực tế. Nhưng họ đâu biết rằng pháp Đại thừa mới rất là thực tế. Không

(không khí thể hơi), lửa (nhiệt độ). Tâm thuộc về tinh thần (phi vật thể): thọ (cảm giác) tưởng (hiểu biết) hành (biến dịch của dòng chảy tâm thức) thức (phân biệt). Ngũ uẩn nói cách khác là bao gồm cả thân và tâm hay danh và sắc. Lâu nay người ta cho rằng thân và tâm là hai thực thể riêng biệt. Nhưng kỳ thật thân cũng chính là tâm mà tâm cũng chính là thân. Thân tâm nhứt như. Cho nên ý niệm cho thân và tâm tách biệt thành hai phạm trù khác nhau, ý niệm này đã lỗi thời rồi. Bởi tâm là biết, tức chủ thể nhận thức. Còn thân là đối tượng nhận thức của tâm. Rồi đối tượng nhận thức thì chủ thể nhận thức không có. Rồi chủ thể nhận thức thì đối tượng nhận thức cũng không thành. Do đó, nên thân tâm không rời ra. Nói thế để thấy rằng những cảm giác của thân tâm, chỉ là ảo giác mà thôi. Bởi thọ, tưởng, hành, thức cũng do nhân duyên hợp thành. Thực thể của năm uẩn là không. Cho nên tánh không của năm uẩn thì không bị dính kẹt vào không gian và thời gian. Thời gian chẳng qua cũng chỉ là một khái niệm của tâm thức. Khi năng và sở cả hai đều biến mất, thì cái không mất, chính là thực tánh hiện bày. Thực tánh là "TÁNH KHÔNG" của vạn pháp vậy.

Kinh văn:

Lại nữa, Bồ Tát Sơ phát tâm muốn xoay cái vọng tưởng hư dối sinh diệt trở lại với chân tâm thanh tịnh thường trụ thì phải dùng pháp gì, nếu không là danh hiệu Như Lai? Làm thế nào chặt đứt gốc rễ phiền não nếu không sử dụng lực vô úy của danh hiệu Như Lai? Làm thế nào để diệt trừ sạch hết sáu tên giặc khách trần nếu không hiển thị công năng nhiệm màu đệ nhất của danh hiệu Như Lai?

Đến đây, ta thấy Bồ Tát Phổ Hiền đã chỉ dạy cho chúng ta biết rõ con đường trở về chân tâm. Tất cả các pháp môn Phật dạy, không pháp môn nào mà không nói đến việc chuyển hóa hay diệt trừ vọng tưởng. Tôi thích từ ngữ chuyển hóa hơn. Vì vọng tưởng đâu có chỗ nơi mà đoạn trừ. "*Đoạn trừ phiền não trừng tăng bệnh, thú hướng chân như tổng thị tà*" (Tú Tài Trương Chuyết). Vọng tưởng là cái biết sai lầm giả dối. Nói cách khác chính là những tri giác sai lầm. Trong đời sống hằng ngày của chúng ta, chúng ta thường hay bị mắc phải cái tri giác sai lầm này nhiều lắm. Muốn chuyển hóa vọng tưởng hay tập khí phiền não thì cần phải dùng đến một pháp môn tu. Tuy nhiên, còn tùy theo căn cơ trình độ sở thích của mỗi người mà chọn cho mình một pháp môn tu thích hợp. Ở đây, Ngài Phổ Hiền chỉ dạy là dùng danh hiệu **Nam Mô A Di Đà Phật** để xoay cái vọng tưởng hư dối sinh diệt, trở lại với chân tâm thanh tịnh thường trú của mình. Lời dạy này đâu có khác gì khi Bồ tát Quán Thế Âm trong lúc tu nhơn Ngài đã sử dụng nhĩ căn viên thông để tu. Ngài nói: "*Ban đầu ở trong tánh nghe, vào được dòng liền quên tướng bị nghe. Trần tướng đã vắng lặng vì hai tướng động và tịnh rõ thật không sinh. Như vậy, dần dần tăng tiến thêm, các tướng năng vẫn sở vẫn đều hết. Không dùng lại chỗ dứt hết năng vẫn, sở vẫn mà tiến lên nữa, thì năng giác sở giác đều không. Không giác tốt bực viên mãn nên các tướng năng không, sở không đều diệt. Sinh diệt đã diệt thì bốn tánh tịch diệt hiện tiền*" (Kinh Lăng Nghiêm).

Pháp môn tu tuy nhiều, nhưng tựu trung cũng không ngoài chuyển hóa vô minh phiền não. Bởi vô minh phiền não là

câu này nói lên ý nghĩa của bản môn. Thái tử Sĩ Đạt Ta ra đời, xuất gia, thành đạo, thuyết pháp độ sinh, nhập Niết bàn, đó là cái nhìn trên bình diện Tích môn. Còn bản môn thì thực tại bất sinh bất diệt. "Sinh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc". Sinh diệt, diệt rồi, thì tịch diệt là vui. Khi không còn thấy phạm trừ sinh diệt nữa, thì ngay đó là Niết bàn rồi. Tịch diệt là Niết bàn. Đó là diệu nghĩa của tánh không. Mặc dù ta đang sống trong vòng tương đối (Tích môn), nhưng ta cũng có thể nắm bắt được Tuyệt đối (bản môn). Thiền hướng dẫn giúp cho chúng ta nhìn sâu vào tương đối để thấy được tuyệt đối. Nói cách khác nhìn sâu vào tích môn để thấy được bản môn. Nhìn sâu, chúng ta thấy sống đồng thời cũng là nước. Thế thì sóng và nước có gì ngăn ngại nhau đâu. Tích môn và bản môn cũng không có gì ngăn ngại nhau cả. Có được cái nhìn như thế, thì tâm ta thanh thản an bình không vọng chấp. Vì vạn pháp ở ngay trong tâm mình. Tâm dùng thì mọi vật đều dùng. Thuyền đi thì bờ dời. Thuyền dừng lại thì bờ cũng dừng theo. Mình chạy thì thấy cảnh vật chạy theo mình. Mình đứng lại thì mọi vật đều đứng. Vạn cảnh tùy tâm là thế. Liễu ngộ được thế, thì tâm an nhiên tự tại bất động. Không động là định. Định là dùng tất cả. Định huệ đồng thời chiếu soi, thấy vạn pháp giai không, duyên sinh như huyền mộng.

"Nhất niệm bất sinh toàn thể hiện
Lục căn tài động bị vân già..."

6. Nhìn ngũ trược ác thế, thấy chúng sinh say sưa nô đùa với tám món điên đảo, mà không chán ghét, bỏ lìa, khinh chê. Do đó, được tâm bất động. Ngũ trược ác thế

hoi. Chớ không phải theo kiểu việc làm a dua tùy hứng đưng đầu làm đó. Hạng người này họ có lập trường kiên định, rạch ròi trong công việc thiện nguyện, cho nên gặp thất bại họ không hề nao núng, nhụt chí bị khinh chê một dạ chẳng màng, quyết đi tới đạt thành sở nguyện. Tâm Bồ đề của họ kiên cố không có một thế lực cuồng phong vũ bão nào làm cho tâm Bồ đề của họ bị thổi chuyển lui sụt được. Vì trước mắt họ là cả một bầu trời trong sáng an lành, bao nhiêu trái tim mở rộng đón nhận tình thương của họ. Đó là nguyên động lực, là nguồn an ủi lớn lao, để họ có đủ tín tâm và nghị lực vững tiến không ngừng. Chắc chắn là họ sẽ thành công và được mọi người quý kính yêu thương vô kể. Với Bồ đề tâm và Bồ đề nguyện vững chắc hùng tráng như thế, thì không có mãnh lực nào làm cho tâm họ dao động được. Trước nghịch cảnh tâm luôn bất động, trước phong ba tay lái vững vàng. Vượt muôn trùng sóng gió đau thương, quyết băng ngàn về đến bến vinh quang trong muôn ngàn trái tim chào đón.

5. Tư duy, quán sát diệu nghĩa của tánh không mà chẳng hề sợ sệt, ngăn ngại. Do đó tâm được bất động. Trên bước đường tu tập, hành giả luôn hướng về đạo lý giác ngộ. Hằng tư duy, quán sát diệu nghĩa của tánh không, mà chẳng hề sợ sệt, ngăn ngại. Tánh không hay bản môn là mục đích của người tu nhắm tới. Thông thường người ta hay bị kẹt dính vào tích môn. Nhưng nếu chúng ta tư duy quán sát sâu vào tích môn, thì ta cũng có thể thấy được bản môn. Vì tích và bản môn không rời nhau. Tuy không rời nhau, nhưng không phải là một. "*Tỳ da thành lý bất tăng sanh, Ta la thọ gian vị tăng diệt*". Hai

cội gốc của sinh tử luân hồi. Muốn chấm dứt vòng sinh tử luân hồi khổ đau, thì hành giả phải chặt đứt (một cách nói) gốc rễ phiền não. Phiền não thì có rất nhiều loại. Tuy nhiên, không ngoài hai loại chính: "**căn bản và tùy phiền não**". Căn bản phiền não thì có 6 loại hoặc chia ra thì có 10 loại. Nói 6 loại gồm có: "*tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến*". Từ ác kiến người ta chia ra làm 5 loại: "*thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ kiến*". Chung lại tất cả là 10 thứ. Loại căn bản phiền não này thật khó trừ khó đoạn. Nói gọn thì có 3 loại độc hại nhất, đó là: "**Tham, Sân, Si**". Ba loại này gọi đúng tên của nó là "Tam Độc". Chính ba độc tố này mà nó gây ra không biết bao nhiêu điều tội ác và làm cho thế gian điên đảo thác loạn tràn ngập khổ đau. Còn tùy phiền não (chi nhánh) gồm có 20 thứ: "*phân, hận, phú, não, tật, xan, cuồng, siểm, hại, kiêu, vô tâm, vô quý, trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, phóng dật, tán loạn, thất niệm, bất chánh tri*". Nêu ra đại khái như thế để chúng ta biết qua các loại phiền não này trong tâm thức ai ai cũng có. Tu hành là chuyển hóa hoặc đoạn trừ những lũ giặc phiền não này. Đối với lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) là những tên giặc thuộc bên ngoài, mà ở đây, Ngài Phổ Hiền gọi chúng là khách trần phiền não. Tại sao gọi chúng là khách trần phiền não? Bởi vì những thứ này tuy là khách nhưng chúng có năng lực làm cho tâm ta luôn bị đắm nhiễm nên gọi là trần. Đã nói là khách, tất nhiên, không phải là chủ. Chủ thì không đòi đổi, còn khách thì có đến đi, lui tới. Trong Kinh Lăng Nghiêm Phật có nói đến Chủ và Khách. Chủ là chỉ cho tâm thể thanh tịnh sáng suốt. Khách là dụ cho bao thứ phiền não rối rắm nhiều nhưng.

Phiền não thì không thật, khi có khi không, lúc vậy, lúc khác, nên gọi là khách trần. Còn ông chủ thì không bao giờ vắng mặt. Bỏ khách nhận chủ đó là chủ yếu của người tu. Phương cách diệu dụng hay nhất, theo Bồ Tát Phổ Hiền, thì không có cách nào thắng diệu nhiệm màu hơn là danh hiệu **Nam Mô A Di Đà Phật**. Chỉ cần niệm danh hiệu sáu chữ Di Đà này thì bao nhiêu phiền não tẩy đều tiêu sạch. Bởi vọng tưởng không còn thì phiền não làm gì có? "Tâm sinh thì các pháp sinh, tâm diệt thì các pháp diệt". Hành giả niệm Phật đến khi nào đạt được "**nhất tâm bất loạn**", thì tất cả phiền não không còn, bấy giờ chỉ còn một tâm thể thanh tịnh sáng suốt hiện tiền mà thôi.

Kinh văn:

Này Phật tử, cõi Diêm Phù Đề này vốn lấy âm thanh làm thể. Do đó, nhiều chúng sinh có thể nương nơi âm thanh viên mãn mà chứng viên thông. Như vậy, danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật chính là âm thanh tối thắng, đưa chúng sinh thâm nhập Như Lai tạng diệu chân như tánh. Vì thật tướng của danh hiệu là vô tướng, không đọa vào nhân duyên, không lạc vào tự nhiên, chẳng hòa hợp, chẳng phi hòa hợp. Luôn vắng lặng, chu biến khắp mười phương. Tùy theo tín tâm, công năng tu tập mà phát huy diệu dụng.

Diêm phù đề tức chỉ cho cõi Ta bà này. Mà cõi này vốn lấy âm thanh làm thể. Lý do tại sao? Vì có thể nương nơi âm thanh viên mãn mà chứng viên thông. Âm thanh viên mãn, theo Bồ tát Phổ Hiền thì âm thanh qua câu niệm Phật, chính là âm thanh tối thắng vì diệu có khả năng đưa

gắng vươn lên để tìm ra lối thoát cho mình và người. Đó là hạnh nguyện cao cả vị tha của Bồ tát. Khi cứu đời giúp người, ta không nên có tâm so đo phân biệt kẻ oán người thân. Còn phân biệt như thế thì tâm mình cảm thấy bất an. Vì còn có cái tâm kỳ thị đồ kỵ tính toán ân oán. Thường tâm lý con người hay thích giúp người mình thương, chớ không ai thích giúp người mình ghét. Đã có tâm phân biệt như thế, thì mất đi cái tâm bình đẳng. Mà còn thấy có oán, có thân, tức còn thấy hai bên, thì làm sao mà tâm chẳng động được. Muốn tâm bất động thì đừng thấy có hai. Điều này có thực tập thì ta mới thấy là một sự thực. Phạm thấy có hai hoặc nghiêng bên này, hay nghiêng bên kia, đều là tâm thiên lệch. Chính cái tâm phân biệt làm cho mình đau khổ dài dài. Muốn hết khổ thì phải điều chỉnh cái tâm không thấy hai bên. Có thế, thì tâm ta mới không bị lay động theo duyên trần vậy.

4. Dẫu ham làm các thiện sự nhưng chỉ gặp thất bại, hủy nhục nhưng không hề lui sụt bỏ đề tâm nguyện. Do đó tâm được bất động. Có người nói làm người tử tế thật là rất khó. Khó hay dễ là do tâm ta thôi. Có người ham làm các việc tốt cứu đời giúp người, họ tự nguyện bỏ tiền túi của mình ra để làm những việc từ thiện, thế mà có lắm người châm chích soi mói mỉa mai cay cú nói xấu đủ thứ. Đó là một thử thách rất lớn trong công việc hành thiện. Người thực sự có tấm lòng từ bi, có ý chí lập trường, có ý thức trong sáng, có hoài bão từ tâm, thương người nghèo khổ, thì không vì những trở ngại khó khăn dư luận khen chê đó, mà làm cho mình phải chùn bước thối chí nản lòng. Bởi việc họ làm đều có ý thức mục đích rõ rệt hẳn

2. Đối với tất cả chúng sinh, không có lòng nã hại, do đó tâm được bất động. Điều này, tương đối còn có thể thực hiện được. Không quá khó như điều trên. Nã hại là làm khổ chúng sinh. Người biết chút ít tu hành thì không nên làm khổ bất cứ chúng sinh nào. Bởi vì mình làm người khác khổ thì chính mình đã khổ trước rồi. Không Tử có nói: "Hàm huyết phún nhơn tiên ô tự khẩu". Nghĩa là ngậm máu phun người thì miệng mình dơ trước. Hay cầm đuốc đốt trời, trời chưa bị cháy mà trở lại cháy phồng tay mình. Hại người trở lại hại mình. Vì thế, người tu phải có lòng từ bi thương xót tất cả chúng sinh. Ý thức được nỗi khổ đau của mình và người, ta nên lấy tình thương mà đối xử với nhau. Hơn thua hại nhau rốt cuộc cả hai đều đau khổ cả. Nếu muốn tâm mình được an tịnh bất động, thì phải mở rộng cõi lòng bao dung tha thứ tất cả. Nên lấy tinh thần Bồ tát mà hành xử với nhau cho phải đạo. Bồ tát vì lợi ích chúng sinh không vì lợi ích riêng mình. Người ta hại mình chắc hẳn là người đó vui lắm. Nhưng vui đó rồi khổ đó. Làm sao tránh được nhân quả. Hãy lấy gương nhân quả mà xử sự trong tình người vậy.

3. Trong việc nhiếp hóa chúng sinh, chẳng hề phân biệt kẻ oán người thân. Do đó tâm được bất động. Cứ mỗi điều Bồ tát dạy chúng ta, thì chúng ta nên cố gắng nghiên ngẫm tư duy thực tập. Việc thực tập nào ở bước khởi đầu cũng đều khó khăn cả. Nếu dễ, thì ai tu cũng thành Phật, thành Tổ hết rồi. Có khó khăn mới đo đạt được cái chí khí dũng cảm nhẫn nại của mình. Người tu là người đang hướng đời mình đến chỗ thăng hoa cao đẹp hơn. Vì ý thức bản thân mình có nhiều tỳ vết khổ đau, nên mình mới cố

hành giả niệm Phật thâm nhập pháp thân thanh tịnh, cũng chính là Như Lai tạng diệu chân như tánh. Chân như là thể tánh thanh tịnh bản nhiên của muôn pháp, các tướng chẳng qua là diệu dụng của chân như mà thôi. Tướng thì có sinh diệt, còn tánh thì bất sinh bất diệt. Cho nên Bồ tát Phổ Hiền nói rằng: "**Vì thật tướng của danh hiệu Phật là vô tướng, không đọa vào nhân duyên, không lạc vào tự nhiên, chẳng hòa hợp, chẳng phi hòa hợp. Luôn vắng lặng, chu biến khắp mười phương. Tùy theo tín tâm, công năng tu tập mà phát huy diệu dụng**". Qua lời dạy này ý nghĩa thật là sâu sắc. Ta phải tư duy nghiên ngẫm lắm mới có thể hiểu được phần nào. Danh hiệu Phật tức sáu chữ Di Đà là hữu tướng. Kinh Kim Cang Bát Nhã Phật dạy: "**Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai**". Nghĩa là, phàm cái gì có hình tướng đều là giả dối không thật. Nếu thấy các tướng, chẳng phải tướng thật thì mới thấy được Như Lai. Như Lai ở đây, không phải là ông Phật ứng thân ở Ấn Độ. Mà Như Lai là chỉ cho cái thể tánh bất sinh bất diệt. Như vậy, thật tướng của danh hiệu Phật là vô tướng. Đã là tướng không thì không bị dính kẹt vào nhân duyên. Cái gì có tướng thì mới do nhân duyên sinh. Còn cái vô tướng, thì nhân duyên nào sinh được? Như hư không do cái gì sinh? Tất nhiên là hư không chẳng phải do nhân duyên sinh. Cho nên mới nói là không đọa vào nhân duyên. Chữ đọa có nghĩa là bị dính kẹt vào. Nói tóm lại, cái thực tánh đó không do cái gì sinh ra cả. Không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên, chẳng phải hòa hợp và chẳng phải phi hòa hợp. Vậy thì tánh thể đó như thế nào? Là thực tánh này hằng vắng lặng, chu biến khắp

mười phương, vì vô tánh nên mới chu biến khắp mười phương. Tùy chúng sinh tâm ứng khả tri lượng. Tùy theo lòng tin và sự thiết thực tu tập của mỗi hành giả mà có thể phát huy cái diệu dụng tột đỉnh của sự niệm Phật. Tiếp theo là Bồ tát Phổ Hiền đã cực lực xung tán và giải rộng ra về danh hiệu Phật.

Kinh văn:

1. Nay Phật tử, danh hiệu Phật chính là bồ đề tâm, vì là chủ tể các thiện pháp, và luôn luôn sinh ra tất cả Phật pháp.

2. Danh hiệu Phật chính là bồ đề nguyện, vì là cửa ngõ xu hướng vô thượng giác, và luôn luôn dẫn dắt chúng sinh tới nhất thiết chủng trí.

3. Danh hiệu Phật như mặt trời, vì có uy lực phá trừ si ám, ban phát ánh sáng thiện căn cho nhân gian.

4. Danh hiệu Phật như kinh ngư, vì có thể bơi lội tự tại trong đại dương khổ não, mà chẳng bị sóng dữ phiền não vùi chôn, cuốn lấp.

5. Danh hiệu Phật như giồng chắc thật, vì có thể lưu xuất tất cả phước đức vô lậu.

6. Danh hiệu Phật như trận mưa lớn, vì khiến hạt giống bồ đề nảy nở, sinh sôi.

7. Danh hiệu Phật như ruộng tốt, vì có thể trưởng dưỡng hết thảy bạch tịnh pháp.

8. Danh hiệu Phật như nước cam lồ quý báu, vì có thể tẩy rửa mọi thứ phiền não dơ bẩn, khiến vọng tâm trở thành đài gương lau lau sáng sạch.

9. Danh hiệu Phật như ngọn lửa mạnh mẽ, vì có thể đốt tan rừng rậm kiến chấp.

nói thế, Ngài liền nêu ra có 10 điều tâm thể bất động như sau:

1. Sẵn sàng xả bỏ tất cả sở hữu, mà không hề nuôi tiếc, do đó tâm được bất động. Sở hữu là những tài sản vật dụng của ta. Nói chung là những của cải tiền bạc kể cả thân mạng của mình. Tất cả đều là những sở hữu của mình. Hành giả Tịnh Độ sẵn sàng xả bỏ tất cả những thứ sở hữu này. Xả bỏ không một chút nuôi tiếc. Nên nhớ, mười điều Bồ tát nêu ra ở đây, là muốn cho các hành giả Tịnh độ cần phải đạt cho được cái tâm thể bất động. Vì muốn cho tâm thể bất động, nên cần phải buông xả mọi thứ. Nghĩa là không còn chấp ngã và chấp pháp. Còn chấp thì tâm ta vẫn còn bám víu đau khổ. Điều xả bỏ này thật không phải dễ làm. Phải là những bậc thượng căn thượng trí mới có thể làm nổi. Đối với căn cơ trình độ của chúng ta, thì phải thực tập buông bỏ từ từ. Buông bỏ những cái không xài thì ai cũng buông bỏ được, nhưng còn buông bỏ những tài vật quý giá như vàng, kim cương (hột xoàn) thì phải thành thật mà nói rất khó buông. Vì sao? Vì chúng ta chưa gột rửa sạch hết lòng tham. Còn tham thì còn chất chứa bảo thủ. Mất một món đồ quý giá, thì tiếc hùi hụi mất ăn mất ngủ. Nói chi buông bỏ hết mà không một niệm nuôi tiếc. Thấy khó mà không làm thì muôn đời vẫn là chúng sinh. Thế thì mãi mãi đi trong vòng sinh tử luân hồi thọ khổ. Nếu người nào thiết thiết niệm Phật và quyết tâm buông bỏ mọi thứ bên trong (tham, sân, si...) bên ngoài (tài sản tiền bạc của cải ...) thì người đó chắc chắn là sẽ đạt được tâm thể bất động.

Lời dạy trên, ta nên chú ý những cụm từ quan trọng như: "thoáng nghe danh hiệu", "tín thọ chấp trì", "niệm niệm nối nhau", tâm bất động. Chỉ thoáng nghe qua danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, liền tín thọ chấp trì. Nếu người không có căn lành sâu dày với pháp môn niệm Phật, thì làm gì có chuyện chỉ mới thoáng nghe mà liền khởi tâm tín thọ chấp trì. Có người nghe danh hiệu hoài, nhưng có thực sự tín thọ chấp trì đâu. Tín thọ, tín là tin, thọ là nhận lãnh. Tin ở đây là phải tin sâu, chớ không phải tin suông trên mặt danh tự. Tin sâu rằng mình cũng có tự tánh Di Đà. Niệm danh hiệu Ngài là để giúp cho Tự tánh Di Đà của mình ngày tăng trưởng lớn mạnh thêm. Chớ không niệm danh hiệu suông, như vậy đâu có ích lợi gì. Phải tin chắc và tin sâu như vậy, thì mới tương ứng với Phật Di Đà. Tin rồi, mình phải hằng thọ trì. Thọ là nhận mà trì là gìn giữ. Tất nhiên, đi, đứng, nằm ngò, mọi động tác thì vi, mình đều giữ chặt câu hiệu Phật. Chớ không phải chỉ thọ trì theo thời khóa. Thọ trì nghĩa sâu hơn nữa là mình hằng sống với tánh giác Di Đà. Bởi A Di Đà có nghĩa là Vô lượng thọ và Vô lượng quang. Vô lượng thọ là pháp thân vượt ngoài thời gian. Tức mạng sống không hạn cuộc vào thời gian. Vô lượng quang là ánh sáng trí huệ vượt ngoài không gian. Hằng sống là hằng nuôi lớn pháp thân huệ mạng. Đó là nghĩa thọ trì. Chấp trì là cầm nắm giữ chặt. Tức giữ chặt câu hiệu Phật không buông ra. Niệm niệm nối nhau, điều này mới là khó. Nghĩa là sáu chữ hoặc bốn chữ Di Đà luôn luôn nối nhau không dứt. Gọi là tịnh niệm nối luôn không xen hở gián đoạn. Có thể, thì tâm đâu còn động nữa. Vì tâm thể đã an định rồi. Sau khi

10. Danh hiệu Phật như trận cuồng phong vô ngại khắp thế gian, vì nó cuốn phăng tất cả bụi mù tà kiến, hí luận, thiên kiến.

11. Danh hiệu Phật như tuệ nhãn xuyên thấu mọi pháp và thấy rõ khắp tất cả chướng ngại, hiểm trở.

12. Danh hiệu Phật như chiếc xe không lò, vì có thể chuyển vận hết thảy Bồ Tát Sơ phát tâm nhanh chóng tới Phật địa.

13. Danh hiệu Phật như căn nhà to rộng của Như Lai, vì khiến chúng sinh không còn sợ hãi, bất an.

14. Danh hiệu Phật như cung điện nguy nga tráng lệ, vì giúp chúng sinh tu tập và khai phát vô lượng tam muội.

15. Danh hiệu Phật là chỗ nương tựa chắc chắn cho tất cả Bồ Tát Sơ phát tâm, vì luôn chứa nhóm và lưu bố hết thảy bồ tát hạnh.

16. Danh hiệu Phật như từ mẫu, vì áp ủ che chở và sinh ra tất cả Bồ tát, nuôi lớn căn lành cho hết thảy chúng sinh.

17. Danh hiệu Phật như kim cương bất hoại, lại có thể đập vỡ tất cả các pháp hữu lậu.

18. Danh hiệu Phật là vị thuốc A già đà, vì có thể chữa được tất cả bệnh tật cho chúng sinh.

19. Danh hiệu Phật như liên hoa, vì không bao giờ bị nhiễm ô bởi những pháp thế gian.

20. Danh hiệu Phật như tượng vương hùng dũng, có thể chà đạp tất cả điên đảo tướng ngang trái, hung hiểm.

21. Danh hiệu Phật như hạt châu Ma ni, có thể dùng phát chẩn cho tất cả chúng sinh nghèo khó phước đức và trí tuệ.
22. Danh hiệu Phật như thủy thanh châu, vì có thể lóng sạch tất cả dây trói sinh tử.
23. Danh hiệu Phật như ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, do đó tất cả thế gian nên cúng dường, hân ngưỡng, tán thán.
24. Danh hiệu Phật như pháp thân bất tư nghị, vì luôn lưu xuất tất cả thân của chúng sinh.
25. Danh hiệu Phật như báo thân tư nghị, vì luôn sinh ra vô lượng vi trần thân trong tâm tưởng mọi chúng sinh.
26. Danh hiệu Phật như hóa thân Phật bất tư nghị, vì luôn hiện thân Phật ngay nơi thân và tâm của người xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật.
27. Danh hiệu Phật chính là thật báo trang nghiêm tịnh độ, vì hiển thị báo thân viên mãn lưỡng túc của giác quả.
28. Danh hiệu Phật chính là phàm thánh đồng cư tịnh độ, vì dung nhiếp hóa thân tùy nguyện vãng sinh của chư vị thượng thiện nhân khắp mười phương thế giới.
29. Danh hiệu Phật chính là cõi Cực lạc vì tự thân trang nghiêm và tự tâm trang nghiêm.
30. Danh hiệu Phật chính là ba đời mười phương chư Phật, vì A Di Đà tức là pháp giới tạng thân, có lực dụng thu nhiếp và hiện pháp thân của ba đời mười phương chư Phật.

1. Sẵn sàng bỏ tất cả sở hữu, mà không hề nuối tiếc, do đó tâm được bất động.
2. Đối với tất cả chúng sinh, không có lòng não hại, do đó tâm được bất động,
3. Trong việc nhiếp hóa chúng sinh, chẳng hề phân biệt kẻ oán người thân. Do đó tâm được bất động.
4. Dẫu ham làm các thiện sự nhưng chỉ gặp thất bại, hủy nhục nhưng không hề lui sụt bỏ dè tâm nguyện. Do đó tâm được bất động.
5. Tư duy, quán sát diệu nghĩa của tánh không mà chẳng hề sợ sệt, ngăn ngại. Do đó, tâm được bất động.
6. Nhìn ngũ trược ác thế, thấy chúng sinh say sưa nô đùa với tám món điên đảo, mà không chán ghét, bỏ lia, khinh chê. Do đó tâm được bất động.
7. Nghe những pháp khó tin, khó hiểu của Đại thừa mà ghi nhớ không quên. Do đó tâm được bất động.
8. Dẫu sống trong thế pháp nhiễm ô, mà vẫn tu tập phạm hạnh, hộ trì tịnh giới. Do đó tâm được bất động.
9. Nơi chỗ sở đắc, và nơi chỗ vô sở đắc, luôn luôn giữ lòng an nhiên, chẳng náo loạn. Do đó, tâm được bất động.
10. Đối với kẻ trí nhỏ, khinh chê pháp Đại thừa, mà mình cũng không sinh lòng giận hờn, ghét bỏ. Do đó tâm được bất động.

Bồ Tát Quán Thế Âm lại dạy bảo bà Vi Đề Hy về cách thức trì danh niệm Phật. Ngài nói: "*Bất cứ chúng sinh nào thoảng nghe danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, liền tín thọ chấp trì, niệm niệm nối nhau không gián đoạn, thì sẽ hiển lộ những thứ tâm bất động*".

chớ làm sao nói đến chỗ đó được. Vì thế, muốn thể nhập cảnh giới của Phật, Bồ tát, thì phải cởi bỏ tất cả những trò hý luận. Cũng như muốn biết mùi vị sầu riêng, thì bỏ hết mọi thứ diễn tả, mà cần phải đích thân nếm thử.

11. Giải thoát hý luận, biện tài về không tánh, về những pháp vô sở đắc. Không tánh là tánh không của vạn pháp. Vấn đề này chúng ta cũng đã có nói qua. Đã là không tánh thì dù có tài biện luận đến đâu, cũng không thể nào nói đến cái "**Tánh Không**" của vạn pháp được. Chúng ta chỉ có thể diễn tả nói đến được ở nơi sự tương của vạn pháp. Đã là tánh không, thì chúng đắc vào đâu. Tự tánh của vạn pháp là như thế (pháp nhĩ như thị) cho nên không có nói đến vấn đề chúng đắc. Nói có chúng, có đắc, đó chẳng qua là những danh từ giả lập, tức hý luận chơi cho vui vậy thôi. Đó là những danh từ gượng nói. Thực tế thì không có chúng, có đắc gì cả. Bởi thể tánh chơn như sẵn có từ hồi nào đến giờ, đâu phải mới có đây mà gọi là chúng đắc. Tu hành mà còn nói có chúng có đắc, thì người đó chưa phải là chơn tu. Mà coi chừng đó là hạng người tăng thượng mạn. Tuy nhiên, nói như thế là để phá chấp, chớ thực tế không phải là không có. Bởi vì có ai uống nước rồi mới biết nước lạnh nóng thế nào. Ngoài ra, nếu chưa uống, thì có nói gì cũng không trúng.

Kinh văn:

XI. Nay Vi Đề Hy, bất cứ chúng sinh nào thoảng nghe danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, liền tín thọ chấp trì, niệm niệm nối nhau không gián đoạn, thì sẽ hiển lộ những thứ tâm bất động. Như là:

Bồ tát Phổ Hiền đã giải thích cặn kẽ tường tận sâu rộng về danh hiệu Phật A Di Đà, mà có thể nói từ trước tới giờ chúng ta chưa từng biết đến, nếu như chúng ta không có chuyên học hồi kinh này. Sau đây chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu sơ qua từng danh hiệu một:

1. Danh hiệu Phật chính là Bồ đề tâm... Bồ đề tâm tức là tâm giác ngộ. Như vậy niệm Phật là niệm tâm, mà niệm tâm cũng chính là niệm giác, tức hằng nhớ tánh giác. Tánh giác hay chơn như là bản thể sinh ra mọi hiện tượng. "Đâu ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp" (Lục Tổ Huệ Năng). Như vậy có pháp nào mà không từ tâm lưu xuất? Cho nên Ngài Phổ Hiền mới nói Bản giác hay sinh ra các pháp lành và tất cả Phật pháp.

2. Danh hiệu Phật chính là Bồ đề nguyện... Tuy mỗi người chúng ta ai ai cũng sẵn có tánh giác, nhưng nếu không có lập nguyện vững chắc để tu tập, thì cũng khó đạt thành sở nguyện. Cho nên chư Phật, Bồ tát trong lúc tu nhân, các Ngài đều có lập đại nguyện cả. Đức Phật A Di Đà thì phát 48 điều đại nguyện, Bồ tát Quán Thế Âm thì có 12 điều đại nguyện v.v... Nhờ có phát đại thệ nguyện như thế nên các Ngài mới quyết tâm nỗ lực tiến tu cho đến ngày viên thành Phật quả. Vì thế nên nói: "**Bồ đề nguyện là cửa ngõ xu hướng vô thượng giác, và luôn luôn dẫn dắt chúng sinh tới nhất thiết chủng trí**". Nhất thiết chủng trí là (cái trí biết tất cả các chủng loại) tức chỉ cho quả vị Phật.

3. Danh hiệu Phật như mặt trời... Danh hiệu Phật có uy lực như ánh sáng mặt trời phá trừ mọi tối tăm si ám, tức phá tan màn vô minh tăm tối của tất cả chúng sinh.

4. Danh hiệu Phật như kinh ngư... Kinh ngư là con cá kinh to lớn nó có khả năng bơi lội một cách tự tại trong biển khổ lớn, mà chẳng bị sóng dữ phiền não vùi chôn cuốn lấp. Người nào chuyên tâm niệm danh hiệu Phật một cách tương tục không gián đoạn, gọi là tịnh niệm nối liền, thì tuy sống trong cõi đời trần đầy chướng duyên đau khổ, nhưng đối với họ chẳng có gì là đau khổ cả. Cư trần lạc đạo... là như thế.

5. Danh hiệu Phật như giống chắc thật... Hạt giống chắc khi đủ duyên tốt thì hạt giống đó có thể sinh ra những cây tốt xanh tươi. Và kết quả dĩ nhiên, có nhiều hoa trái. Cũng thế, nếu như hành giả nào niệm danh hiệu Phật một cách chắc chắn (không phải là hạt lép) thì nhứt định sẽ thu hoạch nhiều lợi lạc tức phước đức vô lậu vậy.

6. Danh hiệu Phật như trận mưa lớn... Mưa lớn thấm nhuần khắp cả cỏ cây đều tươi tốt. Hạt giống dù tốt nhưng nếu để nó ở chỗ đất khô ráo, thì chắc chắn hạt giống đó sẽ bị thui chột và không thể nào nảy mầm lên cây con được. Cũng vậy, nhờ có mưa pháp của Phật tưới tắm hằng ngày mà hạt giống Bồ đề mới có thể nảy mầm sinh trưởng lớn mạnh được.

7. Danh hiệu Phật như ruộng tốt... Ruộng tốt thì gieo trồng hạt lúa mới lên tốt. Còn nếu như ruộng đất cằn cỗi

9. Giải thoát tất cả tri giải sai lầm của sáu căn. Sáu căn khi tiếp xúc với sáu trần thì có cái hiểu biết của sáu thức. Đã nói là thức tất nhiên mọi hiểu biết đều do phân biệt mà có. Đã phân biệt thì làm sao đúng với thật tướng của vạn pháp? Cho nên đó là tri giải sai lầm của căn và thức. Thế nên muốn hiểu đúng chân tướng của vạn pháp thì phải tiếp xúc bằng "hiện lượng" tánh. Nghĩa là phải hiểu trực tiếp vào tánh cảnh, không qua trung gian phân biệt của tỷ lượng và phi lượng. Lại càng không để cho "đối chất cảnh" và "độc ảnh cảnh" có cơ hội xen vào, mà tạo nên những nhận thức méo mó sai lầm ở nơi sự vật. Muốn nhận thức đúng chân lý là phải sử dụng trực giác, tất nhiên là không qua trung gian của tỷ lượng, phi lượng, hoặc của đối chất và độc ảnh cảnh. Như vậy mới có thể giải thoát tất cả tri giác sai lầm của căn và thức.

10. Giải thoát tất cả hý luận về cảnh giới siêu việt của chư Phật, chư Bồ tát. Điều này ý nghĩa cũng không khác mấy của điều thứ 8 nói trên. Nghĩa là phải buông bỏ mọi hý luận về cảnh giới siêu việt của chư Phật, chư Bồ tát. Cảnh giới siêu việt này chỉ có chư Phật, chư Bồ tát mới có thể thông hiểu với nhau mà thôi. Ngoài ra, đều là những trò hý luận không thể nào nói đến được. Làm sao chúng ta có thể diễn tả được mùi vị của trái sầu riêng? Muốn biết mùi vị của sầu riêng ra sao, thì chỉ có một cách duy nhất là chúng ta phải trực tiếp nếm thử. Khi nếm rồi thì cũng chỉ có mình tự biết, chớ không thể diễn tả cho người khác biết được. Cũng vậy, đến cảnh giới siêu việt của chư Phật, chư Bồ tát, thời chỉ có các Ngài tự biết mà thôi. Còn người khác có nói gì thì cũng chỉ là nói bâng quơ vui chơi,

để sống qua ngày, nhưng giả sử đang ăn ngon miệng, ai đó cắt có giứt món ăn của mình thì lúc đó tâm mình như thế nào? Có vui cười hỷ xả được không? Hay là tam bành lục tặc nổi lên la ó chửi rửa om sòm. Người xưa nói: "miếng ăn là miếng tòi tàn, mắt ăn một miếng lợn gan lên đầu". Một chuyện nhỏ phi lý như vậy, mà mình còn không bỏ được nói chi đến chuyện phi lý lớn hơn. Cho nên muốn giải thoát, thì ta phải thực tập buông bỏ hết những cặp đối đãi: phải, trái, ngon dở, chánh pháp, phi chánh pháp, ngã, phi ngã, anh, tôi v.v... Có bỏ hết cả hai cặp đối đãi này thì mình mới thực sự an lạc giải thoát vậy.

8. Giải thoát tất cả hý luận về thật nghĩa của nhất thừa. Hý luận là lời nói đùa giỡn bỡn cợt cho vui chớ không có thật. Thật nghĩa là đồng với vô lượng nghĩa. Nghĩa ở đây nói, không phải là thứ nghĩa lý thông thường, mà là "Nghĩa không" của vạn pháp. Nhất thừa là Phật thừa. Đến chỗ thật nghĩa của nhất thừa, thì không có ngôn ngữ nào có thể diễn tả đến được. Có nói chằng thì chằng qua đó là những trò hý luận, chỉ luận bàn nói cho vui chơi vậy thôi. Vì thật nghĩa của nhất thừa, như trong Khởi Tín Luận đã nói: "*Thế tánh chơn như không thể dùng lời nói luận bàn, không thể dùng tâm suy nghĩ được, không có biến đổi và cũng không phá hoại, vì nó rất ráo bình đẳng, chỉ có một tâm chơn như mà thôi*". Tâm chơn như ở đây gọi là thật nghĩa đó vậy. Thế thì phải vượt thoát những trò đùa hý luận này, thì mới có thể thể nhập được thật nghĩa của Nhất thừa.

có nhiều phèn hoặc nước mặn thì làm sao gieo hạt giống lên tốt được. Chẳng những không lên mà hạt giống còn bị ềo uột có khi khô chết đi. Cũng vậy, nếu như tâm địa của con người tốt thì có thể nuôi lớn những pháp lành làm lợi lạc cho mình và cho tất cả chúng sinh. Bạch tịnh pháp là pháp trong sạch không bị cấu trần phiền não làm nhiễm ô.

8. Danh hiệu Phật như nước cam lồ quý báu... Chúng sinh có vô lượng phiền não trước ướ, thì danh hiệu Phật là nước cam lồ quý báu rửa sạch phiền não dơ bẩn. Điều này, hành giả nào niệm Phật kinh nghiệm đều biết rõ. Trong lúc thành tâm thiết thực niệm Phật, thì ngay trong giây phút đó, chẳng thấy có chú phiền não nào như: vui, mừng, buồn, giận, lo, sợ, ganh, ghét v.v... dấy khởi. Lúc đó hành giả chỉ cảm nhận thân tâm thật thanh thoát nhẹ nhàng an lạc. Như vậy, không phải chuyển vọng thành chơn là gì? Không có vọng khởi thì chơn tánh hiện bày. Thế thì còn tìm cầu Phật hay Cực lạc ở đâu nữa?

9. Danh hiệu Phật như ngọn lửa mạnh mẽ... Ngọn lửa bùng cháy mạnh như hỏa diệm sơn, đây là ngọn lửa trí tuệ đốt cháy tất cả những khu rừng rậm si mê kiến chấp tà kiến. Chỉ có ngọn lửa danh hiệu Phật mới có thể đốt cháy mọi thứ tà tín, tà đạo, tà mạng và tà nghiệp v.v...

10. Danh hiệu Phật như trận cuồng phong vô ngại khắp thế gian... Trận cuồng phong vô ngại thổi tan tất cả những chương ngại vật và cuốn phăng tất cả những bụi mù tà ngoại, hý luận và thiên kiến. Hý luận là luận những điều phù phiếm phi pháp là những trò đùa luận giải các

pháp đảo ngược ở thế gian. Những thứ trò đùa này chỉ hý luận mà vui chơi vô ích, chớ chẳng có lợi lạc gì cho việc tu hành cả. Thiên kiến là chấp chặt một bên là một thứ định kiến rất nguy hiểm tai hại. Dầu biết là sai lầm nhưng vẫn bảo thủ cố chấp không chịu thay đổi phục thiện...

11. Danh hiệu Phật như tuệ nhãn xuyên thấu mọi pháp và thấy rõ khắp tất cả chướng ngại, hiểm trở... Danh hiệu Phật như con mắt tuệ giác nhìn thấu suốt tất cả không gì có thể ngăn ngại. Người niệm Phật phải có cái nhìn bằng tuệ giác, không nên sử dụng con mắt thịt để nhìn sự vật dính kẹt trong đau khổ. Khi có được tuệ giác mới thấy rõ các pháp là duyên sinh như huyễn, là vạn pháp giai không. Nhìn như thế, mới thực sự là có cái nhìn "Vô Tướng" không còn bị cái "Hữu Tướng" điều khiển sai sử nữa. Thế là không còn chướng ngại hay nguy hiểm gì cả. Thế mới được tự do tự tại sống trong lòng cuộc đời mà không bị nhiễm ô dính mắc vào cuộc đời.

12. Danh hiệu Phật như chiếc xe không lồ... Chiếc xe không lồ mới có thể đủ sức chuyên chở vận tải hết thảy chúng sinh từ địa vị phàm phu tiến đến Phật quả. Không riêng gì Bồ tát Sơ phát tâm mà tất cả mọi chúng sinh đều có thể được ngồi vào chiếc xe không lồ (Đại thừa) chuyển vận một cách nhanh chóng mau tới Phật địa.

13. Danh hiệu Phật như căn nhà to rộng của Như Lai... Một căn nhà rộng lớn, không phải loại căn nhà thường mà là một căn nhà trùm khắp cả pháp giới. Bởi vì Như Lai là nghĩa bất sinh bất diệt. Căn nhà này không nằm trong định

khi Phật còn tại thế. Sỡ dĩ Phật phủ định như thế là nhằm mục đích phá chấp. Phật không muốn người ta bị dính kẹt vào những gì mà Phật đã nói pháp. Vì còn dính kẹt thì không thể nào giải thoát được. Ngay cả pháp môn mình đang tu tập thì cũng không nên cố chấp, thế mới thực sự là giải thoát.

7. Giải thoát những chấp trước về phi chánh pháp. Phật pháp còn không chấp, nói chi là phi chánh pháp. Bỏ trái chấp phải, hoặc bỏ phải chấp trái, cả hai cũng vẫn là chấp. Bỏ trái thì dễ, nhưng bỏ phải thì thật khó. Thường thì người ta thích phải mà ghét trái. Thích cái hay không ai thích cái dở. Cho nên cái gì xài không được mình quăng đi một cái một, không một chút nuối tiếc. Còn cái mình đang xài trân quý giữ gìn mà bảo mình quăng bỏ, thì chắc là mình sẽ chống cự lại, có khi còn nổi sân si với người bảo mình phải bỏ. Tâm lý thường tình của con người là như vậy. Ai cũng thích được khen, không ai thích người khác chê bai mình. Dù người đó chê mình rất đúng. Nhưng vì tự ái, vì bản ngã nên mình cự tuyệt tới đa. Có nhiều khi mình tự biện hộ cho mình một cách lằng xẹt không có lý lẽ gì cả. Nhưng lòng tự ái của mình nó bảo mình phải biện hộ, dù biện hộ cái sai trái. Biết rằng điều đó không đúng nhưng vẫn không muốn ai chỉ trích mình cả. Cứ khẳng khẳng quyết bảo vệ cái không đúng của mình. Đó là chấp trước phi chánh pháp là vậy. Ai cũng biết thân này là giả tạm nay còn mai mất, nhưng lỡ người ta đụng chạm tới cái bản ngã của mình thì mình quyết ăn thua đủ một mất một còn. Phật nói đó là vô minh. Vì vô minh nên vọng chấp nhiều cái hết sức là phi lý. Biết ăn chỉ

khô là vì ta cứ thấy những thứ đó là có thật với chúng ta. Ngoài niệ Phật ra, ta còn phải quán lý nhân duyên và phải hành thâm bát nhã Ba la mật đa, thì mới thấy thực tánh của chúng là không tánh. Đã là không tánh thì ta không còn bị dính kẹt vào chúng, thế là không giải thoát là gì?

6. Giải thoát những chấp trước về Phật pháp. Hẳn ta còn nhớ trong Kinh Kim Cang Bát Nhã, Đức Phật có dạy: "Chánh pháp còn phải bỏ hà huống là phi pháp". Muốn giải thoát thì đừng chấp trước. Chấp trước là cầm chặt và dính mắc. Chử trước có nghĩa là dính mắc. Thế thì còn dính mắc là còn đau khổ. Dù dính mắc bất cứ thứ gì. Như chê đồ dơ dáy ta không cầm nắm, nhưng ta lại thích cầm nắm đồ sạch sẽ và đồ quý giá thì vẫn là nắm. Muốn tay ta được rảnh rang, thì nhất quyết ta không nắm bất cứ thứ gì. Còn nắm tức còn dính mắc, mà còn dính mắc thì vẫn còn bị ràng buộc, thế thì làm sao giải thoát? Phật pháp là pháp quý báu, vì là pháp Phật dạy để ta được giác ngộ. Thế nên ta phải trân quý gìn giữ. Nên nhớ ở đây mục đích là Giải Thoát. Chớ không phải nói về nghĩa trân quý gìn giữ. Đó là nghĩa ở một phương diện khác. Xin chớ có lầm nhận. Trong Kinh Kim Cang Bát Nhã Phật nói: Trong 49 năm thuyết pháp ta không nói một lời. Người nào cho rằng Phật có thuyết pháp trải qua thời gian 49 năm, thì người đó đang phỉ báng Đức Phật. Như vậy là Phật phủ định tất cả phải không? Nếu Phật không thuyết pháp 49 năm thì tại sao người ta lại kết tập thành tam tạng giáo điển? Bạn thấy sao qua lời tuyên bố này của Phật? Rõ ràng, đọc trong sử ai cũng biết là Phật có thuyết pháp suốt thời gian

luật vô thường hoại diệt. Vì thế mà khiến cho tất cả chúng sinh không còn phải lo âu sợ hãi bất an gì nữa cả. Một căn nhà an định khác hơn căn nhà lửa mà trong Kinh Pháp Hoa đã diễn tả. Bởi vì căn nhà đó vẫn còn trong vòng sống chết của ba cõi. Còn căn nhà này vượt thoát khỏi ba cõi nên khuyên tất cả chúng sinh mau vào trong ngôi nhà này.

14. Danh hiệu Phật như cung điện nguy nga tráng lệ... Cung điện nguy nga tráng lệ thật là xinh đẹp tuyệt mỹ. Cung điện này chỉ giúp cho những chúng sinh nào có ý chí thật tâm tu tập, nhất là chuyên trì danh hiệu Phật. Nhờ niệ danh hiệu Phật mà được khai phát vô lượng tam muội tức an trụ trong tam ma địa (chánh định).

15. Danh hiệu Phật là chỗ nương tựa chắc chắn cho tất cả Bồ tát sơ phát tâm... Tại sao Bồ tát sơ phát tâm cần phải nương tựa chắc chắn vào danh hiệu Phật? Bởi danh hiệu Phật có khả năng uy lực làm chỗ tựa nương cho Bồ tát mới phát tâm khi những vị này thật hành hạnh Bồ tát lưu bố rộng độ khắp tất cả chúng sinh.

16. Danh hiệu Phật như từ mẫu... Từ mẫu là bà mẹ hiền có năng lực ấp ủ che chở và sinh ra tất cả Bồ tát nuôi lớn căn lành cho hết thảy chúng sinh.

17. Danh hiệu Phật như kim cương bất hoại... Kim cương là thứ kim loại cứng chắc có thể phá hoại tất cả các loại kim thạch khác, mà các thứ đó không thể làm tiêu hủy phá hoại được kim cương. Mượn kim cương để nói rằng

danh hiệu Phật có thể phá tan đập nát tất cả các pháp phiền não nhiễm ô hữu lậu và vượt thoát mọi thứ triền phược trói buộc.

18. Danh hiệu Phật là vị thuốc A già đà... A già đà (agada) tên một thứ thuốc phòng ngừa và trị mọi thứ bệnh, mọi thứ độc, dịch là phổ khú, Vô giá, Vô bị, hoặc là Bất tử dược, Hoàn dược (Tứ Diệu Pháp Học Hán Việt). Danh hiệu Phật dụ như vị thuốc A già đà là một thứ thần dược trị được tất cả bệnh tật cho hết thảy chúng sinh.

19. Danh hiệu Phật như liên hoa... Là hoa sen tuy mọc lên từ bùn nhơ, nhưng hoa sen vẫn giữ được tính chất tinh khiết đặc thù của nó. "Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn" (ca dao). Dùng hoa sen để nói lên danh hiệu Phật cũng có tính chất đặc thù là không bao giờ bị ô nhiễm bởi các pháp thế gian. "Cư trần bất nhiễm trần" là thế. Phật, Bồ tát ra đời độ sinh, nhưng các Ngài không bị những thứ dục nhiễm ở thế gian ràng buộc các Ngài được. Các Ngài tới lui tự tại vô ngại giải thoát.

20. Danh hiệu Phật như tượng vương hùng dũng... Tượng vương là vua của các loài voi rất mạnh mẽ. Voi đi đến đâu thì có thể chà đạp dẫm nát tất cả mọi thứ cản trở. Mượn hình ảnh con voi oai phong dũng mãnh để sánh với danh hiệu Phật. Con voi có sức mạnh mẽ như thế nào, thì danh hiệu Phật sáu chữ Di Đà cũng có một uy lực sức mạnh như thế ấy. Sức mạnh của danh hiệu Phật là phá dẹp quét sạch tất cả những thứ tà kiến, điên đảo vọng tưởng,

độ sinh của Bồ tát là không muốn để cho hàng Nhị thừa phải đắm chìm trong quả vị Niết bàn nửa vời đó.

5. Giải thoát những trói buộc, áp chế của uẩn, xứ, giới. Uẩn nói đủ là ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Xứ là thập nhị xứ gồm có: sáu căn và sáu trần. Sáu căn là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Giới là thập bát giới gồm có: sáu căn, sáu trần, và sáu thức. Sáu thức là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Những thứ này chúng nó thường trói buộc, áp chế làm cho chúng ta không được giải thoát. Muốn giải thoát thì cần phải tháo tung những sợi dây trói buộc áp chế này. Nhưng tháo tung bằng cách nào? Nói theo lời dạy của Bồ tát ở đây, là phải phục sức thân tâm bằng danh hiệu **Nam Mô A Di Đà Phật**. Vì danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật có năng lực giải thoát không thể nghĩ bàn. Nói thế, có người sẽ thắc mắc: Tôi niệm danh hiệu Phật A Di Đà hằng ngày, nhưng vẫn chưa giải thoát được những thứ vừa nêu trên. Ngũ uẩn thì vẫn còn thấy thật, chớ chẳng thấy không thật chút nào. Cho đến sáu căn, sáu trần, sáu thức luôn phân biệt trói buộc dính mắc làm mình đau khổ liên miên có được giải thoát chút nào đâu? Điều thắc mắc này không phải là vô lý. Nhưng rất tiếc! tại vì sự thật hành niệm Phật của chúng ta chưa đúng mức và cũng có thể là chưa đúng cách. Đầu phải chỉ niệm Phật lai rai một ngày vài thời khóa là đủ. Mà phải niệm Phật miên mật liên tục như một dòng nước chảy, thì khi đó mặc dù những thứ này không biến mất đi đâu, nhưng vì lúc đó ta không có nghĩ đến uẩn, xứ, giới, thì làm gì có phân biệt dính mắc mà đau khổ. Sở dĩ ta đau

Muôn có được bước chân đó, thì phải không có gì ràng buộc. Ràng buộc bởi hai ngục tù quá khứ và tương lai. Đó là những chướng ngại cho bước chân thanh thoi của mình. Thanh thoi là giải thoát, là tự do tự tại. Mỗi bước chân trong chánh niệm đó là những bước chân thật an lành thanh thoát. Bài hát này để quý liên hữu vừa hát cho vui mà cũng vừa thực tập trong những lúc thiền hành.

4. Giải thoát những mục tiêu an trú niết bàn của nhị thừa. Mục đích của chư Phật ra đời là nhằm hướng dẫn chúng sinh tiến đến Phật quả. Phật không bao giờ có dụng ý bỏ người ta chơi với nửa chừng. Không có cái cảnh đem con bỏ chợ. Chẳng qua là vì trình độ căn cơ của mỗi chúng sinh mà có thể nhận lầm ý Phật. Đức Phật lúc nào cũng khuyến khích mọi người phải đạt cho được mục đích "Bảo Sở". Chính Bảo Sở mới là mục tiêu cứu cánh nhắm tới. Còn Hóa Thành chẳng qua chỉ là phương tiện tạm bày ra đó thôi. Có một số người lầm tưởng cho rằng Hóa Thành lại là Bảo Sở. Cho nên họ lại an trú nơi đó mà không chịu tiến lên. Đức Phật mặc dù với bản nguyện đại từ đại bi muốn dẫn dắt họ đến nơi Bảo Sở, nhưng họ vẫn cứ muốn ở lại nơi Hóa Thành, thì Đức Phật cũng đành chịu thôi. Đó là một số người trong hàng Nhị thừa Thanh Văn và Duyên Giác, họ không chịu tiếp tục tiến bước đến Bảo Sở. Họ quyết định an trú quả vị Niết bàn mà họ đã chứng đắc. Còn một số khác nghe theo lời Phật chỉ dẫn họ mạnh dạn tiến bước đến quả vị Phật mới thôi. Cho nên ở đây Bồ Tát Quán Thế Âm mới nói là giải thoát những mục tiêu an trú Niết bàn của Nhị thừa. Với tấm lòng bi nguyện

ngang trái hung hiểm, không có một thứ vô minh phiền não nào mà có thể làm chướng ngại được.

21. Danh hiệu Phật như hạt châu Ma Ni... Hạt châu Ma Ni như ý là một loại ngọc quý báu nhất trên đời. Dùng hạt châu quý báu để dụ cho danh hiệu Phật cũng rất quý báu hiếm có. Người nghèo khổ mà nhận được hạt châu quý báu vô giá, thì thử hỏi họ sung sướng mừng rỡ đến mức độ nào. Cũng vậy, người nào đầy đủ thiện duyên nhận được danh hiệu Phật mà trì niệm tương tục, thì có khác gì người nghèo kia nhận được viên ngọc quý giá. Hạt châu có thể giúp cho người nghèo khổ thoát khỏi cái cảnh nghèo đói, khổ khổ, danh hiệu Phật giúp cho người ta có được nhiều phước đức và trí tuệ. Nếu hết lòng trân quý trì niệm liên tục thì kết quả không thể nào nói hết được. Cũng như người nghèo trở thành một kẻ giàu to.

22. Danh hiệu Phật như thủy thanh châu... Thủy thanh châu là hạt ngọc trong xanh như nước. Hạt ngọc này có khả năng làm cho từ nước đục trở thành nước trong. Cũng thế, dùng hạt ngọc thủy thanh châu này để ví với danh hiệu Phật. Hạt thủy thanh châu có năng lực làm cho nước trong xanh, thì danh hiệu Phật cũng có uy lực lóng sạch tất cả những thứ nước dơ bẩn phiền não - sinh tử. Và dĩ nhiên, sẽ không còn bị sợi dây sinh tử trói buộc được nữa.

23. Danh hiệu Phật như ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Thế Tôn ... Đức Phật trải qua nhiều kiếp thật hành hạnh nhẫn nhục, và dùng trí tuệ tu các pháp lành, nên mới được tướng hảo quang minh. Một đức

tướng mà thế gian không bao giờ có được, chỉ ngoại trừ Chuyển luân thánh vương. Phật là đấng Pháp vương Vô thượng, bậc Thầy của cả trời người ba cõi, nên xứng đáng để cho thế gian cúng dường. Cúng dường là một pháp tu nuôi lớn căn lành. Nói cách khác là như pháp cúng dường thời nuôi lớn pháp thân huệ mạng. Phật là bậc giác ngộ hoàn toàn viên mãn, nên Ngài thật xứng đáng cho chúng ta cúng dường, hân ngưỡng và tán thán...

24. Danh hiệu Phật như pháp thân bất tư nghị... Vị Phật nào cũng có đủ ba thân: pháp thân, báo thân, ứng hóa thân. Niệm danh hiệu Phật là tương ứng với pháp thân. Pháp thân (Phật tánh) mỗi người đều sẵn có. Hằng niệm Phật tương tục không gián đoạn thì người đó luôn được pháp thân Phật gia hộ. Mà pháp thân của mình cũng chứng minh gia hộ cho mình rồi.

25. Danh hiệu Phật như báo thân tư nghị... Báo thân hay còn gọi là tự thọ dụng thân. Báo thân là do đầy đủ phước trí trang nghiêm viên mãn mới được cái báo thân Phật. Đây là chỉ cho nhân địa lúc tu nhân của chư Phật. Nhân địa tức địa vị của Bồ tát trong lúc tu nhân, khi nhân địa hoàn mãn thì kết thành quả địa là Phật. Như vậy quả địa là cái báo thân Phật. Hễ chúng ta tu nhân gì thì tương lai sẽ kết thành quả báo đó. Nhân tu Bồ tát thì kết thành báo thân Phật. Tu nhân người thì kết thành quả báo người. Tư nghị là suy nghĩ luận bàn. Báo thân Phật là có thể suy nghĩ luận bàn. Vì sao? Vì sinh ra vô lượng thân như vi trần trong tâm tưởng của mọi chúng sinh.

định đoạt thế cho mình. Mình phạm pháp ngôi tù có ai thay thế ngôi tù cho mình được không? Tổ Quy Sơn có dạy: "*Kim sanh tiện tu quyết đoán, tướng liệu bất do biệt nhơn*". Nghĩa là đời này mình quyết định cho mình, đừng nghĩ rằng người khác quyết định cho mình được. Ai ăn nấy no, ai học nấy biết chữ. Anh tu anh thành, chị tu chị đắc. Có lý nào anh tu mà chị đắc được không? Đời đâu có nghịch lý như thế. Hễ gây nhân nào thì có quả đó. Tin như vậy là tin đúng chân lý. Đúng chân lý là chánh kiến. Ngược lại là tà kiến.

3. Giải thoát những biện giải về sự giải thoát. Đã giải thoát thì cần gì phải biện giải về sự giải thoát. Làm như thế chỉ gây rối rắm thêm thôi. Giải thoát là không còn bị ràng buộc trong vòng hệ lụy phiền toái. Người giải thoát là người có đời sống tự do tự tại. Không có gì trói buộc được họ. Càng biện giải chỉ chuốc thêm rắc rối phiền toái mà thôi. Trong lúc hướng dẫn cho quý liên hữu trong đạo tràng Quang Minh tu học, tôi có viết bài ca Thiên Hành để quý liên hữu trước khi đi thiền hát ca cho vui.

*Ta đi đi không có gì ràng buộc
Ta đi đi không hướng vọng tương lai
Ta đi đi quên cả tháng năm ngày
Ta đi đi từng bước chân trong hiện tại
Ta đi đi vượt muôn ngàn chướng ngại
Ta đi đi về tới "Bến" nơi rồi
Ta đi đi từng bước thật thanh thoi
Thật thanh thoát an lành trong chánh niệm.*

Về tới bến nơi rồi là về với hiện tại. Đó là bước chân trong hiện tại. Bước chân đó là bước chân trong Tịnh Độ.

nào đã từng áp dụng niệm Phật một cách tương tục miên mật không xen hở gián đoạn, thì rõ ràng trong giây phút đó không có thứ vô minh phiền não nào khuấy nhiễu làm rối loạn được cả. Không có một chú nào dám xuất đầu lộ diện. Cũng như mình mặc bộ y phục vào trong thân thể của mình không bao giờ rời ra. Thử hỏi có ai thấy được da thịt trong người mình được không? Phục sức danh hiệu Phật cũng như thế. Nếu được vậy, thì hành giả sẽ được an lạc giải thoát vô cùng (không thể nghĩ bàn).

2. Giải thoát tà kiến thế gian và tà kiến ngoại đạo. Tà kiến thế gian nói không bao giờ cùng. Nơi đâu, chỗ nào, cũng thấy toàn là tà kiến. Như đã nói, tà kiến là nhận định hay hiểu biết sai lệch nghiêng nặng một bên. Như thấy thân này là thật, đó là tà kiến. Đây là thứ tà kiến hạng nặng. Cho suy nghĩ của mình cũng là thật. Đây là thứ tà kiến lại càng nặng ký hơn. Nói chung, phạm cái gì trái ngược với chân lý đều rơi vào tà kiến cả. Thử kiểm nghiệm lại trong cuộc sống, có thứ gì mà không rơi vào tà kiến không? Còn thấy có một bên là tà kiến rồi. Thấy có, hoặc thấy không, thấy đúng, hoặc thấy sai, thấy phải, hoặc thấy trái v.v... tất cả đều là tà kiến hết. Như vậy, cuộc sống này đầy đủ tà kiến. Chánh kiến thì khó tìm còn tà kiến thì như trâu. Đó là nói tà kiến thế gian. Thế gian là nói chung, chớ không phải chỉ riêng cho người đời thôi, mà ngay cả những người tu hành trong đạo cũng vẫn rơi vào tà kiến. Còn ngoại đạo tà kiến thì dễ thấy biết rồi. Còn cúng bái van vái cầu khẩn xin thần linh ban cho điều này, điều nọ thì đó là tà kiến nặng ký quá rồi. Cuộc đời này chính do mình định đoạt lấy chớ không có ai đủ quyền năng

26. Danh hiệu Phật như hóa thân Phật bất tư nghị... Người xưng niệm danh hiệu Phật thời luôn luôn được hóa thân Phật hiện ngay nơi thân và tâm của người xưng niệm. Hóa thân Phật thật không thể nghĩ bàn. Phật phân thân khắp nơi khắp chốn tùy cơ ứng hóa để độ hết thảy chúng sinh.

27. Danh hiệu Phật chính là thật báo trang nghiêm tịnh độ... Tịnh độ có rất nhiều cõi về Sự tịnh độ và Lý tịnh độ. Thông thường trong kinh nêu ra có bốn cõi tịnh độ. Thật báo trang nghiêm độ là một trong bốn cõi Tịnh độ. Hành giả trải qua vô số kiếp tu hành, tích công lũy đức, do phước báo tu hành nhiều đời làm trang nghiêm cảnh giới chân thật, nên gọi là Thật báo trang nghiêm Tịnh độ. Đây là cõi an trụ của các bậc từ Thập địa lên đến Đẳng Giác Bồ tát. Tại sao danh hiệu Phật chính là Thật báo trang nghiêm Tịnh độ? Bởi vì hiền thị báo thân viên mãn lưỡng túc của giác quả vậy.

28. Danh hiệu Phật chính là phàm thánh đồng cư tịnh độ... Đây là cõi Tịnh độ mà Đức Phật A Di Đà ở phương Tây đã trang nghiêm và tiếp dẫn chúng sinh trong mười phương về cõi Cực lạc. Sở dĩ gọi cõi này là Phàm Thánh đồng cư tịnh độ, là vì các bậc thượng thiện nhơn cùng sống chung với các chúng sinh mới vãng sinh, chưa chứng được quả Thánh. Như vậy cõi Cực lạc cũng có phàm thánh đồng cư. Cõi này cũng rất thù thắng trang nghiêm tốt đẹp, do công đức của Phật Di Đà và các Bồ tát Thánh chúng tạo nên. Cho nên cõi Tịnh độ này dung nhiếp chư vị thượng thiện nhân khắp mười phương thế giới. Ngay

như cõi Ta bà này cũng gọi là phàm Thánh đồng cư độ. Vì sao? Vì Phật và các Thánh chúng đều có mặt tại đất nước Ấn Độ. Do đó, nên gọi là phàm Thánh đồng cư vậy.

29. Danh hiệu Phật chính là cõi Cực lạc... Nói thế có nghĩa là, nếu hành giả Tịnh độ nào chuyên cần tinh tấn xưng niệm danh hiệu Phật đạt được Nhất tâm bất loạn, thì thân tâm của hành giả đó chắc chắn là đã trang nghiêm cõi Cực lạc rồi. Như vậy cảnh giới Cực lạc có mặt hiện tiền, nhưng với điều kiện là phải đạt được Nhất tâm bất loạn.

30. Danh hiệu Phật chính là ba đời mười phương chư Phật... Vì sao danh hiệu Phật lại chính là mười phương chư Phật? Bởi vì Phật A Di Đà là pháp giới tàng thân, có lực dụng thu nhiếp và hiện pháp thân của ba đời mười phương chư Phật. Đã là pháp giới tàng thân thì không nơi nào là không có Phật A Di Đà. Như vậy, niệm danh hiệu Phật A Di Đà là chúng ta đã niệm danh hiệu khắp cả mười phương chư Phật. Về tướng thì thấy có nhiều Phật sai khác, nhưng về tánh thể thì chỉ có một mà thôi. Cho nên niệm một vị Phật là niệm khắp cả mười phương chư Phật. Thí như trong phòng có nhiều bóng đèn hình thể sai khác, nhưng nguồn điện thì chỉ có một mà thôi.

Kinh văn:

Này Phật tử, danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật thành tựu vô lượng vô biên công đức như thế. Cho nên, phải nói rằng danh hiệu Phật chứa đựng vô lượng vô biên công đức của hết thảy Phật pháp, khai vô lượng vô biên diệu dụng, hiển thị vô lượng vô biên uy lực, giải ngộ vô lượng tri kiến giải thoát, siêu việt mọi tư duy, ngôn từ.

Bồ Tát Quán Thế Âm lại dạy bảo bà Vi Đề Hy về năng lực giải thoát không thể nghĩ bàn. Ngài nói: **"Bất cứ chúng sinh nào phục sức thân tâm bằng danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật thì sẽ đắc những năng lực giải thoát không thể nghĩ bàn"**. Phục sức theo Từ Điển Tiếng Việt: "ăn mặc và trang sức theo lối riêng của một lớp người nào đó. Như phục sức cho cô dâu hay cho diễn viên múa ..." Phục sức thân tâm không phải bằng y phục mà bằng danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Tâm nghĩ, miệng niệm, giữ thân trang nghiêm tề chỉnh, đó là cách phục sức cho thân tâm để cho thân tâm được an lạc giải thoát. Không phải an lạc giải thoát thường mà là không thể nghĩ bàn. Chỉ cần phục sức danh hiệu Phật thường xuyên, thì hành giả Tịnh Độ sẽ đạt được lợi lạc vô cùng. Sau khi nói thế, Bồ Tát lại nêu ra 11 điều năng lực giải thoát không thể nghĩ bàn như sau:

1. Giải thoát phiền não, không còn bị thập triền, thập sử, xâm hủy bức hại, nhiễu loạn. Giải thoát có nghĩa là cởi bỏ và thoát ra. Cởi bỏ cái gì? Tất nhiên là cởi bỏ tất cả phiền não. Những thứ kiết sử, nội kết làm rối loạn thân tâm. Thoát là thoát ra khỏi ngục tù giam hãm. Ở đây nêu ra thập triền và thập sử (hai loại phiền não này ở trước có nói qua) nên ở đây chúng tôi không muốn lặp lại, e nó dư thừa. Hai loại phiền não căn bản (thập sử) và chi mạng (thập triền) chúng luôn khuấy nhiễu làm rối loạn bức hại thân tâm mình. Muốn giải thoát những thứ phiền não này, Phật dạy có nhiều pháp môn tu để chuyển hóa. Cụ thể, như pháp môn niệm Phật là một phương thức chuyển hóa hữu hiệu tuyệt diệu hơn cả. Nói thế không có nghĩa là mề khen mề dài đuôi. Kỳ thật nếu hành giả Tịnh Độ

giúp ích gì cho ai. Điều quan trọng là ta biến những gì Phật dạy thành hành động cụ thể hiện thực áp dụng vào trong đời sống hằng ngày. Bởi đạo Phật là một nghệ thuật sống. Không phải là một mớ lý thuyết suông. Văn, Tư, Tu là con đường thiết thực để người Phật tử luôn áp dụng hành trì. Có thể, thì mới có thể mang lại những điều an lạc hạnh phúc cho người Phật tử ngay trong đời sống hiện thực này.

Kinh văn:

X. Nay Vi Đề Hy, bất cứ chúng sinh nào phục sức thân tâm bằng danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật thì sẽ đắc những năng lực giải thoát không thể nghĩ bàn. Như là:

- 1. Giải thoát phiền não không còn bị thập triền, thập sử, xâm hủy bức hại, nhiễu loạn.**
- 2. Giải thoát tà kiến thế gian và tà kiến ngoại đạo.**
- 3. Giải thoát những biện giải về sự giải thoát.**
- 4. Giải thoát những mục tiêu an trụ Niết bàn của nhị thừa.**
- 5. Giải thoát những trói buộc, áp chế của uẩn, xứ, giới.**
- 6. Giải thoát những chấp trước về Phật pháp.**
- 7. Giải thoát những chấp trước về phi Chính pháp.**
- 8. Giải thoát tất cả hý luận về Thật nghĩa của Nhất thừa.**
- 9. Giải thoát tất cả tri giải sai lầm của sáu căn.**
- 10. Giải thoát tất cả hý luận về cảnh giới siêu việt của chư Phật, chư Bồ tát.**
- 11. Giải thoát hý luận, biện tài về không tánh, về những pháp vô sở đắc.**

Sau khi tán thán xưng tụng danh hiệu Phật hết lời, đến đây, Bồ tát Phổ Hiền mới kết lại: "**danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật thành tựu vô lượng vô biên công đức như thế**". Ngài còn xác minh rằng: "**danh hiệu Phật chứa đựng vô lượng vô biên công đức của hết thảy Phật pháp, khai vô lượng vô biên diệu dụng, hiển thị vô lượng vô biên uy lực, giải ngộ vô lượng tri kiến giải thoát, siêu việt mọi tư duy ngôn từ**". Qua những lời ca tụng đó, ta thấy Bồ tát Phổ Hiền vừa tán tụng danh hiệu Phật và cũng vừa giảng giải một cách tường tận tuyệt vời. Mặc dù xưa nay trong làng tu Tịnh độ có nhiều bậc Cổ Đức đã từng ca ngợi tán thán pháp môn Tịnh Độ cao cả, rộng lớn như trời che đất chở, là một pháp môn thù thắng vi diệu, tổng trì nhiếp hóa tất cả mười phương chư Phật ba đời đều quy hướng ngợi khen. Thế nhưng ở đây, ta lại thấy Bồ tát Phổ Hiền đã cực lực xiển dương danh hiệu Phật đến chỗ tột cùng. Ngài nói: "Chỉ cần niệm danh hiệu **Nam Mô A Di Đà Phật** là đầy đủ tất cả công đức, diệu dụng, uy lực và siêu việt mọi tư duy ngôn từ". Ta hãy lắng nghe Bồ tát Phổ Hiền nói tiếp:

Kinh văn:

Tại làm sao thế?

Bởi vì nhân nơi danh hiệu Phật mà xuất sinh và lưu bố tất cả bồ đề tâm, tất cả bồ đề nguyện, tất cả bồ đề hạnh.

Ba đời mười phương Như Lai thấy đều từ danh hiệu Phật mà phát sinh ra. Ba đời mười phương Như Lai thấy đều do danh hiệu Phật mà thành đạo, chuyển

pháp luân, giáo hóa nhị thừa, điều phục chúng sinh cương cường, tội khổ, tham đắm. Ba đời mười phương Như Lai thấy đều y cứ danh hiệu Phật mà kiến lập Hoa Tạng Thế Giới Hải, trang nghiêm vi trần số cõi Phật.

Cho nên, nếu chúng sinh nào nhất tâm xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, tức là xuất sinh vô biên công đức vô lậu bất khả tư nghị, đủ năng lực viên mãn Bồ tát đạo, phát huy diệu dụng của tam thân, tứ trí, thập lực, tứ vô úy, tứ vô lượng tâm, lục ba la mật, thập bát bất cộng v.v...

Ngài nêu ra câu hỏi: Tại làm sao như thế? câu hỏi này gọi cho chúng ta phải lưu tâm nhiều hơn. Ngài nói: *"tất cả Bồ đề tâm, tất cả Bồ đề nguyện, tất cả Bồ đề hạnh v.v... đều từ nơi danh hiệu Phật mà lưu xuất"*. Và Ngài lại dạy thêm: *"Ba đời mười phương Như Lai thấy đều từ danh hiệu Phật mà thành đạo, chuyển pháp luân, giáo hóa nhị thừa..."* Nói danh hiệu Phật ở đây, chúng ta không nên hiểu về mặt danh tự chữ nghĩa, hay danh tướng, mà chúng ta nên hiểu về mặt tánh thể, hay thực tánh. Nói rõ hơn là phải hiểu tự tánh Di Đà. Chớ danh tự chữ nghĩa hay danh tướng thì làm gì mà sinh ra chư Phật ba đời. Bởi sự tướng không ngoài lý tánh mà có. Ví như sóng không ngoài nước mà có. Như vậy danh hiệu Phật cũng từ tánh thể mà ra. Hiểu như vậy, thì ta mới không nghi ngờ. Tại sao chỉ có danh hiệu Phật mà lại sinh ra như thế? Nương Sự hiển Lý, Lý Sự vô ngại, tánh tướng không hai, đó là thể nhập Như Lai tạng tánh. Nương sóng nhận nước, nước

thái độ ngã mạn hách dịch tự cao, tự đại khinh người ta dưới mắt mình. Thái độ này chắc chắn không thể xảy ra đối với những người chơn thật tu hành. Chẳng những ta không khinh chê người phạm giới, mà cũng cương quyết không nịnh hót bợ đỡ những người giữ giới nghiêm minh. Tuy ta không tỏ thái độ tăng bốc nịnh bợ, nhưng đối với những bậc giới đức trang nghiêm, thì ta phải hết lòng kính trọng và noi gương theo. Đó là thái độ của người biết kính trên nhường dưới. Chớ đừng có thái độ kiêu mạn hống hách thì chẳng ai ưa. Và cũng không xứng đáng, xứng danh của một người Phật tử chơn chánh.

10. Nghe nói pháp chưa học, mà không sợ sệt, phát khởi tâm vô úy. Có những giáo pháp Phật dạy mà ta chưa từng nghe hoặc chưa từng học, thời có gì mà ta phải sợ sệt. Nếu những gì mà ta chưa học hỏi, thì cần phải tìm hiểu học hỏi. Chẳng những không sợ mà ta còn mong muốn được nghe và học. Đó mới là tâm chí của người cầu học cầu tiến. Như trước đã nói, thái độ tự mãn là thái độ không tốt đối với người Phật tử. Người Phật tử cần phải dẹp bỏ thái độ tự kiêu cao ngạo và tự mãn cho sở học của mình là quá đầy đủ. Do tự mãn, tự cao, mà không chịu hạ mình học hỏi với bất cứ ai. Dù trường đời hay trường đạo ta học mãi cả đời cũng không bao giờ hết. Càng học thấy mình càng dốt. Đối với kinh điển Phật dạy, học không biết bao giờ cùng. Người có tâm cầu tiến là người chịu khó tìm hiểu học hỏi. Tuy nhiên, như đã nói, học không chưa đủ, mà còn phải thật hành. Giáo lý của đạo Phật không giống như những món đồ cổ được trưng bày trong bảo tàng viện. Vì như thế chỉ là một cái xác chết không hồn, thật không

8. Kiên cố giữ bồ đề tâm, bồ đề nguyện mà phát khởi tâm vô úy. Bồ đề tâm là tâm giác ngộ. Bồ đề nguyện là nguyện được giác ngộ. Muốn tâm được giác ngộ thì phải phát nguyện tu tập hạnh giác ngộ. Hạnh giác ngộ là phải nương trí tuệ bát nhã để tu tạo các hạnh lành. Hạnh lành thì tương ứng với tánh giác. Người tu hành phải mạnh mẽ phát khởi tâm giác ngộ. Và kiên quyết lập chí giữ vững lập trường đi thẳng trên con đường giác ngộ. Dù phải trải qua bao gian khó nhọc nhằn, gặp nhiều chướng duyên khó khăn cản trở, ta quyết không sợ hãi (vô úy) chỉ một mặt tiến tới bao giờ đạt được mục đích Phật quả mới thôi. Đó mới thực sự là người phát Bồ đề tâm, phát Bồ đề nguyện quyết tâm dũng tiến đến quả vị Vô thượng Bồ đề.

9. Không khinh hủy những người phạm giới, không đua nịnh những bậc giới thể hoàn bị, mà phát khởi tâm vô úy. Ta không khinh chê khi dễ coi thường những người phạm giới. Và cũng không đua nịnh những bậc giữ giới hoàn bị. Phát khởi tâm vô úy là tâm hùng dũng không biết khuất phục và sợ hãi bất cứ ai. "Oai dũng bất năng khuất, thử chi vi trượng phu". Đứng trước những kẻ có oai quyền thế lực mạnh, và những người có quyền hành địa vị cao, ta cũng không khiếp sợ trước những oai quyền hay thế lực ấy. Đó chính là tâm vô úy mãnh liệt hùng tráng. Tuy nhiên, muốn có được cái tâm hiên ngang bất phục như thế, thì ta phải là người sống ngay, sống thẳng, sống đúng theo lẽ phải chân lý. Thái độ khinh chê hủy báng xem thường người khác, dù người đó đã phạm lỗi lầm, nếu ta không dùng lời ái ngữ khuyên lơn an ủi họ thì thôi, có đâu ta lại khinh chê mặt sát người cùng tu cùng học với ta. Đó là

và sóng không hai, vì sóng và nước đều không ngoài biển cả mà có. Cho nên mới nói: "**Nếu chúng sinh nào nhất tâm xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, tức là xuất sinh vô biên công đức bất khả tư nghị, đủ năng lực viên mãn Bồ tát đạo, phát huy diệu dụng tam thân, tứ trí, thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô lượng tâm, lục ba la mật, thập bát bất cộng v.v...**" Trong đoạn văn này có nêu ra một số các pháp số hơi khó hiểu. Tam thân Phật như trên đã có nói qua. **Tứ trí:** 1. Thành sở tác trí. 2. Diệu quan sát trí. 3. Bình đẳng tánh trí. 4. Đại viên cảnh trí. **Thập lực là mười trí lực của Phật** (đã giải thích ở trang 175 - tập 1). **Tứ vô sở úy của Phật:** 1. Nhất thiết trí vô sở úy. 2. Nhất thiết lậu tận trí vô úy. 3. Thuyết chương đạo vô sở úy. 4. Thuyết tận khổ đạo vô sở úy. **Tứ vô lượng tâm:** Bốn cái tâm rộng lớn của Bồ tát không thể lường được. Bốn tâm đó là: Tâm từ, tâm bi, tâm hỷ và tâm xả. **Lục ba la mật, hay còn gọi là Lục độ:** Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. **Thập bát bất cộng pháp** (đã giải thích ở trang 76 tập 1).

Kinh văn:

Này Phật tử, thí dụ như có người được món thuốc A già đà công hiệu bậc nhất thế gian, thì chữa được năm thứ bệnh bức não, sợ hãi. Như là: lửa lớn không thể đốt cháy, độc dược chẳng làm thương tổn tính mạng; grom đao sắc bén chẳng thể chặt đứt nổi. Nước lũ bộc lưu không thể nhận chìm được. Khói cay không thể làm cho ngộp thở được.

Cũng như thế, Bồ tát Sơ phát tâm nếu thường xuyên xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, tức là

luôn luôn uống món thuốc nhất thiết trí Bồ đề tâm, thì ngọn lửa tham lam không thể đốt cháy được. Độc dược sâu hận chẳng thể làm thương tổn chân tâm. Gươm đao kiến chấp chẳng thể chặt đứt tuệ mạng. Dòng nước lũ hữu lậu không thể nhận chìm chiếc thuyền bát nhã được. Và đám khói tà kiến không thể làm cho ngộp tắt hơi thở giác ngộ được.

Thuốc A già đà như đã nói là loại diệu dược công hiệu bậc nhất ở thế gian. Nó có thể chữa trị được nhiều thứ bệnh, mà tiêu biểu như Bồ tát Phổ Hiền nói ở đây, là có thể trị được 5 thứ bệnh bức não, sợ hãi. 1. Lửa không thể đốt cháy. 2. Độc dược chẳng làm thương tổn tính mạng. 3. Gươm đao sắc bén chẳng thể chặt đứt nổi. 4. Nước lũ bộc lưu không thể nhận chìm được. 5. Khói cay không thể làm cho ngộp thở được. Nêu ra loại thuốc chữa trị khỏi 5 thứ bệnh này, Bồ tát Phổ Hiền muốn so sánh đối với "Bồ tát Sơ phát tâm nếu thường xuyên xưng niệm danh hiệu **Nam Mô A Di Đà Phật**, tức là luôn luôn uống món thuốc nhất thiết trí Bồ đề tâm thì ngọn lửa tham lam không thể đốt cháy được. Độc dược sâu hận chẳng thể làm thương tổn chân tâm. Gươm đao kiến chấp chẳng thể chặt đứt tuệ mạng. Dòng nước lũ hữu lậu chẳng thể nhận chìm chiếc thuyền bát nhã được. Và đám khói tà kiến không thể làm cho ngộp tắt hơi thở giác ngộ".

Thật là tuyệt diệu vô cùng. Chỉ cần chí thành tha thiết niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, mà có thể trị được căn bệnh trầm kha trải qua lâu xa tới nay. Điều này không phải nói suông hay niệm suông mà được. Bồ tát Phổ Hiền

tịch. Đức Phật không ngăn cản, vì biết căn tánh của họ không phù hợp với Đại thừa.

7. Làm cho tất cả chúng sinh hoan hỷ tu tập pháp Đại thừa, mà phát khởi tâm vô úy. Đại thừa (thặng) là cỗ xe lớn, gồm có 5 nghĩa:

1. Vì đối với Tiểu nên gọi rằng Đại.
2. Quả Phật rộng lớn, thừa này sẽ đi đến quả Phật, nên gọi là Đại thừa.
3. Chư Phật là bậc Đại hơn, song chẳng rời thừa này, nên gọi là Đại thừa.
4. Các Bồ tát là bậc Đại sĩ, đều y theo thừa này mà tu tập nên gọi là Đại thừa.
5. Vì thừa này rất rộng lớn, cứu độ chúng sinh đông nhiều, nên gọi là Đại thừa.

Theo Khởi Tín Luận, thì lấy tâm chúng sinh làm Đại thừa. Bởi tâm chúng sinh Thê, Tướng và Dụng đều bao trùm tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian, nên gọi là Đại thừa. Pháp Đại thừa là chỉ cho tâm thể rộng lớn, nên Khởi Tín Luận gọi là: "Nhứt pháp giới Đại tổng tướng pháp môn thể". Chư Phật, đều nương tâm này mà chúng Bồ đề, Niết bàn. Bồ tát nương tâm này mà rộng tu muôn hạnh: trên cầu quả Phật, dưới hóa độ chúng sinh. Chúng sinh cũng do tâm này mà trôi lăn trong vòng sanh tử luân hồi. Vì thế nên gọi tâm này là Đại thừa. Chúng sinh nào nương theo pháp Đại thừa mà tu tập, thì chắc chắn sẽ đạt được quả vị Phật. Như trong kinh đã nói: quy tam thừa về nhất thừa. Hay hội tam quy nhất. Nhất thừa cũng chính là Phật thừa.

Trong Kinh thường nói: Tất cả đều do tâm tạo. Khô vui, địa ngục hay thiên đường, ta bà hay cực lạc đều do tâm ta tạo ra cả. Kinh Pháp Cú ở Phẩm Song yếu Phật dạy: **"Trong tất cả các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả, nếu đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, thì sự khổ sẽ kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe"**. Ngược lại, **"Nếu đem tâm thanh tịnh nói năng hoặc hành động thì sự vui sẽ kéo đến như bóng theo hình"**. Như vậy, trong đạo Phật quy kết lại, chủ yếu là do tâm ta tạo ra tất cả. Tâm ta như anh chàng họa sĩ vẽ ra muôn hình vạn trạng. Anh ta có thể vẽ ra những cảnh vui khổ ... đều có đủ. Tuy nhiên, nói tâm tạo đây ta phải hiểu đó là tâm vọng, chứ không phải tâm chơn. Nhưng tâm vọng cũng không ngoài tâm chơn mà có. Vấn đề này chúng tôi đã nói nhiều, ở đây không cần phải nói thêm. Tại sao phải đánh đổ thiên kiến của nhị thừa? Nhị thừa tức Thanh Văn và Duyên Giác. Vì hai thừa này, họ còn cố chấp quả vị Niết bàn mà họ đã chứng đắc. Cho nên họ chỉ muốn an trú nơi quả vị này mà không chịu tiến lên tu theo Đại thừa - thành Phật. Trong hàng Thanh Văn có chia ra làm hai hạng: Định tánh Thanh Văn và Huệ tánh Thanh Văn. Đối với những vị Huệ Tánh Thanh Văn nghe theo lời Phật dạy, nên các Ngài nhận ra mình có Phật tánh. Do đó mà các Ngài tiến tu theo Đại thừa. Kinh nói: các vị này là hội tâm A la hán. Còn các hàng định tánh Thanh Văn thì vẫn an trú nơi quả vị Niết bàn A la hán mà không tu tiến lên Đại thừa. Những vị này được gọi là Bất hội tâm A la hán. Trong Hội Pháp Hoa, chính những vị định tánh Thanh Văn này, cả năm ngàn người đều thối

bảo chúng ta phải uống thuốc nhất thiết trí Bồ đề tâm, nói gọn là trí giác. Đã có trí giác thì không có si mê. Không có si mê thì làm gì có tham sân? Hữu lậu là phiền não, bát nhã là trí tuệ, trí tuệ thì hằng sáng suốt, đã sáng suốt thì làm gì có phiền não? cho nên phiền não không thể làm gì được khi đã có trí tuệ chiếu soi chỉ đạo.

Kinh văn:

Thí dụ như có người cầm thanh bảo kiếm vô năng thắng ở trong tay, thì tất cả oán địch đều tránh dang ra xa, chẳng dám chống cự. Cũng như thế, Bồ tát Sơ phát tâm bền chí mà xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, chính là cầm lưỡi kiếm vô năng thắng đại bồ đề tâm tức thì đẩy lùi oán địch vô minh, tà kiến và hàng phục vọng tưởng...

Bồ tát Phổ Hiền nêu ra một thí dụ rất cụ thể. Như có người cầm thanh bảo kiếm, một loại bảo kiếm mà không ai có thể thắng được, tất cả oán địch đều phải lánh xa, chẳng dám chống cự. Cũng thế, Bồ tát sơ phát tâm **"bền chí"** mà xưng niệm danh hiệu **Nam Mô A Di Đà Phật** khác nào như trên tay cầm thanh bảo kiếm vô năng thắng đại bồ đề đẩy lùi oán địch vô minh tà kiến và hàng phục vọng tưởng. Dùng danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật để dụ như thanh bảo kiếm có thể chặt đứt tất cả những thứ dây mơ rễ má vô minh phiền não. Tuy nhiên, có điều chúng ta nên nhớ, niệm Phật thì ai cũng có thể niệm được, nhưng có giữ được bền lâu và kiên trì ý chí vững chắc hay không đó mới là điều rất khó. Cho nên Tổ Sư có nói: **"Niệm Phật không khó, mà khó ở bền lâu. Bền lâu không khó mà**

khó ở nhất tâm". Vì thế nên Bồ tát Phổ Hiền mới nói là phải bền chí xung niệm. Có người lúc đầu thì tinh tấn niệm Phật rất chuyên cần, nhưng càng về sau thì lại càng lui sụt dần, thậm chí có người còn bỏ luôn cả thời khóa niệm Phật. Ai hỏi, thì họ nói lúc này bận công ăn việc làm không có thời gian rảnh rỗi. Thời gian kiếm tiền còn không có, có đâu mà ngồi đó niệm Phật. Thế là công phu hành trì niệm Phật của họ ngang đó coi như chấm dứt. Họ còn lý luận: niệm Phật trong tâm được rồi. Cần gì phải lệ thuộc vào thời khóa. Chính vì thế, nên các bậc Cổ Đức mới nói giữ được sự bền chí là cả một vấn đề khó khăn, chớ không phải dễ. Người ta thường nói bền chí thủng thẳng mà nhất hoa rơi. Câu nói mới nghe thì thấy dễ, nhưng có thật hành qua thì mới thấy khó. Tu hành cần phải kiên nhẫn bền chí đó là bước đầu của sự thành công.

*Tu hành học đạo phải bền tâm
Lập chí kiên gan nhẫn nhục thâm
Mặc thế cười chê ai nhạo báng
Vui mùi kinh kệ nín như câm
Cho hay chữ nhẫn là cao thượng
Giận tức làm chi phải khổ tâm
Này hỏi ai ơi! mau tỉnh giác
Tu hành học đạo phải bền tâm*
(Thích Phước Thái)

Kinh văn:

Thí dụ như có người cầm viên thuốc Ma ha ung già thì tất cả rắn độc, rết độc, trùng độc, nghe mùi liền tránh xa. Cũng như thế, Bồ Tát Sơ phát tâm giữ trong mình

đàn áp Phật giáo đồ một cách tàn nhẫn dã man như thế. Mà tiêu biểu cho việc thiêu thân trước tiên này là Bồ tát Thích Quảng Đức. Các vị này về sau được toàn thể Phật giáo đồ suy tôn là Thánh tử vì đạo. Đó có phải là vì đại nghĩa mà hy sinh chẳng tiếc thân mạng đó không?! Và đó cũng chính là thể hiện cái tâm vô úy nhiệt tình rất cao độ. Nếu không có lòng từ bi và tâm Vô Úy này, thì làm sao các Ngài dám hy sinh xả bỏ thân mạng cao cả như thế?!

6. Xô đẹp tất cả tà kiến của ngoại đạo, đánh đổ thiên kiến của nhị thừa, mà phát tâm vô úy. Tà kiến là những nhận định sai lầm trái với chân lý. Đây nói tà kiến của ngoại đạo, thật ra trong hàng Phật tử chúng ta vẫn còn tà kiến nhiều lắm! Phàm thấy lệch một bên hay chấp chặt một bên, đều là tà kiến cả. Tà có nghĩa là nghiêng lệch hẳn một bên; kiến là nhận định sai lệch chân lý. Theo định nghĩa này, thì mỗi người chúng ta thử kiểm nghiệm lại trong đời sống hằng ngày của mình, mình thực sự có chính kiến hay tà kiến? Sống đúng với chân lý hay sống sai chân lý? Ta hãy thử kiểm nghiệm lại chính ta, khoan nói đến ngoại đạo. Ngoại đạo là gì? Không phải những người tu khác với tôn giáo mình, mình cho họ là ngoại đạo, còn mình là nội đạo. Hiểu như thế là mang tính kỳ thị méo mó sai lệch. Đôi khi còn gây ra thù hận bôi nhọ công kích nói xấu lẫn nhau. Kinh nói: "ngoài tâm mà cầu đạo thì đó là ngoại đạo". Theo nghĩa này, thì phần lớn nếu không muốn nói là hầu hết chúng ta đều là ngoại đạo cả. Vì còn cúng bái van xin cầu khẩn bên ngoài hộ độ, thì đó là ngoại đạo rồi. Tại sao? tại vì mình quên mất cái bản tâm sẵn có của mình mà lại đi cầu cạnh van xin bên ngoài.

rắn. Do nghĩ tưởng lầm nhận như thế, nên ta mới hốt hoảng sợ hãi. Khi rọi đèn pin vào thì thấy rõ đó là sợi dây luột. Thế là sự sợ hãi của ta khi nãy tan biến nhanh chóng không còn. Muốn cho chính pháp được trường cửu ở thế gian thì ta phải hành đạo bằng cái tâm vô úy đó.

5. Vì chí nguyện cứu độ tất cả chúng sinh, chẳng tiếc tính mạng mà thành tựu tâm vô úy. Lập chí nguyện là điều tất yếu của người tu. Bất cứ người Phật tử nào muốn thành công trên đường đạo tất nhiên, là phải lập chí nguyện cho thật kiên cố bền vững. Có chí nguyện lớn thì mới có thể cứu độ tất cả chúng sinh. Nhưng trước tiên là mình hãy tự độ mình trước đã. Sau đó mới tính tới chuyện độ người. Đó là con đường thực tiễn nhất. Bản chất cố hữu của con người là chấp ngã. Đã chấp ngã thì rất quý trọng bảo vệ mạng sống của mình, mà lại coi thường sinh mạng của kẻ khác. Thế nên đối với người Phật tử Phật dạy, không được sát hại sinh mạng. Dù loài người hay loài vật cũng thế. Loài nào cũng ham sống sợ chết cả. Suy bụng ta ra bụng người. Ở đây, Bồ Tát Quán Thế Âm dạy chúng ta "vì chí nguyện cứu độ tất cả chúng sinh, chẳng tiếc tính mạng mà thành tựu tâm vô úy". Hạnh của Bồ tát là xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo. Vì chúng sinh nên chẳng tiếc thân mạng. Thể hiện cái tâm vô úy này, hẳn chúng ta còn nhớ, pháp nạn đã xảy ra năm 1963, dưới thời kỳ cai trị độc tài của chế độ Ngô triều, đã có nhiều vị Tăng, Ni và Phật tử đã phát nguyện hy sinh thân mạng thiêu thân cúng dường chư Phật. Đồng thời cũng để cảnh báo thức nhắc chánh quyền nhà Ngô không nên thẳng tay

một viên thuốc tối diệu tối thắng đại bồ đề tâm, đó là danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, thì tất cả rắn độc thập triền, rét độc thập sử, trùng độc phiền não nghe hơi thấy đều tiêu hoại.

Lại thí dụ, người xưng niệm danh hiệu **Nam Mô A Di Đà Phật**, khác nào như trong tay người đó cầm viên thuốc Ma ha ung già, các loại rắn rết trùng độc nghe mùi thuốc liền tránh xa. Không một loài độc vật nào dám bén mảng đến gần. Tất cả rắn độc thập triền, tức 10 thứ tùy phiền não trói buộc chúng sanh gồm có: "vô tâm, vô quý, tật, san, hối, miên, trạo cử, hôn trầm, phú, não". Thập sử, còn gọi thập đại hoặc, hay thập căn bản phiền não, tức 10 thứ phiền não có năng lực sai khiến chúng sinh gây tạo nhiều tội lỗi gồm có: "tham, sân, si, mạn, nghi (ngũ độn sử), thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ" (ngũ lợi sử). Trùng độc phiền não nghe tiếng niệm Phật đều bị tiêu hoại. Điều này nói lên cái uy lực thù thắng vi diệu siêu việt của danh hiệu Phật thật quá cao cả tuyệt vời. Có thể nói ngoài sức tưởng tượng của phàm tình. Thật ra, nếu suy nghiệm kỹ thì chúng ta thấy không có gì gọi là không suy nghĩ được. Hành giả nào đã từng niệm Phật và phải niệm một cách chân thành thiết thực, thì đều biết rõ: "trong lúc tha thiết niệm danh hiệu Phật, thì lúc đó vắng bật không có một chú phiền não nào lai vãng. Bởi vì hành giả đem hết tâm lực chỉ chăm chú vào câu hiệu Phật đương niệm thôi, không có một tạp niệm nào xen vào. Chỉ có câu hiệu Phật hiện tiền trong tâm thức. Thế thì trong giây phút đó tâm thể vắng lặng cái "**Biết**" sáng suốt hiện tiền, thì thử hỏi lúc đó phiền não nào có mặt chớ? Người

nào "lão thật niệm Phật", tức niệm Phật một cách già dặn thì có thể suy nghiệm xét biết rõ điều này. Đây là một kinh nghiệm thực tế của hành giả Tịnh Độ nào đã thành tâm thiết thiết niệm Phật. Điều này là một hiện thực không phải nói ngoa.

Kinh văn:

Thí dụ như có loài dược thọ tên là San Đà Na, người nào dùng vỏ cây để thoa vào chỗ ghẻ lở, thì hết đau nhức và ghẻ lở liền lành lặn như xưa. Vỏ cây ấy vừa bị bóc ra, thì nổi liền lại ngay, lấy mãi không hề hết được. Cũng như thế, Bồ Tát Sơ phát tâm liên tục xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, chẳng khác nào trồng cây dược thọ nhất thiết trí. Nếu có người nào gặp gỡ mà phát khởi lòng tin, thì ghẻ lở phiền não, nghiệp chướng đều bị trừ diệt, thân tâm không còn đau khổ. Nhưng cây dược thọ nhất thiết trí không hề tổn hại mảy may. Danh hiệu Phật vẫn y nguyên bất động.

Lại thêm một thí dụ nữa. Thí như có một loại dược thọ (cây thuốc) tên là San đà na, ai bị ghẻ lở thì dùng vỏ cây đó thoa vào thì sẽ được lành lặn như cũ. Vỏ cây ấy bóc ra thì nổi liền lại ngay. Cứ thế mà lấy mãi không bao giờ hết được. Người phát tâm xưng niệm danh hiệu **Nam Mô A Di Đà Phật** có khác nào như mình đang trồng cây dược thọ "Nhất thiết trí", niềm tin sẽ tăng trưởng và những nghiệp chướng phiền não sẽ tiêu diệt, thân tâm thường an lạc.

họ quay về với chính pháp, đòi hỏi người hướng dẫn đó phải có đầy đủ bi trí hùng tráng và tâm vô úy cao độ. Khó khăn nào cũng phải kiên quyết vượt qua, để hoàn thành sứ mệnh của một người sứ giả Như Lai.

4. Vì sự trường tồn của Chính pháp, mà phát khởi tâm vô úy. Chúng ta nên nhớ rằng, những điều mà Bồ Tát nêu ra ở đây, tất cả đều nhằm đề cao đức tánh "**Vô Úy**". Phật và Bồ tát đều có những đức tánh vô úy. Người tu hành cũng phải tập cho mình có những đức tánh vô úy như chư Phật và Bồ tát. Tuy chúng ta chưa thực hiện được trọn vẹn cái tâm vô úy, nhưng trên bước đường tu tập, ta cần phải cố gắng thực tập. Đứng trước một nghịch cảnh, thay vì sợ hãi ta hãy trấn tĩnh mình bằng nhãn quan xem thường tất cả. Không phải ngã mạn mà ta biết rõ vạn pháp giai không, duyên sinh như huyễn. Phải trang bị cho mình có được cái trí tuệ bát nhã sắc bén thì mới có cái nhìn thâm thấu sâu sắc vào vạn pháp. Khi thấy được tính chất vô thường, vô ngã của vạn pháp rồi, thì ta không còn lo âu sợ hãi nữa. Nói thế, tất nhiên là ta phải có một quá trình thực tập thiền quán. Bước đầu phải tập cho mình có được hơi thở chánh niệm. Hoặc là ta phải chú tâm vào danh hiệu Phật để niệm. Phải chú tâm lực thực sự không được có chút lơ là xao lãng. Đó là phương pháp giúp cho ta có được định lực. Hễ có định là có huệ. Đền vừa thấp lên là có ánh sáng liền. Đó là ý nghĩa định huệ đồng thời. Khi có huệ thì ta mới có nhận thức sáng suốt tinh tế hơn. Thế là những sự sợ hãi sẽ tan biến ngay. Phải thấy cho được sợi dây luột chó không phải là con rắn. Thấy sợi dây luột nằm ngoằn ngoèo giữa đường trong đêm tối, ta tưởng là con

Thế thì mỗi người chúng ta cùng nhau góp công góp sức mà nỗ lực hộ trì. Hộ trì Chính pháp bằng nhiều cách, tùy theo khả năng tài trí của mỗi người. Tự lợi và lợi tha hay tự giác và giác tha đó là chuẩn đích của người Phật tử thật hành hạnh Bồ tát. Tự lợi bằng cách tự mình phải nỗ lực tu tập cho đàng hoàng. Nghĩa là phải có lợi ích thiết thực, không mơ hồ hoang tưởng. Lợi tha là thực hiện những điều hữu ích giúp cho mọi người bớt khổ thêm vui. Muốn được thế, thì chúng ta cần phải nuôi lớn đức tánh vô úy. Ta không sợ hãi trước những sự thịnh suy, đắc thất, thành bại của cuộc đời. Bởi vì: "*Nhậm vận thanh suy vô bố úy, thanh suy như lộ thảo đầu phô*". *Mặc cuộc thanh suy không sợ hãi, thanh suy như cỏ hạt sương đông* (Thiền Sư Vạn Hạnh).

3. Hàng phục tất cả ác tri thức, đưa hết thầy vào chính kiến, nêu cao tâm vô úy. Đối với những vị ác tri thức, chúng ta nên tìm cách khéo léo thuyết phục họ để họ có được chính kiến. Chính kiến là con đường nâng cao phẩm chất đạo đức để có cái nhìn vượt thoát nhị biên. Nếu còn thấy có hai phạm trù đối đãi, thì đó là cái hố sâu rơi vào tà kiến. Đã thế, thì không còn lối thoát. Cho nên chính kiến rất quan trọng đối với người Phật tử. Vị trí của chính kiến được xếp loại đứng đầu trong Bát chánh đạo. Có chính kiến thì sự tu học của chúng ta mới không lệch lạc ngoài quỹ đạo chân lý. Vì thế, đối với những ai đang bị lưu lạc vào khu rừng rậm tà kiến, thì ta nên tìm mọi cách hướng dẫn họ ra khỏi khu rừng tối tăm nguy hiểm này. Đó là nhiệm vụ của những ai đang tu tập thật hành Bồ Tát hạnh. Hướng dẫn một người lỡ bước lầm đường lạc lối tà đạo để

Kinh văn:

Thí dụ như có người ném vào khoảng đồng trống một nhúm rễ cây Hương phụ, chẳng bao lâu nảy nở vô số giống cây ấy lan tràn che khuất cả cánh đồng rộng lớn. Cũng như thế, Bồ tát Sơ phát tâm quyết tâm gieo trồng trên mảnh ruộng tâm một nhúm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, tựa như ươm bón thứ rễ cây không tánh . Chẳng bao lâu, sẽ sinh sôi nảy nở vô số thảo mộc Phật Tri Kiến, tràn lan che lấp cả cánh đồng vô minh.

Thêm một thí dụ nữa. Thí như có người ném vào khoảng đồng trống một nhúm rễ cây Hương phụ, một loại cây có mùi thơm ngát và nó phát triển lớn lên rất nhanh. Thời gian không lâu nó nảy nở ra vô số cây Hương phụ khác che khuất cả một cánh đồng bao la rộng lớn. Bồ tát Phổ Hiền cho rằng, người nào phát tâm xưng niệm danh hiệu **Nam Mô A Di Đà Phật** chẳng khác nào người đó đang nỗ lực quyết tâm gieo trồng vào tâm điền của mình nhúm danh hiệu **Nam Mô A Di Đà Phật** tựa như ươm bón thứ rễ cây không tánh. Không tánh là tánh không của vạn pháp. Nói cách khác thực tánh của các pháp là không tánh. Tại sao thế? Như đã có nói sơ qua ở trước, vì các pháp do nhân duyên giả hợp tạo thành. Nên thể của nó là không. Trên tánh không này sẽ mọc lên những cây "Phật Tri Kiến" (danh từ đặc sản của Kinh Pháp Hoa) sinh sôi nảy nở tán lá sum suê che lấp cả cánh đồng vô minh rộng lớn. Qua thí dụ này cho ta thấy được cái uy lực hùng dũng của danh hiệu Phật. Chỉ cần xưng niệm danh hiệu **Nam Mô A Di Đà Phật** một cách tương tục, tức tịnh niệm nối liền, thì lũ giặc vô minh phiền não không còn có cơ hội

xâm chiếm đất đai, một vùng đất "Chon Tánh" trù phú phì nhiêu rộng lớn mà lâu nay mình lại bỏ hoang. Nay có dịp trở về cần mẫn ra sức khai thác canh tác đều đặn bền bỉ thì chắc chắn mình sẽ thu hoạch nguồn lợi an lạc cho tinh thần rất lớn. Chỉ cần một thứ công cụ đơn giản là "**SÁU CHỮ DI ĐÀ**" ngày đêm chuyên tâm trì niệm không gián đoạn thì lợi lộc thu vào không sao tính kể cho hết được.

Kinh văn:

Thí như có người uống hoàn thuốc kiện cường trí nhớ, nhờ vậy những gì nghe thấy đều ghi nhớ chẳng quên. Cũng như thế, Bồ tát Sơ phát tâm trang bị thân tâm bằng danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, thì thọ trì tất cả Phật pháp đều không quên sót.

Thí dụ như viên ngọc châu lưu ly, muôn ngàn năm lẫn lóc nơi chỗ nhớ bản, uestap, mà chẳng nhiễm ô, vì bản tánh của lưu ly vốn luôn luôn trong sạch. Cũng như thế, Bồ Tát Sơ phát tâm ngày đêm thủ hộ thân tâm bằng danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật mà chen lộn nơi cõi dục ác trược, vẫn chẳng bị ngu si, tà kiến làm cho loạn nhiễm. Bởi vì bản chất của Nam Mô A Di Đà Phật vốn thanh tịnh như pháp giới tánh, vô cấu như hư không tánh.

Lại nữa, danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là liều thuốc tuyệt diệu uống vào kiện cường trí nhớ không quên sót mất điều gì, một khi đã nghe qua thì cẩn thận ghi nhớ rõ ràng. Đồng thời nó như viên ngọc châu lưu ly trong suốt sáng ngời. Dù viên ngọc ấy trải qua muôn ngàn năm lẫn

chịu đựng được như thế, thì Bồ Tát khuyên chúng ta nên mở rộng tâm thức vô úy. Vô úy có nghĩa là không sợ hãi. Sợ hãi là một loại tâm hành tiêu cực. Người nào có nhiều sợ hãi thì người đó có nhiều đau khổ. Có khi việc chưa đến mà mình đã lo sợ rồi. Chính cái lo sợ nghĩ ngợi mông lung này nó làm cho tâm mình luôn bất an. Ăn không ngon và ngủ không an giấc. Nhất là trong nạn đại dịch Covid - 19 toàn cầu hiện nay. Nhiều người lo sợ đến nỗi mất ăn, mất ngủ. Nhắm mắt ngủ thì thôi hễ mở mắt ra là lại lo sợ. Cái nỗi sợ lớn nhất của con người là sợ chết. Chính vì sợ chết nên người ta mới tìm đủ mọi cách thế để sống còn. Dù những cách thế đó có thể là những thủ đoạn gian ác lợi mình hại người ghê gớm. Thậm chí họ bất chấp luật pháp và nhân quả, miễn sao có lợi thì làm chẳng màng tội lỗi bị giam bị cầm. Ở đây Bồ Tát Quán Thế Âm dạy ta phải mở rộng tâm vô úy. Càng mở rộng tâm thức vô úy này thì ta càng có lợi lạc hạnh phúc rất lớn. Sở dĩ Bồ tát có hạnh phúc rất lớn là vì các Ngài khéo biết mở rộng tâm thức. Thương người, thương vật, mang tình yêu thương đến cho mọi người, mọi loài. Càng giúp đỡ cho mọi người thì ta càng có hạnh phúc lớn. Muốn thế thì ta phải vượt qua mọi chướng ngại nhất là những chuyện lùm xùm thị phi tranh chấp.

2. Hộ trì Chính pháp không mỗi nhọc, mà trưởng dưỡng tâm vô úy. Muốn cho Chính pháp được trường tồn ở thế gian, thì tất cả Phật tử chúng ta phải có bổn phận hộ trì và hộ trì cực lực không biết mệt mỏi. Sự hộ trì không phải chỉ có lợi ích riêng cho chúng ta không thôi, mà nó còn đem lại sự lợi lạc hạnh phúc chung cho tất cả nhơn gian.

Hai chữ khế kinh như đã có giải thích ở trước. Khế kinh là những lời Phật dạy phù hợp với chân lý và căn cơ trình độ cũng như thích hợp với những trào lưu tư tưởng của nhơn loại theo mỗi thời đại. Tâm vô cầu là tâm không mong cầu bất cứ điều gì có lợi lộc cho riêng mình. Như cầu chứng đắc quả vị này, hay quả vị kia v.v...Cho nên người chơn tu thì không có cái tâm vọng động mong cầu gọi là vô sở cầu hạnh. Chính cái chỗ không mong cầu này mới có được công đức vô úy không thể nghĩ bàn. Còn mong cầu là còn rơi vào trong vòng vọng chấp, tứ tướng: "**ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả**" phát sinh. Thế thì làm sao mà có công đức cho được? Nếu hành giả nào niệm Phật với cái tâm vô cầu thì sẽ có được những công đức vô úy không thể nghĩ bàn như sau:

1. An nhĩn giữa những chướng ngại, mà mở rộng tâm vô úy. Sống giữa cõi đời đầy dẫy những ác ma, biết bao nhiêu chướng duyên nghiệt ngã, nếu chúng ta không trang bị cho mình đức tính nhẫn nại chịu đựng thì không thể nào vượt qua những trở ngại khó khăn gian lao thử thách. Người xưa nói: "Lửa thử vàng, gian nan thử sức". Có gặp khó khăn chướng ngại mới biết sức nhẫn nại chịu đựng của mình. Vàng mà không thử lửa thì làm sao biết được đó là vàng thật? Người mà không gặp khó khăn thì làm sao biết được sức nhẫn nhục? Câu nói: "Nhẫn như thời chi khí, miễn bá như thời chi ưu". Nghĩa là chỉ nhẫn nhịn trong một hơi thở mà khỏi phải lo sợ cả trăm ngày. Đây là lời dạy thức nhắc của người xưa thật là chí lý. Nếu đem những lời dạy này áp dụng vào trong đời sống hằng ngày thì nó mang lại cho ta rất nhiều lợi ích. Muốn nhẫn nhịn

lóc nơi những chỗ dơ dáy bùn lầy nước đọng ô uế, nhưng nó không bao giờ bị nhiễm ô. Vì sao? Vì bản chất của viên ngọc lưu ly vốn luôn trong sạch tinh khiết. Cũng như thế, nếu Bồ tát sơ phát tâm nào ngày đêm thường thủ hộ thân tâm bằng danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, thì vị đó sẽ được bảo đảm không bị ngu si tà kiến nó làm cho loạn nhiễm. Dù rằng họ đang sinh sống trong cõi đời ác trược đầy dẫy dục nhiễm. Vì sao họ không bị loạn nhiễm? Bồ tát Phổ Hiền minh định khẳng quyết rằng, bởi vì bản chất của danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật vốn thanh tịnh như tánh pháp giới và vô cầu nhiễm như tánh hư không. Các hiện tượng sự vật trong hư không thì bị ô uế cấu nhiễm, còn hư không thì không bao giờ bị những thứ đó làm ô uế. Vì sao? Vì hư không vốn không có hình tướng thì lấy đâu mà bị cấu nhiễm. Cũng thế, vì tánh thể của danh hiệu Phật là vô tướng, đã vô tướng thì làm gì bị ô uế cấu nhiễm được?!

Kinh văn:

Thí dụ như cây Ba Lợi Chất Đa La dẫu chưa đơm hoa, khai nụ, nhưng mọi người đều biết rằng chính loại cây này sẽ sản xuất vô số bông hoa mỹ diệu, thù thắng. Cũng như thế, năng lực niệm Phật của vị Bồ tát Sơ phát tâm dẫu chưa phát sinh nhất thiết chủng trí, nhưng ai nấy đều biết chắc chắn rằng danh hiệu Phật chính là nơi xuất sinh vô số bồ đề diệu hoa cho hết thảy chúng nhân thiên.

Lại nữa, danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật như cây Ba lợi chất đa la dẫu nó chưa đơm hoa khai nụ, nhưng mọi người

đều biết rằng chính loại cây này nó sẽ sản xuất vô số bông hoa mỹ diệu, thù thắng. Với đặc tính kỳ diệu của cây này, và với những bông hoa mỹ diệu thù thắng như thế, thì chắc là không còn có loại bông hoa nào đẹp hơn. Cũng như thế, năng lực của người niệm Phật tuy chưa phát sinh Nhất thiết chủng trí, là trí huệ Phật cao tột, nhưng có điều biết chắc chắn rằng danh hiệu Phật chính là nơi xuất sinh vô số Bồ đề diệu hoa cho hết thảy chúng trời người. Đó là điều mà Bồ tát Phổ Hiền đã khẳng quyết như thế. Nói thế, để chúng ta có thêm nghị lực và lòng tin vững chắc vào danh hiệu Phật. Có lòng tin sâu vững chắc và bền bỉ, thì chúng ta mới cố gắng cương quyết niệm Phật ngày càng phát huy nội lực huân niệm mạnh mẽ nhiều hơn: "**Niệm Phật chắc chắn thành Phật**", theo Kinh này nói thì không còn gì mà ta phải thắc mắc nghi ngờ.

Kinh văn:

Thí dụ như viên ngọc Ma Ni quý hơn cả tam thiên đại thiên thế giới, dẫu bị nứt bể một góc cạnh, nhưng những thứ vật báu khác vẫn chẳng thể so sánh nổi. Cũng như thế, Bồ tát Sơ phát tâm chấp trì danh hiệu Phật, tuy nét hạnh và trí đức còn kém khuyết vẫn vượt lên trên nhị thừa và hàng hữu học khác.

Người phát tâm chấp trì danh hiệu Phật khác nào như viên ngọc Ma Ni quý hơn cả tam thiên đại thiên thế giới, giả như viên ngọc đó có bị nứt bể một góc cạnh nào đó, nhưng những thứ vật báu khác cũng vẫn không thể nào so sánh với nó được. Nói thế để thấy rằng, mặc dù công phu trì danh hiệu Phật cũng như nét hạnh và trí đức của hàng

Phật với tâm vô cầu thì sẽ phát xuất những công đức vô úy bất tư nghị. Như là:

- 1. An nhĩn giữa những chướng ngại, mà mở rộng tâm vô úy.**
- 2. Hộ trì Chính pháp không mỗi nhọc, mà trường dưỡng tâm vô úy.**
- 3. Hàng phục tất cả ác tri thức, đưa hết thảy vào chính kiến, nêu cao tâm vô úy.**
- 4. Vì sự trường tồn của Chính pháp, mà phát khởi tâm vô úy.**
- 5. Vì chí nguyện cứu độ tất cả chúng sinh, chẳng tiếc tính mạng mà thành tựu tâm vô úy.**
- 6. Xô dẹp tất cả tà kiến của ngoại đạo, đánh đổ thiên kiến của nhị thừa, mà phát tâm vô úy.**
- 7. Làm cho tất cả chúng sinh hoan hỷ tu tập pháp Đại thừa, mà phát khởi tâm vô úy.**
- 8. Kiên cố giữ Bồ đề tâm, Bồ đề nguyện mà phát khởi tâm vô úy.**
- 9. Không khinh hủy những người phạm giới, không đua nịnh những bậc giới thể hoàn bị, mà phát tâm vô úy.**
- 10. Nghe nói pháp chưa học, mà không sợ sệt, phát khởi tâm vô úy.**

Bồ Tát Quán Thế Âm lại nói với bà Vi Đề Hy rằng: "**Bất cứ chúng sinh nào tùy thuận "Khế Kinh" mà xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật với "tâm vô cầu" thì sẽ phát xuất những công đức Vô úy bất tư nghị**".

bày phương tiện tùy nghi giáo hóa. Về điểm này, nơi Phẩm Phương Tiện Thứ Hai trong Kinh Pháp Hoa đã có nói rõ. Chư Phật ra đời chỉ có một bản hoài duy nhất là mở bày Phật tri kiến cho tất cả chúng sinh. Giáo pháp của Phật khác nào như một đám mưa, tùy theo các loại cỏ cây lùm rừng lớn nhỏ mà hấp thụ có sai khác. Mưa thì chỉ có một mà sự hấp thụ của các loại cỏ cây thì nhiều. Mục đích là để nói lên rằng, chư Phật ra đời độ sinh với cái tâm bình đẳng không phân biệt thiên vị. Như trăm sông ngàn suối đều xuôi chảy về biển cả. Trăm sông ngàn suối là dụ cho căn cơ chúng sinh sai biệt. Biển cả bao la là dụ cho Tâm bình đẳng của chư Phật. Tâm bình đẳng thì có một không hai. Phương tiện thì nhiều nhưng cứu cánh thì chỉ có một mà thôi.

10. Tâm bình đẳng nơi trí tuệ giải thoát của chư Phật.

Trí tuệ giải thoát của chư Phật đều phát xuất từ nơi cái tâm bình đẳng. Ngoài tâm bình đẳng này ra, thì tuyệt nhiên sẽ không có một thứ hạnh giải nào khác. Bởi tâm bình đẳng là cội gốc của muôn pháp. Trí tuệ giải thoát chẳng qua cũng chỉ là cái diệu dụng của cái tâm thể cội gốc này. Hiểu thế, thì ta mới thấy tất cả mọi hạnh tu, mục đích nhắm tới vẫn là muốn được giác ngộ giải thoát. Có thể nói giác ngộ giải thoát là cái tiêu chí hướng đến của mọi hành giả tu theo đạo Phật. Như vậy, vạn pháp chỉ có cùng một thể tánh, thể thì có gì mà chống trái nhau.

Kinh văn:

IX. Nay Vi Đà Hy, bất cứ chúng sinh nào tùy thuận khế kinh mà xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà

sơ phát tâm Bồ tát còn khiêm khuyết, nhưng họ vẫn vượt lên trên hàng Nhị thừa và hàng Hữu học khác. Nói vượt lên trên, có nghĩa là nếu hàng sơ phát tâm Bồ tát mà họ chịu khó gắng sức nỗ lực tu hành thì trước sau gì họ cũng sẽ thành Phật. Vì họ tin chắc rằng, hễ chánh nhân niệm Phật thì kết quả sẽ thành Phật. Đó là theo định luật nhân và quả tương đồng vậy.

Còn hàng Thanh Văn và Duyên giác tuy vào dòng Thánh, nhưng nếu họ không tu tập tiến lên theo hạnh nguyện Đại thừa, thì họ vẫn còn bị kẹt vào quả vị chứng đắc của họ. Mà quả vị chứng đắc cao tột của hàng Thanh Văn là quả vị A la hán. Còn quả chứng của hàng Duyên giác là quả vị Bích Chi Phật hay còn gọi là Độc Giác. Nói Duyên giác là vì những vị này do họ tự giác ngộ lý Thập nhị nhân duyên (vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử ưu bi khổ não). Còn bên Thanh Văn khi mà họ chứng được quả vị cuối cùng là A la hán rồi, tức quả vị Vô dư y Niết bàn, thì họ an trú nơi quả vị này mà không muốn ra độ sinh. Vì thế mà Phật quở họ là "Trầm không trệ tịch" hay "Khô thân diệt trí". Do đó, mà chúng ta thấy pháp tu của những vị này nặng về phần tự lợi nhiều hơn. Nhân tu và quả chứng của những vị này, tuy không còn sinh tử luân hồi chịu nhiều đau khổ như phàm phu chúng ta, nhưng họ chưa thực sự thấy được Phật tánh và vì thế nên họ chưa tiến thẳng lên Đại thừa. Kinh nói, những vị này thuộc hàng Định tánh Thanh Văn. Còn hàng Huệ tánh Thanh Văn thì họ hướng lên Đại thừa, nên gọi họ là hồi tâm A la hán. Pháp tu của họ là "Tứ Đế" và quả chứng của họ là "Niết Bàn". Niết bàn của Thanh Văn gồm

có hai loại: Hữu dư y và Vô dư y Niết bàn. Hàng A là hán thì chúng được quả vị Vô dư y Niết bàn, cho nên gọi họ là Vô học. Còn ba quả vị: Tu đà hoàn, Tư đà hàm và A na hàm thì chưa đạt được quả vị Niết bàn cuối cùng, nên gọi họ là hàng hữu học.

Kinh văn:

Thí dụ như cây kim cương, những người đầy đủ sức mạnh vẫn không thể sử dụng nổi, chỉ trừ đại lực sĩ Na La Diên. Cũng như thế, hàng nhị thừa và kẻ phàm ngu chẳng thể tin thọ danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Chỉ trừ hạng Bồ Tát Sơ phát tâm từng gieo trồng hạt giống bát nhã từ vô lượng kiếp sâu xa, mới sẵn đủ thiện căn, phước đức và đại nhân duyên để chấp trì và hưởng dụng giác quả vô lậu ấy.

Đoạn kinh này, ta thấy Bồ tát Phổ Hiền đã nêu thí dụ cây kim cương dù cho người nào đó có đầy đủ sức mạnh cũng không thể sử dụng nổi, chỉ trừ đại lực sĩ Na la diên. Na la diên là tên của một lực sĩ ở cõi thượng thiên, là tên khác của Phạm thiên vương. Vị này có sức mạnh phi thường bằng bảy chục lần sức mạnh của con voi chúa. Bồ tát Phổ Hiền nêu ra tên của vị đại lực sĩ này nhằm để so sánh danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Đối với hàng Nhị thừa và kẻ phàm ngu không thể nào tin nổi cái công đức và uy lực vô lượng vô biên của danh hiệu Phật. Vì sao? Vì hàng Nhị thừa và phàm phu đức tin và trí huệ của họ vẫn còn hạn hẹp, nên họ không thể tin nổi cái năng lực phi thường của danh hiệu Phật. "Chỉ có hàng Bồ tát sơ phát tâm, những vị này, theo Bồ tát Phổ Hiền, thì họ đã từng gieo trồng hạt

đã tỏ ngộ. Bản lai diện mục nghĩa là mặt mũi xưa nay, chỉ là tên khác của Tâm bình đẳng hay trực tâm như ở đây nói. Tâm này sanh ra muôn pháp nhưng không phân biệt pháp nào cả. Như một tấm gương lớn trong sáng phản chiếu tất cả cảnh vật mà không lưu giữ bất cứ cảnh vật nào. Như chim bay ngang qua hư không mà tuyệt nhiên không để lại dấu vết. Tuy không phân biệt mà không gì là không Biết. Chính chỗ này là chỗ mà Tổ Huệ Khả trình bày với Tổ Bồ Đề Đạt Ma là: "Liễu liễu thường tri". Nghĩa là thường biết rõ ràng không gì dối gạt được Ý (bản tâm).

8. Tâm bình đẳng nơi tất cả hạnh tu không phân biệt. Tất cả hạnh tu hay tất cả pháp môn đều lưu xuất từ tâm bình đẳng mà ra. Đứng về mặt Tướng và Dụng thì có phân biệt pháp môn này hay hạnh tu kia. Nhưng ta nên nhớ, tướng và dụng không rời thể mà có. Cũng như sóng không rời nước mà có. Nhưng sóng thì không phải nước. Tuy không phải nước, nhưng nước vẫn tiềm tàng trong sóng. Tướng và dụng tuy không phải là thể, nhưng rời thể ra thì không có tướng và dụng. Đứng về phương diện tu hành thì dường như có sự phân biệt chọn lựa. Đó chỉ là phương tiện của hành môn. Nhưng bản thể thì chỉ có một mà thôi. Vô lượng pháp môn tu hay vô lượng Bồ tát hạnh, tất cả đều phát xuất từ một thể tánh chơn thật. Đây gọi là vô phân biệt trí vậy.

9. Tâm bình đẳng nơi năng lực tiếp độ của tất cả Phật. Năng lực tiếp độ chúng sinh của tất cả chư Phật, đều tùy theo căn cơ trình độ của mỗi chúng sinh mà chư Phật mở

pháp đối đãi cùng chung một bản thể cả. Cho nên cái thấy của cái tâm bình đẳng thì không có những thứ đối đãi này. Vì đó là Nhất chơn pháp giới, là Bất nhị vậy.

7. Tâm bình đẳng nơi tất cả giới tịnh uế mà không sinh tâm phân biệt. Tâm phân biệt đó là vọng tâm. Do vọng niệm mà khởi ra bao nhiêu sự phân biệt như sạch v.v... Tịnh thì thích mà uế thì không ưa. Từ đó khởi sinh ra những ý niệm phân biệt thương ghét. Đã có thương ghét thì tạo thành nghiệp lành dữ. Đã có tạo nghiệp thì có quả báo khổ vui. Muốn không tạo nghiệp thì phải trừ vọng niệm. Vọng niệm có ra là từ ở nơi Tâm bình đẳng. Tâm bình đẳng thì không có thấy hai bên. Ngay chỗ không thấy có hai bên, chính đó mới thực sự là tâm bình đẳng hay trực tâm, như Kinh Duy Ma Cật đã nói. Trực tâm là tâm không thấy có hai đầu. Tâm này vượt ngoài thời gian và không gian. Xưa kia, sau khi Lục Tổ ngộ đạo ở Huỳnh Mai với Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, Ngài mang y bát rời khỏi Huỳnh Mai. Khi đó, đại chúng biết Lục Tổ đã được Ngũ Tổ truyền trao y bát, liền đuổi theo để lấy lại. Trong số người đuổi theo có Thượng tọa Huệ Minh đuổi kịp. Vì trước khi xuất gia ông là một vị tướng quân cỡi ngựa rất giỏi. Lúc đó, Lục Tổ để y bát trên tảng đá, ông đến đỡ không lên. Biết là có sự linh thiêng màu nhiệm lạ kỳ, nên ông liền thưa với Tổ: Ông đến đây vì pháp chớ không phải vì y bát. Bấy giờ Lục Tổ mới nói: Nếu ông vì pháp, thì nên bình tâm yên lặng trong giây lát ta sẽ dạy cho ông: Lục Tổ đồng dạt nói: "*Đừng nghĩ thiện, đừng nghĩ ác, chính ngay giây phút đó cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?*" Ngay câu nói này Thượng tọa Minh

giống bát nhã (trí tuệ) từ vô lượng kiếp sâu xa, mới có đầy đủ căn lành nhân duyên phước đức để chấp trì và hưởng dụng giác quả vô lậu ấy". Quả giác vô lậu là chỉ cho quả vị Phật vậy.

Kinh văn:

Thí dụ như trên bảo tòa Kim Cương giữa đại thiên thế giới có thể giữ vững chư Phật ngôi đạo tràng, hàng phục quân ma, thành đạo vô thượng chánh giác, mà tất cả những thứ bảo tòa khác đều không kham nổi. Cũng lại như thế, danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật có thể giúp Bồ Tát Sơ phát tâm trụ vững tất cả hạnh nguyện, các món ba la mật, bốn món vô sở úy, thọ ký, cúng dường ... mà tất cả pháp môn khác thì chẳng có công năng này, tất cả hạnh tu khác thì chẳng có lực dụng này.

Văn trên nêu ra thí dụ cây kim cương, ở đây thí dụ bảo tòa kim cương. Giả như có một bảo tòa kim cương giữa đại thiên thế giới, có thể giữ vững chư Phật ngôi đạo tràng, hàng phục quân ma, thành đạo vô thượng chánh giác, mà tất cả những thứ bảo tòa khác đều không kham nổi. Cũng lại như thế, danh hiệu **Nam Mô A Di Đà Phật** có thể giúp Bồ tát sơ phát tâm trụ vững tất cả hạnh nguyện, các món Ba la mật, bốn món vô sở úy, thọ ký, cúng dường... mà tất cả pháp môn khác thì chẳng có công năng này, tất cả hạnh tu khác thì chẳng có lực dụng này. Đây là một thí dụ so sánh với danh hiệu Phật cuối cùng của phẩm này. Nhắc lại, Phẩm thứ tư này với danh đề là: **Tán Thán Danh Hiệu**. Sở dĩ Bồ tát Phổ Hiền nêu ra nhiều thí dụ cụ thể

như thế là để nói rõ cái "uy lực thù thắng vi diệu và cái công đức vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn của danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật". Đối với pháp môn Tịnh Độ nói chung và niệm Phật nói riêng, thì không phải ai cũng có thể tin được. Muốn tin được và phải tin một cách vững chắc thì người đó phải có căn lành và phước đức trồng sâu trong nhiều đời nhiều kiếp với pháp môn này. Phật nói: "là một pháp môn khó tin khó hiểu (nan tín chi pháp). Ngài Phổ Hiền nói rằng, chỉ có Bồ tát sơ phát tâm (những người có căn tánh Đại thừa) thì mới có thể tin nổi pháp môn niệm Phật và danh hiệu vô tận chỉ có sáu chữ: Nam Mô A Di Đà Phật. Thật là ngắn gọn. Thật là đơn giản. Nhưng cũng thật là khó tin. Tuy khó tin mà chúng ta tin được, thì rõ ràng chúng ta đã có duyên lành rất lớn với pháp môn niệm Phật này.

Kinh văn:

Này Phật tử, danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật hiển thị vô lượng vô biên cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết công đức thù thắng như vậy. Ta dẫn biến hiện hàng hà sa thân tướng trong vi trần sát quốc độ trải qua muôn ức na do tha đại kiếp, để xưng tán thì cũng không cùng tận.

Đến đây, Ngài Phổ Hiền kết luận lại những gì mà Ngài đã khen ngợi ca tụng hết lời về danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Và Ngài còn nói rõ rằng: danh hiệu Phật công đức thù thắng vô lượng vô biên không thể dùng lời nói mà có thể tán thán hết được. Ngài lặp lại hai lần cụm từ "bất khả thuyết, bất khả thuyết". Xét về sự tương của các pháp thì

dữ, tốt xấu của các loài chúng sinh? Có phải đó là cái tâm vọng tri, vọng giác phân biệt không? Thưa phải. Vậy cái tâm thấy biết phân biệt này xuất phát từ đâu? Thưa, xuất phát từ cái tâm bình đẳng, tức chơn tâm vậy. Thế thì mọi thứ có ra đều phát nguyên từ cái thể tánh chơn như. Đó là tâm thể bình đẳng của vạn pháp vậy.

6. Tâm bình đẳng nơi tất cả Phật pháp và phi chánh pháp. Qua những điều mà chúng ta đã tạm tìm hiểu luận giải đại khái ở trên, nếu chúng ta hiểu một điều thì những điều khác chúng ta đều có thể hiểu. Chẳng qua mỗi điều Bồ Tát nêu ra diễn tả cách khác đó thôi. Nói chung, điều nào cũng xuất phát từ cái tâm bình đẳng của vạn pháp mà ra. Điều thứ 6 này nói đến Phật pháp và phi chánh pháp. Phật pháp là pháp giác ngộ của tất cả chúng sinh. Mê là chúng sinh, mà ngộ là Phật. Phật và chúng sinh chỉ khác nhau giữa mê và ngộ mà thôi. Vậy thì Phật pháp là pháp chung của tất cả chúng sinh. Phật pháp không riêng của ai cả. Còn nói phi chánh pháp tất nhiên là tà pháp. Tà pháp thì không phải là Phật pháp. Đó là nói theo cách tương đối. Theo Tục đế thì phải nói như vậy. Còn nói theo Chơn đế thì khác. Nếu không có chánh thì không có tà. Sở dĩ mình nói Phật pháp là vì có phi Phật pháp. Cũng như có tay phải là vì có tay trái. Nếu không có tay trái thì tay phải cũng không thành. Như vậy, phải và trái là pháp đối đãi. Vì có cái này nên mới có cái kia. Cái này có nên cái kia có. Ngược lại cái này không thì cái kia không. Đó là nói theo lý nhân duyên sinh thành là như vậy. Còn tâm bình đẳng hay Chơn đế thì vượt ngoài lối lý luận này. Cho nên phải hay trái, đúng hay sai, chánh hay tà... đều là những

không giống nhau. Tùy theo chỗ tạo nghiệp mà có ra những quả báo sai khác. Nhưng nghiệp báo từ đâu mà có? Tất nhiên câu trả lời chính xác nhất là từ tâm mà có. Nhưng tâm ở đây tức là tâm vọng. Vì tâm vọng động nên mới gây ra tạo thành nghiệp. Nghiệp thì có nghiệp lành và nghiệp ác. Nghiệp lành thì hưởng quả báo lành. Ngược lại, nghiệp ác thì trả quả báo ác. Như vậy truy nguyên nghiệp quả có ra đều do tâm tạo. Thế nhưng, tâm nào tạo thành nghiệp? Tất nhiên đó là tâm vọng. Tâm vọng có ra từ đâu? Dĩ nhiên là từ nơi tâm chơn mà có. Vậy thì mọi nghiệp báo thú hưởng của chúng sinh có rời tâm bình đẳng không? Câu trả lời dứt khoát là không. Vì sao? Vì tâm chơn cũng chính là tâm bình đẳng. Mà tâm bình đẳng là nơi phát xuất tất cả nghiệp báo do chúng sinh gây tạo. Muốn hết nghiệp báo thì phải niệm Phật, tức trở về với thể tánh uyên nguyên bản nhiên của vũ trụ. Nói rõ hơn là trở về với bản giác chơn thường của chính mình. Giác mê thì mê diệt vậy.

5. Tâm bình đẳng nơi tất cả tri kiến đúng sai, lành dữ tốt xấu...của hết thảy các loại chúng sinh. Tri kiến là thấy biết. Thấy biết cái gì? Tức thấy biết những việc đúng, sai, lành dữ, tốt xấu v.v... Những việc đúng sai, lành dữ, tốt xấu này của ai? Tất nhiên là của hết thảy các loại chúng sinh. Chúng sinh thì có nhiều loại. Nhưng không ngoài bốn loại: thai sinh, noãn sinh, thấp sinh và hóa sinh. Nói gọn thì có hai loại chính: động vật và thực vật. Động vật thì thuộc hữu tình chúng sinh. Thực vật thì gọi là vô tình chúng sinh. Còn một loại nữa gọi là khoáng vật như đất đá ... Thế thì ta tự hỏi: cái gì thấy biết đúng sai, lành

không thể nào nói là bất khả thuyết được. Vì hình tướng thì có thể nói năng diễn tả được hết. Thế thì làm sao nói là Bất khả thuyết. Chỉ có cái thực thể vô hình vô tướng bất sinh bất diệt mới không thể diễn tả luận bàn đến được mà thôi. Ở đây, Bồ tát Phổ Hiền dùng những con số không tính kể hằng hà sa (số cát sông hằng) Vi trần sát quốc độ (cõi nước nhiều như vi trần) muôn ức na do tha đại kiếp. Dùng những con số này không tính đếm này mà xưng tán danh hiệu Phật cũng không cùng tận vậy.

Kinh văn:

Ngài đại Bồ Tát Phổ Hiền ở trước Đức Như Lai tuyên thuyết ý nghĩa và xưng tán công đức của danh hiệu Phật vừa xong, cả thầy đại chúng đều đắc "Vô Lậu Công Đức đà ra ni", trưởng giả Diệu Nguyệt cùng chư vị Bồ Tát Sơ phát tâm đều chứng được niệm Phật Tam Muội, tất cả chư Bồ Tát mười phương đều đắc Hồng Danh Công Đức Tạng.

Khi ấy trời mưa hoa Mạn đà la, hoa Ma ha mạn đà la, hoa Mạn thù sa, hoa ma ha Mạn thù sa, để rải cúng dường Đức Như Lai cùng hết thảy chúng hội đạo tràng.

Bồ tát Phổ Hiền ở trước Đức Phật tuyên thuyết ý nghĩa và xưng tán công đức danh hiệu Phật vừa xong, thì tất cả đại chúng trong pháp hội đều đắc "Vô lậu công đức đà ra ni". Cụm từ này có nghĩa là nhiếp trì tất cả công đức vô lậu. Nói rõ hơn là gìn giữ công đức thiện pháp không còn phiền não rơi rớt trong ba cõi. Đến đây, trưởng giả Diệu

Nguyệt cùng các vị Bồ tát sơ phát tâm gồm có xuất gia và tại gia đều chứng được "Niệm Phật Tam muội". Đó là nói các vị Bồ tát đương hội thánh pháp, ngoài ra còn có các vị Bồ tát khác ở mười phương đều đắc "Hồng danh công đức tạng" (danh hiệu rộng lớn chứa tất cả công đức, tức chỉ cho thể tánh chơn như).

Trong khi đó, trời mưa các thứ hoa báu Mạn đà la (là loại hoa thơm vừa ý đẹp lòng, còn gọi là hoa trắng) và hoa Ma ha mạn đà la (hoa trắng lớn) tung rải cúng dường đức Như Lai cùng hết thảy chúng hội trong đạo tràng (các loại hoa này đã giải thích rõ ở tập 1 trang 76)

Để kết thúc phẩm này, chúng tôi xin trích dẫn một đoạn trong Trí Độ Luận nói về niệm Phật Tam muội. *"Niệm Phật Tam Muội có thể trừ các phiền não và tội đời trước. Lại nữa, Niệm Phật Tam Muội có phước đức lớn hay độ chúng sanh. Cho nên các Bồ tát muốn độ sanh, nếu tu các pháp Tam Muội khác, tất không bằng môn Niệm Phật Tam Muội, vì môn này có phước đức lớn, mau diệt các tội. Phật là pháp vương, Bồ tát là pháp tướng, chỗ Bồ tát tôn trọng duy có Phật, Thế Tôn. Bồ tát thường khéo tu nhân duyên niệm Phật, nên thường gặp chư Phật, như Kinh Bát Chu có nói: Bồ tát vào Tam Muội này, liền sanh về cõi Phật A Di Đà".*

Niệm Phật

Nhiếp tâm niệm Phật chói lạng xao
Bớt nói luận bàn chuyện tào lao

Đọc bốn điều đại nguyện này như đề tự nhắc nhở mình phải hằng nhớ những lời thệ nguyện để thực tập làm theo. Nguyện nào cũng phát xuất từ cái "Tâm Bình Đẳng" của chúng ta cả. Có thế, thì mới mong thành tựu được đại nguyện vậy.

3. Tâm bình đẳng nơi các sắc thân, tướng mạo sai biệt của hết thảy chúng sinh. Bản thể duyên sinh ra các hiện tượng. Không một hiện tượng nào mà không phát xuất từ Tâm bình đẳng cả. Hiểu thế, thì mọi hình tướng sắc thân sai biệt của chúng sinh trên thế gian này không có gì là xa lạ khó hiểu. Những hiện tượng sóng ngòi bọt biển nổi lên lô nhô trên mặt đại dương có ra muôn ngàn sai khác, nhưng không có một hiện tượng nào ngoài đại dương mà có. Đại dương là dụ cho bản thể, tức tâm bình đẳng của chúng sinh. Những sóng, ngòi, bọt biển là dụ cho các hiện tượng sai biệt. Rồi đại dương ra thì không có những hiện tượng này. Nhìn thấy mọi hiện tượng này là biết sự có mặt của đại dương. Như vậy tâm và vật không có gì là sai khác. Đứng về mặt hiện tượng thì vạn vật có sai khác, nhưng đứng về mặt bản thể thì vạn pháp không có sai khác. Còn vọng động thì thấy cảnh vật nào cũng khác biệt. Nhưng khi tâm bình đẳng rồi thì muôn vật nào có khác chi nhau. Thế mới biết, niệm Phật cũng chính là niệm tâm, khi tâm đã bình đẳng rồi thì mọi vọng động tranh chấp thị phi hơn thua đều chấm dứt. Chỉ còn lại một tâm thể bình đẳng vắng lặng sáng ngời mà thôi.

4. Tâm bình đẳng nơi nghiệp báo, thú hướng của hết thảy các loại chúng sinh. Nghiệp báo của mỗi chúng sinh

cũng thâm khế hợp với Tâm này. Đó là Tâm Bình Đẳng của chư Phật, chư Bồ Tát và tất cả chúng sinh. Nhưng vì chúng sinh còn mê nên Tâm này chưa hiển lộ đó thôi. Cho nên Niệm Phật là phá tan vô minh phiền não. Khi phiền não không còn thì "Tâm Bình Đẳng" này sẽ hiển hiện.

2. Tâm bình đẳng, phát khởi kiên định tất cả thế nguyện. Niệm Phật chính là niệm Tâm bình đẳng này một cách kiên định vững chắc. Có kiên định vững chắc thì mới giữ vững lập trường. Trên bước đường tu tập để đạt được Tâm bình đẳng này, thì đòi hỏi hành giả phải phát khởi kiên định tất cả thế nguyện. Thế nguyện rất cần thiết cho việc niệm Phật nói riêng và tu hành nói chung. Dù hành giả tu bất cứ pháp môn nào cũng phải thế nguyện kiên cường. Có thế thì mới tinh tấn và vượt qua tất cả mọi trở ngại khó khăn thử thách. Có thế bước đầu lập thế nguyện nhỏ như tập ăn chay, giữ giới, niệm Phật v.v... Khi thấy sự thực tập theo lập trường thế nguyện đã vững, hành giả tiến dần lên những thế nguyện lớn hơn. Như nguyện thực tập thiền hành mỗi ngày và nguyện giữ gìn năm giới cấm, tức năm nguyên lý đạo đức căn bản một cách nghiêm túc. Và nguyện cuối cùng là nguyện thành Phật. Mỗi ngày sau mỗi thời khóa tụng niệm, thì nên đọc bốn điều đại nguyện:

***Chúng sanh vô biên thế nguyện độ
Phiền não vô tận thế nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thế nguyện học
Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.***

Quán chiếu lại mình từng niệm khởi
An nhàn vui sống cảnh tiêu dao

Đi đứng nằm ngồi nhớ Phật luôn
Cuộc đời đau khổ lắm điên cuồng
Bền lòng niệm Phật từng hơi thở
Mới thoát cảnh đời khổ bội muôn

Trường Mộng

*Một thoáng đời người nhanh chóng qua
Biết bao nước mắt lệ châu sa
Vui chi danh lợi trong trường mộng
Thức tỉnh tu hành khổ thoát ra*

*Đời người ngắn ngủi khác chi hoa
Sớm nở chiều tàn như bóng ma
Mấy kiếp nổi trôi làm lãng tử
N hư thuyền không lái giữa phong ba*

*Đời người khác thế hạt sương sa
Tan biến vô thường trong sát na
Đoạt lợi tranh danh bao hận tủi
Tan tành phút chốc mộng đi qua*

*Buông xả thật hành hạnh vị tha
Đêm ngày cố gắng niệm Di Đà
Tu nhân hành thiện không nhằm moi
Một dạ tu hành mộng thoát ra*

(Thích Phước Thái)

Phẩm Thứ Năm

QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT NIỆM PHẬT VIÊN THÔNG

Kinh văn:

Lúc bấy giờ, quốc mẫu Vi Đề Hy hoàng thái hậu hớn hở vui mừng được nghe pháp yếu của Như Lai qua lời dạy của Ngài Phổ Hiền đại Bồ tát, bèn tiếp tục thưa thỉnh:

Kính bạch đấng Thiên Nhân Sư tối tôn, tối thắng, kính bạch Đại Sĩ đại từ, đại bi! con cũng thường nghe chư vị trưởng lão trong tăng già luôn luôn nhắc nhở rằng, chỉ có tứ niệm xứ là con đường độc nhất giúp chúng sinh diệt trừ ưu bi khổ não, chứng ngộ Niết bàn. Nay được Thế Tôn mở bày pháp niệm Phật khiến hàng ưu bà tắc và ưu bà di đều phân vân, do dự. Ý nghĩa ấy như thế nào? Đâu mới là pháp chân thật, rốt ráo? Đâu là pháp phương tiện, quyền biến? Đâu là pháp tối hậu mà Như Lai thường ban cho các chúng sinh ở vào thời kỳ Chính Pháp cuối cùng?

Danh đề của phẩm này có tên là Quán Thế Âm Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông. Về Bồ tát Quán Thế Âm thì có nhiều kinh sách đã đề cập đến, ở đây, chúng tôi xin được miễn luận bàn. Niệm Phật Viên Thông là do Bồ tát Quán Thế Âm chỉ dạy. Phần sau chúng ta sẽ tìm hiểu rõ hơn.

8. Tâm bình đẳng nơi tất cả hạnh tu không phân biệt.
9. Tâm bình đẳng nơi năng lực tiếp độ của tất cả Phật.
10. Tâm bình đẳng nơi trí tuệ giải thoát của chư Phật.

Bồ Tát Quán Thế Âm lại nói với bà Vi Đề Hy về Tâm Bình Đẳng. Bồ tát dạy rằng: "*Bất cứ chúng sinh nào hoan hỷ xưng tán hoặc cung kính chấp trì danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật dấu chỉ một niệm, cho tới mười niệm, hoặc nhiều lần của mười niệm, thì sẽ âm thầm khế hợp với những thứ Tâm Bình Đẳng*". Đồng thời, Bồ Tát còn nêu ra mười thứ Tâm Bình Đẳng như sau:

1. *Tâm bình đẳng, tích tập, lưu xuất, và thành tựu tất cả thiện căn, công đức của chư Phật, chư đại Bồ tát.* Thế nào gọi là tâm bình đẳng? Tâm bình đẳng là tâm không thấy hai bên: có không, phải trái, hơn thua, tịnh uế v.v... Còn thấy có hai bên thì không thể gọi là tâm bình đẳng được. Ngài Nam Tuyền có câu nói: "Bình thường tâm thị đạo". Tâm bình thường chính đó là đạo. Bình thường mà Ngài Nam Tuyền nói ở đây, là cái tâm bình đẳng không thấy có hai bên. Đây là cái tâm vượt ngoài đối đãi nhị nguyên. Nói cách khác tức là tâm chơn như bản thể của muôn pháp. Chính vì là bản thể nên mới nói tích tập và lưu xuất. Tích tập là tâm này chứa nhóm đầy đủ tất cả. "Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ" (Lục Tổ Huệ Năng). Và tâm chơn như này lưu xuất tất cả muôn pháp. "Đâu ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp". Tâm này thành tựu tất cả căn lành, công đức của chư Phật, chư Bồ tát. Niệm Phật cũng là niệm Tâm này. Hằng nhớ Phật cũng chính là hằng nhớ Tâm này. Phật là Giác, Tâm này là Viên Giác. Niệm nào

định. Mà hiện đời thì không có một vật gì cố định cả. Tất cả đều là biến đổi theo định luật vô thường và vô ngã. Đã là vô thường vô ngã thì thực thể của muôn pháp là không tánh. Không tánh là một chân lý bất di bất dịch. Biết rõ tánh không của vạn pháp thì ta không còn chấp trước dính mắc. Không dính mắc thì là buông xả. Mà buông xả thì tương đồng với tánh không của vạn pháp. Thế là ta thông dong tự tại qua lại trong bầu trời tự do giải thoát.

Kinh văn:

VIII. Nay Vi Đề Hy, bất cứ chúng sinh nào hoan hỷ xưng tán hoặc cung kính chấp trì danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật dẫu chỉ một niệm, cho tới mười niệm, hoặc nhiều lần của mười niệm, thì sẽ âm thầm khế hợp với những thứ Tâm Bình Đẳng. Như là:

1. Tâm bình đẳng, tích tập, lưu xuất, và thành tựu tất cả thiện căn, công đức của chư Phật, chư đại Bồ tát.
2. Tâm bình đẳng, phát khởi và kiên định tất cả thế nguyện.
3. Tâm bình đẳng nơi các sắc thân, tướng mạo sai biệt của hết thảy chúng sinh.
4. Tâm bình đẳng nơi nghiệp báo, thú hưởng của hết thảy các loại chúng sinh.
5. Tâm bình đẳng nơi tất cả tri kiến đúng sai, lành dữ tốt xấu... của hết thảy các loại chúng sinh.
6. Tâm bình đẳng nơi tất cả Phật pháp và phi Chính pháp.
7. Tâm bình đẳng nơi tất cả giới tịnh uế mà không sinh tâm phân biệt.

Bà Vi Đề Hy sau khi nghe Bồ tát Phổ Hiền khen ngợi danh hiệu Phật thù thắng vi diệu, thì bà rất là hoan hỷ. Chính vì chỗ hoan hỷ vui mừng hơn hở đó, nên bà lại tiếp tục thưa hỏi. Điều thưa hỏi của bà cũng khá lý thú. Ý bà thưa hỏi: trước kia Đức Phật có nói về "Tứ niệm xứ" là một pháp tu tuyệt vời rồi, sao nay Đức Phật lại còn nói là: "*pháp môn niệm Phật lại càng siêu việt hơn*". Thế thì, cuối cùng, pháp tu nào mới thực sự vượt trội hơn? Là thù thắng bậc nhất? Điều nghi ngờ thắc mắc này, không phải chỉ riêng bà, mà ngay cả các hàng thánh chúng nam nữ Phật tử hiện diện trong pháp hội, cũng đều phân vân do dự. Không biết pháp tu nào là quyền phương tiện và pháp tu nào mới là chân thật cùng tốt rốt ráo. Ngưỡng mong Đức Thế Tôn từ bi chỉ dạy cho chúng con cũng như chúng sinh ở trong thời kỳ chính pháp cuối cùng này được rõ.

Kinh văn:

Đức Phật mỉm cười lặng yên. Ngài Phổ Hiền an nhiên nhập vào niệm Phật Tam Muội. Thân tâm bất động.

Khi ấy, Ngài Quán Thế Âm Đại Bồ tát liền từ bảo tòa đứng dậy, trạch áo phôi bày vai bên hữu, cung kính nhiễu quanh Đức Phật ba vòng. Rồi Ngài hướng về bà Vi Đề Hy mà bảo rằng:

Nay tôi nương uy thần vô hạn của Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn, và tùy thuận Bản Nguyện Lực vô biên vô lượng của Đức Phật A Di Đà, mà tuyên dương năng lực vô cùng tận của danh hiệu Phật, tức là pháp môn niệm Phật Tam Muội.

Thay vì Đức Phật trả lời thì Ngài lại mỉm cười lặng yên. Lúc đó, thì Bồ tát Phổ Hiền nhập vào Niệm Phật Tam Muội (Chánh định) thân và tâm không lay động. Tại sao Phật thì mỉm cười? Còn Ngài Phổ Hiền thì nhập định? Điều này nói lên ý nghĩa gì? Theo tôi, sự mỉm cười của Đức Phật là biểu lộ một niềm đại hoan hỷ. Bởi vì pháp môn niệm Phật là một pháp môn rất là hy hữu thù thắng vi diệu, không phải dễ gặp và dễ tin nhận được. Phải là người có nhiều căn lành phước đức nhân duyên lớn mới có được. Còn Bồ tát Phổ Hiền nhập định là ý nói hành giả niệm Phật cần phải có cái tâm an định và phải đạt cho kỳ được "Niệm Phật Tam muội hay Nhất tâm bất loạn". Đó là mục đích nhắm tới cuối cùng của người tu theo pháp môn niệm Phật. Đồng thời, cũng ngầm để giới thiệu vị đại Bồ tát tối ưu quan trọng thay Phật và Ngài Phổ Hiền để giải bày cặn kẽ điều thắc mắc thưa hỏi của bà Vi Đề Hy. Đó là đại Bồ tát Quán Thế Âm. Bồ tát Quán Thế Âm liền từ chỗ ngồi đứng lên thi lễ và đánh lễ Đức Phật, rồi Ngài hướng về bà Vi Đề Hy để nói rõ. Ngài nói rằng: "***hôm nay, Ngài nương vào thân lực của Phật và thuận theo bản nguyện lực của Phật A Di Đà mà tuyên dương năng lực vô cùng tận của danh hiệu Phật, tức là pháp môn niệm Phật Tam muội***". Ngài nói, không phải riêng gì ý của Ngài mà Ngài còn phải nương vào thân lực của Phật và đồng thời cũng phải thuận theo sức bản nguyện của Đức Phật A Di Đà mà tuyên dương danh hiệu Phật và năng lực pháp môn niệm Phật Tam muội vô cùng tận. Ngài bảo bà Vi Đề Hy rằng:

9. Tổng trì không tánh của tất cả pháp hữu vi hoặc vô vi, siêu việt hữu, vô, đoạn, thường... Điều này, rải rác ở những phần trước, chúng ta đều có đề cập qua về "Tánh Không" của tất cả pháp. Ở đây, thiết nghĩ chúng ta cũng nên tìm hiểu thêm. Ai cũng biết các pháp đều do duyên sinh. Trong Trung Quán Luận - Bồ tát Long Thọ có nêu ra bài kệ nói về lý duyên khởi.

Nhân duyên sở sinh pháp
Ngã thuyết tức thị không
Diệc danh vi giả danh
Diệc danh Trung đạo nghĩa

Tạm dịch:

*Các pháp do duyên sinh
Ta nói nó là không
Cũng gọi là giả danh
Cũng gọi là nghĩa Trung đạo*

Đại ý bài kệ Ngài Long Thọ cho chúng ta biết rằng, các pháp hiện đời tất cả đều do nhân duyên sinh thành. Đã là nhân duyên thì nó không có thực tánh. Cho nên mới nói các pháp chỉ có tên gọi giả danh thôi. Thực thể của các pháp chính là nghĩa Trung đạo. Nói Trung đạo là các pháp không thực có mà cũng không thực không. Ý niệm có và không như trăng dưới nước hay như bóng trong gương. Thế nên vượt ra ngoài những ý niệm hữu vi, vô vi, hữu, vô, đoạn, thường v.v... Tất cả chỉ là giả danh, không có thực nghĩa. Nếu các pháp có thực tánh, thì là pháp cố

là cho tất cả chúng sinh đều được an vui trong tinh thân hạnh nguyện vị tha cao cả của Bồ tát đạo.

7. Tổng trì tất cả Tam muội, thu nhiếp vào trong Niệm Phật Tam Muội, như sữa hòa tan trong nước. Tam muội (samàdhi) có hai nghĩa: chánh định và chánh thọ. Tất cả chánh định đều được thu nhiếp vào Niệm Phật Tam Muội. "Sao gọi là Niệm Phật tam muội? Phương pháp này căn cứ theo Kinh Ban Châu Niệm Phật. Hành giả thường niệm danh hiệu của Phật A Di Đà ở Tây phương, ngày đêm không dứt, khi được tam muội rồi, hành giả thấy chư Phật hiện ra trước mắt, nghe Phật thuyết pháp ở bên tai, và thọ trì được vô lượng công đức" (Phật Học Phổ Thông khóa V trang 162). Vấn đề Niệm Phật tam muội, chúng tôi cũng đã có trình bày sơ qua ở Phẩm Thứ Ba của kinh này rồi, nên ở đây chúng tôi xin được miễn lặp lại.

8. Tổng trì tất cả xu hướng Đại thừa mà không chống trái. Đại thừa tuy có nhiều xu hướng, nhưng tiêu biểu không ngoài ba tông phái lớn, đó là: Thiên, Tịnh, Mật. Hành giả nào chuyên trì danh hiệu Phật A Di Đà, có thể nói sẽ được cảm ứng năng lực tổng trì của cả ba xu hướng nói trên. Dĩ nhiên, là không bao giờ có sự chống trái nhau. Bởi vì tất cả cùng đồng chung một xu hướng đó là xu hướng Đại thừa hay Phật thừa. Như vậy, thì làm sao có sự chống trái nhau? Thế là tất cả đều đồng thuận có cùng chung một chí hướng tiến thẳng lên Đại thừa cứu cánh đạt thành Phật quả vậy.

Kinh văn:

Này Vi Đề Hy, hãy nhận rõ như thế này, để đừng rơi vào nghi lầm nữa.

Đúng như người vừa mới trình bày, tứ niệm xứ là pháp diệt khổ, là pháp đối trị tham dục, ưu bi khổ não, là pháp đặc Niết bàn vắng lặng. Còn pháp Niệm Phật Tam Muội lại là pháp thành Phật, là pháp chứng Vô Thượng Giác, là pháp thâm nhập cảnh giới bất tư nghị của chư Phật, là pháp mở bày tỏ ngộ Tri Kiến Như Lai, là pháp cứu độ tất cả mọi chúng sinh, là pháp siêu việt trên hết thảy hý luận cùng thiên kiến của nhị thừa. Tại sao vậy? Trước đây, Đức Thế Tôn vì những người ghê sợ hiểm nạn sinh tử, mà nói pháp Tứ niệm xứ, chánh niệm tinh tấn nhiếp phục tham sân si, để thoát khổ và đặc A la hán.

Ngài thừa nhận điều mà bà Vi Đề Hy nói về Tứ niệm xứ đúng là một pháp tu tuyệt vời diệt khổ và mau chứng đắc Niết bàn. Vậy Tứ niệm xứ là gì? Tứ niệm xứ là bốn chỗ hay bốn điều mà người tu hành thường phải để tâm quán sát tường tận. Đây là một pháp tu mà Phật dạy cho hàng Tiểu thừa. Tứ niệm xứ gồm có:

1. Quán thân bất tịnh
2. Quán tâm vô thường
3. Quán pháp vô ngã.
4. Quán thọ thị khổ

(Về 4 phép quán này muốn hiểu rõ hơn xin quý độc giả nên tìm đọc trong quyển Phật Học Phổ Thông Khóa III của cố HT Thích Thiện Hoa biên soạn, ở phần nói về Đạo Đế)

Sau khi thừa nhận pháp tu này, Bồ tát Quán Thế Âm nói tiếp: "**còn pháp môn niệm Phật Tam muội lại là pháp thành Phật, là pháp chứng Vô Thượng Giác...**" Như vậy, cho ta thấy giữa hai pháp tu: nhân và quả đều có sự sai khác nhau rất nhiều. Vì nhân tu của Tiểu thừa là Tứ niệm xứ và quả chứng của họ là Niết bàn. Nhưng chỉ là Niết bàn của hàng Thanh Văn. Niết bàn tột cùng của hàng Thanh Văn là quả vị A la hán, tức đạt được "Vô dư y Niết bàn". Khi đạt được quả vị Niết bàn vắng lặng này rồi, thời những vị này cảm thấy an lạc sung sướng quá nên chỉ muốn an hưởng một mình mà không ra độ sinh. Cho nên Phật mới quở trách các Ngài này là: "Trầm Không Trệ Tịch" (chìm đắm ở nơi không và trì trệ ở chỗ vắng lặng). Phải nói các Ngài là những người chỉ biết lo phần tự độ nhiều hơn, còn việc độ tha thì các Ngài không mấy quan tâm tới lắm. Vì thế nên Phật mới quở trách các Ngài là người ích kỷ có tâm niệm hẹp hòi. Chỉ có Phật mới quở trách các Ngài vậy thôi, chớ trình độ căn cơ hạn hẹp như chúng ta thì làm sao dám quở trách các Ngài được chớ!

Ngược lại, nhân tu của Đại thừa là chuyên hành trì vào pháp môn niệm Phật Tam muội, tất nhiên quả chứng là thành Phật. Nói cách khác pháp môn Tứ niệm xứ hay quả vị Niết bàn của Thanh Văn, chẳng qua đó chỉ là "**Hóa Thành**" mà Phật tạm bày ra thôi, chớ thực sự đó chưa phải là "**Bảo Sở**" (Kinh Pháp Hoa). Bảo Sở là Phật nhằm đưa chúng sinh đến chỗ giải thoát cứu cánh thành Phật. Qua đó, chúng ta thấy pháp môn niệm Phật không phải chỉ có phần "Sự Tướng" không thôi mà còn đặt nặng phần "Lý Tướng" thật là thâm sâu cao siêu tuyệt diệu. Cho nên ai

toàn diện. Nghĩa là con người không còn nổi trôi đắm chìm trong biển trầm luân sinh tử khổ hải nữa. Vì thế, nên tất cả Phật tử phải thiết tha tôn trọng giữ gìn.

5. Tổng trì tất cả bản nguyện chư Phật ba đời, mà phát tâm hoan hỷ. Chư Phật ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai) Đức Phật nào cũng có những bản nguyện tự lợi, lợi tha thấy đều lớn lao cả. Về phương diện tự lợi, thì các Ngài đã hoàn thành bản nguyện tự giác. Về phương diện lợi tha, thì các Ngài phát đại nguyện rộng độ tất cả chúng sinh. Với mục đích là muốn cho chúng sinh đều thoát khỏi khổ đau trong vòng luân hồi sinh tử. Do vì bản nguyện cao cả đó nên các Ngài hoằng hóa độ sinh không biết mệt mỏi. Và làm cho chúng sinh đều phát tâm hoan hỷ. Nhiếp trì bản nguyện của chư Phật ba đời cũng là nhiếp trì bản nguyện của chúng ta mong được giác ngộ giải thoát như các Ngài.

6. Tổng trì tất cả vi tế hạnh của chư Bồ Tát. Bồ tát đa hạnh, hạnh nào các Ngài cũng nhằm mang lại sự lợi lạc cho tất cả chúng sinh. Có những công hạnh được phô bày bên ngoài mà ai cũng thấy biết. Tuy nhiên, cũng có những mật hạnh vi tế bên trong mà chúng ta khó biết khó hiểu. Nói chung, hạnh nào của Bồ Tát dù thô hay tế, dù trong hay ngoài, các Ngài cũng nhằm mục đích duy nhất là làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh. Đó là hạnh nguyện từ bi cứu khổ ban vui của các Ngài. Chúng ta nên cố gắng gìn giữ và noi gương những công hạnh lợi sinh đó. Gìn giữ và noi gương không chưa đủ, mà chúng ta còn cần phải thật hành trong công việc lợi ích chung cho mình và người. Rộng ra

4. Tổng trì tất cả nghĩa lý sâu mâu của khế kinh do đức Thích Ca giảng nói. Điều tổng trì này, thiết nghĩ, là Phật tử dù tại gia hay xuất gia, chúng ta cũng đều phải tuân hành. Ngày xưa, sau khi Phật nhập diệt, thì chư Tổ thừa hành phụng sự kết tập kinh điển. Nhờ đó mà bây giờ chúng ta mới có được ba tạng kinh điển. Tạng kinh của Phật giáo Phát triển (Đại thừa) hay tạng kinh của Phật giáo Nguyên Thủy (Tiểu thừa) đều được kết tập đầy đủ cả hai hệ thống. Do đó, mà kẻ hậu học như chúng ta mới có đủ cơ duyên nghiên tầm học hỏi. Kinh, nói cho đủ là khế kinh. Khế có nghĩa là phù hợp, có hai nghĩa: khế lý và khế cơ. Khế lý là phù hợp với chân lý muôn đời bất di bất dịch. Khế cơ là phù hợp với căn cơ thời đại. Dù bất cứ thời đại hay thể chế nào, nguồn giáo lý của đạo Phật vẫn luôn phù hợp, không bao giờ có tình trạng lạc hậu hay lỗi thời. Không nói đâu xa, chỉ nêu ra năm giới cấm của đạo Phật thôi. Bất cứ thời nào, muốn xã hội được an bình thịnh trị, có nền văn minh tiến bộ cao qua hai lĩnh vực vật chất và tinh thần, thời cũng đều phải giữ gìn năm điều răn cấm, nói đúng hơn là năm nguyên lý đạo đức của con người. Năm điều đó là: không sát sinh hại vật, không trộm cắp cướp giựt, không tà dâm, không nói dối và không được uống rượu cùng các chất ma túy. Năm điều này, nếu ai cũng tôn trọng gìn giữ cẩn thận, thì bảo đảm xã hội sẽ được an bình và trật tự. Đó mới thực sự là một xã hội có nền văn minh tân tiến về vật chất và tinh thần. Năm điều nguyên lý đạo đức này nhằm xây dựng con người có một nếp sống an lành và tốt đẹp. Thế thì sao gọi là lạc hậu lỗi thời được? Đó là chưa nói đến những nguồn giáo lý cao siêu hơn nhằm đưa con người đến chỗ giác ngộ giải thoát

đó xin đừng xem thường pháp môn niệm Phật, cho là pháp môn chỉ dành riêng cho những ông già bà cả. Người nói như thế quả thật là thiếu tư duy chín chắn và quá hồ đồ hàm hồ. Chứng tỏ người đó chưa hiểu gì về pháp môn niệm Phật cả.

Kinh văn:

Nay vì những người tín ngưỡng, khát khao quả vị Bồ đề chí hướng mong cầu Phật đạo, phát khởi đại bi tâm mà thực hành hạnh nguyện Bồ tát thì Đức Thế Tôn chỉ dạy pháp môn Niệm Phật Tam Muội.

Này Vi Đề Hy, tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, vì một niệm bất giác nổi lên, che mờ Bản Thể Thường Trụ, nhận vật bên ngoài làm Tâm; nhận sắc thân, cảnh giới làm Tâm. Luôn luôn bỏ mất Tâm chân thật, nên bị cảnh vật xoay chuyển. Do đó, khởi tâm phân biệt, thấy có lớn nhỏ, rộng hẹp, xấu đẹp, cao hạ... Nếu xoay được cảnh vật bên ngoài thì thân tâm sẽ sáng suốt, trạm nhiên, tròn đầy, tức thời đồng với Như Lai không khác.

Bồ tát Quán Thế Âm lại dạy tiếp: "**Nay vì những người tín ngưỡng, khát khao quả vị Bồ đề chí hướng mong cầu Phật đạo, phát khởi đại bi tâm mà thực hành hạnh nguyện Bồ tát thì Đức Thế Tôn chỉ dạy pháp môn Niệm Phật Tam Muội**". Ngài nói rất rõ là vì những người có chí hướng Đại thừa khát khao cầu thành Phật, phát đại bi tâm và thật hành Bồ tát đạo, thì Đức Phật mới chỉ dạy cho họ pháp môn "Niệm Phật Tam muội". Kế đến, Ngài giảng

giải cho bà Vi Đề Hy biết thêm, lý do vì sao mà chúng sinh (trong đó có chúng ta) trải qua từ vô lượng kiếp đến nay cứ mãi trôi lăn trong vòng sinh tử khổ đau, là bởi vì từ một niệm bất giác (vô minh) nổi lên che mờ tánh giác, rồi nhận duyên trần bên ngoài làm tâm mình. Kinh Viên Giác Phật nói: "*Chúng sinh vọng nhận tứ đại làm tướng tự thân, duyên ảnh sáu trần làm tướng tự tâm*". Nghĩa là về thân thì mình lầm nhận cho nó là thật thân mình. Nhưng mình đâu có biết rằng, cái thân này chỉ là do bốn chất: đất, nước, gió, lửa, đủ duyên hợp lại tạo thành thân. Còn cái tâm cũng thế. Cái tâm mà mình gọi là tâm mình đó, nó cũng là thứ duyên hợp mà thôi. Nó duyên theo bóng dáng của sáu trần mà chúng ta cứ chấp cho đó là tâm thật của mình. Vì vọng nhận như thế, nên quên mất cái bản tâm chân thật của mình. Do vọng tưởng (cái biết giả dối) mà có biết bao cái tri giác sai lầm. Chính vì tri giác sai lầm mà chúng ta tạo ra không biết bao nhiêu điều tội lỗi. Đã tạo nghiệp ác thì làm sao tránh khỏi quả báo ác? Đâu mỗi cũng từ cái ý niệm bất giác ban đầu mà ra. Muốn hết khổ thì ta phải có chánh kiến, chánh niệm và chánh quán. Chánh kiến là nhận rõ cái nào giả và cái nào thật. Phải có cái nhìn xứng hợp với chân lý. Sống sai chân lý thì hậu quả sẽ chuốc lấy khổ nạn hoạn họa vào thân. Sống đúng với chân lý thì ta sẽ có được niềm an vui hạnh phúc rất lớn.

Lâu rồi, ta cứ chạy theo ngoại cảnh và luôn bị ngoại cảnh chi phối làm chủ động sai khiến. Đó là ta đang bị vật chuyển. Kinh Lăng Nghiêm nói: "*Nhược năng chuyển vật, tức đồng Như Lai*". Như Lai là thể tánh bất sinh, bất

thật là một chân lý. Dù ta có gán cho nhau bất cứ nhãn hiệu giả tạo nào, cuối cùng chân lý cũng vẫn là chân lý. Không ai có quyền sửa đổi hay bóp méo chân lý được. Sự thật cuối cùng cũng phải trả về cho sự thật mà thôi.

3. Tổng trì tất cả nghĩa lý bí mật của Như Lai thừa. Như Lai thừa tức là Phật thừa. Là một cỗ xe lớn có công năng vận chuyển đưa hành giả từ địa vị phàm phu thăng đến Phật quả. Nói rằng gìn giữ tất cả nghĩa lý bí mật, sự thật thì không có gì là bí mật cả. Nói bí mật chẳng qua chỉ vì nghĩa lý khó hiểu thấu đáo đó thôi. Những gì Phật trao cho chúng sinh, Phật đã nói hết và trao hết. Phật không giấu giếm bất cứ điều gì cả. Bởi vì còn giấu giếm là còn sèn pháp sao! Mà Đức Phật thì có bao giờ sèn pháp với ai đâu. Ngài đã kiên nhẫn hướng dẫn con người theo giáo lý của Ngài từ thấp lên cao. Trải qua những chặng đường được đánh giá qua trình độ tu chứng. Nấc thang năm thừa từ Nhơn thừa đến Bồ tát thừa rồi đến Phật thừa, Đức Phật đã vạch rõ từng chặng đường hay từng trạm một. Cứ thế mà tu tập tiến lên. Cái đích cuối cùng mà Ngài dẫn dắt chúng sinh đạt đến, chính đó là quả vị Phật. Đến đây, mới là mục tiêu cuối cùng mà Phật đã chứng thực. Đó là những chặng đường trải nghiệm theo một lộ trình đã vạch sẵn. Người tu học chỉ cần sẵn sàng tiến bước theo bản đồ mà Ngài đã phác họa. Đó là một hệ thống giáo lý của đạo Phật từ thấp lên cao rất rõ rệt, không còn gì phải nghi ngờ. Chỉ cần mỗi trạm hay mỗi chặng đường, hành giả cần phải tu học đàng hoàng kỹ lưỡng. Đó là phương cách tiến dần lên để đạt cho kỳ được mục đích là Như Lai thừa vậy.

2. Tổng trì tất cả pháp quyết định chân thật, đoạn trừ hết những nghi ngờ, làm lẫn. Pháp quyết định chân thật rất quan trọng. Cuộc đời này người ta đã phô diễn có quá nhiều nhãn hiệu. Hết gắn nhãn hiệu cho người này, rồi lại gắn nhãn hiệu cho người kia. Thế là đã đánh mất niềm tin rất nhiều. Có người nói, đời bây giờ thực sự không còn biết tin ai nữa. Niềm tin không phải do thuyết phục mà có được. Niềm tin phải được chế tác bằng những kinh nghiệm cụ thể trong đời sống. Ngay cả Phật, Bồ tát các Ngài cũng không muốn các hàng đệ tử của Ngài gắn cho các Ngài nhiều nhãn hiệu. Nhãn hiệu chỉ là giả dối và dĩ nhiên trong đó có ý mưu đồ bất chánh. Chính vì niềm tin bị đánh mất cho nên mới sinh tâm nghi ngờ. Đừng tin vào những nhãn hiệu mang tính quảng cáo tốt lành. Mà đằng sau của những quảng cáo nhãn hiệu đó, là cả một thủ đoạn gian ác ma giáo. Làm sao mà có thể tin được đây?! Đời đảo điên thác loạn là thế. Tin vào luật pháp ư? Có đôi khi lại bị thất vọng vì luật pháp. Bởi luật pháp cũng do con người đặt định ra. Mà con người thì thử hỏi có mấy ai hoàn hảo hết đâu. Thế là luật pháp vẫn có kẽ hở sai sót. Chính đó là cơ hội cho những kẻ gian manh trục lợi.

Sự nghi ngờ trong đạo pháp là một thiệt thòi mất mát rất lớn trên bước đường thăng tiến tu học. Chính do nghi ngờ mà người ta đâm ra tán thối lưỡng nan. Từ đó trở thành một mối nguy hại trở ngại lớn cho việc tu tập. Thế nên, chúng ta cần xây dựng sự thật trong khi giao tiếp cũng như thiết lập vững chắc trên nền tảng tu học. Đến với đạo Phật phải đến bằng nhãn quan trí tuệ. Đến để mà thấy, chứ không phải đến để mà tin. Và phải tôn trọng sự thật. Sự

diệt. Sống được với cái thế tánh này là người đó sẽ chuyên được vật, tức đồng với Như Lai. Có nghĩa là chúng ta sẽ làm chủ được mọi sự vật. Được vậy, thì mới: "**đối cảnh vô tâm mặc vấn thiên**" (Sơ Tổ Trúc Lâm). Còn bằng không, thì chúng ta vẫn mãi mãi làm nô lệ cho ngoại cảnh. Nói "xoay" có nghĩa là không theo cảnh duyên để khởi niệm phân biệt chấp trước. Đã có phân biệt thì có niệm yêu ghét dấy khởi. Chính những ý niệm này luôn che mờ tánh giác của ta. Thay vì tánh giác của chúng ta hằng thanh tịnh sáng suốt, nhưng vì bị những thứ tập khí phiền não này nó che lấp phủ mờ làm cho ta không nhận ra được tánh giác đó thôi. Từ đó, ta mãi cứ sống theo vọng trần phiền não rồi gây ra bao nhiêu thứ nghiệp ác, để rồi phải chịu khổ đau trong vòng luân hồi sinh tử. Bồ tát Quán Thế Âm dạy cho chúng ta biết cách quay về, để nhận lại tánh giác hằng hữu của chính mình. Ngài dạy tiếp:

Kinh văn:

Muốn xoay chuyển ngoại vật, thì không chi bằng sử dụng diệu lực vô úy của danh hiệu Phật. Thật vậy, nhờ xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật mà hành giả nhìn thấy cảnh vật bên ngoài đúng như bản chất thật sự của chúng. Do đó, không còn bị ngoại cảnh chi phối, điều phục thân tâm. Và chẳng còn móng khởi tâm phân biệt. Lúc ấy, tuy không rời pháp hội mà biến hiện khắp mười phương quốc độ; trong một lỗ chân lông vẫn chứa đựng cả Hoa Tạng Thế Giới Hải.

Qua lời dạy này, chúng ta phải hết sức chú ý. Ngài bảo chúng ta rằng: "**Muốn xoay chuyển ngoại vật, thì không**

chi bằng sử dụng diệu lực vô úy của danh hiệu Phật. Thật vậy, nhờ xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật mà hành giả nhìn thấy cảnh vật bên ngoài đúng như bản chất thật sự của chúng. Do đó, không còn bị ngoại cảnh chi phối, điều phục thân tâm". Ngài bảo chúng ta, muốn xoay chuyển ngoại vật thì cần phải sử dụng diệu lực vô úy của danh hiệu Phật. Cụm từ diệu lực vô úy của danh hiệu Phật, mới đọc qua chúng ta thấy hơi khó hiểu. Nhưng tư duy nghiền ngẫm kỹ, ta mới thấy thật là quá hay, quá tuyệt! Hay ở điểm nào? Khi chúng ta niệm danh hiệu Phật, nếu niệm với cái tâm tán loạn cứ để tạp niệm xen vào, thì rõ ràng là ta thiếu cái diệu lực vô úy. Diệu lực vô úy nghĩa là có cái uy lực mầu nhiệm không lo âu sợ hãi. Khi tập trung tâm mình vào câu hiệu Phật, thì không có những toan tính lo âu sợ hãi. Bởi lúc đó mình đang niệm giác, đã giác thì không có mê. Vì có mê nên mới có lo âu sợ hãi. Thế thì niệm tánh giác không phải mầu nhiệm lắm sao! Lúc đó thì cảnh vật hiện tiền trước mắt chúng ta, nhưng chúng ta không có dấy tâm nghĩ đến, thì cảnh vật có đó cũng như không. Không phải mình niệm Phật mà cảnh vật mất đi. Vì khi mình thiết thiết niệm Phật, thì lúc đó tâm cảnh nhứt như, chỉ có một tâm thể sáng suốt hiện tiền thôi. Đó là cách xoay chuyển ngoại vật mà Bồ tát Quán Thế Âm dạy chúng ta ở đây. Khi tâm mình thanh tịnh thì mọi cảnh vật đều thanh tịnh. Với ý này, Thiền Ông Thiền Lão cũng nói: *"Thúy trúc huỳnh hoa phi ngoại cảnh, bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân"*. Nghĩa là trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác, trắng trong mây bạc hiện toàn chân. Khi đã sống với pháp thân thường trú rồi, thì người đạt đạo nhìn đâu cũng thấy toàn là Bồ đề cả. Đối

là gìn giữ tất cả phước đức và căn lành đã tích tập trồng sâu trong nhiều kiếp quá khứ, phát sinh trí tuệ giải thoát. Điều này, chẳng có gì phải nghi ngờ. Bởi vì có những phước đức căn lành mà chúng ta đã gieo trồng trong nhiều kiếp hoặc là một hai kiếp trước, nay quả báo đến nên ta có thể thụ hưởng những phước báo hay những căn lành mà ta đã gieo trồng với Phật pháp. Suy nghiệm hiện đời ở nơi bản thân mình cũng có thể biết được điều đó. Nếu đời này mình có được nhiều may mắn hanh thông tốt đẹp trong đời sống, thì biết kiếp trước mình đã có gieo trồng nhiều phước đức, nên nay mình mới được hưởng phước báo. Cũng như hôm nay mình gặp Phật pháp sớm và mình gặp được các bậc Thiện hữu tri thức chỉ dạy trên bước đường tu tập, thì đó cũng là do nhân duyên thiện căn của mình đã gieo trồng sâu dày đời trước. Trong khế kinh Phật có dạy: *"Nếu mình muốn biết cái nhân đời trước của mình gây tạo thế nào, thì hãy nhìn vào cái quả báo hiện tại mà mình đang lãnh lấy. Nếu mình muốn biết đời sau của mình như thế nào, thì hãy nhìn vào cái nhân mà mình đã và đang gây tạo trong hiện đời"* (dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị, yếu tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị). Đời này mình có được một đời sống tương đối hanh thông, ăn sung mặc sướng, thông minh tài trí, an lành hạnh phúc, không gì ràng buộc, thế là mình biết đời trước của mình đã khéo biết tu tập gây nhiều chủng nhân thiện nghiệp. Cứ dựa trên luật nhân quả mà xét đoán, và đồng thời cũng ứng dụng nhân quả vào đời sống hiện tại, để tương lai mình có được những quả báo tốt đẹp an lành giải thoát.

3. Tổng trì tất cả nghĩa lý bí mật của Như Lai thừa.
4. Tổng trì tất cả nghĩa lý sâu màu của khế kinh do đức Thích Ca giảng nói.
5. Tổng trì tất cả bản nguyện chư Phật ba đời, mà phát tâm hoan hỷ.
6. Tổng trì tất cả vi tế hạnh của chư Bồ tát.
7. Tổng trì tất cả Tam muội, thu nhiếp vào trong niệm Phật Tam muội, như sữa hòa tan trong nước.
8. Tổng trì tất cả xu hướng Đại thừa mà không chống trái.
9. Tổng trì không tánh của tất cả pháp hữu vi hoặc vô vi, siêu việt hữu, vô, đoạn, thường...

Bồ Tát Quán Thế Âm lại bảo bà Vi Đề Hy về năng lực Tổng trì không thể nghĩ bàn. Nhưng với điều kiện là phải chuyên tâm trì niệm danh hiệu Phật, dù chỉ một ngày hoặc là bảy ngày cho đến nhiều lần trong bảy ngày thì sẽ được cảm ứng đúng theo sở nguyện năng lực trì niệm. Bồ tát nêu ra gồm có 9 năng lực Tổng trì như sau:

1. Tổng trì tất cả phước đức, thiện căn đã tích tập trong nhiều kiếp quá khứ, phát sinh trí tuệ giải thoát.

Trước tiên, ta cũng nên tìm hiểu cụm từ cảm ứng và tổng trì. Theo Từ Điển Phật Học Hán Việt: "cảm ứng có nghĩa là chúng sinh nào có cơ duyên thiện căn cảm động tới Phật, được Phật linh ứng hiện đến thì gọi là cảm ứng. Tổng trì là niệm tuệ lực hay niệm định lực có thể tổng nhiếp chấp trì vô lượng Phật pháp mà không để mất". Nói gọn dễ hiểu, tổng trì có nghĩa là giữ gìn tất cả các pháp lành không cho sót mất. Theo định nghĩa này, thì tổng trì

với các Ngài chạm mắt đến đâu, thì bồ đề có mặt ở đó. Ngược lại, đối với chúng ta thì chạm mắt đến đâu, thì phiền não dấy lên đến đó. Còn có cái tâm phân biệt đẹp xấu, thương ghét v.v... thì vẫn còn hiện tượng của vô minh phiền não. Cho nên nói xoay mà thực sự không có xoay gì cả. Chỉ cần thấy đúng với "tánh cảnh" sự vật, mà không khởi một ý niệm phân biệt nào hết. Hoặc chỉ cần nhiếp tâm thành ý vào danh hiệu Phật, thì mọi vật đều an bình. Tâm an thì mọi cảnh vật đều an. Tâm loạn thì tất cả đều loạn. Nói cho cùng danh hiệu cũng chỉ là phương tiện để mình nương vào đó mà được định tâm thôi.

Tại sao nói trong một lỗ chân lông chứa đựng cả hoa tạng thế giới? Đây là thứ giáo lý thuộc hệ tư tưởng siêu việt tuyệt vời trong đạo Phật. Và cũng thật là khó hiểu. Với trình độ thấp kém hạn hẹp như chúng ta mà nói đến giáo lý thậm thâm vi diệu như thế này, thì quả thật rất là khó hiểu. Để hiểu phần nào về ý nghĩa này, sau đây chúng tôi xin dẫn bài kệ của Thiền Sư Khánh Hỷ đời Lý để chứng minh.

*Lao sanh hựu vân sắc kiem không
Học đạo vô như phông Tổ tông
Thiên ngoại mịch tâm nan định thể
Nhân gian thực quý khởi thành tùng
Càn khôn tận thị mao đầu thượng
Nhật nguyện bao hàm giới tử trung
Đại dụng hiện tiền quyền tại thủ
Thùy tri phạm thánh dữ tây, đông?*

Dịch:

*Uổng công thôi hỏi sắc cùng không
Học đạo gì hơn phỏng Tổ tông
Ngoài trời tìm tâm thật khó thấy
Thế gian trông quế đầu thành tòng
Đầu lông trùm cả càn khôn thấy
Hạt cải bao gồm nhật nguyệt trong
Đại dụng hiện tiền tay nắm vững
Ai phân phàm thánh với tây đông
(HT Thích Thanh Từ)*

Yếu lý của bài kệ rất thâm sâu uyên áo. Ở đây, chúng tôi chỉ xin nêu ra hai câu: *Đầu lông trùm cả càn khôn thấy, hạt cải bao gồm nhật nguyệt trong*". Bởi vì hai câu này có ý nghĩa sâu sắc không khác gì câu nói: "Trong một lỗ chân lông chứa cả hoa tạng thế giới" đã nói ở trên. Câu nói này ý nghĩa cũng đâu có khác gì: "Đầu lông trùm cả càn khôn thấy, hạt cải bao gồm nhật nguyệt trong." Ý nói, trên đầu sợi lông mà trùm chứa cả trời đất (càn khôn) và một hạt cải nhỏ xíu vậy mà bao trùm cả mặt trời mặt trăng trong đó. Mới nghe qua thì thật là khó hiểu, khó tin. Theo Hòa thượng Thích Thanh Từ giải thích hai câu này như sau: *"Hai câu này giải thích hai mặt, mặt sự tướng và mặt lý tánh. Dừng về sự tướng thì từ thân người cho đến vạn vật đều do đất nước gió lửa hợp thành. Tứ đại là một, mà tất cả thân, tất cả vật là nhiều, tất cả cái nhiều ấy không cái nào ngoài đất nước gió lửa mà có. Do đó, nên nói: "một là tất cả, tất cả là một". Hay nói tất cả cùng chung một thể không khác. Đất nước gió lửa của mình và đất nước*

bình đẳng vô ngại được. Như cõi Cực lạc của Đức Phật A Di Đà, như Kinh A Di Đà đã diễn tả y báo và chánh báo ở cõi đó đều có sự khác nhau. Hiển nhiên không thể nào gọi là bình đẳng vô ngại được. Như đức Phật Thích Ca Mâu Ni ra đời ở Ấn Độ, cũng có thể nói Ấn Độ là Phật độ. Thế nhưng, ở Ấn Độ trong thời Phật, dân chúng và cảnh vật có bình đẳng hết không? Chắc chắn là không rồi. Luận về tướng trạng thì đương nhiên là phải khác biệt, không thể nào đồng nhưt bình đẳng vô ngại hết được. Cho nên nói Phật độ bình đẳng vô ngại ở đây, theo tôi, là nói cõi Phật tự tâm, chứ không phải Phật độ ở bên ngoài. Bởi trong bốn cõi Tịnh Độ có một cõi gọi là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Rõ ràng cõi Tịnh Độ này chỉ có trong tâm thức của mỗi người mà thôi. Vì vậy, Nên nói chỉ có cõi Phật (Bản Giác) trong tâm thức của mỗi người mới thực sự là bình đẳng vô ngại. Nói cách khác, khi tâm ta bình đẳng, thì nhìn các pháp đều bình đẳng. Khi tâm ta bất bình đẳng thì nhìn đâu cũng không bình đẳng. Nên nói: Tâm bình thì thế giới bình. Tâm loạn thì thế giới loạn.

Kinh văn:

VII. Nay Vi Đà Hy, bất cứ chúng sinh nào chuyên tâm trì niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, dầu chỉ một ngày cho tới bảy ngày, hoặc nhiều lần của bảy ngày, thì cảm ứng những năng lực Tổng trì không thể nghĩ bàn. Như là:

1 Tổng trì tất cả phước đức, thiện căn đã tích tập trong nhiều kiếp quá khứ, phát sinh trí tuệ giải thoát.

2. Tổng trì tất cả pháp quyết định chân thật, đoạn trừ hết những nghi ngờ, lầm lẫn.

tướng, thì không riêng gì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà khắp cả chư Phật trong mười phương, không có vị Phật nào ra đời mà không cứu độ chúng sinh. Vì sao? Vì đó là bản nguyện, bản hoài của chư Phật. Trong Kinh Pháp Hoa ở Phẩm Phương Tiện thứ hai, Phật đã nêu rõ về vấn đề này. Phật ra đời là nhắm thẳng vào mục đích "**Chuyển mê khai ngộ**" cho tất cả chúng sinh. Rõ ràng, vì chúng sinh nên chư Phật mới ra đời. Như vậy, giữa Phật và chúng sinh có sự liên hệ mật thiết với nhau rất lớn. Thế nên năng lực hộ trì của chư Phật là không bao giờ bỏ sót một chúng sinh nào. Như ánh sáng mặt trời chiếu khắp tất cả không bỏ sót một nơi nào. Tuy nhiên, Phật là như thế, nhưng chúng sinh thì còn phải tùy thuộc vào duyên nghiệp của mỗi người. Có người sinh cùng thời với đức Phật, nhưng trọn đời họ chưa bao giờ gặp Phật, thậm chí còn không nghe đến tên của Ngài nói chi là gặp Ngài. Như hiện nay ở thế giới này, giáo pháp của Phật đã được truyền bá khắp nơi, nhưng đâu phải ai cũng có thể nghe được. Nhưng nói đến những chuyện thị phi bù khú tạp nhạp ở thế gian thì số lượng người dự nghe rất đông. Còn một thời giảng pháp chính thống của Tăng hay Ni thì chẳng có bao nhiêu người tham dự. Đó gọi là duyên nghiệp thiện căn dày mỏng, sâu cạn của mỗi chúng sinh. Luận về tánh, thì Phật là toàn Giác. Thế thì không có chúng sinh nào ngoài tánh Giác cả. Đó là nghĩa hộ trì không bỏ sót chúng sinh nào.

10. Giác tri tất cả Phật độ đều bình đẳng vô ngại. Phật độ là cõi Phật mà cõi Phật thì đều bình đẳng vô ngại. Câu này có người giải thích theo Phật độ, tức cõi Phật bên ngoài. Mà cõi Phật bên ngoài, thì không thể nào gọi là

gió lửa bên ngoài đâu có khác. Chúng ta vì còn nhiều tình chấp nên phân biệt mình khác với người, mình khác với cây cỏ, mình khác với thiên nhiên... Nhưng nếu chúng ta dùng trí để quán sát thì thấy không khác và nơi cái này có đủ yếu tố của những cái kia... Đó là đứng trên phương diện sự tướng mà giải thích. Còn đứng về mặt lý tánh thì vạn vật có hình tướng nhỏ như mây lông hạt cải, lớn như mặt trời, mặt trăng hay quả địa cầu đều do duyên hợp không có thực thể cố định, gọi là tánh không" (hết phần trích dẫn).

Như vậy, vạn vật đồng nhất thể. Đã cùng một thể tánh chơn không thì mọi vật không có gì là ngăn ngại nhau cả. Nên trong một lỗ chân lông hay trên đầu hạt cải đều chứa tất cả thế giới. Đây là Lý Sự vô ngại vậy. Giống như bao nhiêu cảnh vật đều chiếu trên màn ảnh ti vi, thì những cảnh vật đó đâu có ngăn ngại gì nhau. Vì sao? Vì tất cả chỉ là cái bóng mà thôi.

*Nơi nào chẳng có trời xanh
Tìm chi trong cõi mái tranh che đầu
Ngàn tia nắng dội đâu đâu
Muôn màu cảnh vật một màu nắng thôi
Đến đâu cũng thấy biển trời
Hơn nhau tranh chấp ngàn lời rỗng không
Sao bằng cuộc sống thông dong
Đi về một cõi "không trong không ngoài"
(Thích Phước Thái)*

Kinh văn:

Khi xưng niệm danh hiệu Phật, hành giả không để Tâm ruồi rong theo thanh trần, mà xoay cái nghe trở vào Chân Tánh, đó là danh hiệu Phật đang tuôn chảy liên miên bất tận thành một dòng Tâm, mà mỗi mỗi sát na đều hiển hiện Chân Như Tánh. Chính nó thật là Tánh Nghe của mình, chẳng còn hai tướng động và tịnh, toàn là thể vắng lặng, soi chiếu khắp mười phương.

Tiếp tục hành trì niệm Phật như thế, chẳng bao lâu thì Tánh Nghe cũng không còn. Khi ấy, Phật Trí tự nhiên tỏa rạng, danh hiệu Phật vẫn tương tục, không gián đoạn.

Đọc qua đoạn văn kinh này, chúng ta thấy Bồ Tát Quán Thế Âm dạy rất kỹ về cách niệm Phật để mau chứng được Niệm Phật Tam muội. Ngài bảo: *"khi xưng niệm danh hiệu Phật, hành giả không để tâm rong ruổi rong theo thanh trần, mà xoay cái nghe trở vào chân tánh, đó là danh hiệu Phật đang tuôn chảy liên miên bất tận thành một dòng tâm, mà mỗi mỗi sát na đều hiển hiện Chân như tánh"*. Thông thường khi niệm Phật phần nhiều chúng ta hay niệm Phật bằng cái miệng (khẩu niệm) nhiều hơn. Nghĩa là miệng thì niệm Phật còn tâm thì rong ruổi theo trần cảnh. Cứ suy nghĩ tính toán lung tung liên miên hết việc này đến việc nọ. Đó là cái tâm bịnh hầu hết của chúng ta. Cái tâm vọng tưởng thường duyên theo bóng dáng của sáu trần như nói ở trước. Vì vậy, khi niệm Phật chúng ta phải dùng tâm niệm chứ không nên chỉ có miệng

cho nó mọc rễ thì đại chúng lấy gì mà ăn. Thiên Sư nói: Ông cũng có miệng nữa sao! Đại ý câu chuyện là Thiên Sư muốn dạy chúng ta làm đâu bỏ đó. Vì sao? Bởi vì "vạn pháp giai không, duyên sinh như huyễn". Đã là huyễn hóa thì bảo thủ cố chấp làm gì cho mình thêm đau khổ.

7. Giác tri tất cả vọng nghiệp sai biệt của chúng sinh đều lưu xuất từ "Chân Như Thường". Đã là vọng nghiệp, tức những hành động giả dối không thật. Vì thế, nên các nghiệp sai khác nhau rất nhiều. Chính vì chỗ tạo vô số nghiệp nhân sai khác, nên nhận lấy nghiệp quả cũng có muôn ngàn sai khác. Tuy nhiên, tất cả những nghiệp nhân, nghiệp quả sai khác này, thảy đều xuất sinh từ thể tánh chân như thường trú. Thí như thiên hình vạn trạng ở thế gian này, không có một vật thể nào ngoài hư không mà có. Hay như các lượn sóng nhỏ to trên biển cả, không có lượn sóng nào ngoài biển cả mà có. Đức Lục Tổ Huệ Năng thốt ra năm cái Đâu Ngờ. Trong đó có cái đâu ngờ là: *"Đâu Ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp"*. Như vậy, thể tánh chơn như này bao trùm tất cả vạn vật, mà trong kinh thường nói là "Nhứt Chơn Pháp Giới".

8. Giác tri bản nguyện lực của chư Phật là thậm thâm vi diệu khó nghĩ bàn. Vị Phật nào cũng đều có bản nguyện riêng, cho nên ngoài Phật ra không ai có thể biết được bản nguyện thậm thâm vi diệu khó nghĩ bàn này. Nghĩa là chỉ có Phật cùng với Phật mới biết rõ việc đó mà thôi.

9. Giác tri năng lực hộ trì của chư Phật không bao giờ bỏ sót một chúng sinh nào cả. Nếu luận về phần sự

những tập khí phiền não là con đẻ của mẹ vô minh. Cho nên đoạn trừ cội gốc vô minh thì những tập khí phiền não sẽ không còn. Khi đã bứng gốc rồi thì bắt buộc ngọn phải ngã theo. Như vậy, ta thấy tất cả những pháp môn tu do Phật chế tác ra, với mục đích chính cũng nhằm đoạn trừ vô minh. Muốn đoạn trừ vô minh thì hành giả cần phải có trí tuệ bát nhã. Đây là thứ trí tuệ siêu việt trong tất cả các thứ trí tuệ. Do đó, người tu cần phải trang bị cho mình phải có đủ ba đức: "**Trí Đức, Đạo Đức và Ân Đức**". Có trí đức thì mới nhận rõ thấu suốt cội gốc vô minh phiền não. Khi biết rõ rồi thì cần phải có đoạn đức, tức đoạn trừ tất cả cội gốc vô minh phiền não. Khi đoạn trừ sạch hết vô minh phiền não rồi thì phải dùng Ân Đức để nhiếp hóa chúng sinh. Ân đức là đức bao dung tha thứ nhằm mang lại những điều lợi lạc cho chúng sinh.

6. Giác tri tất cả sở hành của chúng sinh đều như huyễn. Sở hành là những việc làm của tất cả chúng sinh. Đó là những việc làm mang lại lợi lạc cho mình và người. Như bố thí, cúng dường, ăn chay, trì giới, tụng kinh, lễ bái, niệm Phật v.v... tất cả những hạnh lành này, ta không nên cố chấp bảo thủ. Vì còn thủ chấp tất nhiên là còn phát sinh phiền não. Phải cố gắng tập tu hành vô hành hạnh. Nghĩa là làm tất cả mà không thấy mình làm. Trong nhà Thiền có kể câu chuyện trồng rau đừng cho mọc rễ. Một hôm, Thiền Sư Dược Sơn Duy Nghiễm, đi ngang qua khu vườn, trông thấy thầy tri viên đang cuốc đất trồng rau. Ngài dừng lại và nói: Ông trồng rau thì ta không ngăn cản ông, trồng thì trồng nhưng đừng cho nó mọc rễ. Thầy tri viên thật thà trả lời: Bạch Hòa thượng, nếu trồng không

niệm. Nếu chỉ có miệng niệm, còn tâm thì không có dính dáng gì đến danh hiệu Phật mà mình đang niệm. Niệm như thế thì sao gọi là niệm Phật được? Niệm Phật nói về "Sự" thì tâm và tiếng phải hiệp khấn nhau và phải niệm cho rành rẽ rõ ràng. Tâm không được nghĩ sẵn tính bậy. Lúc niệm Phật phải cần có chánh niệm và chánh quán. Chánh niệm là tâm mình chỉ nghĩ đến danh hiệu Phật thôi. Ngoài ra không nên suy nghĩ điều gì khác. Có người thì miệng niệm to tiếng, nhưng tâm thì nghĩ tưởng lăng xăng rong ruổi theo duyên trần. Nghĩa là họ không tập trung tâm ý vào danh hiệu Phật. Sự niệm mà còn chưa thực tập được, thì nói chi đến Lý niệm Phật. Niệm nghĩa là nhớ và biết. Phật là giác. Niệm Phật cũng chính là niệm giác, nghĩa là hằng nhớ tánh giác. Trong Khởi Tín Luận gọi là Niệm Chơn Như. Hằng niệm tánh giác như thế, thì vô minh phiền não không còn. Đến đây thì bật dứt tất cả. Năng niệm và sở niệm đều biến mất, gọi là năng sở câu vong. Được thế mới thực sự là hoàn toàn giải thoát.

Ta nên nhận định thật rõ về sự nghe và tánh nghe. Phàm nói nghe là nghe cái gì? Nó đòi hỏi phải có cái đối tượng. Nói theo thuật ngữ chuyên môn của Duy Biểu Học thì gọi là "kiến phần" và "tướng phần". Kiến phần là phần nhận biết. Tướng phần là phần bị nhận biết, tức đối tượng của kiến phần. Nói cách khác kiến phần là "năng" và tướng phần là "sở". Nên khi nói "Nghe" thì đòi hỏi phải có đối tượng để nghe. Đối tượng đó là thanh trần. Như vậy thanh trần là tiếng ở bên ngoài. Mà tiếng thì khi có, khi không. Còn tánh nghe thì hằng hữu, không lúc nào vắng mặt. Nghe là một hiện tượng còn tánh nghe mới là bản thể. Nói

"XOAY" cái nghe trở vào "CHÂN TÁNH". Chỗ này nếu không khéo thì chúng ta dễ nhận lầm. Nhận lầm từ ngữ XOAY. Nói xoay không phải như xoay đầu hay ngoái đầu lại. Ở trên, chúng tôi cũng có giải thích sơ qua về chữ Xoay này. Ở đây, chúng tôi xin nói thêm, nếu không thì cũng dễ nhận lầm.

Nói xoay có nghĩa là không để tâm dính mắc vào trần cảnh. Còn dính mắc vào trần cảnh thì làm sao có thể trở về với chân tánh được? Không đi là đứng mà đứng là dừng lại. Dừng lại là "Định". Định thì không loạn. Đó là nghĩa của chữ xoay. Khi vọng tưởng không có thì cái Chơn thật hiện bày. Thế nên, không cần phải đi tìm cái chân thật mà chỉ cần hết vọng thì chân hiện. Cho nên nói: ***"danh hiệu Phật chầy liền miên bất tận thành một dòng tâm, mà mỗi giây phút đều hiển hiện Chân như tánh"***. Lời dạy này, đối với những hành giả đã từng dụng công chí thành niệm Phật miên mật tương tục, nghĩa là tịnh niệm nói luôn, không giây phút nào rời danh hiệu Phật, thì có thể hiểu được. Điều này là một sự thật. Vì chúng ta chưa có dụng công thâm hậu đến mức thuần thực, không xen hở, cho nên chúng ta cảm thấy khó hiểu. Khi nào chúng ta dụng công niệm Phật đến chỗ bất niệm, tự niệm thì không có gì là khó hiểu cả. Đến đó là một chứng nghiệm thực tế rõ ràng. Nói về Lý tánh thì câu này ta có thể hiểu: Phật là Tâm mà Tâm cũng chính là Phật. Rời Phật thì không tâm, rời tâm thì không Phật. Cho nên Tâm Phật không hai, mà nếu nói một thì cũng không đúng. Khi ý niệm về "Tâm" và "Phật" không còn, bấy giờ chân tánh mới thực sự hiển hiện. Nói Tâm, Phật cũng đều là những

không. Gọi là "niệm niệm sinh diệt bất đình" (Quy Sơn Cảnh sách). Khi một niệm dấy khởi thì sanh ra muôn pháp. Vì sao? Vì một lượn sóng nổi lên thì có muôn ngàn lượn sóng khác đuổi theo (nhứt ba tài động vạn ba tùy). Do đó, nên nói tất cả pháp đều xuất phát từ một niệm là vậy. Vậy thì, niệm không thật, thử hỏi các pháp khởi ra từ niệm có thật không? Cái gốc không thật, thì cái ngọn làm gì có thật được? Vì ngọn có ra từ gốc. Hiểu thế, thì ta sẽ hiểu được lời dạy này.

4. Giác tri tất cả trạng nhiễm, tịnh của thế gian đều do thiện nghiệp và bất thiện nghiệp của chúng sinh hiện ra. Thiện nghiệp là nghiệp lành, bất thiện nghiệp là nghiệp ác. Nghiệp lành hoặc nghiệp ác đều do thói quen của những hành động tạo ra. Những nghiệp lành, dữ, này đều xuất phát từ ba nơi: **"Thân, Ngữ, Ý"**. Nghiệp ác thì gọi là nhiễm, nghiệp lành thì gọi là tịnh. Nhiễm hay tịnh đều do tâm ta tạo ra. Tuy nhiên, tập khí nhiễm bao giờ cũng nhiều hơn tập khí tịnh. Nhiễm và tịnh, hay thiện và ác đều là những hạt giống được huân tập lâu đời trong tâm thức ta. Người tu hành bước đầu thì phải loại trừ hạt giống nhiễm và giữ lại hạt giống tịnh. Nhưng khi tu đến trình độ cao hơn thì cả hai hạt giống nhiễm và tịnh này cũng đều phải loại trừ hết. Nếu không, thì vẫn còn dính mắc. Đã dính mắc thì không thể giải thoát được.

5. Giác tri tất cả phiền não, tập khí của chúng sinh đều do vô minh sinh khởi. Điều này, ở những đoạn trước chúng tôi cũng có trình bày qua. Người tu học Phật ai cũng biết vô minh là đầu mối của sự tạo nghiệp. Tất cả

nhìn vào các pháp hữu vi ở thế gian này, ta thấy không biết bao nhiêu là hình thể tướng trạng sai biệt. Đủ màu, đủ cỡ, đủ hình, đủ tướng... hiện đang phô bày trước mắt chúng ta. Tuy hiện bày vô lượng tướng, nhưng không tướng nào giống tướng nào. Ta tự hỏi: các hình tướng này từ đâu mà có? Câu trả lời là do nhân duyên cấu thành. Vậy thì tất cả nhân duyên có rời tự tánh không? Câu trả lời chắc chắn là không. Thấy được lý nhân duyên là thấy được thực tánh của vạn pháp. Như nhìn xuống biển ta thấy có nhiều lượn sóng nhỏ to khác nhau. Thế thì, những lượn sóng này có rời nước mà có không? Câu trả lời là không thể rời nước mà có sóng được. Cũng thế, tất cả thiên hình vạn trạng toàn thể vũ trụ đều không rời tự tánh mà có. Như tất cả các món đồ nữ trang được trưng bày trong các tiệm chuyên bán mỹ phẩm, mỗi loại mỗi món hình thức đều khác nhau, nhưng không có món nào rời chất vàng thiết mà có. Khi giác ngộ được tự tánh thì mọi hình tướng đều là không tướng. Bát Nhã gọi đó là "Thật Tướng" (tướng không) của các pháp. Biết được các tướng đều hư giả, thời niệm vọng chấp "Ngã Pháp" không còn. Vọng chấp không còn thì ngay đó là giải thoát.

3. Giác tri tất cả pháp đều phát xuất từ một niệm. Điều giác biết thứ ba là tất cả pháp đều phát xuất từ một niệm. Tại sao? Nếu ta đã hiểu được điều giác biết thứ nhất và thứ hai, thì điều giác biết thứ ba này cũng không khó. Ta quán sát tinh tế vào nội tâm, thời khi một niệm dậy khởi, ta liền nhận định niệm đó phát xuất từ tâm. Tâm đây là tâm thể, tức bản thể chơn như của muôn vật. Niệm khởi rõ ràng đó là niệm vọng. Vì niệm vọng cho nên chợt có, chợt

đanh từ giả lập mà thôi. Người học Phật cẩn thận đừng để bị mắc kẹt vào danh ngôn sắc tướng giả lập này.

Kinh văn:

Này Vi Đề Hy, trong pháp hội Thủ Lăng Nghiêm, tôi đã trình bày nhân địa tu hành Nhĩ Căn Viên Thông cho đại chúng. Nhưng thời mạt pháp các kinh điển dần dần ẩn mất, mà nên biết Kinh Thủ Lăng Nghiêm, sẽ bị diệt trước nhất, tiếp sau là Kinh Lăng Già, Kinh Kim Cương, Kinh Ma Ha Bát Nhã, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa... Nếu không nương nhờ pháp niệm Phật thì rất khó chứng đắc Nhĩ Căn Viên Thông. Bởi vì sao? Bởi vì Niệm Phật Tam Muội chính là món viên thông đệ nhất.

Đoạn này Bồ Tát Quán Thế Âm nhắc lại trong pháp hội Thủ Lăng Nghiêm, Ngài đã trình bày về nhân địa tu hành với pháp tu là "Nhĩ Căn Viên Thông" (đã có dẫn chứng ở đoạn trước). Ngài còn nói thêm rằng, trong thời mạt pháp các kinh điển dần dần bị tiêu diệt, mà Kinh Thủ Lăng Nghiêm thì bị diệt trước, kế đến là Kinh Lăng Già, Kinh Kim Cương, Kinh Ma Ha Bát Nhã, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa v.v... Khi mà các kinh Đại thừa lần hồi bị diệt dần đi, bây giờ chỉ còn có pháp môn niệm Phật mới cứu được chúng sinh thời mạt. Nếu như không nương vào pháp môn niệm Phật này thì rất khó chứng được "Nhĩ căn viên thông". Ngài còn minh định rằng, chỉ có pháp Niệm Phật Tam muội mới chính là "món viên thông đệ nhất". Khi đọc qua đoạn văn kinh này, ta cảm thấy thật là đáng lo sợ. Như vậy, mới thấy được pháp môn niệm Phật là tối tôn tối thắng vi diệu đệ nhất. Là một pháp môn dễ tu dễ chứng và

hợp thời cơ. Bởi vì các Kinh Đại thừa dần dần sẽ bị mất đi, vậy thì còn đâu để chúng ta y cứ vào đó mà nghiên tầm tu học hành trì. Đó là điều mà chúng ta cần phải để tâm ưu tư suy nghiệm, hầu kịp mau niệm Phật cầu vãng sinh Cực lạc. Nói vãng sinh Cực lạc có hai ý: Một là vãng sinh Cực lạc ở tương lai, nói rõ ra là sau khi bỏ báo thân này. Hai là vãng sinh ngay trong đời sống hiện tại. Vãng sinh có nghĩa là: vãng là qua, sinh là sinh ra. Như vượt qua nỗi khổ đau sinh ra niềm vui. Đó là nghĩa vãng sinh. Như vậy, muốn tương lai được vãng sinh, thì tại sao ta không vãng sinh ngay trong hiện tại? Vãng sinh hiện tại mới là thực tế. Còn vãng sinh trong tương lai chỉ là một ước nguyện. Nếu không xây dựng Tịnh Độ trong hiện tại, thì thật khó có được Tịnh Độ ở tương lai. Cho nên chất liệu trong hiện tại rất là quan trọng. Hành giả Tịnh Độ phải xây dựng cho mình có một cõi Tịnh Độ hiện tiền trước đã. Tịnh Độ là đây, đây là Tịnh Độ. Khi đã có Tịnh Độ hiện tại rồi, thì đi đâu, ở đâu, đến đâu... đều luôn có mặt Tịnh Độ với mình cả. Đây mới là một cõi Tịnh Độ cầm tay thực tế nhưt. Khi đã có Tịnh Độ hiện tại rồi, thì Tịnh Độ tương lai không mong muốn nó cũng vẫn xảy ra.

*Bước chân trên đất Tịnh
Sen nở khắp hằng sa
Đường về trong an lạc
Tịnh độ tại Ta bà*

*Vững thân trong chánh niệm
Thấy rõ đất tâm ta
Hoa Giác tươi xòe nở
Nước Tịnh mát chan hòa*

Bồ Tát Quán Thế Âm lại bảo bà Vi Đề Hy: "***Bất cứ chúng sinh nào khấn thiết chí thành xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật một cách không xao lãng thì chứng đắc những pháp giác tri siêu việt, tối thắng***". Trong lời dạy này chúng ta nên chú ý cụm từ bốn chữ: "khấn thiết chí thành". Đây là bốn chữ rất quan trọng cho hành giả trong lúc niệm Phật. Niệm Phật là phải niệm bằng tất cả tâm chí thành chí thiết của mình, chớ không phải niệm qua loa lấy lệ được. Ngài nói rằng nếu hành giả nào chí thành niệm Phật không xao lãng thì sẽ chứng đắc những pháp giác tri siêu việt, tối thắng. Gồm có 9 điều giác tri siêu việt tối thắng như sau:

1. Giác tri tất cả pháp đều cùng một thể tánh, như lưu ly sáng sạch và thanh tịnh như hư không. Điều thứ nhất là giác ngộ suốt biết thể tánh của các pháp thanh tịnh như hư không. Tại sao nói thanh tịnh như hư không? Vì thực tánh của các pháp là không tánh. Vì không tánh cho nên các pháp không có tánh cố định. Vì không có tánh cố định nên các pháp là vô ngã, vô thường. Vì các pháp thực tánh là không cho nên nó vốn là thanh tịnh. Nếu các pháp là vật thể thì làm sao nói nó là thanh tịnh được. Chính vì tánh không cho nên mới ví nó như hư không. Nói thế e người ta khó hiểu cho nên mới nêu ra ví dụ bản chất nó sáng sạch như lưu ly. Ta nhớ lại, khi ngộ được tự tánh, đức Lục Tổ Huệ Năng liền thốt ra năm cái "Đâu Ngờ". Cái đầu ngờ đầu tiên Ngài nói: "Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh". Người tu hành cần phải biết rõ tự tánh của mình.

2. Giác tri tất cả pháp hiện bày vô lượng tướng. Điều giác biết thứ hai là các pháp hiện bày vô lượng tướng. Cứ

hay bị lầm lẫn Bồ tát giả này lắm. Cho nên, người Phật tử phải sử dụng trí tuệ để phán xét phân biệt rõ ràng đâu là việc làm của Bồ tát thật và đâu là việc làm của Bồ tát giả. Đòi bây giờ người ta giả Bồ tát nhiều lắm. Nếu không cẩn thận thì coi chừng bị móc sạch túi tiền mà không hề hay biết!

Kinh văn:

VI. Nay Vi Đề Hy, bất cứ chúng sinh nào khẩn thiết, chí thành xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, không xao lãng, thì chúng đấng những pháp giác trí siêu việt, tối thắng. Như là:

- 1. Giác tri tất cả pháp đều cùng một thể tánh, như lưu ly sáng sạch và thanh tịnh như hư không.**
- 2. Giác tri tất cả pháp luôn hiện bày vô lượng tướng.**
- 3. Giác tri tất cả pháp đều xuất phát từ một niệm.**
- 4. Giác tri tất cả cảnh trạng nhiễm, tịnh của thế gian đều do thiện nghiệp và bất thiện nghiệp của chúng sinh hiện ra.**
- 5. Giác tri tất cả phiền não, tập khí của chúng sinh đều do vô minh sinh khởi.**
- 6. Giác tri tất cả sở hành của chúng sinh đều như huyễn.**
- 7. Giác tri tất cả vọng nghiệp sai biệt của chúng sinh đều lưu xuất từ chân như thường giác tri bản nguyện lực của chư Phật là thậm thâm vi diệu khó nghĩ bàn.**
- 8. Giác tri năng lực hộ trì của chư Phật không bao giờ bỏ sót một chúng sinh nào cả.**
- 9. Giác tri tất cả Phật độ đều bình đẳng, vô ngại.**

*Về lại trong vòng tay
Yêu thương người âm áp
Xoa dịu nỗi đau buồn
Trong ánh mắt ban mai*
(Thích Phước Thái)

Kinh văn:

Này Vi Đề Hy, tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, vì lẫn lộn trong đêm tối vô minh, nhận giặc làm cha, lấy vọng kiến làm chỗ nương về, lấy tà kiến làm bạn lũ, lấy biên kiến làm lương đực. Nhận ngã chấp, ngã kiến làm Tâm. Rời xa Tri Kiến Giải Thoát Vô Thượng. Do đó, khởi tâm phân biệt, thấy đúng sai, tà chính, thiện ác, chân ngụy... Nếu lọc sạch ngã kiến, ngã chấp thì thân tâm sẽ quang minh, thường tại, chiếu suốt mười phương pháp giới. Tức đồng đẳng với Tri Kiến Giác Ngộ của chư Như Lai.

Đoạn văn kinh này rất quan trọng, chúng ta cần phải đọc kỹ và nghiền ngẫm cho thật thấu đáo. Lời dạy này của Bồ tát Quán Thế Âm được xem như là một bức thông điệp cảnh báo gửi đến cho tất cả chúng sinh. Ngài nói rằng: "**Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, vì lẫn lộn trong đêm tối vô minh, nhận giặc làm cha, lấy vọng kiến làm chỗ nương về, lấy tà kiến làm bạn lũ, lấy biên kiến làm lương đực**". Chính vì trải qua nhiều đời nhiều kiếp lẫn lộn trong đêm tối dày đặc của vô minh nên chúng ta thọ không biết bao nhiêu điều đau khổ. Nỗi khổ của chúng sinh nói chung, loài người của chúng ta nói riêng, thật không có bút mực nào mà có thể diễn tả hết được. Ngẫm

kỹ cái nguyên nhân gây ra bao nhiêu sự khổ đau cũng đều do vô minh cả. Vậy vô minh là gì? Thường người ta hiểu nghĩa vô minh đơn thuần là không sáng. Nhưng trong Kinh Viên Giác thì Đức Phật đã giải thích nghĩa vô minh tận tường. Chúng tôi xin trích dẫn một đoạn nói về vô minh. **"Thế nào là vô minh? Nay thiện nam! Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, bị các thứ điên đảo (làm mờ tánh viên giác), như người mê làm lộn bốn phương, vọng nhận tướng tứ đại làm thân mình, chấp cái duyên theo bóng dáng sáu trần làm tâm mình. Ví như (người) nhắm mắt thấy hoa đốm trong hư không và mặt trăng thứ hai.**

Nay thiện nam, hư không thật không có hoa đốm, vì người bệnh vọng chấp, do vọng chấp chẳng những làm tự tánh của hư không mà cũng làm luôn chỗ sinh ra hoa đốm là thật. Do vọng chấp này mà có luân chuyển sanh tử nên gọi là vô minh".

Qua đoạn văn kinh dẫn chứng này, chúng ta thấy Phật chỉ rõ về tính chất của vô minh. Nói gọn cho dễ hiểu là vì vô minh mà chúng sinh vọng nhận thân tâm là thật, mà không biết rằng thân tâm và cảnh vật, tất cả đều do duyên sinh, nên chúng sinh lầm nhận cho mọi thứ đều là thật. Phật nêu ra những hình ảnh thí dụ như người mê làm đường và kẻ nhắm mắt thấy hoa đốm trong hư không. Cái lỗi là ở nơi người mê và kẻ nhắm mắt. Người không mê và không nhắm mắt thì thấy mọi thứ đều trong sáng như thật. Hoa đốm làm gì có thật. Nhưng vì bị con mắt nhắm nên mới thấy có hoa đốm. Từ chỗ mê lầm nên mới sinh ra

thân huệ mạng của chúng ta ngày càng phát huy mạnh mẽ nữa. Được vậy, thì mới đúng với ý nghĩa cúng dường.

10. Thực hành Bồ tát hạnh, mà tâm không mỗi nhọc nhàm chán. Bồ tát hạnh là thật hành những việc làm nhằm mang lại lợi lạc cho cho tất cả chúng sinh. Bồ tát lấy việc lợi tha làm chính nghĩa. Dĩ nhiên, trong khi lợi tha thì trong đó cũng có lợi mình. Như ta giúp cho người nào đó giảm bớt khổ đau, họ cảm thấy an vui hạnh phúc, thế là ta cũng có niềm an vui hạnh phúc với họ rồi. Khi thật hành hạnh Bồ tát, thì hoàn toàn ta không nên có ý đồ vụ lợi. Làm mà có ý đồ vụ lợi cho riêng mình thì việc làm đó không phải là hạnh của Bồ tát. Như trường hợp ta kêu gọi mọi người đóng góp tiền từ thiện để cứu trợ cho nạn nhân thiên tai nào đó, như trường hợp thiên tai bão lụt ở miền Trung năm rồi chẳng hạn, nhưng khi mọi người tin tưởng mình rồi họ cùng nhau góp tiền cho mình, trong khi đó mình không làm hết bổn phận của người từ thiện, đã vậy, mà còn ăn chặn xén bớt số tiền người ta gởi vào. Có người thì lại giam số tiền đó không thực thi đúng lúc trong khi người ta kêu gào đói khát khổ sở. Họ lại còn bỏ túi riêng. Như thế thì đâu phải là việc làm đúng nghĩa từ thiện và lại càng không phải là hạnh của Bồ tát làm. Bồ tát thì hoàn toàn vì người không vì mình. Thậm chí Bồ tát còn có thể thay cái chết, cái khổ của chúng sinh. Bồ tát vẫn không hề hối tiếc việc hy sinh cứu người giúp đời trong cơn hoạn nạn thập tử nhất sinh. Cho nên, chúng ta cần phải phân biệt rõ ràng về Bồ tát hạnh. Bên ngoài thì làm ra vẻ như là Bồ tát sống, nhưng bên trong thì một đồng dao găm, chuyên hút máu người dân lương thiện. Người ta

Bảo Sở đối với họ còn quá xa xôi. Nhưng khi Phật tạm bày ra cái Hóa Thành, thì mọi người tưởng lầm là đã đến nơi rồi nên họ không muốn tiếp tục đi nữa. Đó là tâm trạng của hàng Thanh Văn, họ chỉ muốn an trú Niết bàn tạm thời mà họ đã chứng đắc. Đó là những hàng thuộc Định tánh Thanh Văn. Còn những hàng Huệ tánh Thanh Văn thì họ tiếp tục quyết chí đi cho đến đích, tức phải đến quả vị Phật mới thôi.

9. Cúng dường tất cả thiện tri thức như cúng dường chư Phật, mà tâm không mỗi nhọc nhàm chán. Lâu nay, chúng ta hay hiểu sai hai chữ cúng dường. Cúng dường là đọc trại âm của hai chữ cung dưỡng. Cung có nghĩa là cung cấp. Dưỡng là nuôi nấng. Cung dưỡng có nghĩa là cung cấp và nuôi nấng. Thời Phật, Phật và hàng Thánh chúng đều đi khát thực, nên các Phật tử họ dâng cúng thức ăn không phân biệt chay hay mặn. Có thức ăn gì thì họ cúng nấy. Đó là họ cung cấp thực phẩm cho Phật và chúng tăng tạm sống qua ngày. Chữ cung dưỡng hay khát sĩ có hai nghĩa: một, là xin thức ăn của đàn na thí chủ để nuôi xác thân tứ đại. Hai, là nuôi lớn pháp thân huệ mạng. Đó mới thật đúng nghĩa của sự cúng dường. Từ đó, hai chữ cúng dường được phổ cập rộng rãi trong quần chúng Phật tử. Thực ra nguyên là chữ cung dưỡng. Thế nên, người Phật tử cúng dường cho các bậc thiện tri thức như cúng dường chư Phật, Bồ tát, chúng Tăng để các Ngài có đủ phương tiện nuôi sống về thể chất và tinh thần. Cúng dường không phải chỉ cầu phước báo như thiên không thôi, mà chúng ta cần phải hiểu là còn phải nuôi lớn pháp

chấp ngã chấp pháp. Phật nói tất cả mọi vọng chấp gốc từ vô minh mà ra. Khi vô minh không còn thì mọi vọng chấp cũng không có. Như mắt hết nhặm thì không còn thấy có hoa đốm trong hư không hay mặt trăng thứ hai nữa.

Ở đây nói "nhận giặc làm cha", còn trong Kinh Lăng Nghiêm thì nói "nhận giặc làm con". Cha hay con gì cũng thế. Cái giả mà mình chấp cho là thật, cũng như biết đó là giặc mà mình vọng nhận làm cha, làm con. Nếu không phải vô minh che mờ trí giác thì làm gì có sự nhận định sai lầm như thế? Từ thân tâm cho đến mọi cảnh vật, nói chung là các pháp hữu vi, đều là hư huyền khác nào như hoa đốm trong hư không, thế mà vì vô minh nên chúng ta mới thấy tất cả là thật. Do thấy thật nên mới tạo nghiệp bất thiện để rồi phải chịu khổ nổi trôi trong vòng sinh tử khổ đau triền miên.

Đã là vọng kiến, tức là những nhận thức sai lầm, không xứng hợp với chân lý. Ấy thế mà, cũng chỉ vì vô minh vọng chấp mà chúng ta lầm lẫn lấy vọng kiến, vọng giác làm chỗ nương về. Đó là một sự nhận thức sai lầm rất lớn! Nói chung là mọi thứ kiến chấp như vọng kiến, tà kiến v.v... đều bắt nguồn từ gốc vô minh, cho nên tất cả đều phải tránh xa. Phải dùng ngọn đuốc trí huệ để chiếu phá vọng chấp vô minh. Khi vô minh không còn thì tánh giác (Phật tri kiến) hiện bày vậy.

Kinh văn:

Nếu muốn gạt lọc ngã kiến, ngã chấp, thì không chi hơn là phát huy năng lực vô biên của danh hiệu Phật.

Thật vậy, nhờ chuyên tâm xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, mà hành giả tuần tự chuyển Thức thành Trí. Ngã chấp tự nhiên rơi rụng, ngã kiến tự nhiên tan mất như bong bóng nước dưới ánh mặt trời. Lúc bấy giờ, tuy không lìa cung Đâu Suất mà vẫn phân thân khắp vì trần quốc độ để chuyển pháp luân vô thượng, và khai thị tuệ giác cho vô lượng chúng sinh, giúp hết thấy tứ sinh, cửu hữu cùng ngộ nhập Phật Tri Kiến.

Đọc qua đoạn văn kinh này, chúng tôi cảm thấy thật vô cùng phấn khởi. Bạn sẽ hỏi: Vì sao mà tôi phấn khởi? Thưa bạn, bởi vì Bồ tát Quán Thế Âm nói rất rõ: "*Nếu muốn gạt lọc ngã kiến, ngã chấp thì không chi hơn là phát huy năng lực vô biên của danh hiệu Phật*". Nói thế, Bồ tát sợ chúng ta chưa hiểu rõ, nên Ngài mới giải thích thêm rằng: "*Thật vậy, nhờ chuyên tâm xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, mà hành giả tuần tự chuyển Thức thành Trí*".

Ngã kiến có nghĩa là một nhận định sai lầm về sắc thân tứ đại. Hầu hết chúng ta ai cũng cho cái sắc thân tứ đại này là thật ngã. Chữ ngã là một tổng thể bao gồm cả thân lẫn tâm. Nói cách khác là hợp thể giữa vật chất và tinh thần. Thuật ngữ chuyên môn trong nhà Phật gọi là ngũ uẩn hay ngũ ấm. Nói ngũ uẩn hay ngũ ấm là kết hợp bởi 5 thứ: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc thuộc về vật chất (tứ đại) còn lại 4 thứ kia thuộc về tinh thần (vọng tâm). Do sắc và tâm hay vật thể và phi vật thể, đủ duyên hợp lại tạm gọi là thân tâm. Nhưng khi vận dụng trí huệ bát nhã soi sáng phân tích kỹ càng, thì rõ ràng cái gọi là thân tâm hay ngũ

trở ngại khó khăn (nếu có) và kiên quyết vượt qua mọi thử thách, tuyệt đối không được bỏ cuộc nửa chừng.

7. Đối trước những chướng duyên hiểm nạn, mà tâm không mỗi nhọc nhàm chán. Trên bước đường tu tập, ít nhiều gì không ai lại không gặp những chướng duyên hiểm nạn. Tùy theo nghiệp báo của mỗi người mà bị chướng duyên gây nên tai họa hiểm nạn khảo đảo nhiều ít mà thôi. Nếu như gặp những chướng duyên thử thách thì mình phải cố gắng tìm mọi cách thế khôn khéo lèo lách để vượt qua. Gặp những trường hợp xảy ra như thế, thời ta nên bình tĩnh tìm nơi yên tĩnh để thực tập chánh niệm theo dõi hơi thở ra vào. Chỉ cần vài phút đồng hồ là tâm mình sẽ an bình trở lại. Chừng đó mới có đủ nghị lực sáng suốt để tìm cách khắc phục vượt qua một cách nhẹ nhàng. Thế thì chánh niệm hơi thở là lá bùa hộ mạng giúp chúng ta vượt qua những biến cố khó khăn.

8. Nhìn Phật đạo dài xa, trắc trở, mà tâm không mỗi nhọc nhàm chán. Đây là tâm lý của những con người có tinh thần yếu đuối bạc nhược. Có người tu hành thấy con đường từ phàm phu đến quả vị Phật, ôi thôi! sao mà nó dài lê thê xa xôi diệu vợi lắm thế! Phải trải qua ba A tăng kỳ kiếp và bao nhiêu ngôi vị, mới có thể thành Phật. Nghĩ đến đó họ đâm ra ngao ngán chán nản thối chí. Chưa nói đến biết bao nhiêu trắc trở bị quỷ ma phá phách. Thôi thì cứ niệm Phật lai rai chờ ngày Phật rước. Chính vì hiểu được cái tâm lý nhu nhược của người tu, nên trong Kinh Pháp Hoa Phật mới dẫn dụ tạm nêu ra cái "Hóa Thành" để cho mọi người dừng bước tạm nghỉ. Vì con đường đến

theo tà kiến mê tín dị đoan. Do đó, càng lúc càng chìm sâu vào trong vòng vô minh vọng chấp. Thế nên, việc hóa độ chúng sinh cũng không phải dễ dàng. Tuy nhiên, người có trọng trách giáo hóa chúng sinh, thì phải trang bị cho mình có đầy đủ trí tuệ và từ bi. Đồng thời cũng phải kiên tâm bền chí nhẫn nại. Có khó khăn mới đánh giá được tấm lòng trung kiên nhẫn nhục. Chúng sinh còn đau khổ thì trách nhiệm của người hoằng pháp lợi sinh vẫn phải còn có trách nhiệm tiếp tục dài dài. Quyết không thối chí nản lòng để hoàn thành sứ mệnh tác "Nhu Lai sứ, hành Như Lai sự" vậy.

6. Giáo hóa và điều phục tất cả chúng sinh vào pháp môn niệm Phật, mà tâm không mỗi nhọc nhàm chán.

Vai trò của người hoằng pháp, nhất là hoằng dương giáo pháp Tịnh Độ, nói cụ thể hơn là pháp môn niệm Phật, thời dù có khó khăn đến đâu ta cũng phải kiên nhẫn khắc phục vượt qua. Đừng vì thấy khó khăn mà vội thối chí nản lòng. Thời nào cũng vậy, hễ có chánh tất nhiên phải có tà. Đó là theo luật tắc chân lý tương đối. Chánh giáo hóa tà giáo là chuyện đương nhiên. Tà không bao giờ thắng chánh. Nhưng muốn khắc phục thắng tà thì cũng phải trải qua nhiều khó khăn nhiều khê gian lao thử thách. Ngày xưa, trên đường hoằng hóa Đức Phật cũng phải trải qua nhiều gian lao thử thách từ trong nội bộ tăng đoàn cũng như hàng ngoại đạo. Thời nào mà không có ma chướng khuấy nhiễu. Nếu không có ma thì làm sao có Phật? "Ma ma Phật Phật chính do ta, ma Phật khác nhau chỗ chánh tà". Thế thì muốn hướng dẫn người khác tu theo pháp môn niệm Phật, thì người hướng dẫn phải tự mình khắc phục

uẩn, quả thật là hư giả rỗng tuếch. Đã thế thì lấy cái gì mà làm tự ngã? Nhận thức như vậy thì gọi là chánh kiến. Ngược lại, thì gọi là tà kiến. Do tà kiến, biên kiến nên mới thấy cái ta hay tôi là thật hữu. Từ đó, mới sinh ra chấp ngã. Đặc tính cố hữu của con người là thường hay bám víu và dính mắc. Nhưng bám víu dính mắc những cái ảo tưởng, ảo giác không thật. Khi đã nhận lầm cái giả mà cho là thật rồi, từ đó mới sinh ra không biết bao nhiêu những thứ vọng chấp sai lầm khác. Nếu muốn phá trừ hai thứ vọng chấp "ngã và pháp" này, thì theo Bồ Tát Quán Thế Âm, không chi hơn là phải phát huy năng lực vô biên của danh hiệu Phật. Nhưng phát huy bằng cách nào? Ngài nói: phát huy bằng cách là phải chuyên tâm xưng niệm **Nam Mô A Di Đà Phật**. Chỉ có vậy thôi sao? Xin thưa, chúng ta nên nhớ rằng quyền kinh mà chúng ta đang chú tâm tìm hiểu học hỏi ở đây, là "**Kinh Niệm Phật Ba La Mật**". Nghĩa là phải niệm Phật đến chỗ rốt ráo trọn vẹn. Tức niệm Phật cốt để thành Phật. Chỉ cần chuyên tâm một bề xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, mà tuyệt nhiên không dấy niệm nghĩ tưởng đến bất cứ thứ gì, thì đó là ta khéo phát huy năng lực vô biên của danh hiệu Phật rồi. Nói cách khác là ta đang nỗ lực phát huy thể tánh thanh tịnh sáng suốt trong tâm thức của mỗi chúng ta.

Nếu xét về Lý thì tất cả không gì ngoài tự tánh Di Đà. Mà tự tánh Di Đà cũng chính là tự tánh của ta. Mà muốn phát huy đến chỗ cùng tột như thế, thì việc đầu tiên là hành giả Tịnh Độ phải chuyên tâm xưng niệm **Nam Mô A Di Đà Phật**. Nhờ chuyên tâm một lòng niệm Phật như thế mà chuyển Thức thành Trí. Thức là chỉ chung cho bát thức

tâm vương (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, mạt na, a lại da), và các món tâm sở. Trí là chỉ cho trí huệ bát nhã. Hành giả nào chỉ một bề chuyên tâm niệm Phật thì lúc đó ngoài danh hiệu Phật ra không nghĩ tưởng gì khác. Hoàn toàn chỉ có một tâm thể thanh tịnh sáng suốt hiện tiền. Như vậy, không phải chuyển thức thành trí đó sao? Bởi lúc đó đâu có phân biệt suy nghĩ điều gì. Thế là, thức không có cơ hội hoạt động. Chỉ có trí huệ sáng suốt nhận rõ từng niệm danh hiệu Phật. Niệm cho đến khi nào năng (subject) và sở (object) không còn, thì hành giả đạt được nhất tâm bất loạn rồi. Khi ấy chỉ có một tâm thể thanh tịnh rỗng rang sáng suốt hiện tiền mà thôi. Đó không phải là trí huệ bát nhã hay sao? Như vậy là đã chuyển thức thành trí rồi. Nghĩa là tánh giác hiện bày. Đến đây thì ngã chấp không còn, mọi thứ như ảnh tượng đều tan biến hết. "*Chúng thực tướng vô nhơn pháp, sát na diệt khước A tỳ nghiệp*" (Chúng Đạo Ca). Lúc bấy giờ mặc tình sử dụng trí huệ phương tiện (hậu đắc trí) phân thân chuyển pháp luân độ khắp chúng sinh. Với mục đích là để cho chúng sinh khai thông tuệ giác và hết thảy đều thể nhập vào "Phật tri kiến" vậy.

Kinh văn:

Khi xưng niệm danh hiệu Phật, hành giả không để Thức nương theo nhân duyên mà dấy động, nên chẳng thành tựu pháp y tha khởi. Vì không có sự tham dự của ngã và ngã sở nên biến kế sở chấp cũng chẳng tồn tại. Chỉ có danh hiệu Phật vẫn tuôn chảy liên miên bất tận thành một dòng tâm, mà mỗi mỗi sát na đều biểu hiện Vô Thượng Diệu Viên Thức Tâm Tam Muội, tức là Chân Duy Thức Tánh.

cũng chỉ dậm chân tại chỗ mà thôi. Cho nên học và hành cần phải được bổ sung cho nhau. Vì học mà không tu là đãi sách. Còn tu mà không học là tu mù. Cho nên người Phật tử học và hành phải đi đôi với nhau, gọi là tri hành hợp nhất vậy,

4. "*Quán sát tư duy tất cả Phật pháp, mà tâm không mỗi nhọc nhàm chán*". Cụm từ quán sát tư duy thật tối thiết yếu cho người tu học Phật pháp. Tu học mà thiếu tư duy thiền quán, thì không thể nào đi sâu vào Phật pháp được. "**Văn, Tư, Tu**" đây là ba môn học trau dồi trí huệ rất cần thiết. Cả ba đều phải được xây dựng trên cơ sở trí tuệ và hỗ trợ cho nhau. Thiếu một thì không được. Như cái ghế ba chân không thể thiếu một được. Muốn ghế đứng vững thì cần phải có đủ cả ba chân. Đọc một câu kinh hay một đề tài nào đó, ta cần phải tư duy quán chiếu. Tư duy quán chiếu cũng là một cách thiền định. Tư duy thiền quán không chưa đủ mà cần phải thật hành. Thật hành đúng theo chân lý thì mới đem lại lợi lạc thiết thực cho đời sống tu tập của chúng ta.

5. *Thấy rõ chúng sinh ngộ nghịch càng cường, mà tâm không mỗi nhọc nhàm chán.* Thời của chúng ta đang sống hiện nay gọi là thời pháp nhược ma cường. Thế lực của ma vương rất lớn mạnh. Nghiệp lực của chúng sinh rất sâu dày. Căn lành thì kém cỏi, phước báo thì không nhiều. Nghiệp ác lầy lùm, tánh tình hung dữ. Cứng đầu cứng cổ, ngộ nghịch càng cường, thật là khó độ. Căn duyên Phật pháp không phải dễ tìm. Người có lòng tin Tam bảo, nhân quả cũng rất hiếm hoi. Phần nhiều là chạy

thuyết pháp rồi tự hào mình đã hiểu Phật pháp, không cần phải nghe thêm nữa, sanh tâm ngã mạn công cao cho mình hơn người không cần cầu học hỏi với ai. Những hạng người này thật là đáng tội nghiệp thương xót biết bao!

2. "Nhận lãnh, gìn giữ và thật hành tất cả Phật pháp mà tâm không biết mỗi nhọc nhàm chán". Phật pháp là pháp giác ngộ cho tất cả chúng sinh. Phật pháp được trường cửu ở thế gian là nhờ vào sự thọ trì và truyền bá sâu rộng của các bậc Tăng già và cư sĩ thực tu, thực học và thực chứng. Có thể thì việc "truyền đăng tục diệm" mãi mãi là ngọn đuốc soi sáng thế gian. Nếu không, thì Phật pháp sẽ bị lu mờ và chìm sâu trong bóng tối của vô minh. Vì thế, nên việc duy trì phát huy phổ biến rộng rãi Phật pháp phổ cập sâu rộng trong quần chúng là nhiệm vụ chung của người Phật tử vậy.

3. "Nghe học Chánh pháp Như Lai, mà tâm không mỗi nhọc nhàm chán". Muốn truyền bá Chính pháp sâu rộng, thì công việc trước tiên của người Phật tử là phải cố gắng nghe và học Chánh pháp thường xuyên. Phật pháp có cả một kho tàng kinh điển, dù bỏ ra cả đời để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi cũng chẳng thấm vào đâu. Tuy nhiên, kiến thức Phật pháp tuy rất cần thiết, nhưng nếu chỉ có lý thuyết không thôi, thì cũng chưa đủ đáp ứng thiết thực của nhu cầu tu tập. Trong đạo Phật học và hành phải đi đôi với nhau. Học là để bổ túc cho hành. Và hành mới là điều quan trọng. Có mắt sáng nhìn thấy rất xa mà không có đôi chân vững mạnh thì cũng chẳng đi đến đâu. Ngược lại, dù có đôi chân mạnh mẽ đến đâu, mà đôi mắt không thấy thì

Đoạn văn kinh này rất khó hiểu đối với những hành giả nào chưa học hoặc nghe qua về Duy Thức. Bồ tát Quán Thế Âm trình bày cho chúng ta biết khi niệm danh hiệu Phật, nó có liên hệ đến Thức và "Tam tự tánh" (biến kế, y tha và viên thành thật). Ba tánh này chúng ta sẽ tìm hiểu sau. Trước tiên Ngài nói: **"Khi xưng niệm danh hiệu Phật, hành giả không để Thức nương theo nhân duyên mà dấy động"**. Chữ "Thức" được dịch giả viết hoa (trong chánh văn) nhằm thức nhắc chúng ta phải nên chú ý nhiều về chữ "Thức" này. Duy Biểu Học cho chúng ta biết, khi một thức hoạt động đều có mặt 7 thức kia tham dự. Thậm chí có những tâm sở cũng dính dự vào. Như mắt thấy đóa hoa hồng, không phải chỉ riêng nhãn thức thấy không, mà còn có mặt của những thức khác tham dự tích cực nữa. Nếu chỉ đơn thuần chỉ có mắt thấy, thì sự phân biệt đóa hoa hồng chưa đủ ý nghĩa và làm nổi bật. Tất nhiên, phải có ý thức hợp tác chặt chẽ để phân biệt nhận diện đóa hoa hồng đậm nét hơn. Rồi đến mặt na, A lại da và kể cả các tâm sở biến hành, và các tâm hành tiêu cực khác cũng đều có mặt. Như tâm sở tham chẳng hạn... Vấn đề này nếu phải phân tích thì rất là dài dòng, ở đây, chúng tôi chỉ nói lướt qua đôi nét thôi. Vì đây không phải là đề tài nằm trong phạm vi nghiên cứu về Duy Thức Học.

Trở lại vấn đề trên, Bồ tát Quán Thế Âm nói rằng, khi chúng ta xưng niệm danh hiệu Phật, thì phải hết sức cẩn thận đừng để cho Thức (8 thức) thứ sáu là ý thức duyên theo trần cảnh mà dấy động. Trong 8 thức tâm vương, thì thức thứ sáu là lợi nhất. Nó phan duyên rất nhanh theo trần cảnh để phân biệt. Do đó, cho nên khi chúng ta

niệm Phật thì chính thức thứ sáu này (ý thức) nó luôn khuấy động làm cho tâm ta bất an. Nên nói niệm Phật là để định tâm, tức định chú ý thức này. Nó nhanh nhẹn nhạy bén còn hơn con khỉ con vượn. Nó là thứ tâm viên ý mã, tức vượn lòng ngựa ý. Cho nên muốn tâm yên, thì phải hết lòng chú tâm vào danh hiệu Phật. Có thể thì chú ý thức mới không chuyên nhảy lung tung. Đó là cách làm cho chú không còn có cơ hội hoạt động mạnh mẽ nữa. Khi chú chịu nằm yên (định) rồi thì tâm ta mới thực sự an lạc.

Trong ba tánh nói trên, biến kế nói đủ là biến kế sở chấp (Parikalpita svabhāva, the nature of imaginery construction and discrimination). Biến kế có nghĩa là so sánh đo lường. Biến là phổ biến - biến khắp, kế là so đo phân biệt (Vikalpa). Phân biệt thì có năng phân biệt và sở phân biệt. Năng là kiến phần hay chủ thể, còn sở là tướng phần hay đối tượng. Nghĩa là chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức. Ví như lúc chúng ta niệm Phật, niệm Phật là năng niệm, danh hiệu Phật là sở niệm. Thế giới của biến kế sở chấp là một thế giới mang lại nhiều nỗi khổ đau. Đây là thứ nhận thức sai lầm trong một thế giới ảo vọng. Sự nhận thức của biến kế hoàn toàn đảo ngược với chân lý. Chính vì nhận thức ảo tưởng sai lầm này mà gây ra bao nỗi thống khổ tang thương hệ lụy cho mình và người. Rộng ra là cho khắp cả nhân quần xã hội.

Nhận thức thứ hai là y tha khởi tánh. Nhận thức này được biểu hiện dựa trên lý nhân duyên mà sinh khởi. Tuy đây chưa phải là một nhận thức trọn vẹn, nhưng đã tiến bộ hơn lỗi nhận thức của biến kế. Nhận thức duyên khởi thấy rõ

7. Đối trước những chướng duyên hiểm nạn, mà tâm không mỗi nhọc nhàm chán.

8. Nhìn Phật đạo dài xa, trắc trở, mà tâm không mỗi nhọc nhàm chán.

9. Cúng dường tất cả thiện tri thức như cúng dường chư Phật, mà tâm không mỗi nhọc nhàm chán.

10. Thực hành Bồ tát hạnh, mà tâm không mỗi nhọc nhàm chán.

Bồ Tát Quán Thế Âm bảo cho bà Vi Đề Hy biết rằng: Bất cứ chúng sinh nào ngày đêm chuyên trì danh hiệu Phật liên tục không ngừng, không biết nhọc mệt, không nhàm chán, dù cho thân thể có đau nhức cũng phải kiên trì mạnh mẽ mà niệm Phật, như mũi tên khi bắn ra bay thẳng đến đích, người ấy sẽ thành tựu pháp tinh tấn. Nghĩa là không mỗi nhọc, nhàm chán. Ngài nêu ra 10 điều tinh tấn không nhàm mỗi. Chúng tôi xin trình bày một cách tóm tắt qua 10 điều như sau:

1. "Tìm cầu gần gũi các thiện tri thức để cầu học hỏi Phật pháp, mà tâm không được tự mãn nhàm chán".

Đối với người dốc tâm dốc chí tìm cầu học hỏi Phật pháp, thì lời dạy này rất là quan trọng. Thiện Tài Đồng Tử trong Kinh Hoa Nghiêm lặn lội tìm cầu trải qua 52 vị Thiện Tri Thức để cầu học không biết mệt mỗi nhàm chán. Bể Phật pháp mênh mông học không bao giờ cùng, xin chớ tự mãn mà thiệt thòi cho mình. Có người học được một vài quyển kinh rồi tự mãn cho là bao nhiêu đó cũng đủ không cần học nữa. Với người tự mãn như thế thì làm sao tiến bộ cho việc tìm cầu học hỏi được. Có người nghe một vài thời

nghiêm cõi Tịnh Độ. Muốn trang nghiêm cõi Tịnh Độ thì trước tiên mình hãy tự trang nghiêm cho chính mình. Trang nghiêm bằng cách nào? Bằng cách nghiêm trì giới cấm, gìn giữ không cho sai sót, thật hành tất cả hạnh lành, chuyên cần niệm Phật và nhiếp hóa chúng sinh... Muốn thế thì trước hết, mình hãy sử dụng thanh gươm trí tuệ chặt đứt mọi dây mơ rễ má phiền não. Nói theo lời Bồ Tát Quán Thế Âm dạy đây, là phải thường xuyên niệm Nam Mô A Di Đà Phật một cách thiết tha và hết lòng ngưỡng mộ.

Kinh văn:

V. Nay Vi Đề Hy, bất cứ chúng sinh nào kiên trì, dũng mãnh, xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, như mũi tên bắn thẳng tới đích nhắm, thì thành tựu những pháp tinh tấn, nghĩa là không mỗi nhọc, nhàm chán. Như là:

- 1. Thân cận tất cả thiện tri thức để cầu học, mà tâm không mỗi nhọc nhàm chán.**
- 2. Thọ trì tất cả Phật pháp, mà tâm không mỗi nhọc nhàm chán.**
- 3. Nghe học chính pháp Như Lai, mà tâm không mỗi nhọc nhàm chán.**
- 4. Quán sát tư duy tất cả Phật pháp, mà tâm không mỗi nhọc nhàm chán.**
- 5. Thấy rõ chúng sinh ngộ nghịch càng cường, mà tâm không mỗi nhọc nhàm chán.**
- 6. Giáo hóa và điều phục tất cả chúng sinh vào pháp môn niệm Phật, mà tâm không mỗi nhọc nhàm chán.**

các pháp là do nhân duyên sinh. Khi phân biệt một sự vật thì sự phân biệt đó cũng là do nhân duyên sinh khởi. Như lúc chúng ta niệm Phật một vọng tưởng dấy lên thì vọng tưởng đó cũng là do nhân duyên mà có. Nếu như thức không khởi phân biệt thì pháp y tha khởi chẳng thành tựu. Bởi y tha là các pháp phải nương nhau mà có. Như sợi dây lạt nằm ngoằn ngoèo ở giữa đường, trong lúc trời nhá nhem tối, người ta tưởng nhầm (biến kế) là con rắn. Nhưng đến khi thấp được sáng lên thì mới biết đó là sợi dây lạt. Thế là người đi đường không còn sợ hãi nữa. Sợi dây lạt là do nhân duyên kết hợp mà có. Vì nhận thức sai lầm của biến kế nên mới hốt hoảng sợ hãi. Đó là vì sợi dây lạt mà tưởng là con rắn. Các pháp hiện đời này tất cả đều do nhân duyên sinh. Đã là nhân duyên cho nên vì cái này có nên cái kia có, vì cái này không nên cái kia không. Khi không còn nương nhau thì lấy đâu mà sinh khởi. Cho nên trong lúc hành giả chí thành nhiếp tâm niệm Phật thì ngay lúc đó hành giả đâu còn nương pháp nào bên ngoài mà nghĩ tưởng lăng nhăng. Thế thì, pháp y tha cũng không thể thành tựu được. Một khi hai ý niệm về biến kế và y tha không còn, thì bấy giờ thể tánh viên thành thật mới thực sự hiện lộ. Vì viên thành là biểu hiện của chân lý bất nhị, vô phân biệt vậy.

Kinh văn:

Tiếp tục hành trì niệm Phật như thế chẳng bao lâu, thì chẳng còn nhìn thấy huyền tướng của vạn pháp ở bên ngoài và cũng chẳng còn bắt gặp Tám thức ở bên trong. Trong hay ngoài đều giả dối, không thật. Ngay cả tướng Duy Thức cũng chẳng có nữa. Vì ba đời mười

phương Như Lai vi trần sát quốc độ, hư không, sắc pháp, tâm vương, tâm sở... đều không một thứ nào ra ngoài Chân Duy Thức Tánh mà tự hữu, tự sinh, tự diệt, danh hiệu Phật vẫn tương tục, không gián đoạn, như có, như không, cho đến khi Chân Duy Thức Tánh biến mất, đại viên cảnh trí tự nhiên phơi bày, danh hiệu Phật sẽ dẫn dắt hành giả đi vào tánh Viên Thành Thập, chúng Vô Sinh Pháp Nhân.

Do đó, phải nói rằng niệm Phật là pháp môn đệ nhất dùng để chuyển thức thành trí, mà chúng sinh thời mật pháp phải siêng năng thọ trì.

Khi nhất tâm niệm Phật không còn thấy có năng và sở thì tâm thể vắng lặng. Hành giả nào chuyên tâm niệm Phật được như thế, thời Bồ tát Quán Thế Âm khuyến khích chúng ta nên tiếp tục hành trì. Khi tâm đã được an định rồi thì đâu còn có phân biệt những đối tượng cảnh vật bên ngoài và cũng không thấy những thức dậy khởi trong tâm. Vì sao? Vì trong ngoài đều là giả dối không thật. Trí huệ bát nhã quán chiếu thấy rõ vạn pháp giai không, duyên sinh như huyễn, khác nào như hoa đóm giữa hư không. Bây giờ tướng Duy Thức cũng không còn. Bởi thức vốn là biểu biệt. Phân biệt tự tha không còn thì tướng duy thức cũng vắng bật. Ta cần hiểu rõ TƯỚNG và TÁNH Duy thức. Khi khởi niệm phân biệt thì thấy có tướng và tánh khác nhau. Cũng như nhìn xuống biển thấy sóng và nước có khác nhau. Nhưng nhìn sâu thì ta thấy toàn sóng chính là nước, và ngược lại toàn nước cũng chính là sóng. Cũng vậy mới nhìn qua thì ta thấy tánh và tướng duy thức có

nhiều điều tội ác xấu xa. Vì thế nên rất cần Thiện tri thức này thường xuyên nhắc nhở chúng ta. Có thể thì việc tu tập của chúng ta mới có tiến bộ và sớm được thành công mỹ mãn.

Hạnh cầu pháp để được thăng hoa tiến bước trên con đường hành Bồ tát đạo là điều tối cần thiết đối với những hành giả niệm Phật. Pháp Bí mật tạng hay Liễu nghĩa tạng đều là những danh từ khác của pháp Như Thừa hay Phật thừa mà thôi. Niệm Phật để thành Phật đó là lý tưởng của những người đang tu học theo giáo pháp Đại thừa.

Sinh ra đã mang kiếp con người, thì thử hỏi có mấy ai trong chúng ta mà không có tội lỗi không? Kinh Hoa Nghiêm nói: *"tội lỗi của chúng sinh nếu mà nó có hình tướng thì cả hư không này chứa cũng không hết"*. Phúc Âm có câu nói: *"Ai là người thấy mình không có tội thì hãy ném viên đá vào người đàn bà này"*. Tất cả chúng ta ít nhiều gì cũng đều có những lầm lỗi trong quá khứ, đã gây ra bao nỗi khổ đau cho mình và người khác. Trong con người của mỗi chúng ta ai lại không có những hạt giống của bạo động, của hận thù, của kỳ thị ganh ghét ... Đã tạo ra tội ác từ ba nghiệp thì hôm nay cũng từ ba nghiệp mà chúng ta thành tâm sám hối, cải ác tùng thiện. Sau khi sám hối ba nghiệp trở nên thanh tịnh, thì ta đối trước chư Phật và Bồ tát nên phát nguyện từ nay về sau con nguyện xin không dám tái phạm nữa.

Sử sách ghi lại, đức Phật A Di Đà khi còn là Pháp Tạng Tỳ kheo Ngài đã phát 48 điều đại nguyện nhằm để trang

gì! Có khác nhau chẳng là trên phương diện hành trì. Nói rõ hơn là phương tiện hành môn tuy có khác, nhưng cứu cánh mục đích thì giống nhau. Khi hành giả niệm Phật thì tâm phải an trụ vào danh hiệu Phật. Điều này đã được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Vì nó rất quan trọng trong lúc chúng ta thật hành. Có người tay cũng lần chuỗi niệm Phật, nhưng tâm và miệng không có mặt hợp nhứt với nhau. Khẩu thì niệm mà tâm thì tán loạn nghĩ nhớ lung tung. Niệm Phật như thế thì đâu có xứng hợp với pháp môn niệm Phật. Phật Tổ dạy rất rõ ràng, chúng ta nên cố gắng thật hành cho đúng. Có thật hành đúng pháp, thì mới có kết quả cao. Nhân quả phải hiểu cho thấu đáo rõ ràng. Muốn thế thì cần phải có hạnh trí tuệ. Có trí tuệ chúng ta mới nhận định rõ ràng. Nhận rõ cái nào là Tánh và cái nào là Tướng. Tánh và tướng không rời nhau. Trong tánh có tướng và trong tướng có tánh. Trong nước có sóng và trong sóng có nước. Như vậy nước và sóng đâu có ly khai ra. Nhưng nói một cũng không được. Hiểu thế, đó thuộc về nhận định của trí tuệ.

Cung kính cúng dường Thiện tri thức đó là hạnh lành bạn tốt. Có gần gũi Thiện tri thức thì ta mới có thể học hỏi được nhiều điều hay ý đẹp trong Phật pháp. Cho nên trong khi tu tập, ta rất cần có thiện hữu tri thức. Thiện hữu tri thức bên ngoài và Thiện hữu tri thức bên trong. Bên ngoài thì dễ biết dễ nhận. Còn bên trong thì chỉ có chính mình mới biết được. Khi ta lỡ làm điều gì sai trái, liền khi đó thì có mặt Thiện tri thức của ta cảnh tỉnh nhắc nhở ta. Đây là vị Thiện tri thức trí tuệ của chính mình. Nếu không có vị Thiện tri thức này nhắc nhở thì ta tạo ra không biết bao

khác nhau, nhưng khi nhìn sâu ta thấy tánh và tướng không hai. Nhưng bảo một thì cũng không đúng. Khi tướng không còn thì tánh thể hiện bày. Sóng lặng thì nước hiện bày. Toàn sóng dù to hay nhỏ, cao hay thấp v.v... tất cả cũng không ngoài biển nước mà có. Cũng vậy, tất cả vạn vật đều không ngoài thể tánh chơn như. "*Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ*" (Lục Tổ Huệ Năng). Thế thì, rõ ràng tánh và tướng không hai. Đây là pháp môn bất nhị trong Kinh Duy Ma Cát. Nói một là sai mà nói hai thì không đúng. Tất cả đều là Nhứt Chơn Pháp Giới không có gì sai biệt cả. Đến đây mới nhận ra là do danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, hành giả đi vào tánh Viên Thành Thật, chứng được Vô sanh pháp nhẫn. Vì thế, nên Bồ tát Quán Thế Âm mới khẳng quyết rằng, niệm Phật là pháp môn đệ nhất để chuyển Thức thành Trí. Quả đây là một pháp môn thù thắng vi diệu đệ nhất mà tất cả chúng sinh cần phải cố gắng siêng năng chuyên tâm hành trì.

Kinh văn:

Này Vi Đề Hy, tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, bị vô số tư tưởng điên đảo làm khuấy lấp tánh Viên Giác. Như kẻ ngủ mê chột thức giấc giữa ngã tư đường cái, chẳng rõ phương hướng, lẫn lộn chính tà, thấy cong nhìn ngược, bất phân thiện ác. Tư tưởng điên đảo ấy nẩy sinh thân và tâm, rồi nhận thân tứ đại giả hợp làm thân, chấp cái vô minh điên đảo kia làm tâm. Cứ thế mà sinh tử, tử sinh nối nhau không dứt, tạo vòng lẫn lộn luân hồi.

Đoạn văn kinh này, Bồ tát Quán Thế Âm khơi bày chỉ rõ về tánh Viên Giác. Ngài dẫn lời dạy của đức Phật trong Kinh Viên Giác. Mở đầu Ngài nói: "**Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, bị vô số tư tưởng điên đảo làm khuấy lấp tánh Viên Giác**". Qua lời dạy này chúng ta nên chú trọng cụm từ "**vô số tư tưởng điên đảo**". Nói cách khác là những vọng tưởng điên đảo. Vọng tưởng là cái biết (tưởng) giả dối (vọng) không thật. Tại sao? Tại vì những thứ tư tưởng giả dối này là do chúng ta huân tập đem từ bên ngoài vào. Thực sự bản chất của nó thì không có. Ở đoạn văn sau sẽ nói rõ hơn. Điên đảo là nghĩa lộn ngược. Nghĩa là những cái hiểu biết giả dối sai lầm đảo ngược lại với chân lý. Như các pháp hữu vi là vô thường sinh diệt mà ta thấy chúng thường còn bất diệt. Đó là cái thấy điên đảo, trái với chân lý. Nói sâu hơn phạm khởi niệm phân biệt là trái với tánh giác. Đã trái với tánh giác tức rơi vào trần lao. Tánh giác hay bản giác là tánh bản nguyên thanh tịnh sáng suốt của mỗi chúng sinh, nhưng vì bị vọng tưởng dây khởi làm che mờ tánh giác. Như biển đang yên lặng, bỗng gió vô minh nổi lên làm cho mặt biển giác tánh bị chao động. Khi có một lượn sóng nổi lên thì có muôn ngàn lượn sóng khác nổi theo (nhứt ba tài động vạn ba tùy). Khởi Tín Luận nói, từ bản giác khởi lên bất giác (vô minh), và do bất giác này mới có ra "tam tế lục thô" (**tam tế**: nghiệp tướng, chuyển tướng, hiện tướng. **Lục thô**: trí tướng, tương tục tướng, chấp thủ tướng, kế danh tự tướng, khởi nghiệp tướng, nghiệp hệ khổ tướng). Đó là cội gốc của vô minh, tạo nghiệp thọ khổ. Ngài liền nêu ra một thí dụ cụ thể:

7. Sám hối hạnh, vì thường đem cả ba nghiệp trong sạch mà đối trước chư Phật, chư Bồ tát phát thệ sám hối, nguyện từ nay về sau không tái phạm.

8. Trang nghiêm hạnh, vì luôn luôn đem hết thảy công đức hồi hướng trang nghiêm cõi Phật.

9. Trì giới hạnh, vì khéo giữ gìn Giới Luật không sai sót.

10. Như Lai hạnh, vì phát nguyện thành tựu mọi ước muốn của hết thảy chúng sinh.

Bồ Tát Quán Thế Âm lại dạy tiếp cho bà Vi Đề Hy về phương pháp niệm Phật phải chí thành tha thiết, vui thích ngưỡng mộ, dù gặp hoàn cảnh có khó khăn đến đâu thì cũng phải kiên tâm bền chí, không được thối chí nản lòng. Bồ Tát quả quyết rằng người đó chắc chắn sẽ chiêu cảm được mười hạnh lành không thể tưởng được. Chúng ta có thể tóm tắt ý nghĩa mười hạnh lành đó như sau:

Hạnh đầu tiên của hành giả đã phát nguyện chí thành tha thiết niệm Phật, thì dù có gặp bao nhiêu chướng duyên thử thách, cũng phải cố gắng cương quyết vượt qua. Vì cuộc đời này có nhiều cơn bão cảm xúc, nhưng đối với các hành giả niệm Phật phải tìm cách khéo léo để đối phó xử lý một cách khôn ngoan cho cõi lòng được an thoát nhẹ nhàng, sớm thành tựu thệ nguyện. Kế tiếp là phải thật hành hạnh thiền định. Hạnh này khi hành giả chuyên cần thiết tha niệm Phật thì chắc chắn sẽ đạt được nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn cũng chính là chánh định. Như vậy, Thiền và Tịnh mục đích nhắm tới cũng đâu có khác gì nhau. Thế thì phân chia tranh cãi hơn thua với nhau làm

nhiều trên bước đường tu học Phật pháp. Tri ân báo ân còn chưa đủ nói chi đến chuyện lừa đảo dối gạt. Những kiến giải tâm đắc của mình và những kiến giải tâm đắc của người khác, họ luôn luôn khéo biết trân trọng giữ gìn như giữ của báu, có đâu mà lại dối gạt? Tôn trọng những sở học sở tri của mình và của người, thì đó mới là người có thực chất cầu tiến trong việc tu học. Đối với các bậc Thánh Nhân, Bồ Tát hay Phật, họ chỉ biết một lòng cung kính chớ làm sao họ lại dám tỏ thái độ xem thường dối gạt. Ngoại trừ những kẻ vô trí bệnh hoạn loạn thần kinh mới dám làm những chuyện như thế đó thôi!

Kinh văn:

IV. Nay Vi Đề Hy, bất cứ chúng sinh nào thường xuyên xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật thiết tha hân ngưỡng, dấu gặp cảnh ngộ nào cũng chẳng thôi chí, thì chiêu cảm những hạnh lành bất tư nghị. Như là:

- 1. Tự tại hạnh, vì an nhiên giữa tất cả chướng duyên nơi cõi Ta bà để thành tựu thế nguyện.**
- 2. Tam muội hạnh, vì nhất tâm bất loạn.**
- 3. An trụ hạnh, vì luôn luôn an trụ trong lực dụng của danh hiệu Phật.**
- 4. Trí tuệ hạnh, vì hiểu biết tất cả tướng trạng và thú hướng của Nhân Quả.**
- 5. Thiện hữu hạnh, vì cung kính tôn trọng cúng dường tất cả Thiện Tri Thức để học hỏi Phật pháp.**
- 6. Cầu pháp hạnh, vì khát khao mong cầu pháp Bí Mật Tạng, Liễu Nghĩa Tạng của Nhất Thừa Đạo.**

"Như kẻ ngủ mê chợt thức giấc giữa ngã tư đường cái, chẳng rõ phương hướng, lẫn lộn chính tà, thấy cong nhìn ngược, bất phân thiện ác".

Một khi đã lầm nhận phương hướng rồi, thì không biết đâu là nẻo quay về. Như một người bị lạc ở trong khu rừng rậm muốn tìm phương hướng về nhà. Thay vì anh ta đi về nhà ở hướng nam, nhưng anh lại đi lạc qua hướng bắc. Cứ thế mà lầm lủi đi hoài. Càng đi thì càng lạc xa hơn. khi lầm nhận một phương thì các phương khác cũng lầm luôn. Lầm cái gì? Lầm chấp thân tứ đại này là thật. Cho những cái mình suy nghĩ cũng là thật. Mà quên rằng, những thứ đó đều do duyên hợp giả có, không thật. Phật đã dạy rõ như thế, nhưng vì bị vô minh che mờ trí giác nên mới bị những thứ giả dối lừa gạt mình. Và từ đó mới không nhận ra lẽ chánh tà chân ngụy. Thấy cong nhìn ngược, không phân được thiện ác, đó là hậu quả của sự mê lầm nên mới có cái nhìn sai lệch chân lý như thế. Từ nguồn gốc vô minh nên sinh ra những thứ tư tưởng điên đảo vọng chấp thân tâm là thật. Cứ thế mà sinh tử, tử sinh nối nhau không dứt, tạo vòng lẫn lộn luân hồi. Đây là hồi chuông cảnh báo cho những ai còn say mê trong đêm dài vô minh tăm tối, hãy mau tỉnh giác hồi đầu để nhận ra từ ngoại cảnh cho đến thân tâm, tất cả đều là mộng huyễn bào ảnh không có gì là thật cả. Chính vì thế cho nên tiếp theo đây Bồ tát Quán Thế Âm lại cảnh báo nhắc nhở thêm:

Kinh văn:

Nhưng cái vô minh điên đảo ấy cũng chẳng thật. Như hoa đốm, như bóng nước, như ảo tưởng nơi sa mạc,

như người ngủ chiêm bao, thấy những sự việc, cảnh vật rõ ràng, nhưng khi thức dậy, thời không còn gì hết. Nếu chuyển hóa vô minh điên đảo thời thân và tâm sẽ thành giác ngộ. Hoặc không phát tâm tu trì thời vẫn ở mãi trong sinh tử huyền mộng ấy mà tự vui. Chỉ có danh hiệu Phật là đầy đủ năng lực nhiệm màu để chuyển hóa vô minh trở nên giác ngộ, chuyển hóa sinh tử trở nên niết bàn, chuyển hóa giả huyền trở nên chân thật.

Vì sao vậy?

Nguồn gốc gây ra mọi khổ đau, chính là do thủ phạm vô minh bất giác mà ra. Nhưng khi nói đến vô minh sợ e người ta lầm chấp cho vô minh là thật. Nên ở đây, Bồ tát Quán Thế Âm liền phủ nhận cái vô minh điên đảo cũng chẳng thật. Tính chất vô minh khác nào như hoa đốm, như bong bóng nước, như ảo tưởng nơi sa mạc, như người ngủ chiêm bao. Ngài nêu ra những ví dụ này để chứng minh rằng bản chất của vô minh là hư giả không thật. Bởi vì: *"vô minh thực tánh tức Phật tánh, ảo hóa không thân tức pháp thân"* (Chứng Đạo Ca). Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói rằng, thực tánh của vô minh là Phật tánh. Cũng như nói thực tánh của nước đục là nước trong. Vì nước bị đục là do cặn cẩu bụi bặm làm đục, nhưng khi lắng sạch những thứ như đục này, thì chất nước trong sẽ hiển hiện. Như vậy, nước trong đâu là nước đục mà có. Nên nói: *"phiền não tức Bồ đề, sinh tử tức Niết bàn"* là vậy. *"Còn mộng mê thì thấy có sáu nẻo luân hồi, khi tỉnh thức thì cõi Ta bà tìm không ra dấu vết"* (Như Huyền Thiên Sư). Còn si mê thì thấy có vô minh phiền não hoành hành, nhưng

sao dối gạt bản thân mình và người khác. Ngoại trừ những kẻ không có tâm nguyện thiết tha tu hành, thành tâm niệm Phật, quyết chí cầu thoát ly sinh tử, thì mới nói dối lừa đảo phỉnh gạt chính mình và người khác. Đó là những hạng người đầy dẫy trong xã hội. Những hạng người khẩu Phật tâm xà không sao tính kẻ. Đó là những hạng người lợi dụng lòng tốt của thiên hạ để trục lợi cho bản thân mình. Đục nước béo cò, hùa gió bẻ măng, hạng người này nhiều lắm.

Đối với quyền lực và nữ sắc ở thế gian, chỉ có thể lừa được những kẻ háo danh, háo sắc. "Mùi phú quý như hương xa mã, bã vinh hoa lừa gã công khanh" (Cung Oán Ngâm Khúc). Còn đối với những người "kiến tinh, kiến sắc như thạch thượng tài hoa. Kiên lợi kiến danh như nhãn trung trước tiết". Nghĩa là thấy sắc đẹp, nghe tiếng hay giống như là trông hoa trên đá. Thấy lợi, thấy danh như những hạt bụi lơ lửng trong con mắt. Những miếng mồi ngon béo bở này không thể nào lừa dối qua mắt thần trí tuệ họ được. Quyền lợi danh vọng, nữ sắc không quyến rũ thao túng họ được. Bởi vì họ chỉ có một tâm nguyện niệm Phật để được an lạc giải thoát mà thôi.

Thử hỏi hạng người đã quyết chí, quyết tâm như thế, thì làm gì có chuyện dối gạt chur vị Thiện tri thức, như sư trưởng, bạn đồng học, đồng tu. Ngoại trừ những kẻ vô lương tâm mới làm như thế. Chẳng những thế, họ cũng không bao giờ dối gạt hay phản bội lại những giáo pháp mà họ đã học, hoặc chưa học và cũng không dối gạt đoàn thể tăng già, vì đây là một đoàn thể tăng thân giúp họ rất

những Pháp Chân Thật. Pháp chân thật là pháp gì? Trên đời này có pháp hữu vi nào mà chân thật không? Chắc chắn là không rồi. Dựa vào đâu mà quyết chắc như thế? Dựa vào kinh nghiệm thực tế và nhất là dựa vào trong khế kinh mà Phật đã chỉ dạy. Trong Kinh Kim Cang Bát Nhã có bài kệ, Phật dạy:

**"Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệc như điện
Ứng tác như thị quán".**

Tạm dịch:

*Tất cả các pháp hữu vi
Như bóng, bọt, chiêm bao
Như sương móc và như điện chớp
Nên thường quán sát như thế.*

Như vậy, các pháp hữu vi là giả dối không thật, chỉ có pháp vô vi mới là chân thật. Pháp vô vi là tên khác của Niết bàn, của Chân Như và Phật tánh v.v... Chỉ có pháp đó mới là pháp chân thật mà thôi. Vì sao? Vì pháp này là không hình tướng, là vô sanh bất diệt. Nó trùm khắp pháp giới giống như hư không. Hư không thì vô tri, nhưng pháp này thì hữu tri hữu giác. Vì là pháp chân thật nên không có đối gạt.

Một người đã phát nguyện chuyên tâm niệm Phật quyết chí cầu vãng sinh Cực lạc, với tâm nguyện như thế thì làm

khi tỉnh thức thì tìm không ra một chú. Cho nên mới nói như người chiêm bao thì thấy bao nhiêu cảnh vật hiện ra, nhưng khi thức dậy thì không còn gì hết. Nói rõ ra vô minh khi còn mê thì nó tác động hoành hành, nhưng khi tỉnh thức thì nó liền tan biến hết. Vì vô minh không có thực thể. Khác nào như những cảnh vật xảy ra trong chiêm bao mà thôi. Nhưng trong lúc còn đang chiêm bao, thì không thể nói là cảnh vật trong chiêm bao hoàn toàn không có. Có, nhưng chỉ là hư huyễn mà thôi. Ngay nơi vô minh nếu khéo chuyển hóa thì trở thành giác ngộ. Mê là chúng sinh, ngộ là Phật. Phật và chúng sinh không rời nhau. Nên nói: "Tâm, Phật, chúng sinh tam vô sai biệt" là vậy. Hạnh phúc và khổ đau không phải là hai thực thể riêng biệt. Ngay trong khổ đau, nếu ta khéo biết chuyển hóa, thì khổ đau kia sẽ trở thành hạnh phúc. Tìm hạnh phúc mà rời khổ đau không bao giờ có. Rời buồn như thì làm gì có hoa sen. Rời bột thì làm gì có bánh. Điều quan trọng là khéo biến chế chuyển bột thành bánh. Chính khổ đau chế tác thành hạnh phúc. Không có bệnh sao gọi là lành bệnh. Điều quan trọng là phải biết cách điều trị và chuyển hóa. Đó là chữ "CHUYỂN" tuyệt vời trong đạo Phật. Người đời hay nói câu: "chuyển bại thành thắng" là vậy.

Tuy nhiên, biết là như thế, nhưng còn phải biết cách chuyển hóa khổ đau như thế nào? Nếu không biết cách chuyển hay khéo tu tập thì vẫn ở mãi trong sinh tử huyễn mộng ấy mà tự vui. Tức vui trong đau khổ hệ lụy. "Vui trong tham dục vui rời khổ, khổ để tu hành khổ hóa vui". Vì vậy, nên Ngài nói: "**Chỉ có danh hiệu Phật là đầy đủ**

năng lực nhiệm màu để chuyển hóa vô minh trở nên giác ngộ, chuyển hóa sinh tử trở nên Niết bàn, chuyển hóa giả huyền trở nên chân thật". Lời dạy này là Bồ tát Quán Thế Âm nhằm trao cho các hành giả Tịnh Độ một chìa khóa vàng để mở tung cánh cửa Cực lạc bước vào. Đây là điều phải chịu khó thiền quán thực nghiệm chớ không phải nói suông trên đầu môi chót lưỡi. Danh hiệu Phật thực sự có năng lực nhiệm màu, với điều kiện là chúng ta phải thực hành chuyên tâm niệm Phật một cách tương tục không gián đoạn, gọi là tịnh niệm nối liền, không xen hở. Được vậy, thì còn tìm kiếm Niết bàn hay Cực lạc ở đâu xa xôi. Mà chính ngay nơi ở trong mỗi niệm là Niết bàn, là Cực lạc rồi. Kế tiếp, Ngài hỏi: Vì sao vậy? Dưới đây là Ngài trả lời một cách rất rõ ràng cho chúng ta hiểu:

Kinh văn:

Khi xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, hành giả dần dần thành tựu chánh định Như Lai, tự nhiên phát sinh Tuệ Giác Không Tánh, vì danh hiệu Phật là Hư Không Tạng, là Viên Giác Tánh, là Vô Cấu Tạng, là Tịch Tĩnh Tạng... Nhờ vậy, hành giả biết các pháp đều như huyền, thời tự nhiên lìa xa các huyền hóa, sinh diệt. Ngay lúc ấy, bèn thâm nhập Viên Giác Tánh. Đó gọi là tri huyền tức ly, ly huyền tức giác.

Hành giả niệm Phật như thế nào mới thành tựu được chánh định Như Lai? Chúng ta nên nhớ rằng, kinh Niệm Phật Ba La Mật này không phải dạy chúng ta niệm Phật một cách thông thường. Mà niệm Phật Di Đà cũng chính

2. Không dối gạt tha nhân.
3. Không dối gạt quốc pháp.
4. Không dối gạt vì bị áp chế bởi quyền lực kẻ mạnh.
5. Không dối gạt vì bị thao túng bởi nữ sắc.
6. Không dối gạt chư vị Thiện Tri Thức như Sư Trưởng, bạn đồng học, đồng tu.
7. Không dối gạt tất cả những pháp đã học.
8. Không dối gạt tất cả những pháp chưa học.
9. Không dối gạt đoàn thể tăng già.
10. Không dối gạt chỗ tri giải của tự tâm.
11. Không dối gạt chỗ nhận biết của người khác.
12. Không dối gạt tất cả chư Thánh Nhân, Bồ tát, Như Lai.

Lời dạy của Bồ Tát Quán Thế Âm cho bà Vi Đề Hy, ta nên chú ý những cụm từ khá quan trọng: "siêng năng xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật chẳng lười mỏi", "chẳng lui sụt", "phát huy những Pháp Chân Thật, không dối gạt". Niệm danh hiệu Phật thì ai cũng có thể niệm được, nhưng có bền chí siêng năng hay không, đó mới là điều khó. Không tỏ vẻ lười mỏi và chẳng lui sụt. Điều khó nhất là phát huy những "Pháp Chân Thật", không dối gạt. Qua 12 điều mà Bồ Tát Quán Thế Âm đã nêu ra thức nhắc chúng sinh, chúng tôi xin được tóm tắt qua 12 lời dạy đó như sau:

Những lời dạy này Bồ Tát nhắm thẳng vào cái tâm bệnh trầm kha của chúng sinh. Thông thường chúng ta hay mắc phải cái tâm bệnh lười biếng (giải đãi) mỗi mết, kiềm cố để thôi lui. Không siêng năng thì làm sao phát huy được

bất cứ thứ gì. Đó là tâm giác là tâm Phật rỗng rang vô quái ngại. Điều này chúng ta phải cố gắng thực tập chớ không phải nói suông mà được. Bởi vì ai cũng có những tập khí phiền não sâu dày. Phải tập buông xả từ lời nói cho đến những hành động mỗi khi trái ý nghịch lòng mình. Trước tiên, là phải tập buông xả những gì ngoài mình như những lời thị phi v.v... Có thể thì tâm mình mới tương ứng với tánh giác phân nào và mới có được chút ít tự tại thanh thoi vậy. Tôi có sáng tác bài "**Buông Xả**" để quý liên trong hai đạo tràng Phước Huệ và Quang Minh hát cho vui trong những buổi sinh hoạt.

Buông Xả

Buông xả tâm an vui
Buông xả miệng mỉm cười
Buông xả lòng tươi mát
Buông xả thẩm tình người

Buông xả có gì hơn
Buông xả hết giận hờn
Buông xả niềm an thoát
Buông xả trở về nguồn

Kinh văn:

III. Nay Vi Đề Hy, bất cứ chúng sinh nào siêng năng xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật chẳng lười mỗi, chẳng lui sụt, thì chắc chắn phát huy những Pháp Chân Thật, nghĩa là không dối gạt.

1. Không dối tự thân.

là hằng niệm tánh giác của ta. Bởi A Di Đà có nghĩa là Vô lượng thọ và Vô lượng quang. Vô lượng thọ là mạng sống không lường vượt ngoài thời gian. Đó là nghĩa thời gian vô tận. Còn Vô lượng quang là ánh sáng không lường vượt ngoài không gian. Đó là nghĩa không gian vô cùng. Thời gian vô tận, không gian vô cùng, đó là tự tánh Di Đà mà mỗi chúng sinh đều sẵn có. Thế thì xưng niệm danh hiệu Phật cũng chính là xưng niệm tánh giác của mình. Trong Khởi Tín Luận gọi là "Niệm chơn như". Tự tánh Di Đà cũng có nghĩa là pháp giới tàng thân. Do đó, nên mới nói xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật (không có nghĩa chỉ niệm danh tự suông) thời sẽ thành tựu chánh định Như Lai. Chánh định Như Lai chính là tự tánh thanh tịnh. Chúng sinh ai ai cũng sẵn có chánh định này. Bởi ai cũng sẵn có tự tánh thanh tịnh cả. "*Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh*" (Lục Tổ Huệ Năng). Nhưng sở dĩ tánh thanh tịnh hay chánh định không hiện bày là bởi do vô minh che lấp. Nay niệm Phật tức hằng nhớ tánh giác của mình (nói về Lý) hoặc xưng niệm danh hiệu Phật tương tục không gián đoạn (nói về Sự) cho đến khi thuần thực, năng sở câu vong thời hành giả sẽ đạt được Nhất tâm bất loạn, Phật hiện kỳ tiền. Đến đây hành giả sẽ đạt được chánh định. Đã có định tất nhiên là trí tuệ phát sinh. Định và tuệ không rời nhau. Hễ có định là có tuệ, tức định tuệ đồng thời. Đây là điều mà đức Lục Tổ Huệ Năng đã dạy rất rõ trong Kinh Pháp Bảo Đàn. Nói Tuệ giác Không tánh có nghĩa là khi tuệ giác phát sinh, thì hành giả sẽ thấy rõ thực tánh của vạn pháp là Không. Những cụm từ: Hư Không Tạng, Viên Giác Tánh, Vô câu tạng Tịch tịnh tạng v.v... đều nhằm diễn tả cái thực tánh hay bản thể của vạn pháp đó thôi.

Bởi tất cả chúng sinh đều sẵn có tánh Viên Giác này. Nhờ có trí tuệ chiếu soi mà hành giả biết các pháp đều như huyễn, thời tự nhiên xa lìa các huyễn hóa sinh diệt. Ngay lúc ấy hành giả liền thâm nhập Viên Giác Tánh. Đó gọi là tri huyễn tức ly, ly huyễn tức giác. Để hiểu rõ hơn về vấn đề này, tiếp theo đây ta hãy lắng nghe Bồ Tát Quán Thế Âm giải thích:

Kinh văn:

Dùng pháp nào để Tri? Nếu không phải là diệu dụng của danh hiệu Phật?

Không cần phải hủy diệt các thứ huyễn, mới cho chúng nó là huyễn. Không cần thay đổi bản chất huyễn của nó mới gọi là Không. Mà chính cái biết nhất thiết pháp là Không, khiến đương thể của huyễn pháp tức là Không.

Tiếp tục xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật như thế, hành giả không phóng tâm theo huyễn cảnh, huyễn sự, mà hướng cái biết trở vào Viên Giác Tánh. Đó là danh hiệu Phật đang tuôn chảy liên miên bất tận thành một khối lưu ly sáng rực, vàng vạc. Mà mỗi mỗi sát na đều hiển lộ Như Lai Tạng, và cái biết cũng không còn nữa. Danh hiệu Phật vẫn tương tục không gián đoạn, hòa tan căn, trần, thức đều nhập vào Viên Giác Tánh, bình đẳng bất động, thường trụ như hư không và tròn đầy chiếu suốt mười phương.

là những pháp có liên hệ giữa tâm pháp và sắc pháp. Nói cách khác là giữa vật chất và tinh thần. Còn pháp bất tương ưng hành là những pháp không thuộc về tâm pháp mà cũng không thuộc về sắc pháp. Các nhà Duy Thức chia bất tương ưng hành pháp ra làm 24 món. Pháp tương ưng và pháp bất tương ưng, khi hành giả nhất tâm thiết tha niệm Phật, thì lúc đó tâm hành giả sẽ không bị dính mắc vào cặp đối đãi này. Còn có tâm dính mắc, tất nhiên là tâm hành giả chưa thực sự an trú vào danh hiệu Phật.

18. Không dính mắc vào ngay cả danh hiệu Phật. Qua 17 điều không dính mắc nói trên, Bồ Tát Quán Thế Âm cảnh tỉnh chúng ta không nên để tâm dính mắc vào bất cứ sự vật gì. Đến đây là câu cuối cùng mà Bồ tát chỉ thẳng vào ngay cái yếu điểm quan trọng là không dính mắc vào ngay cả danh hiệu Phật mà mình đang trì niệm. Vì danh hiệu Phật cũng chỉ là phương tiện để chúng ta nương vào đó mà niệm. Nếu còn dính mắc thì vẫn còn có chấp. Thế thì làm sao tâm ta được rảnh rang an định được? Bởi khi ta đang niệm Phật chắc có ai đó bảo rằng, danh hiệu Phật là cái thứ gì mà ngồi đó niệm hoài. Cứ kêu réo hoài ông Phật không giận sao? Khi nghe nói thế, nếu như người thực sự không dính mắc vào danh hiệu Phật kể cả Đức Phật A Di Đà, thì họ vẫn an nhiên mỉm cười mà niệm, không tỏ vẻ một chút khó chịu bực mình hờn giận gì cả. Được vậy, thời người đó mới thật là thứ thiệt không dính mắc vào danh hiệu Phật. Còn khi nghe người ta nói thế, mình liền nổi giận đùng đùng quyết ăn thua đủ với họ, thế thì niệm Phật mà tâm còn chấp ngã quá nặng. Cho nên niệm Phật là niệm tâm. Mà tâm thì không có dính mắc vào

trong đạo tu hành mà không chịu gia công nỗ lực chuyên cần tinh tấn một pháp môn nào đó, thì hành giả sẽ không bao giờ gặt hái kết quả tốt đẹp như ý muốn được. Như hành giả đã chọn cho mình pháp môn niệm Phật rồi, thì ngày đêm phải luôn luôn chuyên cần niệm Phật. Niệm Phật liên tục không gián đoạn, cứ thế mà nỗ lực tinh tấn hành trì trọn đời, nếu không được vãng sinh thời Phật Tổ nói dối lường gạt mình. Mà chư Phật, chư Tổ có bao giờ nói dối lường gạt chúng sinh đâu. Mặc dù tinh tấn hành trì như thế, nhưng cũng không được dính mắc vào. Không dính mắc tức là không có cố chấp. Như thế, thì mới thực sự là an lạc giải thoát.

16. Không dính mắc vào tư tưởng chán ghét thế gian.

Còn có tư tưởng chán ghét thế gian, thì chưa phải là người tu chơn chính. Bởi thương và ghét là hai phạm trù đối đãi. *"Nếu biết có thương là có ghét, thà rằng đừng ghét cũng đừng thương. Mong sao giữ tánh không thương ghét, mới thoát ra ngoài cái ghét thương"*. Bốn câu thơ này là không còn nằm trong bình diện Tục đế mà là thuộc về Chơn đế. Ta tự hỏi: Thế gian làm gì mà ta chán ghét? Không có vật gì là đáng ghét hay đáng thương cả. Mà thương hay ghét là ở tại lòng ta. Ngoại cảnh không có lỗi gì hết. Mà lỗi là tại tâm ta phân biệt xấu tốt nên mới có thương có ghét. Vậy thì dám mong các hành giả chuyên tâm niệm Phật phải vượt ngoài cái phạm trù thương và ghét này. Có thể thì sự chuyên cần niệm Phật của chúng ta mới có được kết quả cao đẹp vậy.

17. Không dính mắc vào tất cả pháp tương ưng hành và những pháp bất tương ưng hành. Pháp tương ưng hành

Trước tiên Ngài hỏi: dùng phương pháp nào để biết các pháp là như huyễn? Rồi Ngài gạn hỏi thêm: Nếu không phải là diệu dụng của danh hiệu Phật? Lời gạn hỏi này, rõ ràng là Bồ tát Quán Thế Âm muốn xác minh cho chúng ta biết là phải xưng niệm danh hiệu Phật cho đến khi nào được Nhất tâm bất loạn, bấy giờ chơn trí diệu huệ (trí huệ bát nhã) phát sinh và khi ấy sẽ biết rõ các pháp là hư huyễn như bóng trong gương, như trăng dưới nước, như càn thát bà thành v.v... Ngài nói rằng: *"không phải diệt hết các thứ huyễn mà cho chúng nó là huyễn. Cũng không cần phải thay đổi bản chất huyễn của nó mới gọi là Không. Mà chính cái biết Nhất thiết pháp là không, khiến đương thể của huyễn pháp tức là không"*.

Đoạn văn kinh này, có liên hệ trong Kinh Viên Giác rất nhiều. Trong Kinh Viên Giác, Đức Phật đã lần lượt giải đáp những câu hỏi của Bồ tát Phổ Hiền về vấn đề ly huyễn. Đại khái, Đức Phật nói rằng: Tất cả các vị Bồ tát và chúng sinh đời sau muốn thể nhập trọn vẹn tánh Viên Giác thì phải lần lượt xa lìa các huyễn theo một trình tự như sau:

- a. Xa lìa các cảnh giới huyễn vọng, nhưng vẫn còn cái **"Tâm biết xa lìa"**.
- b. Cái **"Tâm biết xa lìa"** đó cũng vẫn là huyễn, nên cần phải **"xa lìa"** luôn
- c. Cái **"xa lìa"** đó cũng là huyễn, nên cũng phải xa lìa nữa.
- d. Phải không còn gì để **"xa lìa"** nữa, như thế mới gọi là trừ được các huyễn.

Phật dạy Ngài Phổ Hiền dùng huyền đề tu các pháp huyền cũng như thế. Khi các huyền không còn thì cái không phải huyền, tức thực tánh chân thật của các pháp mới hiện bày.

Ngài lại bảo chúng ta cứ tiếp tục xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật như thế. Tuy nhiên, điều quan trọng là không nên phóng tâm theo huyền cảnh, huyền sự mà hướng cái biết trở vào tánh Viên Giác. Lời dạy này thật quá rõ ràng còn gì nữa mà phải nghi ngờ. Bởi các pháp đều là huyền hóa không thật, nên không sanh tâm chấp trước. Có ai đi bắt bóng trong gương bao giờ, ngoại trừ những kẻ khùng điên mất trí mới làm như vậy. Còn người tỉnh táo sáng suốt thì không ai lại dại dột gì đi bắt bóng trong gương hay mò trăng dưới nước. Vì biết rõ những thứ đó là hư huyền. Như tay ta không cầm nắm vật gì thì tay mới rảnh rang. Không nắm vật gì mới có thể nắm tất cả những vật khác. Cũng vậy, tâm không dính mắc vào sự vật, nói rõ ra là tâm không dính mắc vào sáu trần, thì tâm thể mới rỗng rang an nhiên tự tại. Tâm an nhiên tự do tự tại giải thoát thì đó là tánh Viên Giác hiện bày. Khi đó chỉ còn có một tâm thể thanh tịnh sáng suốt hiện tiền. Nên nói rằng: **"danh hiệu Phật đang tuôn chảy liên miên bất tận thành một khối lưu ly sáng rực, vắng vặc. Mà mỗi mỗi sát na đều hiển lộ Như Lai tạng, và cái biết cũng không còn nữa"**. Đến đây năng sở câu vong, chủ khách không còn. Nghĩa là hành giả không còn dính kẹt hai bên: có không, phải trái, đúng sai... đều mất, chỉ còn một tâm thể vắng lặng sáng suốt. Ngã và pháp không còn thì trí tuệ viên mãn, nên nói là thể nhập tánh Viên Giác hay mỗi mỗi sát na đều hiển lộ Như Lai Tạng. Thể tánh này bình đẳng

không? Bởi vì mục đích của người tu là muốn xuất ly giải thoát. Xuất ly có nghĩa là xuất ly tam giới. Còn giải thoát là giải thoát tất cả mọi thứ phiền não triền phược sinh tử. Thế thì tại sao ở đây bảo chúng ta không nên dính mắc? Vì nếu còn dính mắc vào những ý niệm: mong cầu, xuất ly, giải thoát thì vẫn còn bị những ý niệm này trói buộc. Và như thế, thì việc niệm Phật của hành giả sẽ không được nhất tâm.

14. Không dính mắc vào tất cả sự biện giải và tranh cãi.

Mục đích của sự biện giải tranh cãi là có ý tranh chấp hơn thua. Tu hành mà còn có những ý niệm tranh chấp hơn thua cãi vã với nhau, thì còn gì là phẩm chất đạo đức của người tu! Lẽ ra người tu dù tại gia hay xuất gia, lúc nào cũng phải giữ sự hòa khí thương yêu là trên hết. Dĩ hòa vi quý là lời nhắc nhở của người xưa. Có hòa nhã thuận thảo yêu thương với nhau mới xứng đáng là cung cách của người tu. Cuộc tranh chấp cãi vã hơn thua nào cũng làm cho mình và người khổ tâm bất an cả. Hơn nhau một tiếng bợn nhơ trong lòng. Kẻ thắng người thua cả hai đều đau khổ như nhau. Tốt hơn hết là mọi người nên khéo cư xử giữ sự hòa khí với nhau trên kính dưới nhường thì tốt đẹp biết mấy. Cho nên đối với các hành giả chuyên tâm niệm Phật thì lại càng không nên dính mắc vào những việc tranh cãi hơn thua này. Vì như thế sẽ làm rối tâm loạn trí còn tâm trí yên tịnh đâu nữa mà niệm Phật?

15. Không dính mắc vào sự nỗ lực để tinh tấn. Muốn thành công trong bất cứ ngành nghề nào, dù ngoài đời hay trong đạo thì yếu tố tinh tấn rất là cần thiết. Nhất là ở

nghèo giàu sang trọng như thế nào? Dòng dõi như ông bà, cha mẹ, anh em họ hàng thân bằng quyến thuộc v.v... Những vấn đề này như là một lý lịch cá nhân. Thực ra những vấn đề này không có liên quan gì đến việc niệm Phật cả. Nhưng vì sợ trong lúc niệm Phật, hành giả lại khởi tâm liên tưởng đến về hoàn cảnh gia thế dòng họ của mình. Cho nên ở đây mới nói là không nên để tâm dính mắc vào những việc liên quan cá nhân mình.

12. Không dính mắc vào tất cả giới luật, thiền định, công hạnh tu tập. Người tu nào cũng phải gìn giữ giới luật. Vì giới luật có công năng ngăn ngừa chặn đứng những hành vi xấu ác của ta phát ra từ ba nghiệp: Thân, Khẩu, Ý. Do đó mà ta cần phải tôn trọng và khéo gìn giữ cẩn trọng. Có giữ giới thì mới có định huệ. Giới cũng chính là Niệm. "**Niệm, Định, Tuệ**" là con đường tất yếu mà người tu phải có. Nghĩa là phải luôn quan tâm thật hành. Thiền định là món ăn hằng ngày của người tu. Dù tu bất cứ pháp môn nào cũng phải có chất thiền định trong đó. Thiền định giống như chất muối mà người đầu bếp thường nấu ăn. Nấu ăn mà thiếu chất muối thì thức ăn không thể ngon miệng được. Cũng vậy, thiền định là một nghệ thuật sống không thể thiếu vắng được. Khi đã chọn cho mình một pháp tu rồi thì phải gia công nỗ lực hành trì, đó gọi là công phu tu tập. Tuy nhiên, đối với các hành giả chuyên tâm niệm Phật thì không nên dính mắc vào những pháp môn này.

13. Không dính mắc vào ý nguyện mong cầu xuất ly giải thoát. Điều này có trái với hạnh nguyện của người tu hành

bất động, hằng hữu như hư không và tròn đầy chiếu suốt mười phương không gì ngăn ngại. Vì thế, mà đoạn kinh văn dưới đây, Bồ tát Quán Thế Âm lại trình bày rõ hơn.

Kinh văn:

Bởi vậy, phải nói rằng niệm Phật là pháp môn đệ nhất, sử dụng danh hiệu Như Lai mà thâm nhập Như Lai Tạng, mà chuyển biến huyễn hóa hư dối trở nên Viên Giác Tánh. Các hạng chúng sinh thời mạt pháp phải siêng năng thọ trì.

Này Vi Đà Hy, tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, bị phiền não chi phối ngày đêm không tạm dừng, nên nhận vọng tưởng làm Tâm, bỏ quên Thắng Giải Trí, Vô Thượng Trí. Rồi lại bị tham, sân, si, mạn, nghi lôi cuốn, và thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến chông chát lấp vùi. Do đó, khởi tâm phân biệt, thấy có mừng giận, yêu ghét, vui buồn, vinh hoa, hủy nhục... nếu tận trừ phiền não thì thân tâm vắng lặng, an nhiên, tự tại, tức đồng với chư Phật không hai không khác.

Ngài nói rằng: Niệm Phật là pháp môn đệ nhất, chỉ cần sử dụng danh hiệu Như Lai mà thâm nhập Như Lai Tạng... Điều quan trọng là phải sử dụng như thế nào mới có thể nhập được Như Lai Tạng. Xin nhắc lại cho chúng ta nhớ, cái gốc của niệm Phật là hằng nhớ tánh giác. Phật là giác, niệm là nhớ hay biết. Không phải chỉ nhớ biết suông mà phải hằng nhớ tánh giác của mình. Có thế thì mới nói là nhập Như Lai Tạng hay thực sự trở về với Viên Giác

Tánh. Còn bằng không, thì chỉ niệm trên danh ngôn sắc tướng, thì khó mà đạt được cái diệu lý nói trên. Muốn biết được điều này, thì ta hãy đọc đoạn văn tiếp theo Bồ tát sẽ nói rõ cho chúng ta biết.

Ngài nói: "***Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, bị phiền não chi phối ngày đêm không tạm dừng, nên nhận vọng tưởng làm Tâm, bỏ quên Thắng Giải Trí, Vô Thượng Trí***". Rõ ràng hằng ngày chúng ta luôn bị những thứ phiền não hoàn toàn chi phối, không lúc nào tạm dừng, dù chỉ trong một sát na thôi (đơn vị ngắn nhất của thời gian) mà cũng không có được. Vì đã nhận vọng tưởng (cái biết sai lầm) làm tâm mình rồi (như đoạn trước đã nói) thì đâu còn nhớ đến Thắng Giải Trí (trí tuệ nhận biết thấu suốt tất cả các pháp không gì hơn) Vô Thượng Trí (là trí tuệ của Phật) nói dễ hiểu là quên mất bản tâm của chúng ta. Ngài nói tiếp: "***Rồi lại bị tham, sân, si, mạn, nghi, ôi, đố, và thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến chông chất lấp vùi. Do đó khởi tâm phân biệt, thấy có mừng giận, yêu ghét, vui buồn, vinh hoa, hũy nhục...nếu tận trừ phiền não thì thân tâm vắng lặng, an nhiên tự tại, tức đồng với chư Phật không hai không khác***". Chính những loại phiền não căn bản này nó đã làm cho chúng ta điên đảo đau khổ triền miên. Không phải chỉ đau khổ trong một đời này thôi, mà từ vô lượng kiếp tới nay chúng ta mãi trôi lăn trong luân hồi lục đạo, trải qua sống chết thọ khổ không lường. Lũ tập khí phiền não này còn có tên gọi là "kiết sử". Kiết là trói buộc, sử là sai khiến. Nó trói buộc sai khiến chúng ta gây ra nhiều nghiệp ác. Trong 10 món căn bản phiền não này

chuyên tâm niệm Phật không nên để tâm dính mắc vào những điều này. Vì còn dính mắc vào là còn bị phân tâm nên khó đạt được Nhất tâm bất loạn.

9. Không dính mắc vào tất cả những pháp đã học. Đây là không dính mắc vào sở tri kiến. Mặc dù những pháp mà chúng ta đã học, dù nội điển hay ngoại điển, tất cả cũng không được dính mắc. Vì sao? Vì còn dính mắc vào những sở học là vẫn còn phiền não phát sinh. Và chính cái sở học này không khéo tiêu hóa thì nó sẽ trở thành một chướng ngại rất lớn trên bước đường tu hành giác ngộ giải thoát. Đó là chưa nói đến dựa vào sở học của mình mà sinh tâm ngã mạn cống cao thấy mình tài giỏi hơn người. Vì thế nên hành giả trong khi chuyên tâm niệm Phật thì không nên dính mắc vào cái sở tri kiến này.

10. Không dính mắc vào tất cả những căn lành. Những căn lành đã được trồng sâu trong nhiều đời chớ không phải chỉ có trong một đời này. Căn lành gốc vẫn là bản tâm của mọi người. Điều này chúng tôi đã có nói sơ qua ở trên, nên ở đây chúng tôi không muốn nói thêm. Dù vẫn biết những căn lành là điều tốt, nhưng đối với các hành giả chuyên tâm niệm Phật cũng không nên chú tâm dính mắc vào căn lành này.

11. Không dính mắc vào tất cả chỗ thọ sinh, giai tầng xuất thân, gia thế, dòng dõi. Chỗ thọ sinh cũng như nơi sinh ra tức là nguyên quán. Giai tầng xuất thân nghĩa là xuất thân trong tầng lớp giai cấp xã hội nào. Có địa vị trong xã hội hay không? Gia thế là hoàn cảnh gia đình

niệm Phật hành giả không được phóng tâm xao lãng khởi nghĩ đến những việc gì khác. Như thế là không có chánh niệm và đó là đã thất niệm rồi!

7. Không dính mắc vào Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ. Đây là bốn cảnh giới thiên của phàm phu. Bốn cảnh giới này còn gọi là Tứ không định. Thiên giả khi vào bốn định này thì sẽ không còn thấy thức và tâm nữa. Định thứ nhất là **không vô biên xứ**. Nghĩa là định này không còn thấy có ngăn cách, có biên giới rộng khắp như hư không. Định thứ hai là **Thức vô biên xứ**. Có nghĩa là khi Thiên giả vào định này thì xóa bỏ cái biên giới của thức. Định thứ ba là **Vô sở hữu xứ**. Vô sở hữu nghĩa là khi Thiên giả vào định này thì xa lìa sự chao động của năng sở là cõi không có sở hữu. Định thứ tư là định **Phi tướng, phi phi tướng xứ**. Thiên giả khi vào định này thì không còn nghĩ tưởng. Tuy không nghĩ tưởng mà vẫn sáng suốt như tấm gương. Đó là giải thích đại khái bốn loại thiên của phàm phu. Mặc dù đây là do công phu thiên định mà được như vậy, nhưng vẫn còn trong vòng thiên định của phàm phu. Cho nên hành giả chuyên tâm niệm Phật thì không nên để tâm dính kẹt vào những loại thiên này.

8. Không dính mắc vào tất cả pháp hữu lậu cũng như vô lậu. Hữu là có ba cõi; lậu là rơi rớt. Hữu lậu là còn rơi rớt trong ba cõi. Vì còn phiền não nên còn tạo nghiệp lành dữ. Do đó mà theo nghiệp thiện ác chiêu cảm quả báo trong ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Vô lậu là không còn rơi rớt trong ba cõi nói trên. Thế thì trong khi hành giả

thì có ba món nặng ký nhất đó là "**tham, sân, si**". Tham, sân, si còn gọi là Tam độc. Đây là ba thứ độc tố gây nên đảo lộn xáo trộn bất an cho xã hội loài người. Vì tham lam mà người ta bất chấp những thủ đoạn gian ác, lừa đảo gạt gẫm cưỡng đoạt hoặc chiếm đoạt tài sản của những người khác. Họ còn nhẫn tâm ăn chặn xén bớt những đồng tiền cứu trợ cho những nạn nhân thiên tai trong trận bão lụt ở các tỉnh miền Trung năm rồi. Do đó, tạo nên những nguồn dư luận thị phi lùm xùm trong cộng đồng mạng xã hội. Từ động lực si mê rồi khởi lòng tham muốn vơ vét tiền bạc của những người khác vào túi riêng của mình. Đó là đồng tiền do biết bao công lao mồ hôi nước mắt xương máu của những nhà hảo tâm mạnh thường quân tạo ra. Thế mà, họ tàn nhẫn ngang nhiên cướp đoạt chiếm hữu để làm những việc bất chánh phi pháp. Việc làm này, đối với luật pháp thế gian tất nhiên là không dung tha rồi, nói chi đến luật nhân quả. Đã tạo nghiệp bất chánh thì sẽ gặt hái quả báo chẳng lành. Gieo nhân nào thì trả quả đó. Nhân quả như vang theo tiếng như bóng theo hình, không bao giờ sai lệch được. Chẳng qua quả báo đến với mình có mau hoặc chậm đó thôi. Cho nên muốn có được đời sống an lành, thì ta nên cố gắng tạo nghiệp lành. Đừng có gieo gió ắt phải gặt bão. Dù là Phật tử hay không phải Phật tử, thì luật nhân quả rất là công bằng, không thiên vị tránh né một ai. Nhất là Phật tử thì ta nên ghi nhớ luật nhân quả mà hành xử cho phải đạo. Không nên xem thường nhân quả. Cố gắng gìn giữ ba nghiệp thân, miệng, ý cho trong sạch. Trước khi làm việc gì ta nên nhớ đến cái hậu quả của nó. Hành động, lời nói và ý nghĩ phải luôn luôn cân trọng và không nên xem thường.

Nếu phải phân tích và giải thích từng món tâm sở tiêu cực này, thì rất là dài dòng. Thiết nghĩ mỗi người chúng ta cần nên tư duy suy xét từng món tâm sở một. Người tu cần phải loại trừ những thứ tập khí bất thiện này. Có thể thì thân tâm của ta mới được an định. Khi thân tâm được an định tự tại rồi, thì đồng với chư Phật không khác. Bởi hết phiền não thì Bồ đề sinh, tức tánh giác hiện bày.

Kinh văn:

Muốn tận trừ phiền não, thì không chi hơn là phát huy năng lực Trí Giải siêu việt của danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Thật vậy nhờ cần mẫn xưng niệm Phật hiệu mà hành giả hiện bày Tự Tâm Quang Minh Hiện Lượng, chuyên phiền não dữ dội ấy trở thành Bồ đề thật tướng, đưa hành giả thẳng vào cảnh giới Thánh Tri Tự Chứng. Lúc bấy giờ, có khả năng bấm ngón chân xuống mặt đất, sử dụng ấn Địa Xúc để cải biến Ta bà thành Tịnh độ trang nghiêm, niệm niệm tương ứng với Đại Địa Bồ tát, niệm niệm du hành, giáo hóa xã hội chúng sinh khắp mười phương vi trần hằng hà sa thế giới.

Thật vậy, muốn tận trừ phiền não, tất nhiên là chúng ta cần phải có một pháp môn để tu tập. Theo Bồ tát Quán Thế Âm thì, pháp môn đó không gì hơn là hành giả nên phát huy năng lực trí tuệ siêu việt của danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Nhờ chí thành siêng năng xưng niệm Phật hiệu mà hành giả sẽ đạt được tâm thể sáng suốt hiện tiền. Đó là cái "**Biết**" sáng suốt của hiện lượng tánh. Chuyên phiền não thành Bồ đề. Cụm từ này dường như rất quen

này là khiến cho thân tâm con người không được an định. Tư là chín chắn xét đoán. Hay phân tích những dữ kiện hoặc các chứng tích do ý thức chủ động đánh giá chính xác hoặc không chính xác. Cả hai tâm sở này cũng không nên để tâm dính mắc vào, vì nó không giúp ích gì cho việc chuyên tâm niệm Phật cả.

5. Không dính mắc vào vào những trạng thái hỷ, lạc khinh an. Hỷ và lạc là trạng thái tâm lý vui mừng. Khinh an cũng là một trạng thái tâm lý cảm thấy thân tâm an ổn nhẹ nhàng. Dù đây là những trạng thái tâm lý tốt, nhưng khi hành giả chuyên tâm niệm Phật cũng không nên để ý dính mắc vào những trạng thái tâm lý này. Vì khi để ý đến thì hành giả đã bị phân tâm đây là cơ hội để cho vọng tưởng xen vào. Do đó trong khi chuyên tâm niệm Phật thì không nên để tâm dính mắc vào những trạng thái tâm lý này.

6. Không dính mắc vào trạng thái xả, nhất tâm. Xả là một trong tứ vô lượng tâm. Từ, Bi, Hỷ và Xả. Nhất tâm chỉ có một tâm thể sáng suốt hiện tiền không có tâm nào khác. Tại sao không được dính mắc vào xả và nhất tâm? Như đã nói, vật xấu mình không nắm, lại thích nắm vật tốt, thế thì cũng vẫn nắm. Chỉ khi nào không có nắm vật gì trong tay hết, thì tay ta mới thực sự rảnh rang. Cũng thế, trong lúc chuyên tâm niệm Phật mà mình để tâm đến buông bỏ cái này, nắm bắt vật kia, hay nghĩ đến nhất tâm như thế này hay như thế nọ, vậy thì tâm nào niệm Phật và tâm nào khởi nghĩ vật khác. Thế thì đâu còn là nhất tâm chuyên chú vào danh hiệu Phật nữa. Do vậy, nên trong khi

thông theo tinh thần của Thiên Nguyên Thủy. Tuy nhiên, phép tu này thì không thích hợp lắm cho hành giả chuyên tu pháp môn niệm Phật. Nên nhớ rằng, khi chuyên chú niệm Phật thì hành giả không được khởi niệm dính mắc vào bất cứ thứ gì, ngoài danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Bởi vì hễ dấy niệm dính mắc vào bất cứ đối tượng nào kể cả hơi thở ra vào, thì tâm vẫn bị dao động. Chỉ một bề nhất tâm xưng niệm danh hiệu Phật mà thôi. Xưng niệm danh hiệu Phật chớ không phải dính mắc vào danh hiệu Phật. Ta phải nhớ điều này. Hễ còn dính mắc vào bất cứ vật gì dù vật thể hay phi vật thể, cũng đều khổ cả.

3. Không được dính mắc tất cả pháp Chỉ và tất cả pháp Quán. Chỉ và Quán là tên khác của Định (chỉ) và Huệ (quán). Đây là pháp tu sở trường của hệ phái Tông Thiên Thai. Tuy là một pháp tu Thiên Định khá tuyệt vời, nhưng cũng không xứng hợp với pháp môn chuyên tâm niệm Phật. Vì trong lúc chuyên tâm niệm Phật thì trong đó đã có Thiên và Định rồi. Cho nên không cần phải nghĩ đến Chỉ và Quán làm chi. Khi tâm chuyên chú vào danh hiệu Phật, không có một niệm gì khác, thì đó là Định. Và nhận rõ mỗi niệm không xen tạp bất cứ niệm gì khác, thì đã có Huệ soi sáng rồi. Thế thì chỉ một câu niệm Phật là đã có đầy đủ tất cả.

4. Không dính mắc các tâm sở tầm, tư. Tầm (Investigation) và tư (Analysis) thuộc về hai món trong bốn món tâm sở bất định (Changeable mental factors). Tầm là tìm cầu. Tâm sở này không nhất định thiện hay ác, tùy theo trường hợp của sự việc. Đặc tính của tâm sở Tầm

thuộc với người Phật tử. Nói chuyển phiền não thành Bồ đề, vậy thì ta chuyển như thế nào? Thí dụ như ai làm mình phật ý cơn giận nổi lên (giận là phiền não) lúc đó mình la hét hoặc đánh đập tùy theo cường độ giận nhiều hay ít. Nhưng khi đối tượng làm mình nổi giận, liền vuốt ve năn nỉ xin lỗi một hồi, cơn giận của mình liền hạ thấp xuống và rồi nguôi dần. Đến một lúc cơn giận dữ không còn, thì tánh không giận (bồ đề) hiện bày trở lại như lúc chưa nổi cơn giận. Trước khi nổi giận tâm mình là bồ đề, sau khi nổi giận là phiền não. Vậy thì phiền não hay Bồ đề cùng là một thể tánh mà thôi. Nhưng khi giận là phiền não, hết giận là Bồ đề. Giống như cùng một bàn tay chẳng qua là lật qua lật lại mà thôi. Hay như đồng tiền các có hai mặt hình và chữ, lật qua thì hình, lật lại thì chữ. Tuy nhiên hai mặt hình và chữ đó cũng không ngoài chất kim loại mà có. Thế thì hình và chữ nhìn về mặt hiện tượng thì thấy có sai khác, nhưng nhìn về mặt bản thể thì không có sai khác. Phiền não và Bồ đề cũng thế. Thành ra giữa phiền não và Bồ đề hình tướng thì thấy khác nhưng thể tánh thì không hai. Đó là nghĩa của chữ "**CHUYỂN**" vậy. Khi phiền não không còn thì tánh giác hiện bày, phàm hết thì thánh hiện. Ta bà hay Tịnh độ giống như bàn tay lật qua lật lại. Ta nên nhớ pháp giới là nhưt chơn, là bất nhị, tất cả đều cùng chung một thể tánh. Còn phân biệt thì thấy có Ta bà và Tịnh độ. Khi giác ngộ rồi thì hàng sa cõi chỉ là một cõi. Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ là thế.

Di Đà Trong Ta

*Đêm tụng kinh Di Đà
Tây phương hiện trong ta*

Mỗi lời trong chánh niệm
Tiếp xúc Phật Di Đà

Đêm tụng Kinh Di Đà
Cực lạc thật không xa
Nhạc trời vang tiếng gọi
Tịnh độ tại Ta bà

Giận

Giận tức chi nhiều khổ lắm thay!
Sao người giận mãi hận thù dai
Càng buồn, càng giận, càng thêm khổ
Buông xả nhẹ lòng thế mới hay

Buông xả nhẹ lòng thế mới hay
Cuộc đời cay đắng lắm chua cay!
Ôm chi thù hận thêm sâu khổ
Buông hết cho rồi thoát khổ ngay!

Buông hết cho rồi thoát khổ ngay
Cuộc đời hạnh phúc quá vui thay!
Mong người nhớ mãi câu "**Buông Xả**"
Đời sống an lành hết đắng cay

Đời sống an lành hết đắng cay
Nhớ rằng thế giới hiện hôm nay
Biết bao người chết nằm phơi xác
Con số tử vong choáng mặt mày!
(Thích Phước Thái)

Tát Quán Thế Âm đã chỉ dạy. Giờ đây, chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu khái lược qua từng vấn đề một:

1. Không dính mắc tất cả cảnh giới bên trong và bên ngoài. Cảnh giới bên trong là cảnh giới gì? Thường chúng ta hay bị những ảnh tượng do đời chất cảnh (representation) mang vào. Những ảnh tượng này là do sáu căn tiếp xúc với sáu trần bên ngoài mà có, nên còn gọi là pháp trần. Trong sáu căn thì Ý căn là nhạy bén lanh lợi hơn cả. Có thể nói Ý căn như là một vị tướng lãnh tổng chỉ huy ra lệnh cho các căn kia thi hành theo mệnh lệnh của nó. Đơn cử khi nhĩ căn tiếp xúc với thanh trần như những tiếng thị phi khen chê v.v... thời ý thức liền phân biệt đúng sai, phải trái. Đây là những pháp trần mà ý thức duyên vào làm cho tâm ta luôn bất an. Đó là dính mắc của tâm thức thuộc cảnh giới bên trong. Muốn buông bỏ pháp trần này, thì hành giả chỉ một bề chuyên tâm niệm Phật, thì pháp trần sẽ không khởi động. Đó là phương cách buông bỏ không dính mắc bằng cách chí thành niệm Phật. Đồng thời phải vận dụng trí tuệ quán chiếu thấy rõ bản chất của những pháp trần này do duyên sinh mà có. Thực thể của nó là không. Nhờ quán chiếu như thế mà tâm ta mới không bị dính mắc. Không dính mắc thì tâm ta mới được an lạc giải thoát. Đó là không dính mắc bên trong. Còn nói, không dính mắc bên ngoài, nghĩa là không dính mắc vào sáu trần. Đối cảnh vô tâm thì không bị sáu trần lôi cuốn. Căn trần không đến với nhau chính ngay đó là giải thoát.

2. Không dính mắc hơi thở và sự điều hòa hơi thở. Theo dõi hơi thở và sự điều hòa hơi thở là một pháp tu khá phổ

12. Không dính mắc vào tất cả giới luật, thiên định, công hạnh tu tập.
13. Không dính mắc vào ý nguyện mong cầu xuất ly, giải thoát.
14. Không dính mắc vào tất cả sự biện giải và tranh cãi.
15. Không dính mắc vào sự nỗ lực để tinh tấn.
16. Không dính mắc vào tư tưởng chán ghét thế gian.
17. Không dính mắc vào tất cả pháp tương ưng hành và những pháp bất tương ưng hành.
18. Không dính mắc vào ngay cả danh hiệu Phật.

Ngài nói rằng: "Bất cứ chúng sinh nào chấp trì danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, trọn đời nhất tâm xưng niệm không chán mỏi, thì sẽ đắc thắng những pháp vô cầu nhiễm, nghĩa là không dính mắc". Nói thế rồi, Ngài nêu ra 18 điều không dính mắc. Những điều không dính mắc này, thiết nghĩ, đối với các hành giả Tịnh độ nói riêng, và người Phật tử nói chung phải nói rất là quan trọng. Nghiệm lại, trong cuộc đời này hễ chúng ta dính mắc vào bất cứ thứ gì (dù là pháp hữu vi hay vô vi) cũng đều khổ cả. Cho nên cụm từ "**không dính mắc**" đối với phàm phu chúng ta thì thật là quá khó. Tuy nhiên, không phải thấy quá khó mà chúng ta lại thối chí nản lòng. Chúng ta phải thực tập buông xả bớt những gì liên hệ đến "**Ngã**" và "**Pháp**" chấp. Hành giả nào trọn đời nhất tâm xưng niệm danh hiệu Phật một cách tương tục không gián đoạn xen hở và không biết chán mỏi, thì mới có thể vượt thắng không bị dính mắc vào trần cảnh. Đúng như lời Bồ

Phẩm Thứ Sáu

NĂNG LỰC BÁT TU NGHỊ CỦA DANH HIỆU PHẬT

Kinh văn:

Ngài Quán Thế Âm Bồ tát bảo bà Vi Đề Hy rằng: Này Vi Đề Hy, Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn trọn đời giáo hóa điều phục chúng sinh, đã ban bố tám vạn bốn ngàn pháp môn tu tập. Nhưng trong đó, niệm Phật là thù thắng đệ nhất.

Vi Đề Hy, trong quá khứ vô lượng vô biên na do tha kiếp, các Đức Phật Như Lai đã dùng hàng hà sa phương tiện, thí dụ, ngôn thuyết, để diễn bày vô số pháp môn tu tập, đưa hết thầy chúng sinh vào Cảnh Giới Giải Thoát Tối Thượng Nhất Thừa. Nhưng duy chỉ có niệm Phật là cứu cánh đệ nhất.

Vi Đề Hy, hiện tại nơi trăm nghìn muôn ức na do tha quốc độ khắp mười phương, các Đức Phật Chánh Đẳng Giác cũng đang dùng hàng hà sa phương tiện, ngôn thuyết, thí dụ để diễn bày vô số pháp môn tu tập, đưa hết thầy chúng sinh dung hóa vào Không Tánh, Niết Bàn Diệu Tâm Như Lai Tạng, nhưng duy chỉ có niệm Phật là hữu hiệu, siêu việt đệ nhất.

Đọc qua đoạn văn kinh mở đầu phẩm này, ta thấy Bồ tát Quán Thế Âm nói cho bà Vi Đề Hy biết rõ về những đặc

điểm siêu việt tối thượng của pháp môn niệm Phật, gồm có ba đặc điểm quan trọng đệ nhất như sau:

1. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy tám muôn bốn ngàn pháp tu, nhưng chỉ có pháp môn niệm Phật là thù thắng đệ nhất.
2. Chư Phật trong quá khứ vô số kiếp dùng hằng sa phương tiện bao nhiêu thí dụ, ngôn thuyết để dạy vô số pháp tu, nhưng chỉ có pháp môn niệm Phật là cứu cánh đệ nhất.
3. Chư Phật hiện tại nơi trăm ngàn muôn ức cõi khắp cả mười phương, dùng hằng sa phương tiện ngôn thuyết, thí dụ, giảng dạy vô số pháp môn tu, nhưng chỉ có pháp môn niệm Phật là hữu hiệu nhất và siêu việt đệ nhất.

Bồ Tát nêu ra ba yếu điểm tối hệ trọng đệ nhất như thế, nhằm để tán thán năng lực danh hiệu Phật không thể nghĩ bàn. Tại sao danh hiệu Phật mà không thể nghĩ bàn? Danh hiệu Phật cũng chỉ là văn tự danh tướng xưng gọi, thế thì tại sao không thể nghĩ bàn được? Vấn đề này, như ở phẩm thứ tư "**Xưng Tán Danh Hiệu**", chúng ta cũng đã biết qua. Vì danh hiệu Phật, sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật cũng do tâm con người nghĩ đặt định ra. Không phải tự nhiên mà có ra danh hiệu như thế. Mà tâm suy nghĩ đó là cái dụng của tự tánh. Như vậy danh hiệu Phật cũng là cái dụng của tự tánh. Từ bản thể duyên sinh ra hiện tượng. Vậy thì, hiện tượng đó cũng chính là bản thể. Thế thì niệm Phật cũng chính là niệm tự tánh, hay tánh giác của mình. Mà tánh giác thì vô hình, vô tướng, bất sinh, bất diệt. Đã thế thì thử hỏi làm sao suy nghĩ luận bàn đến được chớ? Hiểu như vậy, thì ta mới thấy được cái diệu lực siêu việt

chữ "**Chuyên**" là quá đủ. Muốn chuyên cho có hiệu quả thì điều kiện tiên quyết là hành giả phải hằng "**Tĩnh Thức**". Có Tĩnh Thức thì ta mới có thể nhận diện phiền não và nhanh chóng đưa chúng vào Vô dư y Niết bàn, như trong Kinh Kim Cang Bát Nhã đã nói.

Bồ tát Quán Thế Âm nói tiếp:

Kinh văn:

II. Nay Vi Đề Hy! bất cứ chúng sinh nào chấp trì danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, trọn đời nhất tâm xưng niệm không chán mỏi, thì sẽ đắc thắng những pháp vô cầu nhiễm, nghĩa là không dính mắc.

1. Không dính mắc tất cả cảnh giới bên trong và bên ngoài.
2. Không dính mắc hơi thở và sự điều hòa hơi thở.
3. Không dính mắc tất cả pháp chỉ và tất cả pháp quán.
4. Không dính mắc các tâm sở tầm, tư.
5. Không dính mắc vào những trạng thái hỷ, lạc, khinh an.
6. Không dính mắc vào trạng thái xả, nhất tâm.
7. Không dính mắc vào Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ.
8. Không dính mắc vào tất cả pháp hữu lậu cũng như vô lậu.
9. Không dính mắc vào tất cả những pháp đã học.
10. Không dính mắc vào tất cả những căn lành.
11. Không dính mắc vào tất cả chỗ thọ sinh, giai tầng xuất thân, gia thế dòng dõi.

đó. Cho nên nương bản nguyện của chư Phật, Bồ tát để mình cũng noi theo lập thế nguyện như các Ngài trong việc hành trì tu tập vậy.

12. Năng lực bất tư nghị đưa hết thảy chúng sinh an trụ vào biển cả Đại Nguyện vô lượng công đức của Đức Phật A Di Đà. Là hành giả Tịnh Độ không ai lại không biết Đức Phật A Di Đà đã phát ra 48 điều đại nguyện. Đại nguyện nào cũng muốn tiếp dẫn độ chúng sinh thoát khỏi cảnh giới khổ đau để an trụ trong cảnh giới an lạc giải thoát. Đó là vô lượng công đức của Đức Phật A Di Đà. Bản nguyện của Phật là như thế, còn bản nguyện của chúng ta thì sao? Có tương ứng với bản nguyện của Ngài không? Và chúng ta có phát nguyện an trụ trong thế giới của Ngài không? Nếu đã phát nguyện hướng về cảnh giới của Ngài, thì mỗi hành giả cần phải thật hành đúng theo bản nguyện của Ngài. Có thế, thì chúng ta mới có thể về an trụ nơi cảnh giới Cực lạc của Ngài vậy.

13. Năng lực bất tư nghị cải biến Ta bà thành Tịnh Độ vi diệu trang nghiêm, đồng cõi Cực lạc không khác. Chuyển Ta bà thành Tịnh độ. Nói cách khác là Tịnh độ hóa nhơn gian. Điều này không phải là không làm được. Nhưng điều quan trọng là chúng ta có chịu CHUYỂN hay không đó thôi. Ta bà Trung Hoa dịch là kham nhẫn, nghĩa là phải chịu đựng kham khổ. Tịnh độ là cõi sạch không còn phiền não nhiễm ô. Muốn về cõi Tịnh độ thì phải dọn sạch phiền não cấu uế. Đó là ta khéo chuyển phiền não thành Bồ đề. Chuyển sanh tử thành Niết bàn. Cải biến cũng có nghĩa là chuyển đổi. Thế thì người tu chỉ cần một

đệ nhất của danh hiệu Phật. Nghĩa là nó vượt ra ngoài đối đãi nhị nguyên. Nếu không, thì coi chừng chúng ta lại bị kẹt cứng vào danh tướng. Đó là điều rất nguy hiểm của những hành giả Tịnh Độ. Thế thì "SỰ" và "LÝ" không có gì ngăn ngại nhau cả. Đó là nghĩa của Sự Lý viên dung, tánh tướng không hai vậy. Hiểu như thế, thì những điều năng lực của danh hiệu Phật mà Bồ Tát Quán Thế Âm nêu ra ở phần sau, thì chúng ta sẽ không còn cảm thấy khó hiểu nữa.

Tại sao Phật Thích Ca cũng như chư Phật mười phương lại đề cao pháp môn niệm Phật là tối thắng đệ nhất? Câu hỏi này sau đây sẽ được Bồ tát Quán Thế Âm giải thích cặn kẽ.

Kinh văn:

Tại sao vậy?

Này Vi Đề Hy, hãy kiên nhẫn lắng nghe. Ta sẽ vì các hạng nữ nhân nơi thời mạt pháp, cũng như người hiện nay, mà tuyên dương tất cả năng lực bất tư nghị của danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật.

I. Này Vi Đề Hy, bất cứ chúng sinh nào hể nhất tâm xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, dù chỉ một câu duy nhất, thì sẽ xuất sinh những món năng lực bất tư nghị, như là:

- 1. Năng lực bất tư nghị phân biệt rõ ràng Tự Tánh của tất cả các pháp.**
- 2. Năng lực bất tư nghị thấy rõ tánh chất huyền hóa của tất cả pháp hữu vi.**

3. Năng lực bất tư nghị thấu triệt tất cả các pháp đều là Phật pháp ở nơi ý nghĩa liễu giải không vướng mắc.
4. Năng lực bất tư nghị tôn trọng và thừa sự hết thảy chư vị Thiện Tri Thức.
5. Năng lực bất tư nghị phân biệt tất cả các pháp mà tự tại vô ngại.
6. Năng lực bất tư nghị tùy thuận tất cả căn lành dẫn dắt tới Vô Thượng Giác.
7. Năng lực bất tư nghị luôn thâm tín điều nhu tất cả Phật pháp.
8. Năng lực bất tư nghị đại từ bi khoan dung, không chê bai khinh rẻ những môn phi pháp.
9. Năng lực bất tư nghị không bao giờ thối thất Bồ Đề Tâm, Bồ Đề Nguyện.
10. Năng lực bất tư nghị không hề quên sót danh hiệu Phật.
11. Năng lực bất tư nghị mãi mãi tùy thuận Bản Nguyện của chư Phật, chư Bồ tát.
12. Năng lực bất tư nghị đưa hết thảy chúng sinh an trụ vào biển cả Đại Nguyện vô lượng công đức của Đức Phật A Di Đà.
13. Năng lực bất tư nghị cải biến Ta bà thành Tịnh độ vi diệu trang nghiêm, đồng cõi Cực lạc không khác.

Trước khi giải đáp lý do tại sao? Bồ Tát bảo bà Vi Đề Hy hãy kiên nhẫn chịu khó lắng nghe. Không riêng gì Bà Vi Đề Hy mà tất cả chúng ta cũng phải chịu khó kiên nhẫn lắng nghe và tìm hiểu. Vì sao thế? Bởi vì những điều mà Bồ Tát Quán Thế Âm sắp sửa trình bày ra đây rất khó hiểu. Cho nên cần phải kiên nhẫn bình tĩnh để lắng nghe

và đạo lực. Đạo hạnh đạo lực không có thì làm gì có được đạo quả? Cho nên Bồ đề tâm, Bồ đề nguyện là cốt lõi trọng yếu của các hành giả, dù hành giả tu bất cứ pháp môn nào trong Phật giáo.

10. Năng lực bất tư nghị không hề quên sót danh hiệu Phật. Là một hành giả Tịnh Độ, dù thật hành về "Sự Tịnh Độ" hay về "Lý Tịnh Độ" cũng không được quên sót danh hiệu Phật. Về Sự trì thì không giây phút nào xao lãng quên danh hiệu Phật. Nghĩa là phải chấp trì danh hiệu Phật tương tục không xen hở. Về Lý trì thì hằng nhớ tánh giác không thể quên được. Nếu như "Sự" và "Lý" dung thông nhau thì lại càng quý giá hơn. Nhưng chúng ta nên nhớ Lý bao giờ cũng quan trọng hơn Sự. Nói cách khác là Tánh Thể lúc nào cũng quan trọng hơn Sự Tướng. Tuy nhiên, tánh và tướng không bao giờ ly khai nhau. Ngay trong Tướng có Tánh và ngay trong Tánh có Tướng. Cũng như ngay trong sóng có nước và ngay trong nước có sóng vậy.

11. Năng lực bất tư nghị mãi mãi tùy thuận Bản Nguyện của chư Phật, chư Bồ tát. Nương theo Bản Nguyện của chư Phật và chư Bồ tát để tự mình phát huy cái năng lực "Đạo Tâm" trong mỗi con người của chúng ta. Phật và Bồ tát nào trong lúc tu nhân cũng đều có Bản nguyện cả. Bản nguyện như là kim chỉ nam chỉ hướng cho thuyền đời vượt sóng trùng dương để mau thẳng đến "Bến Giác". Cho nên Cổ Đức mới nói: "Tu hành vô nguyện, đạo quả nan thành". Lời dạy cả một kinh nghiệm chí lý bất hủ. Thật vậy, thử suy nghiệm bản thân ta thì thấy rất rõ điều

Tam bảo không chưa đủ mà cần phải phục vụ phụng sự Tam bảo. Tất nhiên là phải làm những điều lợi ích cho mình và người.

8. Năng lực bất tư nghị đại từ bi khoan dung, không chê bai khinh rẻ những môn phi pháp. Người niệm Phật phải có lòng thương rộng lớn và khoan dung tha thứ mọi lỗi lầm. Khi đã có lòng thương rộng lớn và khoan dung tha thứ rồi, thì không thể nào có tâm kỳ thị chê bai khinh rẻ coi thường người khác. Hiểu, thương và tha thứ cảm thông, đó là ba yếu tố rất cần thiết trong đời sống. Thiếu ba yếu tố này, thì không thể nào có sự an lạc hạnh phúc được. Cho nên, trong khi tu tập ta không nên có ý chê bai khinh rẻ những môn phi pháp khác. Ta phải tôn trọng niềm tin của mọi người. Vì mỗi người có những niềm tin khác nhau. Những pháp môn nào mang tính tà ngoại, thì ta nhất quyết không tin và không theo, nhưng cũng không chê bai. Đó là thái độ kính nhi viễn chi của người Phật tử.

9. Năng lực bất tư nghị không bao giờ thối thất Bồ đề tâm, Bồ đề nguyện. Bồ đề tâm là tâm giác ngộ. Bồ đề nguyện là nguyện được giác ngộ. Người tu mà thối thất tâm giác ngộ và ước muốn giác ngộ, thì đâu còn là người tu theo đạo Phật nữa. Bởi Đức Phật là người hoàn toàn giác ngộ. Ngài chỉ dạy lại phương pháp giác ngộ cho mọi người. Thế thì, người thực sự tu hành là phải luôn hướng về đạo giác ngộ. Đó là căn bản và cũng là tiêu đích của đạo Phật. Đồng thời, cũng là căn bản của người tu theo đạo Phật. Tu hành mà thối thất đạo tâm thì đâu còn là người tu nữa. Đạo tâm không có, thì nói chi đến đạo hạnh

theo dõi và nghiên ngẫm tư duy chín chắn thật kỹ những gì mà Bồ Tát trình bày chỉ dạy.

Ngài nói rằng: Ngài sẽ vì các người nữ đương hội cũng như các nữ nhân ở đời sau mà nói rõ về năng lực không thể nghĩ bàn của danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Ngài nói:

I. Nay Vì Đề Hy, bất cứ chúng sinh nào, hễ nhất tâm xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, dù chỉ một câu duy nhất, thì sẽ xuất sinh những món năng lực bất tư nghị. Ngài lần lượt nêu ra 13 món năng lực kê trên. Trong lời dạy của Ngài, ta nên chú ý hai chữ "**Nhất Tâm**". Nhất tâm nghĩa là chỉ có một tâm thể duy nhất mà không có một niệm nào khác xen tạp vào.

Về 13 món năng lực bất tư nghị nói trên, sau đây chúng tôi sẽ lần lượt giải thích một cách đại khái sơ lược qua từng món năng lực một.

1. Năng lực không thể nghĩ bàn phân biệt rõ ràng Tự Tánh của tất cả các pháp. Năng lực biết rất rõ: Tự Tánh của các pháp là không. Vì tự tánh của các pháp xưa nay vốn tự thanh tịnh. "Thị pháp trụ pháp vị, thể gian tướng thường trụ" (Kinh Pháp Hoa). Pháp nào đều an trụ đúng theo vị trí của pháp đó, tướng thể gian là tướng thực tại hằng hữu. Cũng trong Kinh Pháp Hoa ở Phẩm Phương Tiện Thứ Hai, Đức Phật có nêu ra mười thứ "Như Thị". Nghĩa là "*tướng như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhơn như vậy, duyên như vậy, quả*

như vậy, báo như vậy, bốn mặt cứu cánh như vậy". Vì tánh thể của vạn hữu vũ trụ là vô sanh bất diệt nên không thể nói năng hay luận bàn đến được. Chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu tột tướng chơn thật của các pháp đó thôi.

2. Năng lực bất tư nghị thấy rõ tánh chất huyền hóa của tất cả pháp hữu vi. Pháp hữu vi là pháp sinh diệt. Vì sinh diệt nên tánh chất của nó là huyền hóa. "Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng" (Kinh Kim Cang). Phàm cái gì có hình tướng đều nằm trong phạm trù sinh diệt giả dối. Đó là thấy rõ tánh chất huyền hóa duyên sinh của vạn pháp.

3. Năng lực bất tư nghị thấu triệt tất cả các pháp đều là Phật pháp ở nơi ý nghĩa liễu giải không vướng mắc. "Nhứt thiết thể gian pháp giai vi Phật pháp". Tất cả các pháp thể gian đều là Phật pháp. "*Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác, ly thế mịch Bồ đề, khắp tận tâm thố giác*" (Kinh Pháp Bảo Đàn). Phật pháp ở ngay nơi thế gian này, không thể lìa thế gian này mà có sự giác ngộ. Nếu lìa thế gian mà tìm Bồ đề, giống như tìm sừng con thỏ. Khi tâm đã giác ngộ thì nhìn đâu cũng là Phật pháp cả. Như thế thì thấu suốt tất cả mà không gì vướng mắc.

4. Năng lực bất tư nghị tôn trọng và thừa sự hết thảy chư vị Thiện tri thức. Thiện tri thức có ba hạng: 1. Ngoại hộ thiện tri thức. 2. Đồng hạnh thiện tri thức. 3. Giáo thọ thiện tri thức. Ba hạng thiện tri thức này hạng nào cũng giúp chúng ta thăng tiến trên đường đạo cả. Nhất là Giáo thọ thiện tri thức là những bậc Thầy trực tiếp hướng dẫn

chỉ giáo cho chúng ta có được kiến thức Phật học và pháp môn tu tập. Do đó, ta phải hết lòng kính trọng phụng hành.

5. Năng lực bất tư nghị phân biệt tất cả các pháp mà tự tại vô ngại. Vận dụng trí tuệ bát nhã biết rõ vạn pháp giai không, duyên sinh như huyền. Có năng lực phân biệt tất cả các pháp lành dữ, hữu vi, vô vi v.v... nhưng không bị các pháp đó làm chướng ngại, vẫn thông dong tự tại vô ngại vượt ngoài vòng đối đãi nhị nguyên.

6. Năng lực bất tư nghị tùy thuận tất cả căn lành dẫn dắt tới Vô Thượng Giác. "Thiện căn ở tại lòng ta, chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài, có tài mà cậy chi tài, chữ tài liền với chữ tai một vần" (Truyện Kiều). Căn lành là cội gốc sinh ra muôn pháp lành. Tất cả đều phát xuất từ Bản Tâm. Chính cái bản tâm này là nguồn cội của các căn lành. Thuận theo căn lành cũng chính là thuận theo bản tâm mình. Nói cách khác gọi là Tùy thuận Chơn như. Như vậy, nhờ căn lành mà tạo ra muôn nghiệp lành. Đó là xứng hợp với Phật tánh. Căn cứ vào chánh nhân Phật tánh để tu thì chắc chắn sẽ dẫn đến Phật quả là Vô Thượng Giác.

7. Năng lực bất tư nghị luôn thâm tín điều nhu tất cả Phật pháp. Thâm tín là lòng tin sâu chắc bền vững như trụ thạch, không gì có thể làm lay chuyển được. Vì lòng tin là mẹ của muôn công đức lành. Tu học mà thiếu đức tin thì không thể nào thành công trên đường đạo được. Tuy nhiên, niềm tin đó phải được điều hòa nhu nhuyễn mềm mại linh hoạt trong chiều hướng giác ngộ. Như tin